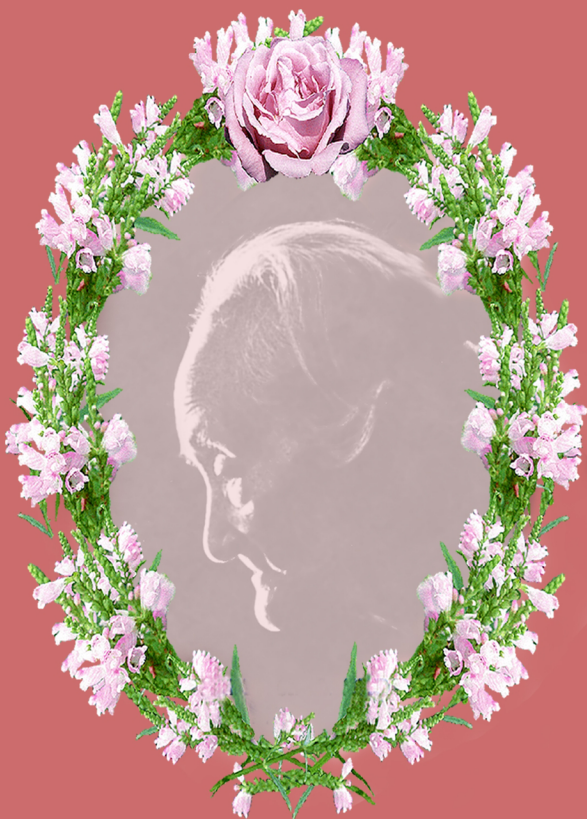


Phật lịch: 2549; Việt lịch: 4884; Nông lịch: Ất Dậu

NHIỀU TÁC GIẢ

ÂN NGHĨA SANH THÀNH

The
Heart
of
Gratitude



THÍCH NGUYỄN TẠNG
biên tập

THÍCH TÂM PHƯƠNG
giới thiệu

Tu Viện Quảng Đức
Ấn hành
Mùa Vu Lan Báo Hiếu - 2005

Published by:

Quang Duc Buddhist Welfare Association of Victoria

105 Lynch Road, Fawkner, Victoria 3060 AUSTRALIA

Tel: 61 3 9357 3544

Email: quangduc@quangduc.com

Website: <http://www.quangduc.com>

National Library of Australia Cataloguing-in-Publication entry:

ISBN 0-9757830-0-9

ÂN NGHĨA SANH THÀNH

The Heart of Gratitude

Ven. Thich Nguyen Tang @2005

First edition 07/2005, 1000 copies

Editor: Venerable Thich Nguyen Tang

Translator: Tam Lac Jessica Tran

Typists: Hai Hanh – Quang Nhu – Nguyen Nhat Minh

Proof Reader: Thien Huong, Nhi Tuong – Song Thu

Book Designer: Si Trung

Cover Designer: Dieu An – Le Hieu

Phật lịch 2549 – Nông lịch: Ất Dậu – Việt lịch: 4884

ÂN NGHĨA SẠNH THÀNH

The Heart of Gratitude

NHIỀU TÁC GIẢ

Tu Viện Quảng Đức
Ấn Hành Mùa Vu Lan 2005

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	9
HT THÍCH THIÊN SIÊU	14
Rằm tháng bảy	
HT THÍCH QUẢNG ĐỘ.....	29
Dâng Mẹ	
HT THÍCH HUYỀN TÔN	30
Mùa thương	
HT THÍCH THUYỀN ẮN.....	35
Kính dâng hương hồn Mẹ	
THÍCH NHẤT HẠNH.....	37
Bông hồng cài áo	
HT THÍCH TÍN NGHĨA	46
Vu Lan nghĩ về Đấng sanh thành	
HT THÍCH BẢO LẠC	55
Thơ hương hiếu thảo	
TT THÍCH TUỆ SỸ.....	68
Lễ tháng bảy cho những oan hồn phiêu bạt	
TT THÍCH PHƯỚC SƠN.....	94
Thế Tôn báo hiếu phụ vương	

TT THÍCH TÂM TRÍ.....	100
Đạo hiếu qua Kinh Phương Tiện Báo Ân	
TT THÍCH PHƯỚC AN	121
Những điều ghi được từ mùa Thu	
LÊ MẠNH THẮT	137
Quan niệm về chữ hiếu của dân tộc Việt Nam	
SỬ BÀ THỂ QUÁN.....	142
Mẹ tôi	
THÍCH VIÊN GIÁC	151
Chữ hiếu trong Đạo Phật qua kinh Vu Lan	
THÍCH HUYỀN LAN.....	168
Bông hồng dâng mẹ	
THÍCH THIỆN MINH	175
Chữ hiếu theo quan niệm của Phật giáo Nam tông	
THÍCH NHẬT TỪ	180
Thông điệp của kinh Vu Lan	
THÍCH PHỔ HUÂN.....	195
Vu Lan cho cha mẹ	
THÍCH THIỆN HỮU.....	198
Thăm Mẹ	
THÍCH NGUYỄN TẠNG.....	200
Vu Lan nhớ mẹ	200
Từ Trái tim mẹ	209
Cha mẹ, con cái và phương tiện truyền thông.....	216

VÕ HỒNG.....	225
Một bông hồng cho cha	225
Một cách báo hiếu	234
Lời sám hối của cha.....	238
Nghĩ về mẹ.....	245
TRẦN TRUNG ĐẠO.....	257
Đổi cả thiên thu tiếng mẹ cười	
VÕ ĐẠI SINH	259
Mẹ tôi	
TIẾN SĨ LÂM NHƯ TẠNG	263
Ý niệm về mẹ nhân ngày Vu Lan báo hiếu	
QUẢNG CHƠN THIÊN HƯƠNG	284
Những đoản khúc dâng mẹ và dâng chị	284
Mẹ tôi.....	293
TRẦN NGỌC THẢO	301
Mẹ Mạnh Tử dạy con	
NHỊ TƯỜNG.....	304
Nhưng mà Bố	304
<i>Lucy Wade, Translated by Nhị Tường</i>	
Nụ cười cho cả một đời	313
<i>Dennis Smith. Translated by Nhị Tường</i>	
DIỄM TUYẾT	322
Mùa thu viết cho mẹ	322
Dòng chữ của ba	328

TRỊNH CÔNG SƠN..... 330

Mẹ và tôi

TRẦN PHƯƠNG LAN..... 333

Voi chúa hiếu dưỡng mẹ

QUẢNG TỪ VÂN 340

Nguồn suối

VÕ TÁ HÂN – TUỆ KIÊN 342

Công Cha Nghĩa Mẹ..... 342

Nhạc: Võ Tá Hân, Thơ: Tuệ Kiên

Đền Trǎ Tứ Ân. 343

Nhạc: Võ Tá Hân, Thơ: Tuệ Kiên

PHỤ LỤC

The Buddha speaks the Ullambana Sutra..... 344

A Rose for Your Pocket 350

By Thich Nhat Hanh

A Tribute to Mother on Ullambana Day..... 359

By Thich Nguyen Tang, Translated by Jessica Tam Lac

Danh Sách Chư Hương Linh Thờ Phụng tại

Tu Viện Quảng Đức 369

Phương Danh Phật Tử ấn tống sách 374

LỜI GIỚI THIỆU

*Cha muôn thuở vàng dương soi sáng
độ lượng gian lao không ngại khó.
Mẹ nghìn đời dòng suối ngọt ngào
bao dung tận tụy chẳng hề than.*

Rằm tháng bảy, mùa Vu Lan thắng hội, mùa báo hiếu lại trở về với những người con xa xứ. Hồi tưởng lại hình ảnh kỷ niệm xưa, quê hương với con đường làng có khóm trúc xanh, có con mương nhỏ, cầu tre gập ghềnh... Dáng Mẹ tay nắm chặt tay con, đưa đến trường làng học những chữ cái vỡ lòng.

Hồi tưởng lại hình bóng cha già lam lũ tay cày tay cuốc, bên nương khoai, ruộng lúa; mong sao cho mưa thuận gió hòa, cây đơm hoa kết trái, lúa thóc được mùa, dân làng no ấm yên vui, con trẻ được khỏe mạnh cắp sách đến trường... Đó là cái nghĩ đơn sơ mộc mạc của người dân quê, chất phác.

Rồi hằng năm đến mùa mưa ngâu, báo hiệu lễ Trung Ngươn rằm tháng bảy lại về, không ai bảo ai, đều câu hội về chùa làng làm lễ Vu Lan, để tưởng nhớ công ơn sanh thành dưỡng dục của mẹ cha.

*Công cha như núi Thái sơn
 Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
 Một lòng thờ mẹ kính cha
 Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con*

Qua ý nghĩa ca dao trên cho thấy, lễ hội Vu Lan không chỉ dành riêng cho người Phật tử, mà ngày lễ Vu Lan báo hiếu đã thấm đượm trong lòng mỗi người con dân nước Việt; ngày lễ *Giải đảo huyền* cho những người con hiếu dâng trọn tấm lòng thành phụng dưỡng ông bà cha mẹ, hay siêu độ những người quá cố.

Với ý nghĩa cao cả đó, mùa Vu Lan năm nay, Tu Viện Quảng Đức ấn hành tuyển tập “**Ân Nghĩa Sanh Thành**” của nhiều tác giả trong và ngoài nước viết về công đức sanh thành dưỡng dục của hai đấng từ thân. Mong rằng đây là món quà hiếu đạo xin được tặng đến mỗi người chúng ta, trong niềm ước nguyện cho cha mẹ hiện tiền hay đã quá vãng, trọn hưởng niềm tin chánh pháp, vĩnh hằng tự tại dưới ánh từ quang.

Nhân đây chúng tôi xin được tán dương công đức hùn phước ấn tống tập sách này của quý Phật tử xa gần.

Nguyện cầu Phật Pháp trường tồn, nhân sinh an lạc.

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát

Viết tại Tu Viện Quảng Đức,

Mùa Vu Lan Báo Hiếu PL 2549 (2005)

TK. Thích Tâm Phương

INTRODUCTION

n the full moon day of July every year, the victorious opportunity of repaying the great debt of parents once again returns to all the people far away from home; it is the Celebration of Ullambana day.

Searching back in memory, I remember an old father back home on the farm holding a hoe, hoping that the weather will improve, that the wind and rain would be kind to the crops this season so that fruit would reap, the people well, and his children happy and healthy to stroll to school everyday, this was all of a simply loving wish of humble native people back in the country.

And so, each year on the full moon day of July, as the season of Ullambana repaying the kindness of parents returns again, not one person would forget to gather to their small local village shrine to pay respect and remember to the deep kindness of their parents.

*A father's care as equal to great Himalayan Mountains
A mother's love as equal to sweet undying streams
A life devoted to ones mother and piouness to ones father,
Fulfilling the meaning of filial piety and virtuosity,
Only as so is the genuine meaning of being a child.*

From reading this proverb of our ancient predecessors, we can see that the day of remembrance of parents is not restricted to just Buddhist followers, but it is shared amongst every heart of Vietnamese people as well as it ought to be for every other culture. The Ullambana day, literally meaning “Hanging upside-down”, is especially held for filial sons and daughters who wish to uphold the nature of sincerity and loyalty to their ancestors, parents and guardians.

Thus with such noble significance of Ullambana Day, Quang Duc Monastery wish to proudly bring to you the book “*The Heart of Gratitude*” comprising of a collection of wonderful poetry and written pieces on the great kindness of parents from numerous writers near and far. We sincerely hope that this book would be one of the best gifts from our filial hearts dedicated to our beloved parents, wishing all the best to our loved ones regardless alive or passed away. May they forever nurture a heart of faith for the true Dharma and peacefully live under the radiance of the kind Buddhas.

We would also like to praise the virtues belonging to all the Buddhist laity near and far for their contribution propagating this wonderful piece of work on this very special day. May the Buddha Dharma survive eternally to bring benefit and happiness to all.

**NAMO GREAT FILIATION MOGALLANA
BODHISATTVA**

Quang Duc Monastery

Season of filial piety (Ullambana Day)

Buddhist Calendar 2549 (2005)

Ven. Bhiku Thich Tam Phuong



RẼM THÁNG BẢY

Thích Thiện Siêu

I. Ý Nghĩa

Rằm tháng bảy theo tục lệ nhân gian Việt Nam gọi là ngày xá tội vong nhân. Ngày rằm tháng bảy có nhiều ý nghĩa:

Thứ nhất, ngày Phật hoan hỷ. Ngày rằm tháng bảy gọi là ngày đức Phật hoan hỷ, bởi lẽ trong thất chúng đệ tử của Phật, Chúng Tỷ-kheo là Chúng đệ tử gần gũi nhất, Chúng thừa dương Phật pháp để truyền bá giáo hóa cho chúng sinh, Chúng mang hình dáng của Phật làm gương mẫu ở thế gian, Chúng mà trong ba tháng an cư kiết hạ đã viên mãn và kết thúc vào ngày rằm tháng bảy âm lịch. Thông thường, khi chư Tăng thọ giới pháp xong là tu niệm, nhưng vì Phật sự đa đoan nên sự tu niệm ấy không được chuyên cần bằng ba tháng an cư. Ba tháng an cư theo luật Phật chế, Chúng Tỷ-kheo phải cấm túc ở yên, hạn chế tối đa sự đi lại, một là vì phong thổ Ấn Độ lúc bấy giờ mùa hạ là mùa mưa, các loại côn trùng sinh sản ra nhiều, mà chúng Tăng đi khát thực sẽ dẫm đạp lên nhiều loại côn trùng, làm tổn thương đến lòng từ bi tế vật. Thứ hai là, chúng Tăng đi khát thực thì y, áo, bình bát sẽ bị thấm ướt, mất trang nghiêm, nên thế gian có phần chê trách. Vì vậy, nên đức Phật dạy

Chúng Tỷ-kheo trong ba tháng mùa mưa phải cấm túc an cư, hạn chế việc đi ra ngoài để tập trung vào sự tu niệm, củng cố sự sống trong thanh tịnh hòa hợp, cảnh tỉnh thân tâm để tinh tấn trong con đường đạo hạnh. Cho nên một khi đệ tử của Phật tu hành trong ba tháng viên mãn thanh tịnh, kết thúc ba tháng an cư, đức Phật vui mừng lắm. Mừng cho đệ tử của mình đã hoàn thành ba tháng an cư thanh tịnh, cho nên gọi là ngày Phật vui mừng.

Thứ hai, ngày *Tăng tự tứ*. Ngày chúng Tăng sau ba tháng an cư tu tập nghĩ rằng: Tuy mình đã gắng tu như thế nhưng không chắc đã tránh hết lỗi lầm, nên ngày rằm tháng bảy cùng nhau tập trung lại, cầu mong những vị có giới đức thanh tịnh hơn mình chỉ lỗi lầm cho. Nếu mình tự thấy mắc phải lỗi lầm đó, phải phát lộ sám hối. Đó là một việc hết sức đặc biệt trong ngày tự tứ.

Thông thường, mỗi khi có lỗi là tìm cách né tránh, tìm cách che dấu kéo sợ người khác biết thì xấu hổ, hoặc sợ nếu biết lỗi của mình thì lần sau mình không làm lại được nữa, cho nên thường thường là che dấu, không bộc lộ, trừ khi có ai hỏi đến, kẹt lắm mới nói tới có phạm, có vấp lỗi nọ lỗi kia. Hoặc giả, có phát lộ sám hối chẳng thì cũng phát lộ âm thầm trước ngôi Tam Bảo, chờ ít khi công khai nhờ người chỉ lỗi cho mình ra giữa đại chúng. Nhưng theo đạo Phật, ba tháng hạ an cư xong rồi, đức Phật dạy hàng Tỷ-kheo phải cầu người khác chỉ lỗi cho mình, nghĩa là không phải để đợi người khác chỉ mà tự mình phải cầu người khác tự

do chỉ cho, mình phải đối trước người đó mà thưa: "Thưa Đại đức, ngày nay chúng Tăng tự tứ, tôi cũng tự tứ, tôi có điều gì sai phạm mà Đại đức thấy, nghe hoặc nghi, xin Đại đức thương xót chỉ cho, nếu tôi thấy có phạm thì xin như Pháp sám hối." Nói như vậy ngầm ý rằng: Tôi không phàn nàn, không thắc mắc và tôi không có oán trách chi Đại đức hết! Đó chính là ý nghĩa mà mình phát tâm cầu mong được thanh tịnh, không có chút nào che dấu, thành tâm cầu người khác tự do nói không e dè chi hết, nếu thấy có lỗi thì cứ chỉ cho. Đó là một thái độ rất cao thượng cởi mở để làm cho mình hết sạch tội lỗi. Vì vậy trong ngày đó gọi là ngày Tăng tự tứ. Tự tứ nghĩa là cầu người khác không ngần ngại chỉ lỗi mình ra, để cho mình biết mà sám hối, nên gọi là Tăng tự tứ.

Thứ ba, ngày *Tăng thọ tuế*. Thọ tuế là nhận tuổi. Theo thế gian, nếu cha mẹ sinh ra đủ năm 12 tháng thì mới gọi là tròn một tuổi. Nhưng trong Luật Phật chế, hàng xuất gia thọ giới của đức Phật không tính tuổi theo năm tháng kiểu thế gian trên -- mà tính tuổi theo hạ lạc. Nghĩa là năm nào có an cư kiết hạ được trọn vẹn thì được tính một tuổi. Thí dụ: Vị nào an cư kiết hạ từ 15-4 âm lịch đến 15-7 âm lịch là mãn hạ, như vậy được tính một năm hạ, tức một tuổi hạ. Ai đã thọ Cụ túc giới nhưng không an cư thì không tính tuổi hạ, còn ai kiết hạ an cư liên tục thì được tính nhiều tuổi hạ. Cho nên chúng ta thường nghe ở các chùa khi đọc tiểu sử của một vị Tăng nào viên tịch, thường nhắc đến tuổi đời và hạ lạc. Thí dụ vị đó 80 tuổi đời và 60 hạ lạc, nghĩa là vị đó

có tuổi cha mẹ sinh là 80 năm, còn tuổi hạ là 60 hạ lập. Hạ lập được tính và ngày rằm tự tứ, sau khi đã tu hành tròn ba tháng hạ. Tuy nhiên, cũng có trường hợp, đúng theo luật Phật chế, 20 tuổi thì được thọ giới Tỷ-kheo, nhưng vì thiếu duyên, có vị 25 tuổi mới thọ giới Tỷ-kheo và sau khi thọ giới mỗi năm đều có kiết hạ. Nếu vị ấy viên tịch vào tuổi 70, thì vị ấy được 45 tuổi hạ và 70 tuổi đời. Nếu một vị Tỷ-kheo thọ giới rồi mà không an cư lần nào cả thì coi như vị ấy hoàn toàn không có tuổi hạ, khác với cha mẹ sinh ta ra, dù ta có làm hay không làm gì đi nữa hoặc giả có ngủ cả năm đi nữa thì tròn một năm cũng vẫn được tính tuổi từng năm một. Trái lại, vị Tỷ-kheo thì phải có kiết giới an cư thì mới nhận tuổi, còn không an cư, thì không tính hạ lập cũng gọi là giới lập, pháp lập. Đó là ý nghĩa của ngày *Phật hoan hỷ, Tăng tự tứ và Tăng thọ tuế*.

Thứ tư, ngày *Vu Lan xá tội vong nhân*. Vu Lan là ngày cầu siêu độ cho tiền nhân quá cố của người con Phật. Tích Vu Lan bắt nguồn từ việc báo hiếu của Tôn giả Mục-kiền-liên. Tích này được chép trong kinh Vu-lan-bồn. Chữ Vu-lan-bồn phiên âm từ chữ Sanskrit (Phạn) là *Ulambara*. Người Trung Hoa dịch nghĩa là *Giải đảo huyền* (Giải cái tội bị treo ngược). Câu chuyện trên ý nói rằng, những người nào tạo tội ác thì phải thọ quả báo nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chịu sự hành hạ thống khổ cùng cực giống như người bị treo ngược. Nghĩ đến công ơn cha mẹ, khi ngày Vu Lan đến, Phật tử thường đem tâm chí thành, chí hiếu sắm sửa vật dụng cúng dường Tam Bảo để cầu nguyện cho thân nhân,

tiền vong của mình thoát khỏi cảnh khổ đau cùng cực y như giải tội bị treo ngược.

Như vậy, ngày Vu Lan là ngày của Phật tử đền ơn đáp nghĩa bằng cách đến chùa cầu thỉnh chư Tăng sau ba tháng an cư thanh tịnh, chú nguyện cho vong nhân của mình thoát khỏi cảnh đọa đầy tăm tối của địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh, đồng thời cầu nguyện cho tất cả người khác cũng thoát khỏi tội khổ đau cùng cực như Tôn giả Mục-kiền-liên đã làm khi cứu mẹ.

II. Tích Mục-kiền-liên Chúc Mẹ

Tôn giả Mục-kiền-liên là vị đệ tử xuất chúng của đức Phật. Tôn giả đã chứng được lục thông:

1. *Thiên nhãn thông*: được con mắt như mắt trời, thấy khắp tất cả.
2. *Thiên nhĩ thông*: được lỗ tai như tai trời, nghe thấy khắp tất cả.
3. *Tha tâm thông*: với tâm của mình biết được tâm của người khác muốn gì, ưa gì.
4. *Túc mạng thông*: là biết đời trước của mình.
5. *Thần túc thông*: được thần thông đi dưới đất hay bay trên không đều tự tại vô ngại, cũng gọi là *Thần cảnh thông*.
6. *Lậu tận thông*: Dứt trừ mọi lậu hoặc, vượt thoát ra khỏi vòng sanh tử.

Ngoài ra Tôn giả còn chứng được tuệ nhãn (trong ngũ nhãn là nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn) tức là con mắt, thấy được sự vật và tự tính của nó. Chúng sinh chỉ có con mắt thịt, chỉ thấy những cái trước mắt, vừa tầm, còn những cái xa quá, nhỏ quá, lớn quá không thấy được. Khi Tôn giả chứng được lục thông và tuệ nhãn liền nhớ đến cha mẹ mình, Tôn giả dùng tuệ nhãn nhìn khắp bốn phương, xem vong mẫu của mình hiện đang ở đâu. Khi thấy vong mẫu của mình đang ở trong loài ngạ quỷ hết sức đau khổ và đói khát, Tôn giả buồn bã vô cùng. Tôn giả liền bưng bát cơm đến dâng mẹ, nhưng mẹ Tôn giả vì tâm xan lắn từ kiếp trước quá nặng nề khởi lên, sợ người khác trông thấy mà đến giành giật hoặc xin bớt, cho nên bà một tay che bát cơm lại, một tay bốc ăn. Nhưng cơm chưa tới miệng đã hóa thành than lửa không thể nào ăn được. Tôn giả thấy vậy, vô cùng đau xót, không biết làm sao cứu vớt mẹ được, bèn về bạch với đức Phật. Ngài dạy: Tội lỗi của mẹ ngươi, dù có thần thông phép lạ của hàng thiên thần địa kỳ cũng không cứu được đâu! Duy chỉ có dùng thần lực của chúng Tăng sau ba tháng an cư, tinh tấn tu hành thanh tịnh tập trung chú nguyện cho, may ra mới chuyển hóa được nghiệp lực của mẹ ngươi, thì mẹ ngươi mới được thoát khổ cảnh mà thôi.

Nghe vậy, Tôn giả Mục-kiền-liên thưa với đức Phật: Bạch Thế Tôn, con nay làm sao mà mời chư Tăng mười phương cúng dường một lúc như vậy được? Đức Phật dạy rằng: Trong ngày Vu Lan là ngày tự tứ của chư Tăng, ông nên

sắm các thứ cúng dường chư Tăng trong ngày tự tứ, ngày đó dầu các vị trong thiền định, hay thọ hạ kinh hành, hay hóa độ nhưn gian, cũng tập trung lại để tự tứ và cầu nguyện cho mẹ người, thì mẹ người sẽ được thoát khổ. Rồi Tôn giả thực hành theo lời dạy của đức Phật và chính trong ngày đó, mẹ Tôn giả thoát được cảnh nạ quý mà hưởng phước báu chư thiên.

Do vậy, Tôn giả hết sức vui mừng và thưa với đức Thế Tôn: Nếu sau này có chúng sanh nào muốn phát tâm hiếu để mà cầu nguyện cho cha mẹ thoát khổ được vui thì có làm như con được không? Đức Phật dạy là có thể làm được trong ngày tự tứ. Do đó, mà trong Phật giáo truyền lại một pháp cứu độ cho tiền nhân trong ngày Tăng tự tứ.

Tôn giả Mục-kiền-liên làm như vậy đã nêu một tấm gương chí hiếu lớn lao cho tất cả Phật tử noi theo muôn đời. Tôn giả không những có hiếu trong đời Phật hiện tại mà Tiền thân Ngài cũng đã là một người con chí hiếu. Trong một tiền kiếp, Tôn giả sinh trong một gia đình nông dân. Cha mẹ chỉ có Tôn giả là con trai độc nhất, nên vô cùng thương yêu chiều chuộng, và Tôn giả cũng thương yêu cha mẹ không kém. Tôn giả biết cha mẹ chỉ sinh có một mình ngài là con duy nhất, Tôn giả nghĩ đến ngày cha mẹ tuổi già, không biết trông cậy vào ai, nên Tôn giả nguyện ở độc thân suốt đời để phụng thờ cha mẹ, chứ không muốn lập gia đình.

Nhưng trong khi đó cha mẹ lại vì thương con không muốn con ở như vậy, sợ con cô độc, sau này không có ai giúp đỡ lúc trở về già, nên luôn luôn ép con lập gia đình. Trước sự thúc ép ấy, Tôn giả đành chiều ý cha mẹ.

Không may khi lập gia đình, Tôn giả gặp một người vợ không tâm đầu ý hiệp, nàng ta không phải là mẫu người phụ nữ thuần lương. Lúc mới cưới nàng về, Tôn giả dạy vẽ cho vợ thay mình hầu hạ cha mẹ hôm sớm, cơm nước dâng lên cha mẹ đầy đủ như khi Tôn giả vẫn thường làm. Lúc đầu người vợ ngoan ngoãn tuân theo, nhưng một thời gian sau nàng tỏ ra lạnh nhạt và thờ ơ với cha mẹ chồng. Vì lẽ, thói thường con trong ruột sinh ra đôi khi còn chưa thương cha mẹ ruột một cách hết lòng hướng gì là con dâu, làm sao thương ông bà gia như thương cha mẹ ruột! Ngài vì sinh kế phải đi làm ăn, nàng ở nhà càng tỏ ra chảnh mảng trong việc hầu hạ cha mẹ chồng. Khi đã chảnh mảng, muốn từ bỏ thì phải tìm kế, lập mưu. Một hôm, Tôn giả đi làm về thấy nước đổ lênh láng giữa nhà và hỏi nước đâu vậy? Người vợ bèn chỉ vào ông già mà nói rằng: Ông chướng quá, tôi bưng nước lên dâng ông, ông vùng vằng, chê nước nóng nước lạnh không chịu uống rồi vung tay đổ cả ra giữa nhà như vậy đó, tôi chịu hết nổi!

Rồi một bữa khác, Tôn giả đi làm về thấy cơm vãi ra giữa nhà và hỏi: Cơm đâu vung vãi ra đầy nhà như vậy? Người vợ liền chỉ vào bà già trả lời, bà đó, bà chướng quá, tôi nấu cơm để cho nguội, xới dâng lên cho bà, nhưng bà chê cơm

trưa cơm sớm rồi vung vãi ra cùng nhà như vậy đó, tôi chịu hết nổi! Cứ một điệp khúc ấy bà vợ tử tế mãi, riết rồi chồng cũng phải xiêu lòng nghe theo. Tôn giả nghĩ rằng như thế thì cha mẹ mình quá chướng nên nói với vợ: "Thôi được, ta sẽ có cách"!

Hôm sau, Tôn giả thuê một chiếc xe ngựa, nói dối với cha mẹ rằng, mấy lâu nay cha mẹ không về thăm từ đường bên ngoài, nay mời cha mẹ về thăm một chuyến, để sau này gia yếu có nhắm mắt cũng khỏi ân hận. Cha mẹ nghe có lý nên đồng ý đi. Tôn giả cầm dây cương cho xe ngựa lên đường, khi đi đến một đoạn vắng, đường gồ ghề, Tôn giả nhảy xuống ngựa và nói dối với cha mẹ hãy cầm cương chờ để con đi sau bảo vệ kéo chỗ này cướp bóc nhiều lắm. Nhưng thật ra, Tôn giả chẳng bảo vệ gì, mà cốt ý lấy roi quất vào cha mẹ mà nói: "Đã chưa chưa? hết chướng chưa? hết chướng chưa?" Dẫu bị đánh như vậy, nhưng cha mẹ không nghĩ là mình bị đánh mà lại chỉ nghĩ đến con, mà la lên: "Con ơi, lo chạy đi kéo nó đánh chết, lo chạy đi con ơi!" Chính trong khi bị đánh mà cha mẹ không nghĩ đến mình đau lại cứ nghĩ con bị đánh chết mà la lên, nên hai chữ con ơi khi ấy nó đã đánh thức Tôn giả. Khiến Tôn giả nghe hai tiếng đó nó thiêng liêng, mặn nồng, tha thiết triu mến và thấm thiết một cách lạ kỳ. Tôn giả sức tỉnh ra là mình bất hiếu quá sức! Cha mẹ thương mình như vậy mà mình lại bất nhân, thiếu đức, nên Tôn giả liền hồi tâm và vội vã cho xe quay về và sám hối cha mẹ. Khi về tới nhà Tôn giả quyết định cho vợ về quê của nàng và nguyện

sống ở độc thân như vậy suốt đời với cha mẹ. Đó là một tiền kiếp của Tôn giả.

Còn kiếp hiện tại, Tôn giả có tên là Mục-kiền-liên, một người con chí hiếu, muốn thực hiện sự báo hiếu cho cha mẹ mà lúc ở nhà chưa thực hiện được. Nên trong đời sống xuất gia, Tôn giả quyết tâm thực hiện để đưa cha mẹ mình đến cảnh an vui.

Câu chuyện của Tôn giả Mục-kiền-liên trong quá khứ và hiện tại như vậy là một bài học cho chúng ta, cho những người con còn biết có mẹ có cha. Phần nhiều ai cũng có lòng hiếu với cha mẹ, nhưng vì không được un đúc, nhắc nhở, không gặp thầy hay bạn tốt nên có khi tâm bị lung lay trở thành bất hiếu. Có trường hợp bất hiếu vì nghe theo bạn ác, có khi nghe theo danh lợi, quyền thế, nghe theo cờ bạc, rượu chè, hoặc có khi làm nên ông này bà nọ rồi lên mặt với cha mẹ, anh em, coi thường bà con cô bác, lảng giềng mà trở thành bất hiếu. Chẳng hạn có một anh nọ gặp may trở thành một quan chức lớn. Lúc đó chưa có xe đưa rước, về nhà cha mẹ nói đâu dạ đó. Nhưng khi làm một chức quan to rồi thì không thêm dạ như xưa nữa sợ mất thể diện ông quan. Như vậy là vì nghe theo quyền thế mà trở nên bất hiếu.

Lại có người mù quáng học đòi theo thói văn minh vật chất tự do ích kỷ, mà không biết đến văn minh đạo đức hiếu để cho nên trở thành bất hiếu.

Như vậy, sự tích của Tôn giả Mục-kiền-liên là một tấm gương quý giá nhắc nhở chúng ta vun bồi lòng hiếu thảo của mình, đừng để lòng hiếu thảo bị các thứ khác làm vẩn đục, làm cho mù quáng, mà đánh mất đi. Trong kiếp quá khứ, Tôn giả Mục-kiền-liên thiếu cảnh tỉnh nên trở thành bất hiếu chỉ vì nghe theo lời vợ. Trong xã hội xưa cũng như nay, có những người con rất có hiếu với cha mẹ, nhưng khi chung đụng với xã hội, gặp hoàn cảnh không tốt, ít thân cận bạn hiền, bị tác động bởi sự xấu xa nên khi trở về nhà, cha mẹ nói không nghe, anh chị khuyên bảo không chịu, lại còn cãi lại, cha không hiểu chi, mẹ không biết chi, còn mình đây mới hiểu, mới sáng suốt, mới có học. Đó là một thái độ thiếu cảnh tỉnh nên bất hiếu.

Do đó, cho nên ai có gần gũi bạn lành, lo tinh tấn tu niệm thì mới trở thành những người con có hiếu. Trong Kinh Trường A-hàm, đức Phật có chỉ cho chúng ta cách báo hiếu tốt nhất là: nếu gia đình nào có những người con mà biết bố thí, biết ái ngữ, biết lợi hành và biết đồng sự thì cha mẹ mới nhận được sự hiếu kính của con. Nếu người con nào không biết bố thí, không biết ái ngữ, không biết lợi hành và không biết đồng sự thì cha mẹ không hưởng được sự hiếu kính của con.

Thứ nhất là bố thí. Kinh A-hàm dạy người hiếu kính cha mẹ là người biết tu *hạnh bố thí*. Người biết bố thí thì luôn luôn đem tâm hoan hỷ bố thí cho mọi người, dù chỉ là một nụ cười, một cử chỉ cung kính. Nụ cười ấy, cử chỉ cung kính

ấy, sự dịu dàng ấy, cách ăn nói ôn hòa ấy là của mình, nhưng nếu mình không làm, không thể hiện là không có bố thí. Khi mình làm và thể hiện thì sẽ đem an vui đến cho mọi người, chứ không nhất thiết phải hạn cuộc ở bố thí tiền bạc. Đôi lúc một nụ cười khiến cho người ta tiêu tan đau khổ, trong khi mình đem một túi tiền cho họ chưa chắc họ đã hết đau khổ. Như vậy, người con biết bố thí thì cha mẹ mới hưởng được sự hiếu kính của con, còn nếu con chỉ biết quý tiền của, xan tham, chỉ muốn bòn rút của cha mẹ, thì chắc chắn cha mẹ không hưởng được sự hiếu kính của con. Đã có trường hợp như sau: Một bà mẹ thiếu thốn, già yếu, người con không thềm hỏi tới. Khi mẹ đau ốm mặc kệ, ăn ngủ không được cũng chẳng hề quan tâm. Người mẹ buồn chán đi ở với bà con hàng xóm. Hàng ngày, bà đi bán nước chè và đi mót lúa giành dục mua được tấm vé số, khi dò may sao bà trúng. Khi nghe mẹ trúng số thì người con lật đật tới nói với mẹ: "Thôi mẹ về ở với con cho vui, con ở xa nhớ mẹ, đêm hôm đau ốm không ai lo cho mẹ!" Như vậy người con khi thấy mẹ thiếu thốn không có thì hất hủi, khi thấy mẹ có rồi thì hỷ hả, vì sao? Vì người con thiếu tu, xem của cải, miếng ăn nặng hơn ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ. Cho nên trong một gia đình, nếu vì tâm bòn xén, anh em giành nhau, nghi nhau, không có tâm bố thí thì cha mẹ sẽ không hưởng được sự ích lợi từ con cái. Và ngược lại, con cái có tâm bố thí thì sẽ đem lại an lạc cho cha mẹ. Đó là lợi ích của bố thí.

Thứ hai là ái ngữ. Ái ngữ là một điều hết sức cần thiết, nó cũng rất dễ làm mà cũng rất khó làm. Ái ngữ là nói dịu dàng, thân ái. Có người cho rằng: Lời nói dịu dàng có chi đâu mà khó làm. Thế nhưng khó vô cùng, nếu không tu không thể nói ái ngữ được, như câu chuyện sau đây:

Ngày xưa, một người chỉ nuôi sống gia đình với một con ngựa đi chở thuê, nhờ nó mà hàng ngày gia đình có ăn có mặc. Ngày kia, người ta đem đồ đến thuê chở trễ quá, anh ta nóng lòng chờ đợi đến chiều mới có đồ người ta thuê chở về. Sấn bức tức trong lòng, nên vừa bỏ đồ lên xe ngựa, anh liền đánh con ngựa một cái và nói: Đồ nhãi ranh, đi, đi, đồ ăn hại, đồ chết bầm. "Nghe vậy, con ngựa ì ra đó, không đi, đánh mấy cũng cứ ì ra đó. Anh đành chịu và xuống xe. Một hồi sau, cơn nóng giận trôi qua, anh dịu dàng đến vuốt ve con ngựa, âu yếm nói với nó: "Thôi gặng đi đi con, còn ít giờ nữa là về nhà, giúp ta chở về nhà đi con". Con vật nghe vậy, nó nhẹ nhàng dùng sức kéo chiếc xe đi ngay. Con vật mà cũng biết được giá trị của ái ngữ huống chi là người ta. Do đó, đối với cha mẹ, ta phải dùng ái ngữ, nếu không sẽ trở thành bất hiếu.

Thứ ba là lợi hành. Lợi hành là làm việc lợi ích. Khoan nói lợi ích cho xóm làng, cho xã hội mà nói lợi ích cho mình, cho gia đình mình. Có những người con coi việc gia đình mình như việc ai đâu, không liên quan đến mình, không thèm sờ tay tới, thậm chí như bưng chén nước chén cơm cho cha già mẹ yếu cũng không hề làm tới. Đó là những việc

lợi hành mà không làm, không làm như vậy thì cha mẹ làm sao hưởng được sự hiếu kính của con!

Thứ tư là đồng sự. Cùng làm chung với nhau, cùng làm lụng đồng sự với nhau, gây cảm tình thương yêu vui vẻ lẫn nhau, còn không thì không làm sao gây tình cảm hiếu kính với cha mẹ được. Cho nên Phật dạy một cách thấm thía rằng: Người nào biết bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự thì cha mẹ mới hưởng được sự hiếu kính của người con.

Như vậy, báo hiếu cha mẹ bằng cách biết công ơn cha mẹ sâu dày như non cao bể cả, mà tiền nong của chúng ta đã nhắc tới:

*"Công cha như núi ngất trời,
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển đông,
Núi cao biển rộng mênh mông,
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi"*

Tiền nhân chúng ta nói thiết tha lắm; cù lao chín chữ ghi lòng con ơi, cốt ghi chín chữ cù lao là chúng ta có hiếu rồi. Nhưng báo hiếu cha mẹ bằng hình thức chưa đủ mà còn phải báo hiếu bằng tinh thần.

Trong kinh đức Phật dạy rằng: Cha mẹ chưa an trú trong chánh pháp, làm sao giúp đỡ, dắt dẫn cha mẹ an trú trong chánh pháp, cha mẹ chưa an trú trong điều lành thì làm sao cho cha mẹ an trú trong điều lành, cha mẹ chưa quy y Tam Bảo thì nên đưa cha mẹ an trú trong quy y Tam Bảo. Như

vậy, cha mẹ không những hưởng được phúc lạc vật chất bên ngoài mà còn hưởng được phúc lạc trong tâm hồn, giải thoát bớt phiền trước, xa lánh được thế gian chấp trước, vọng tưởng luân hồi sanh tử, mà đức Phật đã nhắc nhở. Khi cha mẹ giải thoát, an vui thì sự báo hiếu của người con mới thành tựu. Nên cổ đức có câu: "Phụ mẫu đắc ly trần, hiếu đạo phương thành tựu". (Cha mẹ được giải thoát, lìa khỏi trần ai thì người con mới tròn hiếu đạo).

Là người Phật tử, hãy ghi nhớ lời Phật dạy như vậy để hàng ngày tu niệm, hàng ngày hồi hướng công đức về cho tiền nhân của mình, nhất là trong ngày lễ Vu Lan, thành tâm chí kính, niệm Phật, tụng Kinh, lạy Phật, cúng dường Tam Bảo, cúng dường chư Tăng tự tứ, để cầu mong sự chú nguyện của chư Tăng cho tiền vong của mình thoát khỏi u đồ mà siêu sanh lạc quốc. Đó mới tạm gọi là con hiếu, là người Phật tử thuần thành trong mùa báo hiếu.

Thích Thiện Siêu

***Đêm khuya trăng rụng xuống cầu,
Cảm thương cha mẹ, dãi dầu ruột đau.***

Ca Dao Việt Nam

DÂNG MẸ

HT. Thích Quảng Độ

*Bao năm rồi con lưu lạc ngàn phương,
Con nhớ mẹ suốt canh trường khấn khải,
Ơn dưỡng dục mẹ ôi! Sao xiết kể,
Công sinh thành con nghĩ: quận lòng đau.
Gốc mai già xơ xác đã từ lâu,
Chơ vơ đứng giữa đường đời gió lộng.
Dòng sông chảy: ấy đời con trong mộng,
Lững lờ trôi..., trôi mãi đến bao giờ?
Có những đêm con chiêm thiếp trong mơ,
Con mơ thấy hồn con về thăm mẹ.
Được ấp ủ trong tình thương của mẹ,
Mảnh hồn con ấm dịu biết bao nhiêu?
Bốn phương trời con tìm kiếm đã nhiều,
Nhưng không có một tình yêu của mẹ.
Vu-lan đến cõi lòng con quạnh quẽ,
Bóng người xưa như phảng phất đâu đây.
Một chiều thu lạnh dăng bát cơm đầy,
Tình nghĩa ấy, mẹ ôi! bao thấm thía.
Phương trời này con ngậm ngùi rơi lệ,
Đức cù lao muôn một trả chưa xong.*



Mùa Vu Lan Quý Mão (1963)

MÙA THƯƠNG

HT. Thích Huyền-Tôn

Mang ý niệm ngậm ngùi, nhìn xa xa về ngoài không gian đất trời vô tận, tất cả những hình tượng trước mắt, cái có thể thấy được, trời thét, sấm chớp, cây cối, chiếc lá vàng, bụi rậm, đường đi, con chim, vầng mây trắng bay, mây đổi màu... Cái thấy viễn vọng, cái nghe vô tận của con người. Rồi đến những tiếng biết nghe như, lá hoa vườn mình đang thì thầm trong gió! Những tiếng rên của những con thạch-sùng! Con đế-mèn! Những âm động lao xao đông đảo của nhiều họ thú, họ mối, họ kiến, họ giun trùng... hòa cùng với cái khí lạnh tê tái hắt hiu trong mùa tiết thu, đông! Với bao sắc màu ảm đạm cùng chìm trong đối cảnh đìu hiu.

Tất cả những gì “thấy”, tất cả những gì “nghe”, không chỉ có vồn vện như thế! Mà nó phát biểu từ khắp trong không gian vô tận và từ khắp trong các lòng đất vô cùng! Trong ba ngàn tỷ cõi ấy, một phạm trù *Ta-Bà*. Sinh linh trong đó, phải chăng chúng đã hợp tuyền nên một cảnh sắc giữa hữu tình và vô tình tạo thành những cảnh giới bao la riêng biệt, để điểm tô cho “*Mùa Thương Báo Hiếu*” trong “*Quần Thế Nhân Loại*” nói riêng. Và cho “*Quần thể Chúng Sanh*” nói chung.

Đạo Phật đã hơn 2548 năm, đã ân cần tha thiết trao cho Con Người, một “Phẩm Hạnh Phật” đó là “Hiếu Hạnh”. Các Đức Phật cũng đã ứng hiện trong các loài chúng sanh trao cho họ cái đức hiếu hạnh ấy. Con người thì sao? Phật-Tử thì sao?

Với điệu nhạc lòng muôn thuở, nghìn thương ân nghĩa sanh thành ...Và mỗi độ thu về! Mùa chia ly của lá vàng “phải xa cành” mẹ cha của nó! Lại chính là mùa thương nhớ về cội gốc sanh thành của con người! Cái lẽ hòa điệu của muôn loài không lẽ không phải là tình thương trong đạo Phật đó sao?

Chỉ là cái cảnh “lá vàng xa cành mẹ” vậy mà, nó lại gây cho con người một cảm giác chạnh lòng! Khi đôi tay nâng đọc quyển Hiếu Kinh, Báo Phụ Mẫu Trọng Ân, Vu-lan Bồn Kinh... Khi nghe lời Ngài A-Nan hỏi Phật: “Bạch Đức Thế Tôn, khi Phật Niết bàn rồi! Chúng con biết thờ ai?

Đức Phật dạy: “Hãy thờ cha mẹ như Phật vậy!” (Phụ mẫu tại đường như Phật tại thế). Chao ôi! Viết đến đây, lòng mình nghe se lại! Và bỗng thốt:

Mẹ ơi! Mẹ ở đâu?

Mẹ trong ánh nắng rọi đời!

Mẹ trong gió thoảng hát lời yêu con!

Ồn cha thì sao? Cha khổ vì tao tần bên ngoài!

Mẹ khổ vì sân sóc bông bế bên trong.

Mỗi nỗi khổ tuy khác nhau, nhưng thâm trầm vô lượng! Cả ngàn trang kinh của Phật giáo nói ngút ngàn ân nặng của mẹ cha. Với ngòi bút tầm thường, nhớ thương thì nói nhớ thương thế thôi.

Cha ơi! cha ở đâu?

Cha là chiếc lòng che đầu!

Che con đi khắp hoàn cầu thế gian!

Và mẹ nguyện rằng:

Lạy Phật cứu mẹ cứu cha,

Cứu về cõi Phật ông bà đoàn viên.

Sự ngậm ngùi thương nhớ mẹ cha, nó không với đi dù vĩnh biệt đã trải dài qua nhiều năm tháng! Tiếng rơi vô tình của “lá vàng” lia cành! Tiếng rên não nùng của “dế mèn” suốt đêm thâu! Tất cả cái xoáy động của vô-tình và hữu-tình đó, chúng đã góp mặt cho mọi chuyển hóa trong guồng máy nhân sinh hiếu hạnh tưởng cũng không ít.

Là con người! Là Phật-Tử! Làm gì đây, khi mùa thương báo hiếu sắp về, khi cỏ hoa, chim chóc, đất trời đều như hòa với ta cùng “trải” lên vạn vật:

“Một màu buồn ủ lệ thâm ân”!

*Đức Từ Phụ Thích Ca đã chẳng ghé vai cùng khiêng chiếc quan tài để tiễn đưa Người Vương Phụ đó sao!

*Tôn Giả Mục-Kiền-Liên đã chẳng bưng bát cơm dâng Mẹ trong cũi ngựa-quỷ ngục A-Tỳ đó sao! Và, nhiều! Thật nhiều! Các bậc thánh cho đến phàm nhân khả kính đều hiếu đạo như thế.

Còn chúng ta, có giữ trọn vẹn hay chẳng? Năm nào như năm nào!

- Chí thành lễ lạy! Dâng bát cơm thơm nóng lên cúng dường chư Phật!

- Đem tấm thân phàm thế, với tác lòng thanh khiết lễ cầu Tam Bảo!

- Trước pháp lễ tứ sự cúng dường, cầu nguyện mười phương Tam-Bảo, ban nguyện lực cho Cha Mẹ hiện tiền, cứu huyền quá khứ, thất thế đa sanh, thoát khổ, siêu sinh. Và phải quyết chắc với cõi lòng rằng:

“Với tâm chí thành! Với thân thanh khiết! Không đua đòi! Không bắt chước kiểu cách cầu kỳ! Không làm lấy lệ! Không phân biệt thân sơ! Không a dua với ác đảng!“! Chỉ nhứt tâm lạy Phật cầu nguyện cho cha mẹ hiện tiền vô phiền vô bệnh, cha mẹ tiền kiếp vãng sanh về cõi Phật. Rồi hồi hướng tất cả các công đức đã làm: cúng dường, tụng kinh, niệm Phật, lạy Phật. Hồi hướng những công đức đó (tức là gởi trao những việc mình đã làm về cho ông bà cha mẹ thân bằng quyến thuộc...) Làm đúng như thế, là đúng pháp báo ân. Còn nhiều, nhưng ở đây không thể giải bày hết được.

Nhân nay là mùa Thương, ngày Vu-lan báo hiếu, mà hiếu là THẢO, là THUẬN, là NHƯỜNG, là CHIA SỐT, là CHĂM SÓC, là GIÚP HỘ, là BẢO TOÀN, là CHĂM LO. Từ ý nghĩa đó mà suy rộng ra, thì đâu phải chỉ có cha mẹ! Mà là, Anh, Chị, Chú, Bác, Cậu, Mợ... Bà con nội, ngoại... Làng nước, dân tộc, rồi cả thế giới hoàn cầu. Thế nên nước

mình mới có tục ngữ “Lá lành đùm lá rách” Với thời nay “Đâu rách thì đùm “ đợi gì phải một nước. Do đó nên:

Trong thế giới loài người, ai ai cũng là người! Nhưng hẳn đâu phải ai ai cũng cùng bình đẳng hết đâu?! Người có nhân quyền! Có người không có nhân quyền! Có người không được có nhân quyền. Nhưng ngày nay nhờ sự tương quan rộng rãi giữa người và người nên người ta cùng áp lực đòi cho những nơi nào bị tước mất nhân quyền. Để có nhân quyền. Tinh thần đó, không phải hiếu nghĩa là gì!

Nhưng oái oăm thay! Đã trải qua bao đời bao thế hệ, các nhà văn học tài ba, các tướng lãnh bách chiến bách thắng, các vị lãnh đạo quốc gia lỗi lạc, các vị lãnh đạo các tôn giáo thần quyền đức sâu oai rộng, các nhà cách mạng. Nhưng chẳng có một ai chịu khôi phục “Nhân Bản” lại cho một số con người bị hạ nhục, khinh thường, tước bỏ mất hẳn nhân bản của họ. Ai là anh hùng hiếu nghĩa thử lập một diễn đàn quốc tế, để hồi phục sự bình đẳng và bồi hoàn cái giá trị NHÂN BẢN cao quý đó cho những người bị tước mất. Nhân Bản có, Nhân quyền sẽ tự có!

Một mùa thương hiếu nghĩa.

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát



KÍNH DÂNG HƯƠNG HỒN MẸ

HT. Thuyền Ấn

Quê mẹ xa vời nghe nhớ nhung
Đông về gió lạnh buồn mông lung
Năm xưa ấp ủ con, lòng Mẹ
Tuyết phủ mệnh mang gió bão bùng.
Giá lạnh căm căm băng biển đông
Nhớ thương thương nhớ Mẹ, đau lòng
Nao nao cô quạnh hoang vu quá!
Mẹ chết còn gì nữa ước mong!
Xót xa đau buốt cả tim gan
Trầm lặng nhưng sao lệ vẫn tràn.
Nghìn kiếp muôn đời con nhớ Mẹ
Đêm về thương Mẹ sầu mệnh mang.
Con cố nguôi đi sao vẫn thương
Trời cao biển rộng khó đo lường
Tấm lòng của Mẹ hơn như thế
Vắng Mẹ nghe buồn khắp vạn phương.

*Con nhớ năm xưa Ngài Mục Liên
Ước ao cứu mẹ thoát oan khiên
Thế Tôn dạy thiết Vu Lan Hội
Nhờ đức chúng Tăng cứu Mẹ hiền.
Con nguyện cúng dâng trọn cuộc đời
Hoàng dương Chánh pháp khắp nơi nơi.
Như Lai xin độ hương linh Mẹ
Thành Phật siêu thăng sống tuyệt vời.*



BÔNG HỒNG CÀI ÁO

Thích Nhất Hạnh

Ý niệm về mẹ thường không thể tách rời ý niệm về tình thương. Mà tình thương là một chất liệu ngọt ngào, êm dịu và cố nhiên là ngon lành. Con trẻ thiếu tình thương thì không lớn lên được. Người lớn thiếu tình thương thì cũng không "lớn" lên được. Cằn cỗi, héo mòn.

Ngày mẹ tôi mất, tôi viết trong nhật ký: Tai nạn lớn nhất đã xảy ra cho tôi rồi! Lớn đến mấy mà mất mẹ thì cũng như không lớn, cũng cảm thấy bơ vơ, lạc lõng, cũng không hơn gì trẻ mồ côi. Những bài hát, bài thơ ca tụng tình mẹ bài nào cũng dễ, cũng hay. Người viết dù không có tài ba, cũng có rung cảm chân thành; người hát ca, trừ là kẻ không có mẹ ngay từ thuở chưa có ý niệm, ai cũng cảm động khi nghe nói đến tình mẹ.

Những bài hát ca ngợi tình mẹ đâu cũng có, thời nào cũng có. Bài thơ mất mẹ mà tôi thích nhất, từ hồi nhỏ, là một bài thơ rất giản dị. Mẹ đang còn sống, nhưng mỗi khi đọc bài thơ ấy thì sợ sệt, lo âu.... sợ sệt lo âu một cái gì còn xa, chưa đến, nhưng chưa chắc chắn phải đến:

*Năm xưa tôi còn nhỏ
Mẹ tôi đã qua đời!
Lần đầu tiên tôi hiểu
Thân phận trẻ mồ côi.*

*Quanh tôi ai cũng khỏe
Im lặng tôi sầu thôi
Để dòng nước mắt chảy
Là bớt khổ đi rồi...*

*Hoàng hôn phủ trên mộ
Chùa chùa nhẹ rơi rơi
Tôi thấy tôi mất mẹ
Mất cả một bầu trời.*

Một bầu trời thương yêu dịu ngọt, lâu quá mình đã bơi lội trong đó, sung sướng mà không hay, để hôm nay bỗng tỉnh thì thấy đã mất rồi.

Người nhà quê Việt Nam không ưa cách nói cao kỳ. Nói rằng bà mẹ già là kho tàng của yêu thương, của hạnh phúc thì cũng đã là cao kỳ rồi. Nói mẹ già là một thứ chuối, một thứ xôi, một thứ đường ngọt dịu, người dân quê đã diễn tả được tình mẹ một cách vừa giản dị vừa đúng mức:

*Mẹ già như chuối ba hương
Như xôi nếp một, như đường mía lau.*

Ngon biết bao! Những lúc miệng vừa đắng vừa nhạt sau một cơn sốt, những lúc như thế thì không có món ăn gì có thể gọi được khẩu vị của ta. Chỉ khi nào mẹ đến, kéo chăn đắp lên ngực cho ta, đặt bàn tay (Bàn tay? hay là tơ trời đâu la miên?) trên trán nóng ta và than thở "khổ chưa, con tôi", ta mới cảm thấy đầy đủ, ấm áp, thấm nhuần chất ngọt của tình mẹ, ngọt thơm như chuối ba hương, dịu như xôi nếp một, và đậm đà lịm cả cổ họng như đường mía lau. Tình mẹ thì trường cửu, bất tuyệt; như chuối ba hương, đường mía lau, xôi nếp một ấy không bao giờ cùng tận.

Công cha như núi Thái sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. Nước trong nguồn chảy ra thì bất tuyệt. Tình mẹ là gốc của mọi tình cảm yêu thương. Mẹ là giáo sư dạy về yêu thương, một phân khoa quan trọng nhất trong trường đại học cuộc đời. Không có mẹ, tôi sẽ không biết thương yêu. Nhờ mẹ mà tôi được biết thế nào là tình nhân loại, tình chúng sinh; nhờ mẹ mà tôi có được chút ý niệm về đức từ bi. Vì mẹ là gốc của tình thương, nên ý niệm mẹ lẫn trùm ý thương yêu của tôn giáo vốn dạy về tình thương.

Đạo Phật có đức Quan Thế Âm, tôn sùng dưới hình thức mẹ. Em bé vừa mở miệng khóc thì mẹ đã chạy tới bên nôi. Mẹ hiện ra như một thiên thần dịu hiền làm tiêu tan khổ đau lo âu. Đạo Chúa có đức Mẹ, thánh nữ đồng trinh Maria. Trong tín ngưỡng bình dân Việt có thánh mẫu Liễu Hạnh, cũng dưới hình thức mẹ. Bởi vì chỉ cần nghe đến danh từ Mẹ, ta đã thấy lòng tràn ngập yêu thương rồi. Mà

từ yêu thương tín ngưỡng và hành động thì không xa chi mấy bước.

Tây phương không có ngày Vu Lan nhưng cũng có Ngày Mẹ (Mother's Day) mừng mười tháng năm. Tôi nhà quê không biết cái tục ấy. Có một ngày tôi đi với Thầy Thiên Ân tới nhà sách ở khu Ginza ở Đông Kinh, nửa đường gặp mấy người sinh viên Nhật, bạn của thầy Thiên Ân. Có một cô sinh viên hỏi nhỏ Thầy Thiên Ân một câu, rồi lấy ở trong sách ra một bông hoa cẩm chướng màu trắng cài vào khuy áo tràng của tôi. Tôi lạ lùng, bỡ ngỡ, không biết cô làm gì, nhưng không dám hỏi, cố giữ vẻ tự nhiên, nghĩ rằng có một tục lệ chi đó. Sau khi họ nói chuyện xong, chúng tôi vào nhà sách, thầy Thiên Ân mới giảng cho tôi biết đó là Ngày Mẹ, theo tục Tây phương. Nếu anh còn mẹ, anh sẽ được cài một bông hoa màu hồng trên áo, và anh sẽ tự hào được còn mẹ. Còn nếu anh mất mẹ, anh sẽ được cài trên áo một bông hoa trắng.

Tôi nhìn lại bông hoa trắng trên áo mà bỗng thấy tủi thân. Tôi cũng mồ côi như bất cứ một đứa trẻ vô phúc khổ nạn nào; chúng tôi không có được cái tự hào được cài trên áo một bông hoa màu hồng. Người được hoa trắng sẽ thấy xót xa, nhớ thương không quên mẹ, dù người đã khuất. Người được hoa hồng sẽ thấy sung sướng nhớ rằng mình còn mẹ, và sẽ cố gắng để làm vui lòng mẹ, kéo một mai người khuất núi có khóc than cũng không còn kịp nữa. Tôi thấy

cái tục cài hoa đó đẹp và nghĩ rằng mình có thể bắt chước áp dụng trong ngày báo hiếu Vu Lan.

Mẹ là một dòng suối, một kho tàng vô tận, vậy mà lắm lúc ta không biết, để lãng phí một cách oan uổng.

Mẹ là một món quà lớn nhất mà cuộc đời tặng cho ta, những kẻ đã và đang có mẹ. Đừng có đợi đến khi mẹ chết rồi mới nói: "trời ơi, tôi sống bên mẹ suốt mấy mươi năm trời mà chưa có lúc nào nhìn kỹ được mặt mẹ!". Lúc nào cũng chỉ nhìn thoáng qua. Trao đổi vài câu ngắn ngủi. Xin tiền ăn quà. Đòi hỏi mọi chuyện. Ôm mẹ mà ngủ cho ấm. Giận dỗi. Hờn lẫy. Gây bao nhiêu chuyện rắc rối cho mẹ phải lo lắng, ốm mòn, thức khuya dậy sớm vì con. Chết sớm cũng vì con. Để mẹ phải suốt đời bếp núc, vá may, giặt rửa, dọn dẹp. Và để mình bận rộn suốt đời lên xuống ra vào lợi danh. Mẹ không có thì giờ nhìn kỹ con. Và con không có thì giờ nhìn kỹ mẹ. Để khi mẹ mất mình có cảm nghĩ: "Thật như là mình chưa bao giờ có ý thức rằng mình có mẹ!"

Chiều nay khi đi học về, hoặc khi đi làm việc ở sở về, em hãy vào phòng mẹ với một nụ cười thật trầm lặng và thật bền. Em sẽ ngồi xuống bên mẹ. Sẽ bắt mẹ dừng kim chỉ, mà đừng nói năng chi. Rồi em sẽ nhìn mẹ thật lâu, thật kỹ để trông thấy mẹ và để biết rằng mẹ đang còn sống và đang ngồi bên em. Cầm tay mẹ, em sẽ hỏi một câu ngắn làm mẹ chú ý. Em hỏi: "Mẹ ơi, mẹ có biết không?" Mẹ sẽ hơi ngạc nhiên và sẽ hỏi em, vừa hỏi vừa cười "Biết gì?"

Vẫn nhìn vào mắt mẹ, vẫn giữ nụ cười trầm lặng và bền, em sẽ nói: "Mẹ có biết là con thương mẹ không?" Câu hỏi sẽ không cần được trả lời. Cho dù người lớn ba bốn mươi tuổi người cũng có thể hỏi một câu như thế, bởi vì người là con của mẹ. Mẹ và em sẽ sung sướng, sẽ sống trong tình thương bất diệt. Mẹ và em sẽ đều trở thành bất diệt và ngày mai, mẹ mất, em sẽ không hối hận, đau lòng.

Ngày Vu Lan ta nghe giảng và đọc sách nói về ngài Mục Kiền Liên và về sự hiếu đễ. Công cha, nghĩa mẹ. Bốn phận làm con. Ta lạy Phật cầu cho mẹ sống lâu. Hoặc lạy mười phương Tăng chú nguyện cho mẹ được tiêu điều nơi cực lạc, nếu mẹ đã mất. Con mà không có hiếu là con bỏ đi. Nhưng hiếu thì cũng do tình thương mà có; không có tình thương hiếu chỉ là giả tạo, khô khan, vụng về, cố gắng mệt nhọc. Mà có tình thương là có đủ rồi. Cần chi nói đến bốn phận. Thương mẹ, như vậy là đủ. Mà thương mẹ không phải là một bốn phận.

Thương mẹ là một cái gì rất tự nhiên. Như khát thì uống nước. Con thì phải có mẹ, phải thương mẹ. Chữ phải đây không phải là luân lý, là bốn phận. Phải đây là lý đương nhiên. Con thì đương nhiên thương mẹ, cũng như khát thì đương nhiên tìm nước uống. Mẹ thương con, nên con thương mẹ, con cần mẹ, mẹ cần con. Nếu mẹ không cần con, con không cần mẹ, thì đó không phải là mẹ là con. Đó là lạm dụng danh từ mẹ con.

Ngày xưa thầy giáo hỏi rằng: "Con mà thương mẹ thì phải làm thế nào?" Tôi trả lời: "Vâng lời, cố gắng, giúp đỡ, phụng dưỡng lúc mẹ về già và thờ phụng khi mẹ khuất núi". Bây giờ thì tôi biết rằng: Con thương mẹ thì không phải "làm thế nào" gì hết. Cứ thương mẹ, thế là đủ lắm rồi, đủ hết rồi, cần chi phải hỏi "làm thế nào" nữa!

Thương mẹ không phải là một vấn đề luân lý đạo đức. Anh mà nghĩ rằng tôi viết bài này để khuyên anh về luân lý đạo đức là anh lầm. Thương mẹ là một vấn đề hưởng thụ. Mẹ như suối ngọt, như đường mía lau, như xôi nếp mới. Anh không hưởng thụ thì uống cho anh. Chị không hưởng thụ thì thiệt hại cho chị. Tôi chỉ cảnh cáo cho anh chị biết mà thôi. Để mai này anh chị đừng có than thở rằng: Đời ta không còn gì cả. Một món quà như mẹ mà còn không vừa ý thì họa chẳng có làm Ngọc Hoàng Thượng đế mới vừa ý, mới bằng lòng, mới sung sướng. Nhưng tôi biết Ngọc Hoàng không sung sướng đâu, bởi Ngọc Hoàng là đấng tự sinh, không bao giờ có điểm phúc có được một bà mẹ.

Tôi kể chuyện này, anh đừng nói tôi khờ dại. Đáng nhẽ chị tôi không đi lấy chồng, và tôi, tôi không nên đi tu mới phải. Chúng tôi bỏ mẹ mà đi, người thì theo cuộc đời mới bên cạnh người con trai thương yêu, người thì đi theo lý tưởng đạo đức mình say mê và tôn thờ.

Ngày chị tôi đi lấy chồng, mẹ tôi lo lắng lăng xăng, không tỏ vẻ buồn bã chi. Nhưng đến khi chúng tôi ăn cơm trong

phòng, ăn qua loa để đợi giờ rước dâu, thì mẹ tôi không nuốt được miếng nào. Mẹ nói: "Mười tám năm trời nó ngồi ăn cơm với mình, bây giờ nó ăn bữa cuối cùng rồi thì nó sẽ đi ăn ở một nhà khác". Chị tôi gục đầu xuống mâm khóc. Chị nói: "Thôi con không lấy chồng nữa". Nhưng rốt cuộc thì chị cũng đi lấy chồng. Còn tôi thì bỏ mẹ mà đi tu. "Cất ái từ sở thân" là lời khen ngợi người có chí xuất gia. Tôi không tự hào chi về lời khen đó cả. Tôi thương mẹ, nhưng tôi có lý tưởng, vì vậy phải xa mẹ. Thiệt thòi cho tôi, có thể thôi.

Ở trên đời, có nhiều khi ta phải chọn lựa. Mà không có sự chọn lựa nào mà không khổ đau. Anh không thể bắt cá hai tay. Chỉ khổ là vì muốn làm người nên anh phải khổ đau. Tôi không hối hận vì bỏ mẹ đi tu nhưng tôi tiếc và thương cho tôi vô phúc thiệt thòi nên không được hưởng thụ tất cả kho tàng quý báu đó. Mỗi buổi chiều lạy Phật, tôi cầu nguyện cho mẹ. Nhưng tôi không được ăn chuối ba hương, xôi nếp một và đường mía lau.

Anh cũng đừng tưởng tôi khuyên anh: "Không nên đuổi theo sự nghiệp mà chỉ nên ở nhà với mẹ!". Tôi đã nói là tôi không khuyên răn gì hết -- tôi không giảng luân lý đạo đức -- rồi mà! Tôi chỉ nhắc anh: "Mẹ là chuối, là xôi, là đường, là mật, là ngọt ngào, là tình thương". Để chị đừng quên, để em đừng quên. Quên là một lỗi lớn: Cũng không phải là lỗi nữa, mà là một sự thiệt thòi. Mà tôi không muốn anh chị thiệt thòi, khờ dại mà bị thiệt thòi. Tôi xin cài vào túi áo anh một bông hoa hồng: để anh sung sướng, thế thôi.

Nếu có khuyên, thì tôi sẽ khuyên anh, như thế này. Chiều nay, khi đi học hoặc đi làm về, anh hãy vào phòng mẹ với một nụ cười thật trầm lặng và bền. Anh sẽ ngồi xuống bên mẹ. Sẽ bắt mẹ dừng kim chỉ, mà đừng nói năng chi. Rồi anh sẽ nhìn mẹ thật lâu, thật kỹ, để trông thấy mẹ và để biết rằng mẹ đang sống và đang ngồi bên anh. Cầm tay mẹ, anh sẽ hỏi một câu ngắn làm mẹ chú ý. Anh hỏi: "Mẹ ơi, mẹ có biết không?" Mẹ sẽ hơi ngạc nhiên và sẽ nhìn anh, vừa cười vừa hỏi: "Biết gì?" Vẫn nhìn vào mắt mẹ, giữ nụ cười trầm lặng và bền, anh sẽ hỏi tiếp: "Mẹ có biết là con thương mẹ không?" Câu hỏi sẽ không cần được trả lời. Cho dù anh lớn ba bốn mươi tuổi, chị lớn ba bốn mươi tuổi, thì anh cũng hỏi một câu ấy. Bởi vì anh, bởi vì chị, bởi vì em là con của mẹ. Mẹ và anh sẽ sung sướng, sẽ sống trong tình thương bất diệt. Và ngày mai mất mẹ, anh sẽ không hối hận, đau lòng, tiếc rằng anh không có mẹ.

Đó là điệp khúc tôi muốn ca hát cho anh nghe hôm nay. Và anh hãy ca, chị hãy ca cho cuộc đời đừng chìm trong vô tâm, quên lãng. Đóa hoa màu hồng tôi cài trên áo anh rồi đó. Anh hãy sung sướng đi.

***Lên chùa thấy Phật muốn tu
Về nhà thấy mẹ công phu chưa đến.***

Ca Dao Việt Nam

VU LAN NGHĨ VỀ ĐẰNG SINH THÀNH

TT Thích Tín Nghĩa

Trong nếp sống tình cảm đầy đạo đức của con người Đông Phương, đặc biệt là người Việt Nam và Trung Hoa; nếu nhắc nhở đến một thứ ân sâu, nghĩa nặng, cao cả bao la thì đó là *Ân Nghĩa Sanh Thành*. Ca dao tục ngữ đã thường nhắc nhở:

*Đã làm người đứng trong trời đất
Ai là không cha mẹ sanh thành?
Có cha mẹ mới có mình,
Ở sao trọn hiếu, trọn tình làm con.*

Trong một xã hội trải qua quá nhiều tang tóc, đau thương như Việt Nam chúng ta, khi bao nhiêu đứa con yêu của tổ quốc ra đi vì hoàn cảnh, xa lìa đấng sanh thành, thì thấy sự mất mát và trống vắng trong tâm khảm của chúng ta vô cùng to lớn như trời đất, biển cả.

Đó là một thứ ân đức đầy tha thiết và đậm đà làm sao. Bởi vì:

*Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

*Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới đạo làm con.*

Và cứ thế, tình yêu thương của cha mẹ cứ lớn dần lên mãi khi Người (cha mẹ) đã chịu trăm đắng nghìn cay để tạo ra chúng ta và lo cho chúng ta nên người. Ân đức ấy cứ tỏa ra và tỏa ra mãi cho đến khi Người buông xả, nhắm mắt vĩnh viễn để xa hẳn chúng ta.

Tình sâu nghĩa nặng dường ấy, thử hỏi chúng ta đã báo đáp những gì. Hay chỉ là những lời khóc mướn thương vay, chúng ta nuôi cha mẹ tính ngày tính tháng. Hay chỉ là thuộc vào những phường vô ơn bạc nghĩa, những kẻ chỉ biết đam mê theo mỗi phú quý, bả vinh hoa, để đánh mất hết nhân tính của chính chúng ta?

Và, cho dù lòng người có đảo điên đến mức độ nào chẳng nữa, ân đức sanh thành vẫn khoan dung độ lượng như hải hà. Ân đức của đấng sanh thành mà ngàn đời ấy, chỉ biết đem hết sức lực và máu huyết của mình ra để nuôi dưỡng đàn con mà không một lời than thở và không bao giờ nghĩ đến chuyện báo đền.

Vậy thì, thân phận của chúng ta hôm nay, gửi thân nơi xứ lạ quê hương, ân sâu nghĩa nặng đã trở thành hai phương trời cách biệt; đó là niềm đau xót tận tâm can của chúng ta trong nỗi đảo điên của vận nước, trong nỗi điêu ngoa của thế thái

nhân tình, thì hình ảnh sanh thành dưỡng dục lại hiện về như đôi bàn tay hòa ái, như nụ cười đôn hậu, khoan dung.

Ôi! Cao cả làm sao! Cả một bầu trời thánh thiện đang che chở cho chúng ta. Thì dù cho non nước đổi dời, dù biển cạn núi mòn, nhưng *ân nghĩa sanh thành* vẫn muôn đời bất diệt. Dù xuất gia hay tại gia cũng đều là Phật tử cả. Bởi vì Phật tử tức là:

Tùng Phật khẩu sanh, tùng Pháp hóa sanh, đắc Phật Pháp phần, cố danh Phật tử đứng mức thì phải là con người chí hiếu rồi; có nghĩa là không thể và không bao giờ quên hay làm ngơ đi cái ân thiêng liêng mà cha mẹ, ông bà tổ tiên đã tạo dựng cho chúng ta thành thân, nên người.

Trong Kinh Vu Lan Đức Phật răn dạy cho hàng đệ tử của Ngài là phải: "...đền đáp ân đức sanh thành dưỡng dục...", Phật pháp cảnh giác rằng thân người khó được mà dễ mất. Khó được mà được là nhờ có ân sanh thành, dễ mất mà còn là nhờ ân dưỡng dục. Cho nên, là Phật tử là con của Phật thì phải biết và nghe theo đoạn kinh được rút ra từ Tăng Nhất A Hàm đại tập, tập 2 trang 601 có đoạn nói về ơn Cha nghĩa Mẹ như sau:

"Có hai việc làm cho phàm phu được đại công đức thành đại quả báo, được vị cam lộ, đến chỗ vô vi, đó là phụng sự cha mẹ được đại công đức, thành đại quả báo khi cúng dường vị Bồ Tát chỉ một đời nữa là thành Phật. Vì vậy các Tỷ Kheo, hãy luôn luôn nhớ và hiếu thuận với cha mẹ."

"Các Thầy Tỳ Kheo, có hai người mà các Thầy hướng dẫn làm điều thiện đi nữa cũng vậy chưa trả được ơn, đó là cha mẹ. Nếu có kẻ vai trái để công cha, vai phải công mẹ đến ngàn vạn năm, cung phụng đủ cả đồ ăn, đồ mặc, đồ nằm và thuốc thang, để cha mẹ tiểu tiện, đại tiện ngay trên vai mình đi nữa, cũng chưa trả hết ơn cha mẹ. Các Thầy phải hiểu rằng ơn cha mẹ nặng lắm, bỗng bề nuôi nấng, dưỡng dục đúng lúc, không lỡ cơ hội, làm cho ta thấy được nhật nguyệt, vì thế biết ơn ấy rất khó trả. Do đó, các Thầy phải phụng dưỡng cha mẹ luôn luôn hiếu thuận cho đúng lúc, không lỡ mất cơ hội."

Đoạn kinh này nhân mùa An Cư Kiết Hạ, Đức Phật trực tiếp răn dạy cho hàng xuất gia. Bởi vì Đức Phật nhận thấy ân cha, nghĩa mẹ sâu dày như thế, người xuất gia không thể vì nại cố chỉ lo làm lành lánh dữ hướng dẫn tu niệm vẫn chưa đủ. Một khi cha mẹ cần đến mình, nếu mình không thể đáp ứng thì đừng xuất gia còn hơn. Đây là một đoạn nhỏ rút ra từ Kinh A Hàm, đại tập 1, trang 500.

Chính Ngài Trí Húc cũng vẫn theo lời dạy của Đức Phật được rút ra từ trong Tục Tạng, tập 35 trang 154b với ý như: "...Có hai vị Phật sống ở trong nhà các người, đó là cha và mẹ."

Bởi vì theo Tục Tạng, tập 59, trang 201a, phần Kinh Bảo Tạng có dạy:

"Hiếu sự cha mẹ là vua Trời Đế Thích ở trong nhà các người, thực hành hiếu là chúa Trời Đại Phạm ở trong nhà các người, hiếu tận lực thì Đức Thích Ca ở trong nhà các người."

Và cũng trong Tục Tạng tập 59, trang 21a, đứng về Giới Luật, Đức Phật cũng dạy: "Bởi vì ngay giới luật Thanh Văn đi nữa, nếu thấy cha mẹ bị bắt, không cố chuộc ra, là phạm đệ thất tụ."

Cho nên, là đệ tử Phật, dù xuất gia hay tại gia đều phải phụng dưỡng cha mẹ.

Hàng tại gia thì lo làm lụng, phụng dưỡng cha mẹ vật chất theo khả năng có được của mình. Song song với sự phụng dưỡng vật chất, còn phải hướng dẫn cha mẹ theo con đường thiện, tức là hướng về Phật Pháp.

Hàng xuất gia không chỉ những phụng dưỡng cha mẹ bằng cách hướng dẫn song thân tu niệm Chánh pháp, mà còn phụng dưỡng cha mẹ theo như Kinh Vu Lan Bồn, trong Tập A Hàm, ở Đại Tập, tập 2, trang 22 có đoạn hướng dẫn là: "Như pháp khát thực mà phụng dưỡng cha mẹ, thì phước đức rất lớn."

Ngày Đức Phật còn tại thế, chính Ngài đã trực tiếp dạy cho vua Ba Tư Nặc về hiếu hạnh của Ngài. Ngài nhấn mạnh cho nhà vua biết qua Kinh Tăng Nhất A Hàm, trong Đại

Tập, tập 2, trang 637 rằng: Chính Ngài cũng là thành phần của loài người, Cha là Chân Tịnh, mẹ là Ma Gia. Ân đức cha mẹ vô cùng trọng yếu, nên khi Ngài trở về hoàng cung vấn an phụ vương cũng như dẫn dắt phụ vương và hoàng thân quốc thích Ca Tỳ La Vệ theo Chánh Pháp. Khi Ngài về đến gần Kinh đô, Ngài nghĩ: Ông cha mẹ rất nặng, tình dưỡng dục cao dày, Ngài không để cho phụ hoàng nghênh tiếp; gần giáp mặt, mà Ngài phải phi thân lên bảy thước. Theo ý của Ngài Tôn Mật, là Đức Phật không để phụ vương lạy trực tiếp.

Đức Phật nhận ra công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ cao thâm, nên trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, Đại Tập, tập 2, trang 749 có nói: "Khi Đức Phật nhập Niết Bàn, Ngài vẫn đề cao Phụ Mẫu Lực, mà không sử dụng Thần Túc Lực và Trí Tuệ Lực."

Gương hiếu hạnh của Ngài đã thể hiện qua hình ảnh ở trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, Đại Tập, tập 2, trang 822 và 823 có đoạn nói:

"Khi Ngài nghiêng vai gánh quan tài của kế mẫu là bà Đại Ái Nhạo Tỳ Kheo, lúc bà nhập diệt. Chính Đức Phật đã từ chối sự làm thay của chư thiên. Ngài dạy: Cha mẹ sanh thành, làm con lợi ích rất nhiều, ân nuôi dưỡng không thể báo đáp. Ngài nghiêng vai gánh một góc, ba góc kia Ngài bảo các em của Ngài là Tôn Giả Nan Đà, Tôn Giả A Nan

và Tôn Giả La Vân cùng khiêng đến tận chỗ hỏa táng. Chính Ngài đích thân hỏa táng kế mẫu."

Cùng với việc mà trong Tăng Nhất A hàm và Tạp A Hàm ở trong Đại Tập, tập 2, trang 703 và trang 134, cùng với trong Kinh Địa Tạng đều ghi Đức Phật lên cung Trời Đao Lợi thuyết pháp cho thân mẫu nghe.

Đức Phật dạy: "Dù xuất gia hay tại gia, ai có hiếu tức là đã giữ giới". Ngài thường dạy: "Hiếu là giới. Vì lục đạo chúng sanh là cha mẹ". Chính điều này đã chỉ dẫn cho chúng ta thấy: Hiếu hạnh là luật vậy. Hàng xuất gia Đức Phật dạy kỹ từng li từng tí như vậy.

Hàng tại gia Đức Phật dạy phải biết phụng dưỡng cha mẹ ngoài vấn đề vật chất, khi đấng sanh thành còn tại thế. Khi cha mẹ và ông bà tổ tiên đã khuất bóng cùng với lục thân quyến thuộc thì sao, một khi mùa báo hiếu trở về?

Trước tiên là sắm lễ vật theo khả năng và hạnh nguyện để dâng cúng thập phương chúng Tăng nhân mùa tự tứ. Trước là nhờ ơn đức của đại chúng sau ba tháng an cư chú nguyện. Nhờ oai lực của Tăng chúng mà sự cúng dường của chúng ta có được phước báo vô cùng. Trong Kinh Vu Lan Bồn:

"Ai được hiến cúng liệt vị Thánh Tăng tự tứ như vậy, thì cả cha mẹ cùng cả bà con, được tiêu trừ các thống khổ ở trong

ba đường dữ tức thời giải thoát, cơm áo tự nhiên, tự tại hóa, sanh vào trong thiên giới, phước lạc vô cùng."

Chúng ta cúng Phật, chư Tăng chú nguyện, cha mẹ hiện tại cũng như quá khứ đều lợi lạc.

Tóm lại, là Phật tử là người con chí hiếu. Như trên đã nói: "Cái đức từ hiếu nghĩa là từ là hiếu. Phật Giáo quan niệm tất cả chúng sanh trong lục đạo, thay phiên nhau làm cha, làm mẹ, làm thân bằng quyến thuộc của nhau." Điều này trong Kinh Duyên Mệnh Địa Tạng Bồ Tát có đoạn nói: "Chuyển hồi lục thú, sanh sanh phụ mẫu, thế thế huynh đệ...", nghĩa là: "Quanh quẩn lục thú, kiếp kiếp làm cha mẹ lẫn nhau, đời đời làm anh em quyến thuộc..." Như vậy, chắc chắn rằng theo nghiệp dẫn thì có người lên kẻ xuống; do đó, chúng ta phải cầu nguyện. Không phải chỉ cầu nguyện trong mùa Vu Lan, mà phải thường cầu nguyện cho đều.

Mặc dầu trong Kinh dạy là thoát nạn đau khổ trong ngạ quỷ là hình ảnh mẹ của Ngài Mục Kiền Liên đã làm ngạ quỷ. Thật ra, cha mẹ, thân bằng, lục thân quyến thuộc của chúng ta sẽ bị đọa tất cả trong ba đường dữ.

Trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, Đại Tập, tập 2, trang 600, Đức Phật đã dạy:

"Ai biết trả ơn thì người ấy đáng kính. Người ấy ơn nhỏ còn không quên huống chi ơn lớn. Người ấy dầu ở cách ta ngàn

dặm hay trăm ngàn dặm mà vẫn không xa ta. Vì lẽ, các thầy Tỳ Kheo, ta luôn luôn ca tụng người biết trả ơn thì ơn lớn cũng quên, hưởng chi ơn nhỏ. Kẻ ấy sẽ không gần ta, ta không gần kẻ ấy. Kẻ ấy dù mặc pháp y và ở ngay bên trái hay bên phải của ta đi nữa, cũng vẫn xa ta..."

Những lời dạy thống thiết của Đức Phật đối với hàng đệ tử của Ngài. Cho dù cha mẹ không nghèo khổ, chúng ta cũng phải có bốn phận lo nghĩ đến ân đức sanh thành, hưởng nữa cha mẹ đang còn nghèo đói. Hàng Phật tử phải đúng pháp mà cúng dường và phụng dưỡng. Có như vậy mới lợi lạc cho mình và cho người thọ thực cũng được an lạc.

Để kết thúc bài này, xin nhắc lại một lần nữa là: Ngày Vu Lan là ngày báo hiếu, là ngày đề cao ý niệm: *hiếu là giới*. Ngài Trí Húc đã dẫn giải rõ ràng theo Kinh Ma Ý, cho thấy Đức Phật dạy rút ra từ Tục Tạng, tập 35, trang 152b như sau: "Giữ giới chính là hiếu thuận báo ơn cha mẹ."

Ngay trong Bồ Tát Giới Kinh cũng đã dạy rõ ràng: "Quả báo của tội phá giới nặng nhất, đến nỗi hai hay trong ba kiếp không còn nghe được danh từ cha mẹ hay Tam Bảo." Con người bất hiếu thì luôn luôn ở trong ba đường dữ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Chúng ta có cha mẹ, chúng ta phải làm gì khi song thân còn tại thế hay đã qua đời. Đặc biệt là hàng đệ tử của Phật.

TT Thích Tín Nghĩa

THƠM HƯƠNG HIẾU THẢO

Thích Bảo Lạc

Hìi lớn lên mỗi người chúng ta ai cũng phải tự tìm học nghề để bảo đảm tương lai. Một việc làm cần thiết mà mọi người, mọi thời đại ở mọi quốc gia không thể làm sai khác được, nhất là đối với lớp tuổi thanh xuân tràn đầy sức sống.

Cũng vậy, *hiếu* cần phải học hỏi, trau dồi, áp dụng đúng cách thì không gian và thời gian tới nhiều thế hệ. Vì cần phải học hỏi, *hiếu* cũng được quan niệm như một nghề tinh xảo từ đời ông sang đời cha, tới đời con cháu về sau. Những gương hiếu thảo ngàn xưa vẫn còn sáng ngời qua sử sách, đủ để chứng minh một cách cụ thể đức *hiếu* không thể thiếu đối với xã hội văn minh tiến bộ loài người. Xã hội loài người càng văn minh, con người càng phải nghĩ tới *hiếu* nhiều hơn thì cái văn minh ấy mới hàm dưỡng khía cạnh tinh thần - văn minh đạo đức - bằng ngược lại, là sự phá sản vô cùng lớn lao không lường được.

Là người con của gia đình ta nên hiếu dưỡng với cha mẹ, thuận thảo với anh em, chị em; là người tín đồ của đạo giáo, ta phải niệm nghĩ ân đức để tỏ ra xứng đáng là người

học trò thuần thiện với đấng giáo chủ, bậc khai sáng nền đạo đức cổ kim.

Các gương hiếu sau đây là những bài học vô cùng cao quý giúp soi sáng việc tu thân xử thế cho chúng ta.

I. Các con thay phiên nhau nuôi cha mẹ

Ông già họ Ngô người quận Sùng Minh, tỉnh Giang Tô đời nhà Thanh, sanh được bốn người con trai. Vì nhà nghèo, ông phải đem bán mấy đứa con để bù đắp sinh kế gia đình. Cả bốn đứa con trai đều giúp việc cho một gia đình giàu có. Cho đến khi trưởng thành, họ tự do lập thân và cả bốn người đều đã có vợ con, tất cả họ đều ở cùng một vùng. Trước hết họ phụng dưỡng cha mẹ và chia phiên nhau ra mỗi người lo một tháng. Nhưng mấy cô vợ của các anh ấy không chịu nói: "Mỗi tháng một người lo thì phải đợi ba tháng sau mới có dịp săn sóc cha mẹ; như vậy việc lo cho cha mẹ quá thừa thớt, chi bằng chia ra mỗi ngày một người lo mới hợp lẽ".

Sau khi phân ra mỗi ngày tới phiên một người lo vẫn phải chờ tới ba hôm sau mới có thể săn sóc cho cha mẹ được, như thế vẫn còn quá thừa thớt. Tốt hơn hết, mỗi bữa ăn tới phiên một người mới thích hợp.

Từ đó về sau, họ đồng ý sửa đổi lại mỗi bữa ăn đến phiên một người lo. Ví dụ bữa ăn sáng người anh cả lo cung cấp

cho cha mẹ, đến bữa ăn trưa người thứ hai cung cấp, buổi tối đến phiên người thứ ba và đến bữa ăn sáng hôm sau thì người con thứ tư lo. Họ cứ luân phiên nhau như vậy sẵn sóc cho cha mẹ chu đáo. Mỗi lần gặp ngày mồng 5, mồng 10 cả bốn anh em cùng sắm món ngon vật lạ đem dâng. Cha mẹ ngồi hướng nam, bốn con và các cháu trai ngồi hướng đông, bốn con dâu và cháu gái ngồi hướng tây. Họ theo thứ tự sắp thức ăn cho cha mẹ. Sau nhà ăn, các con trồng một cây, mỗi gia đình anh em đem tới treo một quan tiền lên đó. Mỗi lần cha mẹ dùng bữa xong thì quay ra cây lấy một quan tiền ra phố mua bánh trái để dùng. Tiền trên cây mỗi ngày một thêm nhiều, vì bốn anh em thường ngày tiếp tục đắp tiền vô không ngừng. Hai cụ lúc nhàn rồi thường hay tới chơi nhà mấy người bạn tri kỷ, cũng có khi đánh cờ tướng, lúc chơi bài... Các con ông Ngô biết tại nhà nào các cụ hay lui tới chơi, bèn âm thầm gửi cho mấy ông bạn cố tri ấy vài trăm quan tiền nhờ họ đưa cho cụ thân. Cụ nhận được tiền rất phấn khởi, lúc trở về cụ vui vẻ kể lại cho cháu con nghe hoặc mua đồ chơi về cho các cháu chơi, hoàn toàn không biết tiền đó ở đâu ra mà thật ra của chính con mình. Lấy đó làm niềm vui quên mối phiền lo, nên cả nhà hòa nhã sống yên vui vẻ. Lúc ông cụ tuổi 99 thì bà cụ thọ 97, trưởng nam 77 tuổi, con trai thứ 76 và người thứ ba thứ tư tóc cũng đã bạc. Năm đời cùng sống chung nhà, con cháu, chắt, chít gồm hơn 20 người. Tại Sùng Minh ông Lưu Công Triệu đề tặng cụ Ngô một tấm biển: "Bách linh phu phụ tề mi, ngũ thế nhi tôn nhiều tất" (trăm tuổi chồng vợ đều huê, năm đời con cháu sum sê). Đây quả là niềm vui số

một đời người, nhân hiếu thuận mà được quả báo trước mắt. Phàm làm con cháu nên bắt chước con nhà họ Ngô hết lòng báo hiếu và kịp thời phụng dưỡng cha mẹ. Chúng ta không thấy cảnh mất cha trên đời sao? Nên phải hiếu dưỡng cha già mà vẫn xem như không hiếu. Chúng ta không thấy ở đời cảnh mất mẹ sao? Nên phải hiếu dưỡng mẹ hiền mà xem như không. Ta nên bắt chước mấy nàng dâu nhà họ Ngô về việc hiếu thuận. Đó mới thật là cách báo hiếu hiệu quả có giá trị ở đời. (Ngư Dương Dạ Đàm).

Xem qua gương hiếu các con ông Ngô, ta vô cùng cảm kích, quý trọng, nhất là đối với bốn cô dâu biết nhường nhịn tương kính nhau. Họ biết hòa nhã thuận thảo sống chung vui vẻ, không những lo phụng dưỡng cha mẹ già yếu đầy đủ an vui hai mặt: vật chất, tinh thần mà còn tương trợ đùm bọc lẫn nhau quây quần dưới mái ấm gia đình bên cạnh cha mẹ, con cháu, con dâu, cháu chắt tạo nên cảnh đoàn viên sum hợp an lành hạnh phúc.

Khung cảnh gia đình hòa hợp, ấm cúng nên thơ, vui vẻ này có được là nhờ mỗi cá nhân anh em biết khắc phục những khó khăn, nhẫn nại, tận tình để tâm ý áp dụng bài học làm con giữ tròn đạo hiếu. Qua kinh nghiệm, mỗi ngày việc báo hiếu của họ một tinh thần có kỷ luật cao.

II. Bài học báo hiếu

Dương Phủ người quận Thái Hòa, tỉnh An Vi, biết đời người vô thường, nên dốc chí học đạo tu hành. Nghe nói ở Tứ Xuyên có Hòa Thượng Vô Tế đạo cao đức trọng nên muốn tìm tới để nhận làm bậc minh sư. Dương Phủ từ già song thân và xóm làng yêu quý để lên đường tới Tứ Xuyên tìm thầy học đạo. Vừa tới nơi liền gặp ngay một vị lão Hòa Thượng đạo mạo trang nghiêm, Phủ tỏ lòng cung kính xin đánh lễ Ngài một lạy, Hòa Thượng hỏi: "Ông từ đâu tới? Tới Tứ Xuyên để làm gì?".

Đáp: Con từ tỉnh An Vi tới. Tới đây tìm ngài Vô Tế đại lão Hòa Thượng để xuất gia học đạo tu hành.

Hỏi: Ông cần gặp Vô Tế lão Hòa Thượng, đâu bằng gặp Phật.

Đáp: Con muốn gặp Phật, nhưng không biết Phật ở đâu, xin lão Hòa Thượng chỉ cho con.

Hỏi: Ông hãy trở về, trông thấy người nào vai quần mền vải, chân mang giày ngược, đó chính là Phật.

Dương Phủ nghe Hòa Thượng bảo vậy, tin chắc không nghi ngờ gì cả, chuẩn bị hành trang thuê thuyền trở lại quê nhà. Trên đường về ròng rã trên một tháng trời. Hôm về tới nhà, trời đã nhá nhem tối, khi vừa bước chân vào cửa, Phủ kêu mẹ ra mở cửa. Người mẹ nghe tiếng đứa con yêu quý trở về, chi tiết vui mừng liền từ trên giường chạy ra, không kịp mặc áo, bà vớ vội chiếc mền khoác lên vai, xỏ giày ngược, hối hả chạy ra mở cửa, tiếp đón đứa con yêu quý. Dương Phủ thấy mẹ vai quần mền, chân mang giày ngược liền hiểu ngay

rằng cha mẹ mới chính là những vị Phật sống. Từ đó trở đi, hết lòng hiếu dưỡng cha mẹ về cả hai phương diện.

- *Phương diện vật chất*: cung phụng cho cha mẹ đầy đủ không thiếu món nào.

- *Phương diện tinh thần*: hết sức làm cho cha mẹ được hài lòng trong niềm an lạc.

Dương Phủ về sau này trước giờ lâm chung đã tụng bài kệ bốn câu kinh Kim Cang và lìa đời trong niềm an lạc, hưởng thọ được 80 tuổi. (Đức Đức cổ giám)

Kinh Đại Tập có nói: "Nếu ở đời không có Phật, khéo biết kính thờ cha mẹ, tức là kính thờ Phật vậy". Người xưa nói: "Trên nhà có hai đức Phật đáng tôn kính, nhưng khá tiếc cho người đời không biết nên không dùng vàng lá phủ bọc, cũng không biết lấy gỗ quý chiên đàn điêu khắc. Đó là cha mẹ đang còn tại thế như đức Thích Ca, Di Lặc. Nếu biết thành kính các vị, thì công đức vô lượng không thể nghĩ bàn".

Từ trong kinh điển Phật giáo và lời của cổ đức trích dẫn ở trên, ta nhận thấy ngay rằng lời dạy Dương Phủ cách báo hiếu thực tiễn của Hòa Thượng Vô Tế thật thâm trầm tế nhị hợp đạo lý.

Trước sức mạnh của kim tiền, của văn minh vật chất càng ngày càng ảnh hưởng sâu đậm trong nếp sống, trong tâm tâm con người thời nay bao nhiêu thì giá trị đạo đức tinh thần càng đi xuống, hiếu thuận của người xưa càng hiển lộ sáng suốt như kim cương.

Lòng chí hiếu thuần thiện của người con đối với cha mẹ mang một sức mạnh tinh thần không gì lay chuyển được, cho dù bất cứ danh lợi cũng không thể nhử được, vũ khí tối tân cũng không đe dọa được, kể cả tánh mạng dù phải hy sinh, miễn tâm thành báo hiếu được mãi ngàn đời.

III. Lòng chí hiếu cảm động tới trời

Tôn Cẩn là người con chí hiếu ở vào đời Nguyên triều, phụng dưỡng cha và kế mẫu hết lòng, nên người đương thời không ngớt lời ca tụng. Sau khi cha chết, quan tài quàn lại trong nhà bốn năm. Tôn Cẩn vô vàn thương tiếc, sầu khổ khôn nguôi qua nhiều ngày quần áo chẳng thay. Đoạn tuyệt chẳng thịt cá, chí thành tụng kinh niệm Phật cầu nguyện vong hồn cha siêu sanh Cực lạc quốc. Lúc đưa đám tang, phải thuê thuyền chở quan tài qua sông, thành linh một trận cuồng phong nổi lên, sóng gió dữ dội. Nhưng lúc cổ quan tài vừa đưa lên thuyền chuẩn bị ra đi thì sóng lặng gió êm.

Mọi người thuận buồm xuôi gió trên đường đi tới đất liền một mạch, nên ai nấy đều hết lời tán thán lòng hiếu thảo của Tôn Cẩn cảm động tới trời.

Tôn Cẩn hầu hạ kế mẫu là Đường Thị chu đáo nhỏ nhẹ cũng như chính mẹ ruột. Một năm kia nơi ngực kế mẫu nổi lên một mụn nhọt lớn máu mủ cứ tươm nước, bà rên rỉ trên giường và đau nhức vô cùng. Hành xử theo lòng hiếu kính, Cẩn không kể máu mủ dơ uế, hôi tanh, kê miệng hút mủ

nơi mụn nhọt của kế mẫu, dùng lưỡi liếm sạch máu dính trên da thịt bà. Vài hôm sau, mụn nhọt dần dần lành lặn hẳn. Nhưng sau bà lại mắc phải chứng đau mắt. Đầu tiên hai mắt bà đục mờ trông không thấy rõ. Thầy thuốc trị bệnh cho toa, chứng bệnh vẫn không giảm nhẹ. Trái lại ngày này qua ngày khác bệnh càng trầm trọng hơn. Cuối cùng cả hai mắt đều hết thấy đường. Tôn Cẩn thấy kế mẫu không còn nhìn thấy mọi vật chung quanh nữa nên lấy làm thương xót vô cùng. Ông nghĩ rằng trước đây bệnh nhọt của kế mẫu ông dùng lưỡi kiếm mà hết bệnh. Nếu bây giờ dùng lại cách ấy không biết có hy vọng làm cho mắt mẹ sáng ra không? Do đó, ông một lần nữa không sợ dơ uế, cũng chẳng phiền hà, mỗi ngày dùng lưỡi liếm vào hai mắt kế mẫu. Một tuần, rồi hai tuần trôi qua đều thấy không hiệu quả. Nhưng ông cương quyết không nản lòng, mỗi ngày tiếp tục dùng lưỡi liếm vào đôi mắt kế mẫu. Ông nghĩ làm như thế ít ra cũng an ủi về mặt tinh thần bà rất nhiều, nên cứ duy trì như vậy suốt trong hai tháng thì đôi mắt bà từ từ sáng lại và nhìn thấy được ánh sáng mặt trời. Hai mẹ con mừng rỡ không thể diễn tả hết được ra lời.

Về sau kế mẫu già bệnh mà chết. Lúc sắp đưa đám tang thì trời mỗi lúc càng mưa lớn dầm dề. Do đó đám tang phải dời lại ngày khác. Ban đêm ông ngẩng mặt lên trời kêu khóc cầu xin ông trời tạnh nắng. Qua sáng sớm hôm sau quả nhiên trời quang mây tạnh, bầu trời trong sáng, đám tang được cử hành dễ dàng. Sau khi chôn cất xong trời lại đổ mưa qua nhiều ngày không dứt. Trời chỉ tạnh ráo một

ngày đúng là để cho đám tang của mẹ người con hiếu thảo được cử hành thuận lợi.

Từ sự tích hiếu thảo của Tôn Cẩn cảm kích tới trời, chứng tỏ cho ta thấy rằng, tâm chí hiếu thành khẩn thì mọi việc sở cầu đều như nguyện. Hễ không có cảm thì cũng không ứng, thật là điều khó có thể nghĩ bàn. (Lịch sử cảm ứng thống kỷ)

Mỗi một việc làm, mỗi một thái độ báo hiếu của người con mang một sắc thái cá biệt, song mục đích cũng vẫn giống nhau: đền đáp ân đức sanh thành vô cùng cao cả của cha mẹ. Cái tác dụng hiếu hạnh người xưa muôn đời bất diệt được hậu thế mãi truyền tụng tán dương không ngừng.

Và đây lại là một gương hiếu khác góp thêm một cánh hoa xây dựng đạo hiếu con người.

IV. Lạy sám hối gặp được mẹ

Chu Thọ Xương người đời Tống là con trai quan Hình Bộ Thị Lang Chu Tồn. Mẹ ông là Lưu Thị xuất thân nhà nghèo khó.

Năm Thọ Xương lên 7 tuổi, cha mẹ ông ly hôn. Về sau mẹ tái giá (lấy chồng khác), ông biệt luôn tin tức. Đến lúc trưởng thành, ông thường nghĩ tới mẹ luôn, nhưng không biết mẹ lưu lạc phương nào, nên rất đau khổ không làm sao gặp lại mẹ thật là buồn thương. Ông rũ áo từ quan. Lập chí quyết tâm đi tìm mẹ. Tìm khắp đông tây vạn dặm trải qua trăm cay nghìn đắng vẫn không tìm thấy mẹ. Lúc ấy báo

chí tin tức không giống như bây giờ, không có một tờ báo để đăng quảng cáo tìm người, nên hoàn toàn vô vọng không còn cách nào khác hơn. Thật là hết sức khó khăn, chỉ còn một chút hy vọng cuối cùng ông vẫn không thối tâm nản chí: không đạt tới mục đích, không chịu thua. Ông là một Phật tử thuần thành, tin chắc có sự cảm ứng không sai. Ông trích máu và dùng máu ấy viết kinh Thủy Sám, đem in ấn tống phân phát cho nhiều người cùng lợi lạc. Chính ông ngày đêm trì tụng kinh Thủy Sám không ngớt mong được sự cảm ứng của chư Phật, Bồ Tát. Quả nhiên trời cao không phụ lòng người đang đau khổ. Có một hôm, ông tới vùng Đông Châu, Thiểm Tây thì bất thần gặp mẹ. Lúc đó mẹ ông tóc đã bạc màu, mặt nhăn nheo, nhưng dung mạo vẫn còn nhìn ra được. So Thọ Xương trước kia là một chú bé 7 tuổi với bây giờ là một người lớn, mẹ ông không làm sao nhận ra được. Thọ Xương thân mật gọi: "Mẹ, mẹ" rồi nói lớn: "Con của mẹ à, như chiêm bao cũng không có cảnh này, lại được gặp con ở đây sao!".

Hai mẹ con trên 20 năm không gặp nhau, mừng mừng tủi tủi, chỉ xiết hã hê trào nước mắt, rồi ôm nhau khóc mủi lòng. Cuộc trùng phùng giữa mẹ con cảm động đến độ khiến cho nhiều người đi đường phải đứng lại xem. Thọ Xương đón mẹ về nhà hết lòng phụng dưỡng từ đó. Về sau này, ông làm quan tới chức "Ty Trung Thiếu Khanh" vẫn một lòng hiếu thảo mẹ hiền.

Lúc bấy giờ trong giới sĩ phu đều truyền tụng câu chuyện: "Lòng hiếu thảo của Chu Thọ Xương được cảm ứng".

Các nhà tâm lý học cận đại cũng thừa nhận việc cảm ứng tâm linh. Song cảm ứng tâm linh thì ít xảy ra, nguyên nhân chính ra do sự thiếu thành tâm, nên khó đạt được cảm ứng.

Trong câu chuyện đây Chu Thọ Xương trích máu viết bộ kinh Thủy Sám và đêm ngày trì tụng để mong gặp được mẹ. Vạn dặm kiếm tìm vẫn không nản chí. Đó là lòng thành biết bao! Việc cảm ứng phải đến, mẹ con được hội ngộ... Tục ngữ có câu: "Thành thì linh", phải tin đó là sự thật.

V. Hầu mẹ một bước không rời

Từ Tích là người quận Hoài An tỉnh Giang Tô, mồ côi cha từ lúc mới lên ba tuổi. Mỗi sáng sớm Tích quỳ dưới đất khóc lóc gọi cha thật là thảm thiết.

Thời thiếu niên có đọc hiểu kinh nên luôn nghĩ tới ân cha khó báo đáp, ông thường hay khóc thầm. Năm 20 tuổi, ông theo học thầy Hồ An Định nên thâm hiểu đạo lý Khổng giáo về cách chánh tâm thành ý. Do đó, ông thờ mẹ hết lòng rất mực nghiêm cẩn. Ông luôn luôn hầu cận mẫu thân không rời một bước, trừ trường hợp bất khả kháng gặp những việc trọng đại. Hầu mẹ tươm tất ngày đêm trong việc cung cấp món ngon vật lạ chu đáo.

Về sau lên kinh đô thi, song không nỡ lìa người mẹ thân yêu, ông dắt mẹ theo cùng, đúng là mẹ con như hình với bóng để sớm chiều có bạn. Cha ông tên Thạch, làm cho ông rất quý trọng nên trong sinh hoạt thường ngày, gặp đá trên đường, ông không hề nhẫn tâm dẫm đạp lên. Có người hỏi: "Ông tránh không dẫm đạp lên đá trên đường; việc đó đâu cần thiết". Từ Tích trả lời: "Tôi không hề cố ý tránh đạp đá, nhưng trên thực tế, cha tôi tên Thạch, nên mỗi khi thấy đá tôi liền tưởng đến cha tôi ngay, và không muốn bị lương tâm dày vò nên tôi không nỡ dẫm lên đá".

Khi mẫu thân lìa đời, ông than khóc đến nỗi xuất huyết và nhịn ăn uống vài hôm không giọt nước thấm môi và làm túp lều nhỏ bên mộ ở đó chịu tang mẹ. Mỗi ngày ở trước mộ mẹ khóc than thăm hỏi y hệt như mẹ lúc còn sống. Sau khi Từ Tích qua đời, người đời nể trọng gọi ông là "Ông Từ hiếu" và vẫn lập đền thờ cúng cho tới ngày nay. Mọi người đều tỏ lòng sùng kính ông, đều nhận là gương hiếu hạnh của họ Từ có thể đem so sánh với Tăng Mẫn Tương vậy. (Đức Dục cổ giám)

Kinh Đại Niết Bàn nói: "Mẹ ta chịu khổ cực muôn phần trải qua mười tháng cưu mang bào thai. Sau khi chào đời, mẹ nhường khô chịu ướt, giặt rửa bẩn dơ, đại tiện, tiểu tiện, cho bú mớm nuôi dưỡng bảo bọc ta. Do ân nghĩa đó, ta nên báo đáp thâm ân, về mặt vật chất hầu cận chăm nom săn sóc tùy hỷ cung cấp mọi thứ". Kinh Đại Thừa Bốn Sanh Tâm Địa Quán nói: "Ngày các Thiện nam tử, trên thế gian

này gì là giàu nhất? và gì là nghèo nhất? Từ mẫu còn tại thế là giàu nhất. Từ mẫu mất đi là nghèo nhất. Lúc mẹ còn sống ở đời như mặt trời ban ngày. Khi mẹ chết đi như mặt trời lặn khuất. Mẹ còn sống như là vầng trăng sáng. Mẹ chết đi như đêm vắng tối tăm. Vì thế các ông cần nên tu tập hiếu dưỡng cha mẹ. Cũng như thờ cúng Phật - phụng dưỡng cha mẹ - phước đức không khác. Các ông nên theo như vậy báo ân cha mẹ".

Đoạn kinh trên thuyết minh về mẹ còn sống vui mạnh khỏe là hạnh phúc nhất trên đời. Ông Từ Tích do khi mẹ ông còn an lành khỏe mạnh ông theo hầu hạ một tấc không rời. Ngược lại mẹ hiền chết đi là buồn thương nhất trần gian. Cho nên ông Từ Tích lúc mẹ qua đời đã khóc thương đến độ xuất huyết. Theo quan niệm của Phật giáo, mẹ là đời dĩ nhiên là điều đau buồn nhất trên đời, nhưng trong lúc cha mẹ gần lâm chung tuyệt đối không nên đứng bên giường kêu khóc làm trở ngại việc vãng sanh Tây phương mà nên khắc phục thương xót. Thay vì khóc lóc thì nhiếp tâm niệm Phật để trợ niệm cha mẹ vãng sanh Tây phương cực lạc.

Thích Bảo Lạc



LỄ THÁNG BẢY CHO NHỮNG OAN HỒN PHIÊU BẠT

Tuệ Sĩ

Tục truyền tháng bảy mưa ngâu.

Trong các sinh hoạt nhân gian của truyền thống ta, tháng bảy là tháng đượm nhiều sắc thái văn chương nhất. Tháng bảy, mưa ngâu, nhịp cầu ô thước bắc qua giải Ngân-hà; hai tâm hồn lẻ loi cô độc, hằng đêm tư lự trong nỗi sầu ly biệt thiên thu giữa bầu trời cao rộng, chọn mùa mưa sụt sùi để gặp nhau, chỉ trong một thoáng chốc, rồi đời cũng như con nước trôi xuôi... Đây đó, giữa những cụm rừng khuya u tịch, vẫn còn có những oan hồn cô độc, lần mò tìm lại nếp sống của một thời xa xưa. Kẻ chết và người sống, khéo hẹn nhau để chu tất những món nợ ân tình đã từng chôn sâu dưới lòng đất. Khi đêm càng về khuya, âm hưởng trầm buồn của người sống phảng phất trong lễ cúng thí cô hồn chen lẫn với tiếng trùng nỉ non, thì tình tự của kẻ sống và người chết càng nghe ra khúc điệu tha thiết vô cùng:

*Dấu người thập loại biết là đâu
Hồn phách mơ màng trải mấy thu
Cồn biển nghinh ngang bầu thế giới
Những mồ vô chủ thấy mà đau[1]*

Trong các lễ cúng thí cô hồn, trai đàn chẩn tế được tổ chức quy mô nhất. Nó bao hàm cả hai khía cạnh văn chương và triết lý, gần như tất cả tinh hoa của tư tưởng và văn học Phật giáo Đại thừa Mật tông được gói trọn vào đây.

I

Về hình thức, trai đàn này dựa trên nền tảng của triết học Mật giáo. Tức bố trí theo một hình thức đơn giản của mạn-đà-la (maṇḍala)[2]. Đó là một vòng tròn, được tượng trưng như một đóa hoa sen nở tròn, và vòng tròn này là căn bản vũ trụ luận của Mật giáo. Thông thường, có hai bộ mạn-đà-la. Kim cang giới mạn-đà-la (vajradhātu-maṇḍala) biểu tượng cho trí tuệ sở chứng của Phật. Thai tạng giới mạn-đà-la (garbhadhātu-maṇḍala) biểu tượng cho phương tiện độ sinh của Ngài[3]. Mỗi mạn-đà-la đều dựa trên một số chủ điểm tư tưởng của Đại thừa giáo. Chủ điểm đáng ghi nhớ nhất, đại lược như sau.

Trước hết, chúng ta nên biết rằng theo quan điểm truyền thống của Phật giáo, vũ trụ gồm hai thành phần. Một đằng là nhân cách, tức lấy con người hay các loài hữu tình làm bản vị, mà trên hết, lấy nhân cách của Phật làm biểu hiệu cho bản thể tuyệt đối. Đằng khác nữa, là thế giới của nhân cách, là những pháp sở chứng và thọ dụng bất khả tư nghị của Phật. Nhân cách có năm yếu tố, gọi là năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Chúng tập hợp thành một bản ngã giả tưởng nên được gọi là uẩn. Thế giới của nhân cách

được cấu tạo bởi năm yếu tố, gọi là năm đại[4]: địa, thủy, hỏa, phong và không.

Trên cơ sở giáo nghĩa này, trước hết mạn-đà-la của Kim cang giới được thiết lập để biểu hiện trí tuệ sở chứng của Phật. Kim cang là loại chất rắn không bị bất cứ gì hủy hoại được. Do đó kim cang được vận dụng như một khái niệm cụ thể hoá yếu tính tồn tại của Phật thân, gọi là Kim cang bất hoại thân (vajrasaṃhātana-kāya). Thân ấy, cũng như thân của tất cả mọi loài chúng sinh, đều do năm uẩn, và năm đại cấu thành. Nhưng tồn tại của Phật thân không khác biệt với hoạt dụng của Phật trí. Do đó, năm đại tương ứng với năm trí (pañca jñānāni). Và nhân cách của Phật, như là chĩnh thể thống nhất của tồn tại và nhận thức, được biểu hiện thành năm đức Như lai tương ứng, tức là Ngũ trí Như lai, hay năm vị Thiên Phật (pañca dhyānibuddhāḥi).

Kim cang giới mạn-đà-la thuyết minh hoạt dụng của trí tuệ sai biệt trong lý tính không sai biệt, do đó Ngũ trí Như lai là trọng tâm của mạn-đà-la này. Hình dạng cơ bản là một hình tròn, gọi là nguyệt luân (candra-maṇḍala). Bên trong hình tròn này thiết lập các biểu tượng của năm vị Như lai. Chính giữa là vị trí đức Đại Tỳ-lô-giá-na, hay Đại Nhật Như-Lai (Mahāvairocana-Tathāgata). Đó là Pháp thân Phật (Dharmakāya-Buddha), như mặt trời bủa rộng ánh sáng bình đẳng và bao dung cùng khắp cả vũ trụ. Trong năm đại, Ngài biểu tượng cho không đại (ākāśadhātu), và bản chất của hư không là bao dung. Trong năm uẩn, Ngài là biểu

tượng của thức uẩn (vijjāna-skandha). Trong năm loại trí, Ngài biểu tượng cho Pháp giới thể tánh trí (dharma-dhātu-svabhāva-jñāna).

Bốn phương chung quanh Đại Nhật Như lai là vị trí của bốn đức Như lai, theo thứ tự từ Đông qua Nam cho đến Bắc như sau:

A-Súc-Bệ Phật (Akṣobhya), hay Bất-Động Như Lai với các biểu tượng: Phong đại (vāyu-dhātu), nhờ đó mà vũ trụ có vận động; hành uẩn (saṃskāra-skandha), động cơ tạo tác của các loại hữu tình; đại viên cảnh trí (ādarśa-jñāna), như tấm gương tròn bao la và ngời sáng phản chiếu mọi hiện tượng sinh thành và hủy diệt của thế giới.

Bảo Sinh Phật (Ratnasambhava) với các biểu tượng: hỏa đại (tejo-dhātu), khả năng làm chín muồi để đưa đến chỗ thành tựu các vận động của chúng sinh và thế giới; tưởng uẩn (saṃjñā-skandha), khả năng truy ức quá khứ và ước vọng tương lai để thúc đẩy sự tiến hành sinh hóa; bình đẳng tánh trí (samatā-jñāna), khả năng quan sát bình đẳng các pháp không bị ràng buộc ngã và pháp.

A-di-đà Phật (Amitabhā): thủy đại (ab-dhātu), khả năng kết hợp các pháp để tác thành duyên sinh hay duyên khởi; thọ uẩn (vedana-skandha), khả năng hưởng thụ thành quả của các vận động; diệu quán sát trí (pratyavekṣā-jñāna), nhìn

thấy rõ chân tướng của vạn hữu của tác dụng sinh khởi, tồn tại và hủy diệt.

Bất Không Thành Tựu Như lai (Amoghasiddhi): địa đại (pfthivì-dhātu), khả năng duy trì sự tồn tại của vũ trụ; sắc uẩn (rūpa-skandha), tác thành thế giới hữu tình; thành sở tác trí (kṛtyānuvīhāna-jñāna), thể hiện các phương tiện giáo hóa chúng sinh.

Mỗi đức Như lai đều có bốn Bồ tát thân cận. Tất cả là mười sáu Đại bồ tát. Ngoài ra, nội đàn có bốn cúng và ngoại đàn bốn cúng; tất cả tám cúng dường bồ-tát. Cùng với bốn Nhiếp bồ tát nữa. Cơ bản, Kim cang giới mạn-đà-la có tất cả ba mươi bảy tôn vị.

Thai tạng giới biểu hiện đại bi tâm của Phật, từ đó lưu xuất tất cả các phương tiện độ sinh. Từ Thai tạng giới, vạn pháp được thai nghén và dưỡng dục, cho đến thành tựu các phẩm chất siêu việt của đại trí và đại bi. Do đó, đàn tràng của Thai tạng giới được hình dung là một đóa sen có tám cánh. Đóa sen tám cánh này chính là hình ảnh trái tim bằng thịt của chúng sinh. Đại bi tâm không phải là một khái niệm trừu tượng, nhưng là sự rung động của trái tim bằng thịt ấy. Hoa sen, theo ý nghĩa nhân quả đồng thời, nghĩa là khi chúng sinh vừa phát tâm bồ-đề, ngay lúc ấy Phật quả đã được thành tựu. Bởi vì, trong thể tính tuyệt đối, ý niệm về thời gian và không gian không tồn tại. Từ ý nghĩa đó, tám cánh sen gồm bốn Đại Bồ tát, và bốn đức Như lai, biểu

hiện nhân cách của nhân và quả; tất cả đều phát xuất từ thể tính của Đại Nhật Như lai vốn là đài sen, ở trung tâm của mạn-đà-la.

Bốn đức Như lai, theo thứ tự từ Đông qua Bắc như sau:
Phương đông, Bảo Tràng Phật (Ratnaketu). Ngài là hình ảnh của bồ đề tâm (bodhicitta). Bảo tràng làm tiêu xí cho sự phát bồ đề tâm. Dưới cội bồ đề, Như lai đã giương cao tiêu xí này mà đánh bại binh chúng Ma, thành tựu Vô thượng Chánh giác.

Phương nam, Khai Phu Hoa Vương Như lai (Kusumitarāja), an trụ trong ly cấu tam-muội (vimāla-samādhi), bằng hạt giống bồ-đề tâm mà vun trồng và phát triển thành vô số hành động của đại bi, như đóa hoa nở rộ.

Phương tây, Vô Lượng Thọ Như lai (Amitayus), biểu hiện Báo thân hay Thọ dụng thân của Phật (Sambhoga-kāya), kết quả của vô số công đức tu tập, với hình ảnh hoa sen hàm tiếu.

Phương bắc, Thiên Cổ Lô Âm Phật (Divyadundubhi), biểu hiệu phẩm tính của Niết bàn; được ví dụ như chiếc trống trời, vốn không hình tướng nhưng âm vang rền xa. Đó là pháp âm của Như lai được công bố.

Ở bốn phương góc là bốn Đại Bồ tát. Phương đông nam, Phổ Hiền Bồ-tát (Samantabhadra). Đông bắc, Quán Tự Tại

Bồ-tát (Avalokiteśvara). Tây nam, Diệu Cát Tường Đồng tử (Mañjuśrī-kumāra). Tây bắc, Từ Thị Bồ-tát (Maitreya). Chung quanh trung đài bát diệp viện gồm bốn lớp, mỗi lớp có bốn viện. Mỗi viện biểu thị một phương diện độ sinh của Phật.

Cả hai bộ mạn-đà-la cũng có thể tượng trưng như hai bàn tay. Bàn tay mặt là Kim cang giới. Từ ngón út cho tới ngón cái, theo thứ tự: Về năm uẩn, ngón út là sắc uẩn, và lần lượt là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Về năm đại, năm loại trí, và năm vị Như Lai cũng theo thứ tự tương xứng đó. Về các ba-la-mật, tính từ ngón út: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn cho đến ngón cái là thiền định ba-la-mật.

Bàn tay trái là Thai tạng giới; cũng tính từ ngón út cho đến ngón cái theo thứ tự, với năm đại, năm uẩn, v.v... như bàn tay mặt. Về các ba-la-mật: huệ, phương tiện, nguyện, lực và trí.

Như vậy, khi hai bàn tay hiệp lại, trọn vẹn cả bi và trí của Phật. Đàn tràng chấn tế được bố trí dựa trên căn bản vũ trụ luận khái lược, với một ít thay đổi. Đơn giản mà nói, đàn tràng được bố trí như là thấu gọn thể giới vũ trụ thành một thực tế hiện hữu cụ thể trước mắt. Lời chú trong Du già tập yếu của Bất Không Tam tạng[5], dưới đoạn nói về kết ấn hiện đàn (ấn kết theo thể kim cang quyền, mười ngón tay móc treo vào) có ghi: “Đặt ấn này trước mình, tức khắc cả hư không giới đều trở thành đại mạn-đà-la[6].”

Mục đích của sự bố trí này là cốt khai triển năng lực gia trì hỗ trợ của Phật (adhiwihànàdhiwihita). Mật giáo nói: Phật thể hiện phương tiện độ sinh của Ngài bằng vào uy lực gia trì. Gia trì về ba phương diện, mà thuật ngữ gọi là “tam mật du-già”, tương xứng theo ba hành nghiệp của một chúng sinh: thân, miệng và ý. Sự gia trì, tức uy lực hỗ trợ của Phật, được thể hiện nơi thân của một chúng sinh qua các tư thế ngồi và các thủ ấn, nghĩa là các ngón tay của hai bàn tay giao nhau trong một tư thế nào đó đã quy định. Gia trì nơi miệng được thể hiện qua sự tụng niệm các chân ngôn. Ý mật gia trì nhờ sự quán tưởng về hình tướng Phật, hay các văn tự theo lối viết Brahmi, mà trong Phật giáo gọi là tự mẫu tất-đàm (siddhau).

II

Sau khi thiết trí đúng pháp đàn tràng mạn-đà-la, và thể hiện đầy đủ tam mật du-già, người chủ trì, gọi là Gia trì sư, được coi như hóa thân của Phật, thay Ngài thuyết giới cho chúng hữu tình. Bài thỉnh sư do sư thị giả hay người trợ lễ đọc trước khi dâng đàn chẩn tế, nói:

寶座高高無礙	Bảo tọa cao cao vô ngại
上有天垂寶蓋	Thượng hữu thiên thùy bảo cái
請師那步登壇	Thỉnh sư na bộ đăng đàn

代為孤魂說戒 Đại vị cô hồn thuyết giới

(Bảo tọa cao vời không ngại, trên có trời giăng lọng báu.
Thỉnh Sư dời bước lên đài, vì cô hồn mà thuyết giới).

Sư gia trì đứng dưới đàn đáp:

圓明一點本非空 Viên minh nhất điểm bản phi không

了證無為向上宗 Liễu chứng vô vi hướng thượng tông

三世諸佛哪一步 Tam thế chư Phật na nhất bộ

權留寶座即吾登 Quyền lưu bảo tọa tức ngô đăng.

(Một điểm ngời sáng, tròn đầy, vốn không phải là không hư. Từ đó mà hoàn toàn chứng nhập vô vi, là tông chỉ siêu việt. Ba đời chư Phật không hề đến hay đi. Nhưng tôi sẽ bước lên bảo tọa được lưu lại nơi đây bằng phương tiện quyền xảo).

Đó là xác nhận bản thân và bản nguyện của Phật, rồi xác nhận sự tin tưởng về tam mật gia trì nơi mình. Sự xác nhận này là một phát biểu về tư tưởng triết lý của Đại thừa, không phải riêng của Mật giáo. Bản tánh của các pháp là Tánh không, vì do tương quan mà hiện khởi. Nhưng có hiện khởi tức không thuần là không hư. Cho nên hiệu là Như Lai, đúng như bản tánh của Pháp mà đến và cũng như các pháp mà đi. Trong tuyệt đối, Như Lai không đi cũng không đến. Vậy, bảo tòa cao vọi kia phía trên có chư thiên trượng dù lọng ra che, là sự hóa hiện từ phương tiện đại bi tâm,

Phật của Phật, cũng bằng vào đại bi tâm đó, gia trì sư sẽ bước lên bảo tọa vốn thiết trí dành cho ngài.

Sau khi bước lên bảo tọa, phần nghi lễ mở đầu có bài tán khởi, nói:

會起蒙山最勝緣	Hội khởi mông sơn tối thắng duyên
覺皇垂範利人天	Giác hoàng thù phạm lợi nhân thiên
經宣祕典超塗炭	Kinh tuyên bí điển siêu đồ than
教演真乘救倒懸	Giáo diễn chân thừa cứu đảo huyền
難陀尊者因習定	Nan-đà tôn giả nhân tập định
救苦觀音示面燃	Cứu khổ Quan Âm thị Diện Nhiên
興慈濟物真三昧	Hưng từ tế vật chân tam muội
感果叨恩萬古傳	Cảm quả thao ân vạn cổ truyền.

(Do nhân duyên đặc biệt mà lễ hội Mông sơn được tổ chức. Đức Giác hoàng đã chỉ dạy một nghi thức làm lợi ích cho cả chư thiên và loài người. Lời Kinh nêu rõ pháp điển bí mật có khả năng siêu hóa từ chốn lầy than. Giáo thuyết diễn rộng ba thừa để cứu vớt khổ đau bị treo ngược. Tôn giả Nan-đà nhân bởi lúc tập định; lúc đó Bồ-tát Quan Âm, vì để cứu khổ, nên hiện thân làm quỷ Diện Nhiên (quỷ mặt lửa). Từ đó, nêu cao đức từ bi, cứu tế vật loại, là tam-muội chân thật. Quả được chiêu cảm, ân được ban cho, lưu truyền vạn cổ).

Hội khởi mông sơn chỉ cho khoa nghi chấn tế được tập thành bởi ngài Mông Sơn. Nhưng khởi thủy vốn là do bi nguyện của đức Giác Hoàng, tức Phật. Ngài đã phương tiện thiết lập nghi thức này là làm lợi ích cho các cõi trời và người.

Khoa nghi thí thực này được truyền sang Trung hoa từ đời Đường do Bất Không Tam tạng, một truyền nhân của Mật giáo. Gọi đủ là Bất Không Kim Cang, tên dịch từ tiếng Phạn là Amoghavajra, người Bắc Ấn, thuộc dòng dõi Bà-la-môn. Trong số những kinh điển và khoa nghi của Mật giáo do ngài dịch, các tác phẩm liên hệ khoa thí thực cô hồn gồm có: Phật thuyết cứu bạt diệm khẩu quỷ đà-la-ni kinh[7], Thí quỷ ẩm thực cập thủy pháp[8], Du-già tập yếu cứu A-nan đà-la-ni Diệm khẩu quỷ nghi kinh[9] và Du-già tập yếu Diệm khẩu thí thực nghi[10].

Trong hai tác phẩm, Diệm khẩu kinh nói về nguyên nhân Phật dạy phép thí thực cô hồn. Bởi vì, vào một lúc nọ, giữa đêm khuya, ngài A-nan trong khi đang ngồi tu tịnh tại chỗ vắng, bỗng thấy một con quỷ gọi là Diệm Khẩu, miệng đỏ rực như lửa, thân hình quái dị ghê gớm, bảo A-nan ba ngày nữa ngài sẽ chết. A-nan nghe nói hoảng hồn, sáng hôm sau chạy tìm Phật hỏi phương tiện. Phật mới dạy phương pháp thí quỷ. Trước hết, phải theo một bậc thầy, mà Mật giáo gọi là A-xà-lê (àcàriya), đã chứng đến chỗ Du-già thậm thâm tam muội mà thọ pháp, học pháp vô thượng đại bồ-đề tâm, thọ tam muội giới, nhập Đại mạn-đà-la, chịu

phép quán đánh (tức phép truyền đạo bằng cách rưới nước lên đầu). Đàn tràng thì thiết trí theo Tam-muội-da mạn-đa-la (samaya-maṇḍala). Ở đây, Đại mạn-đa-la là tổng thể của các mạn-đa-la khác, an trí hình vẽ các Bồ tôn Du-già với các biểu hiệu cầm tay và thủ ấn, mỗi vị theo một dấu hiệu riêng nói lên bản thể độ sinh của ngài; chữ tam-muội-da (samaya) nơi đây có nghĩa là bản thể.

Về quyển Du già Tập yếu Diệm khẩu thí thực nghi, đoạn đầu có phần giới thiệu gốc tích, đại khái giống như Diệm khẩu kinh. Trong khoa nghi này, không nói cách bố trí đàn tràng nữa, mà chỉ trình bày các thủ ấn... các mật chú và các nghi thức tụng niệm. Đầu tiên là nghi thức sái tịnh đàn tràng, mặc niệm chú Đại luân minh vương và thủ ấn. Kế đó, thỉnh thập phương vô tận Tam bảo, Kim cang mật tích, Vệ pháp thần vương, vân vân, với thủ ấn “hiện đàn”. Mỗi phần về sau cũng đều có thủ ấn và mật chú như vậy. Phần cuối hết là văn tế thập loại cô hồn[11], phần này không có thủ ấn.

Trong một bài tựa cho Du già Diệm khẩu thí thực yếu tập, Bảo Hoa viết dưới thời vua Khang Hy, có dẫn sự lưu hành của khoa nghi này, nói rằng, nghi quỹ mà A-xà-lê Bát Không truyền, ngài Hải Thượng cho là quá đơn giản, nên soạn thêm. Về sau, ngài Thiên Cơ lại bớt đi những chỗ rườm rà, cho đến ngài Vân Khê hiệu đính lại lần nữa. Như vậy, sở dĩ không để quá đơn giản là muốn cho sự thực hành có vẻ long trọng. Nhưng cũng không quá rườm rà, bởi vì

thời gian cúng thí không được kéo dài quá giờ Hợi; vào giờ này, quỷ thần không ăn uống gì được nữa.

Tại Việt Nam, không rõ khoa nghi này được truyền vào lúc nào và do ai[12]. Nhưng gần đây cũng có ít nhất ba diễn nôm về phần văn thỉnh thập loại, dịch từ nguyên văn chữ Hán. Bản diễn Nôm được lưu hành nhất là của Hòa Thượng Bích Liên, suốt từ Nha Trang cho tới Bình Định, ai cũng coi bản Nôm này là hay nhất.

III

Đường bạch dương bóng chiều man mác

Ngọn đường đèn lúc đăc mưa sa

Lòng nào lòng chẳng thiết tha

Cõi dương còn thế nữa là cõi âm

(Nguyễn Du, Văn tế thập loại)

Vào những năm đầu thập niên 70, do chiến tranh gây ra nhiều cảnh chết chóc hãi hùng, khoa nghi chấn tế được thực hiện rất nhiều, nhất là tại Huế. Hầu như tháng nào ở đây cũng có ít nhất một đàn.

Sống lưng chừng giữa cái sống và cái chết, người sống đã không thể nói được những uất hận chính mình, thì mượn ẩn tình tha thiết của người chết mà nói thay:

Thương thay thập loại chúng sinh

Phách đờn hồn chiếc lênh đênh quê người

*Hương khói đã không nơi nương tựa
Phận mỡ côi lần lửa đêm đêm
Còn chi ai khá ai hèn
Còn chi mà nói ai hiền ai ngu.
(Nguyễn Du, đd.)*

Nếu gác qua tính chất tôn giáo, cùng nền tảng triết lý của nó, khoa nghi chấn tế được đem ra thực hiện ở nhân gian, một cách nào đó, là những tiếng than ai oán, và uất ức, của những con người cô khổ, sống kiếp lưu linh đầy đọa. Tác dụng văn chương của nó có thể thấy rõ qua kiệt tác Văn tế thập loại chúng sinh của Nguyễn Du.

Nghi thức thực hành văn y nguyên chữ Hán[13], người không học chữ Hán tất nhiên không thưởng thức được khí vị văn chương trong đó. Tuy nhiên, khi đến đoạn thỉnh thập loại chúng sinh, bấy giờ thường gần khoảng giữa khuya tĩnh mịch, điệu thỉnh theo giọng ai của các kinh sư, mỗi người thay nhau đọc một đoạn, thì dù không hiểu lời văn, nhưng giọng văn vẫn có tác dụng truyền cảm đặc biệt. Cho nên, khi thiết lễ chấn tế, không những người ta chỉ thỏa mãn một khía cạnh tín ngưỡng tôn giáo nào đó, mà còn là bị lôi cuốn bởi sức tác dụng văn chương và nghệ thuật qua giọng điệu thành khẩn thiết tha của nó.

Người nghe mà hiểu, thì có thể thấy cái đặc vị văn chương của nó là không lấy người sống làm đối tượng. Tình tự nồng nàn được phát tiết như là những tiếng ngâm hờn thiên

cổ, sống không nói được, chết chôn vùi theo cát bụi. Văn chương điêu luyện và tao nhã[14], ý tứ thì thâm trầm mà nhiều ray rứt. Người sống mà nghe được thì cũng có thể nghe ra một nỗi đời hư huyền nào đó. Giấc mộng công hầu khanh tướng hay khát vọng trường sanh muốn đem sắc thân tứ đại giả hợp này mà vượt thoát ra ngoài cõi trần hoàn, tất cả rốt cuộc đều trở thành những nỗi oan khuất bị nhận chìm xuống đáy biển.

Dưới đây trích đoạn thỉnh:

Nào những kẻ tính đường kiêu hãnh

Chí những làm cất gánh non sông

(Nguyễn Du, *đd.*)

Đó là lời thỉnh những oan hồn lúc sống lắm le giấc mộng bá vương. Văn thỉnh chữ Hán nói:

(Sư gia trì đọc, giọng ai):

***Lụy triều đế chúa, lịch đại hầu vương; cầu trùng điện
khuyết cao cư, vạn lý sơn hà độc cư.***

累朝帝主歷代侯王九重殿闕高居萬里山河獨踞

(Một kinh sư bạch, cũng giọng ai):

***Tây lai chiến hạm, thiên niên vương khí nga thân; bắc
khứ loan dư, ngũ quốc oan thanh vị đoạn.***

西來戰艦千年王氣俄收北去鸞輿五國冤聲未斷

(Tất cả cùng xướng):

Ô hô!

(Vị kinh sư tiếp):

Đỗ quyền khiêu lạc đào hoa nguyệt

Huyết nhiễm chi đầu hận chánh trường

杜鵑嘯落桃花月

血染枝頭恨正長

Diễn Nôm của Hòa Thượng Bích Liên:

Trước thỉnh kẻ hoàng vương để bá

Triều đại xưa trải quá biết bao

Đền đài chín lớp ở cao

Non sông muôn dặm chén vào một tay

Thuyền chiến phút đổi đời vương khí

Xe loan còn rủ rỉ oan thanh

Hỡi ôi!

Đỗ quyền kêu suốt tàn canh

Máu hờn nhuộm mãi trên cành đào hoa

Mộng tranh hùng tranh bá, làm chúa làm vua, nay chinh Nam mai tảo Bắc. Nhưng rồi từng đêm suốt những canh dài, từng tiếng quốc kêu rủ rỉ, màu sương trắng lạnh phủ trên cánh hoa đào, giòng máu oan thiên hận sự bất thành nhuộm đỏ đầu cây ngọn cỏ. Vậy thì, giang sơn như họa còn đó, mà anh hùng hào kiệt một thời ở đâu, và đâu là ảo vọng của đời người?

Nói chi đương thuở thị hùng

Tưởng khi thế khuất vận cùng mà đau

*Bỗng phút đầu lò bay ngói lở
 Khôn đem mình làm đĩa thất phu
 Giàu sang càng nặng oán thù
 Máu tươi lai láng xương khô rã rời
 Đoàn vô tự lực loài nheo nhóc
 Quý không đầu van khóc đêm mưa
 Đã hay thành bại là cơ
 Mà u hồn biết bao giờ cho tan*
 (Nguyễn Du, đd.)

Nhưng cũng có kẻ lúc sống dành cho thân và danh của mình cùng mục nát với cỏ cây, tìm những chỗ Đào nguyên hay Lãng uyển để tu chơn dưỡng tánh. Nhưng:
*tam hoa cửu luyện, thiên tài oị hứa tiêu danh,
 tứ đại vô thường, địa phủ nan dung chuyển hạn.*

三花九煉天曹未許標名
 四大無常地府難容轉限

Thuốc trường sinh đã mấy lần luyện, nhưng cung trời chưa ghi vào sổ trường sinh, mà cõi đời nông nổi thì không khứng diên trì thời hạn:

Ô hô!

*Lâm quán yên hàn đôn[15] táo lãnh
 Tiểu đàn phong thám hạnh hoa hi!*
 呜呼臨觀煙寒蟬噪冷
 焦壇風慘杏花希

*Lò đơn lâm quán[16] lạnh sương
Tiểu đàn[17] gió thảm thổi tàn hạnh hoa
(HT. Bích Liên dịch)*

Giấc mộng trường sinh bất tử, chẳng lẽ trong thoáng chốc
chỉ còn ký thác cho ngọn gió gào thét hồn oan?

Chỗ khác là những bậc nuôi chí xuất trần, chống tích
trượng phát phơ trên đỉnh núi cao vọi vọi. Nhưng rồi,
“chuỗi hạt lần không mòn vách đá”, thì than ôi.

*Hoàng hoa thủy trúc, không đàm bí mật chân thuyền,
Bạch cổ lê nô, đồ diễn khổ không diệu kệ.*

Ô hô!

Kinh song lãnh tẩm tam canh nguyệt

Thiền thất hư minh bán dạ đăng

黃花翠竹空談祕密真詮

白牯黎奴徒演苦空妙偈

嗚呼

經窗冷寢三更月

禪屋虛冥半夜燈

*Làng hoa trúc nào câu mật để
Nhà cổ nô[18] vẫn kệ khổ không
Hỡi ôi!
Kinh song trăng thảm lạnh lòng
Nhà thiền leo lét đèn chong canh dài.
(HT. Bích Liên dịch)*

Cuối cùng, người ta tự hỏi: ước mong muôn thuở của nhân sinh là gì? Mỗi hận mà lúc sống đã không xong, bấy giờ chôn vùi dưới đất nghìn năm, biết bao giờ mỗi hận mới đông thành một viên ngọc bích long lanh? Nhưng cũng có thể:

*Nhờ phép Phật siêu sinh tịnh thổ
Bóng hào quang cứu khổ độ u
Rải hòa tử hải quần chu
Mãi phiền trút sạch, oán thù rửa không.*
(Nguyễn Du, Văn tế thập loại)

PHỤ CHÚ

MAIĐALA

I. Ý nghĩa

Tiếng Phạn, maṇḍala, Hán phiên âm thông dụng là mạn-đà-la 曼陀羅. Các phiên âm khác: mạn-tra-la 曼吒羅, mạn-đồ-la 曼荼羅, mạn-noa-la 曼拏羅, ...Chỉ đàn tràng tác pháp, hay hành trì bí pháp của Mật giáo. Đó là khu vực cấm chế các quỷ thần xâm nhập. Bên trong thiết trí các hình tượng hay biểu tượng, hay các ký tự tượng trưng một ý nghĩa nào đó. Đàn tràng có thể là hình vuông hay hình tròn. Nhưng

thông thường được vẽ bằng hình tròn, nên Hán dịch nghĩa là luân viên 輪圓, hay luân viên cụ túc 輪圓具足. Đại nhật kinh số, quyển 4 giải thích:

“Mạn-đồ-la, có nghĩa là phát sinh. Tức là điều mà ở đây Kinh gọi là Phát sinh Chư Phật mạn-đồ-la 發生諸佛曼荼羅 (Sarvabuddhasambhavamaiḍala). Gieo hạt giống Bồ đề (bodhibija) vào trong mảnh đất tâm của Nhất thiết trí(sarvajñāna-cittabhūmi), rồi tưới nhuần bằng nước đại bi (mahākaruṇāvatī), soi rọi bằng mặt trời đại tuệ (mahāprajñāsūrya), cổ động bằng ngọn gió đại phương tiện (mahopāyavāyu), che bằng bầu trời đại không (mahāzūnyākāśa) bao la vô ngại, nuôi lớn dần chồi non của pháp tánh bất tư nghị (acintyadharmatāikura) cho đến khi thành cây Phật cao lớn che phủ cả Pháp giới. Vì vậy, nói là phát sinh. (...) Mạn-đồ-la còn có nghĩa là tô lạc 酥酪, tức là chất béo tinh thuần của sữa đông lại và nổi lên mặt sữa. (...) Do đó, Kinh nói mạn-đồ-la là hương vị vi diệu tối thượng.(...) Bằng phương tiện của ba bí mật (trayaṇi guhyāni), khuấy đều sữa Phật tính của chúng sinh, cho đến trải qua năm vị mà thành chất đề hồ của diệu giác, hoà tan một cách thuần tịnh và vi diệu, nhưng không hề thêm bớt tự bản chất. Tập hội tất cả Kim cang trí ấn (Vajrajñānamudra) mà thành hương vị tối thượng đệ nhất trong các vị cam lộ (amṭarasa) chân tịnh bất biến.”

Tổng quát, theo giải thích trên, mạn-đà-la hay mạn-đồ-la có ba ý nghĩa: luân viên, hình tròn của bánh xe. Đây là từ dịch nghĩa tương đương chính xác với từ Phạn maiḍala. Thứ hai, phát sinh, dịch nghĩa của từ Phạn udbhava hay sambhava. Thứ ba, đề hồ, coi maiḍala như là từ phát sinh của maiḍa. Từ ý nghĩa thứ ba này, về sau được chuyển thành ý nghĩa tập hội. Theo nghĩa này, mạn-đà-la là chỗ tập hội của Phật, Bồ tát và Thánh chúng. Phân loại theo hình thức, có bốn loại mạn-đà-la: Đại mạn-đà-la, Tam-muội-da mạn-đà-la, Pháp mạn-đà-la và Kiết-ma mạn-đà-la.

Đại mạn-đà-la 大曼荼羅(Mahà-maiḍala): đàn tràng trong đó an trí hình tượng các Bồ tôn.

Tam-muội-da mạn-đà-la 三昧耶曼荼羅 (Samayamaiḍala); tam- muội-da, tiếng Phạn, dịch là bản thể. 本誓. Đây là đàn tràng bố trí các biểu tượng của các Bồ tôn. Các biểu tượng này tượng trưng cho bản thể và phương tiện độ sinh của các Ngài.

Pháp mạn-đà-la 法曼荼羅 (Dharmamaiḍala) tức đàn tràng hay đồ hình trong đó bố trí các chủng tử tự (bijākzara), tức các ký tự, hoặc nguyên âm hoặc mẫu âm. Mỗi ký tự ký hiệu tự tính của mỗi Bồ tôn. Kiết-ma mạn-đà-la 羯摩曼荼羅 (Karmamaiḍala), biểu tượng cho sự nghiệp độ sinh của các Bồ tôn; thông thường, đây là đàn tràng an trí các hình tượng điêu khắc.

II. Lưỡng bộ Mạn-đà-la, hay nói tắt:

Kim Thai Lưỡng Bộ 金胎兩部

Hai bộ mạn-đà-la, gồm Kim cang giới (Vajradhātu) thuộc trí môn, và Thai tạng giới (Garbhadhātu) thuộc lý môn. Đó là từ trên một nhất tâm pháp giới (ekacitta-dharmadhātu) mà hiển thị thành hai môn: Lý (nyàya) và Trí (jñāna). Lý, tức lý tính bình đẳng và phổ quát (samànata); tất cả các pháp, hữu vi hay vô vi, thường nghiệm hay siêu nghiệm, duy là nhất thể vô phân biệt (avizewatà). Khi trí tuệ nhận thức tồn tại từ lý tính, từ nhất thể vô phân biệt, thì tất cả tồn tại là chân không (zūnya). Nhận thức như thế là không nhận thức gì cả. Lý và trí là Tuyệt đối Bất nhị (advaità). Nhưng tác dụng của trí là nhận thức, là khám phá ra tính đặc thù trong mỗi yếu tính tồn tại. Ở đây, trí tức là nhận thức sai biệt (vizewajñāna) về tính đặc thù hay sai biệt (vizewatà) của vạn hữu.

Để biểu thị ứng dụng vô cùng của lý tính bình đẳng và trí tuệ sai biệt như vậy, Mật giáo thiết lập hai bộ mạn-đà-la. Căn cứ trên giáo nghĩa của kinh Đại nhật, tức Đại-tỳ-lô-giá-na thành Phật thần biến gia trì kinh (Mahà-Vairocanaḥśaṣṭaśodhikurvitādhiwīḥāna-vaipulya-sūtreन्द्रarāja-nāmaharmaparyāya)[19], Mật giáo thiết lập Thai tạng bộ, biểu hiện đại bi phương tiện cứu thế, phát xuất từ lý tính bình đẳng. Mặt khác, căn cứ trên giáo nghĩa của kinh Kim-cang đỉnh,

gọi đủ là Kim cang đỉnh nhất thiết Như lai chân thật nhiếp Đại thừa hiện chứng Đại giáo vương kinh 金剛頂一切如來真實攝大乘現證大教王經 (Vajrazekhara-sarvatathagata-satya-saigraha-mahayana-pratyutpannabhisambuddha-mahatantraraja-sutra)[20], thiết lập Kim cang đỉnh bộ, thuyết minh sai biệt trí.

Kim cang giới (Vajradhātu) biểu thị ý nghĩa từng bản thù tích從本垂跡, nghĩa là, thuyết minh lịch trình hiện tượng hóa của vạn hữu. Tức là, từ lý tính bình đẳng, từ nhất thể vô phân biệt, vạn hữu chuyển hiện thành thiên sai vạn biệt. Nhưng sai biệt tính vẫn không tách rời vô phân biệt; đó là thể Tuyệt đối bất nhị. Thai tạng giới (Garbhadhātu) thuyết minh quá trình tu tập và chứng ngộ, đi từ nhân là đại bi, với vô số phương tiện độ sinh sai biệt, cho đến khi chứng nhập lý tính bất nhị.

Nói tóm lại, do căn tính sai biệt của chúng sinh mà sự hành trì cũng có những sai biệt. Tuy vậy, con đường dẫn đến giác ngộ vẫn được kinh qua trên cỗ xe hai bánh là đại bi và đại trí.

[1] Nghi thức cúng cô hồn bằng nôm, HT Bích Liên, bản chép tay của Thích Nguyên Trạch, Bình định

[2] Xem phụ chú 1 ở cuối bài.

[3] Xem phụ chú 2 ở cuối bài.

[4] Trong Hiến giáo, sắc pháp được phân tích thành 4 yếu tố cơ bản gọi là 4 đại chủng (mahàbhùta). Trong Mật giáo, một yếu tố thứ năm được thêm vào, là không đại (àkàsadhātu), do tương đối với ngũ trí.

[5] Du-già tập yếu cứu A-nan đà-la-ni Diệm khẩu quỹ nghi kinh, Đường Bất Không dịch; Đại XXI, No. 1318.

[6] Về đại mạn-đà-la, xem phụ chú 1.

[7] Đại XXI, No. 1313. Tham chiếu, Phật thuyết cứu Diệm nhiên ngạ quỹ đà-la-ni thần chú kinh, Đường Thật-xoa-nan-đà dịch; Đại XXI, No. 1314.

[8] Đại XXI, No. 1315. Tham chiếu, Phật thuyết cam lộ kinh đà-la-ni chú, vô danh dịch, Đại XXI, No.1316; Cam lộ đà-la-ni chú, Đường Thật-xoa-nan-đà dịch, Đại XXI, No. 1317.

[9] Đại XXI, No.1318. Tham chiếu, Du-già tập yếu Diệm khẩu thí thực khởi giáo A-nan-đà tự do, Đường Bất Không dịch, Đại XXI, No.1319.

[10] Vô danh dịch, Đại XXI, No.1320. Tham chiếu, Phật thuyết thí ngạ quỹ cam lộ vị đại đà-la-ni kinh, Đường Bạt-đà-mộc-a dịch, Đại XXI, No.1321.

[11] Về thập loại cô hồn, theo liệt kê của Du-già tập yếu Diệm khẩu thí thực nghi, Đại XXI, tr. 483b: 1. Thủ hộ quốc giới: những oan hồn “vị quốc vong than.” 2. Phụ tài khiếm mạng: chết vì oan gia trái chủ, nợ nần, trụ thai. 3. Khinh bạc Tam bảo: bất hiếu, bội nghịch vô đạo. 4. Giang hà thủy nịch: thương khách chết sông chết biển. 5. Biên địa tà kiến: những người sống tại biên ải hẻo lánh. 6. Ly hương khách địa: cô khổ phiêu bạt, chết đường chết sá. 7. Phó hỏa đầu nhai: tự tử, nhảy sông, nhảy núi, chết đâm, chết cháy. 8.

Ngục tù trí mạng: chết trong ngục tù. 9. Nô tù kết sứ: nô lệ cùng khổ, chết vì đầy đọa lao dịch. 10. Manh lung ám á: đui, què, câm, điếc, không người chiếu cố. Thập loại theo khoa nghi Mông sơn, và thập loại trong văn tế Nguyễn Du có vài chỗ không đồng nhất.

[12] Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 4: triều Lý Anh tông, niên hiệu Đại định 11 (1150), Đỗ Anh Vũ bị tội. Để cứu tình nhân của mình, Lê Thái hậu tổ chức nhiều pháp hội, và vua ban hành lệnh đại xá thiên hạ. Nhờ vậy, Anh Vũ được hưởng lây, và lần lần phục chức. Không hiểu các pháp hội này có lập trai đàn hay không. Thiền uyển tập anh: Tăng thống Huệ Sinh, tịch năm Gia khánh thứ 6 (1064), đời vua Lý Thánh tông, có để lại tác phẩm Pháp sự trai nghi, rất có thể có nói đến nghi thức chẩn tế. Nhà Nguyễn, các Chúa thường hay tổ chức các pháp sự hay trai đàn tại chùa Linh mục. Theo tiểu sử chùa, năm giáp ngọ, dưới thời Chúa Nguyễn Phúc Chu, chùa được trùng tu, nhân đó, Chúa cho tổ chức đại trai đàn. Gia long năm thứ 2 (1803), Vua tổ chức trai đàn bạt độ cho các quân lính tử trận. Ngoài ra còn nhiều tư liệu khác để có thể viết được sự phát triển và phổ biến trai đàn chẩn tế. Nhưng việc ấy dành cho các nhà viết sử. Ở đây chỉ đề cập đại khái.

[13] Cũng có bản dịch nôm, như của HT Bích Liên. Nhưng các thầy vì sành chữ Hán nên ít ai chịu làm theo khoa nghi tiếng Việt.

[14] Thực tế thì văn thỉnh thập loại chữ Hán không phải là áng văn chương nổi tiếng của Trung hoa. Văn từ phần nhiều sáo rỗng, nhiều điển tích vô hồn. Nhưng được cho là

hay, vì thói quen. Và cũng do trình độ thưởng thức văn chương của người nghe.

[15] Nguyên âm Hán là thiên (con ve), nhưng quen đọc là đơn.

[16] Đền hay miếu, nơi thờ tự của đạo sĩ.

[17] Chỉ đàn cúng tế của đạo sĩ.

[18] Bạch cổ lê nô: con bò trắng và nô lệ đen; chỉ chuông mõ nhà chùa.

[19] Tên tịnh lược: Đại nhật kinh, hay Đại từ-lô-giá-na kinh; Skt. Mahāvairocana bhīṣambodhi. Đường Tam tạng Thiện Vô Úy dịch (Khai nguyên 13, AD.725), Đại XVIII, No. 848.

[20] Tên kinh gọi lược: Kim cang đỉnh, hay Nhiếp Đại thừa hiện chứng. Đường Bát Không dịch (Thiên bảo 3, AD.753), Đại XVIII, No.865.



THẾ TÔN BÁO HIẾU PHỤ VƯƠNG

Thích Phước Sơn

Dức vua nước Xá Di là Tịnh Phạn, từng dùng chính pháp làm phương châm cai trị, lấy nhân nghĩa đạo đức để cảm hóa nhân dân, mở lòng từ bi đối với muôn loài. Bấy giờ Ngài đang lâm trọng bệnh, các quan thái y hết lòng điều trị, nhưng bệnh mỗi ngày một nặng, đức vua cảm thấy ưu phiền. Thấy thế, các vua Bạch Phạn, Hộc Phạn và Đại Xưng (các em vua Tịnh Phạn) đồng tâm: Đại vương bình sinh không thích làm điều ác, thường vun bồi đức hạnh trong từng giây phút, chăm sóc thần dân tận tụy, khiến mọi người đều được an lạc, thanh danh vang khắp bốn phương, thế thì ngày nay có gì phải ưu sầu?

Vua Tịnh Phạn bảo các vương đệ: Dù ta có mệnh chung cũng chẳng phải là điều đáng khổ tâm, ta chỉ ân hận là không thấy mặt các con ta là Tất Đạt và Nan Đà, hiện đã đoạn trừ xong những tham dục ở cõi đời này. Ta cũng ân hận là không gặp được con của Độc Phạn Vương là A Nan Đà, người gìn giữ tạng pháp của Phật không mất một lời. Ta lại hận vì không thấy mặt cháu ta là La Vân, tuổi tuy còn trẻ mà thần túc hoàn bị, giới hạnh đầy đủ. Ví mà ta

gặp được các con cháu ta, thì dù bệnh có nguy kịch cũng chẳng có chi là đau khổ.

Bấy giờ Thế Tôn đang ngự tại núi Linh Thứu, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy phụ vương đang lâm trọng bệnh bèn báo tin cho Nan Đà, La Vân và A Nan. Hay tin ấy, các vị này đều xin phép Thế Tôn về triều để thăm viếng đức vua. Nan Đà nói: Đức vua Tịnh Phạn vốn là phụ vương của chúng ta, từng sinh con Thánh lợi ích thế gian, nay chúng ta phải về thăm để báo ân sinh thành dưỡng dục. A Nan thưa: Đức Vua Tịnh Phạn là bá phụ của tôi, đã cho phép tôi xuất gia theo Phật, thế nên tôi cũng xin phép về thăm. La Vân bùi ngùi bạch Phật: Thế Tôn tuy là cha của con nhưng bỏ nước ra đi tìm đạo, con nhờ Tổ phụ nuôi dưỡng mà trưởng thành, mới được xuất gia; thế nên con cũng muốn trở về hầu thăm Tổ phụ.

Thế Tôn bèn hoan hỷ chấp nhận những lời cầu xin ấy, rồi hướng dẫn mọi người trở lại hoàng cung. Trên đường đi, Thế Tôn thấy dân chúng đang buồn thảm than khóc, vì họ được tin vị lãnh đạo đầy nhân từ của dân tộc đang lâm trọng bệnh sắp từ trần. Phật thấy tình cảnh ấy an ủi họ: Vô thường ly biệt là lẽ tất nhiên xưa nay, các người hãy suy nghĩ về những nỗi khổ sinh tử mà cầu đạo, để tìm con đường thoát khổ.

Đức vua hay tin Thế Tôn đưa Nan Đà, La Vân về thăm tinh thần bỗng nhiên phấn chấn khác thường, thân thể trở nên

nhẹ nhõm, Ngài đã gượng ngồi dậy trong chốc lát. Khi ấy Thế Tôn từ từ tiến vào hoàng cung, đức vua trông thấy chấp tay vái chào và nói: Xin Như Lai hãy đặt tay lên mình tôi cho đỡ bớt cơn đau. Tôi đang đau đớn dữ dội không thể chịu nổi, có lẽ sắp lìa bỏ cõi đời. Lần này chắc chắn là lần cuối cùng mà tôi gặp lại Thế Tôn, tôi không còn ân hận gì nữa.

Phật thấy phụ vương bệnh nặng thân thể gầy yếu, sắc mặt biến đổi tinh thần uể oải bèn nói với Nan Đà: Nghĩ lại phụ vương xưa kia thân thể tráng kiện, dung mạo đoan trang, danh tiếng vang lừng mà nay lâm trọng bệnh đến nỗi tinh thần không còn tỉnh táo. Thế thì các nét đoan trang tráng kiện xưa kia ngày nay đâu rồi? Đoạn Thế Tôn thưa phụ vương: kính xin phụ vương chớ có ưu sầu, vì đạo đức của phụ vương trong sáng, hoàn hảo chẳng khiếm khuyết điều gì. Rồi Phật đưa bàn tay vàng ánh như đóa sen nở đặt trên trán vua và tiếp: Phụ vương là người giữ giới thanh tịnh, tâm cấu nhiễm đã xa lìa, nay không còn nên sầu não mà hãy suy nghĩ về nghĩa lý của kinh giáo, vì mọi vật không có gì bền chắc hết, vậy phụ vương hãy hoan hỷ, dù mạng sống có kết thúc vẫn giữ tâm hồn bình thản.

Bây giờ Đại Xưng vương cung kính thưa với đức vua: Phật là con của đại vương, thần lực siêu việt, không một ai bằng. Nan Đà cũng là con của đại vương đã qua khỏi biển ái dục sinh tử, được đạo quả vô ngại. Còn A Nan Đà, con của Hộ Phạn Vương, cũng đã uống được pháp vị cam lồ; pháp của Phật thuyết giảng mệnh môn như biển cả A nan ghi nhớ

trọn vẹn, không quên một câu. Cháu của đại vương là La Vân, đạo đức tinh thần, chỉ chờ công phu thiền định nữa là thành tựu 4 đạo quả. Tất cả 4 người ấy ngày nay đều đã chọc thủng lưới ma.

Tịnh Phạn vương nghe những lời an ủi ấy, vui mừng không xiết, không còn kiềm chế được, liền đưa tay ra cầm tay Thế Tôn đặt lên trái tim mình, chấp tay tỏ ý cảm tạ Thế Tôn. Ngay khi ấy vô thường vụt đến, khí hết mệnh tuyệt, thần thức chuyển sang đời khác.

Thế rồi con cháu trong hoàng tộc, chuẩn bị làm lễ nhập quan rồi tôn trí kim quan trên toà sư tử, rắc hoa, đốt hương cúng dường. Phật cùng Nan Đà cung kính đứng hầu phía trước kim quan, A Nan và La Vân đứng hầu dưới chân kim quan...

Lúc sắp làm lễ động quan, Nan Đà, A Nan và La Vân đều xin phép Thế Tôn được khiêng một góc quan tài, khi ấy, Thế Tôn nghĩ đến những kẻ hung bạo, bất hiếu trong đời vị lai, không biết báo đáp công ơn sinh thành của cha mẹ, thật đáng xót thương. Nhằm cảnh tỉnh những hạng người ấy, Thế Tôn cũng muốn đích thân khiêng quan tài của phụ vương đến nơi an nghỉ cuối cùng. Bỗng nhiên đại thiên thế giới chấn động, bốn vị Thiên vương cùng lúc quỳ xuống, đồng thanh bạch Phật: Chúng tôi là đệ tử Phật, nhờ nghe Phật thuyết pháp mà đắc quả Tu đà hoàn, vì thế nên để cho chúng tôi khiêng quan tài của Tôn vương. Phật hoan hỷ chấp nhận lời thỉnh cầu của họ. Tức thì bốn vị thiên vương

biến thành hình người, dùng tay nâng quan tài đặt lên vai mình. Dân chúng cả nước, bất luận lớn nhỏ, không ai là không tiếc thương than khóc. Trong giờ phút long trọng ấy, Thế Tôn uy quang rực sáng, tướng hảo đoan nghiêm, tự mình bưng lư hương đi trước, đến nơi hỏa táng. Bấy giờ hàng nghìn vị A La Hán ở núi Linh Thứu cũng tề tựu về đây để tham dự lễ tang. Lúc quan tài được đặt lên giàn hỏa, Phật và đại chúng bắt đầu châm lửa. Khi ngọn lửa cháy mạnh, nhiều người đắc đạo thì xem đó như một việc tốt lành. Còn những người chưa đắc đạo thì bàng hoàng xúc động, lông tóc dựng ngược, Phật nói với 4 chúng thế gian vô thường, khổ, không, vô ngã, tất cả đều như huyễn hóa, chẳng có gì kiên cố hết. Thân giả tạm này như làn hơi bốc lên khi trời nắng, như mặt trăng dưới nước, mạng sống không thể tồn tại mãi mãi. Các người chỉ biết nóng của ngọn lửa thiêu này mà không biết rằng ngọn lửa tham dục còn nóng hơn gấp bội. Thế nên các người cần phải nỗ lực, mong cầu thoát ly sinh tử, đạt đến an lạc vĩnh viễn.

Bấy giờ các vua dùng sữa rưới cho lửa tắt, rồi nhặt lấy hài cốt đựng vào những chiếc hộp vàng, chuẩn bị xây tháp để cúng dường. Đại chúng khi ấy đồng thanh thưa hỏi Phật: Đức vua Tịnh Phạn giờ đã mệnh chung, chẳng hay thần thức sinh về nơi nào kính xin Thế Tôn chỉ bảo cho mọi người được rõ. Đức Phật nói với đại chúng: Phụ vương ta là người giới hạnh thanh tịnh, đạo đức trong sáng, nên được sinh về cảnh giới Tịnh cư thiên.

Kỳ thay! Sự chuyển biến của định luật vô thường là thế đó! Những gì có hình tướng đều không thoát khỏi tình trạng hủy hoại. Thế nên, dù có bậc Thiên tôn (Phật) hộ mệnh mà tính mệnh cũng không thể kéo dài. Đặt tay mình lên chỗ quả tim mà không thể cứu sống. Hết báo thân hết thì vô thường vụt đến, mạng sống sẽ kết thúc. Vì vậy các bậc thánh hiền xưa nay, chỉ chú trọng việc tu tập để được quả giải thoát mà ít quan tâm đến cái thân phù du bèo bọt này.

Thích Phước Sơn



ĐẠO HIẾU PHẬT GIÁO QUA KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO ÂN

Thích Tâm Trí

Tổng luận

Đây là bộ kinh thuộc hệ Đại Thừa, đặc trưng của Đại Thừa là không quá chú trọng vào việc chấp chặt kinh điển nguyên thủy để một mực khư khư giữ lấy nguyên thủy, mà không hề có sự tự lập, hay sáng tạo nào mới. Như vậy dễ khiến cho giáo lý Phật, đúng hơn là tinh thần Phật giáo càng lúc càng thiếu sinh động và dễ trở nên khô cứng. Do đó, từ khi có sự phân chia Bộ chúng, khoảng 500-600 năm sau Phật nhập niết bàn, Đại chúng Bộ về sau gọi là Đại Thừa, một mặt kế thừa và hoằng dương giáo lý căn bản của Đức Phật, mặt khác năng động trong tinh thần đoạn mê khai ngộ “nhị không chân như” nhằm giúp mọi người tiến thẳng đến giác ngộ bằng cách lập căn trên giáo lý nguyên thủy của Đức Phật mà thêm vào sự kiến giải của mình qua sự tu chứng của bản thân, làm cho giáo lý Phật thêm phần sinh động và khế hợp với căn cơ con người; đồng thời mở ra một biển đại giác minh mông giải quyết tận gốc mọi nhu cầu hiếu tri về chân như và giác ngộ.

Điểm đặc trưng và nổi bật của Đại Thừa giáo là lý tưởng Bồ tát: Độ cho hết chúng sanh, Bồ tát mới hoàn thành sứ mệnh. Còn một chúng sanh bị đọa vào địa ngục, Bồ tát thề quyết không thành Phật. (Chúng sanh độ tận phương chứng bồ đề, địa ngục vị không thệ bất thành Phật). Lý tưởng Bồ tát trên thực tế về mặt xã hội dường như khó trở thành hiện thực; nhưng trên bình diện cá nhân, lý tưởng Bồ tát gây phấn khích tâm lý và thôi thúc con người hướng đến sự hoàn thiện nhân cách một cách toàn bích ở mỗi một cá nhân cụ thể. Xã hội ngày nay tuy văn minh tiến bộ, nhưng sự sống của con người vẫn cứ bất ổn. Sự bất ổn một phần đến từ thiên tai như: động đất, bão lụt, hỏa hoạn..vv... một phần lại đến từ con người như: chiến tranh, dùng vũ lực khai thác thuộc địa, dùng tài lực, trí lực bóc lột đồng loại, chế tạo đủ thứ vũ khí giết hại hàng loạt vv... Chung qui là xuất phát từ tham, sân và si. Có thể nói do tham, sân, si nên con người không thực sự thương nhau; nếu có thì đó là thứ tình thương mang nặng tính thiên vị và cục bộ. Tình thương như vậy rất dễ bị gây đổ một khi mối quan hệ giữa người này với người kia không còn tốt đẹp. Từ nghìn xưa những bậc hiền triết ở Đông phương mỗi người đưa ra luận thuyết của mình về nhân ái. Thời Xuân Thu ở Trung Hoa có Mặc Dịch, Dương Chu, Khổng Tử, v.v... mỗi người chủ trương mỗi thuyết. Mặc Tử thì chủ trương kiêm ái với câu nói bất hủ: "Thân nhi thân thân". Theo Mặc Tử sự thương yêu không nên phân biệt thân, sơ; nếu được thì hãy thương yêu người ngoài gia tộc trước, sau mới đến người trong gia đình. Theo ông, người không cùng tộc họ mà ta thương yêu được

mối quan trọng, mới thực sự là yêu thương, người trong gia tộc thương nhau là điều tự nhiên không cần khuyến khích, giáo dục. Dương Chu thì khác, ông cho rằng trước khi thương yêu người khác là phải biết thương yêu chính bản thân mình, ngay cả một sợi lông! Theo ông, dù là sợi lông đi nữa thì nó cũng là một đơn vị của thân thể, nên không thể không bảo vệ. Có được như vậy mới nói đến chuyện thương yêu tha nhân. Đương thời người ta cho ông chủ trương thuyết "vị kỷ". Khổng Tử thì bình thản hơn, ông cho rằng cứ theo lẽ tự nhiên mà tuần tự thương yêu. Lẽ tự nhiên ấy là: con người ta ai cũng thương yêu ông bà, cha mẹ và anh chị em ruột thịt, và hãy đem tình thương ấy mà thương yêu mọi người, ý tưởng này được tóm gọn trong câu nói bất hủ của ông: "Thân thân nhi thân". Về sau Mạnh Tử triển khai học thuyết của Khổng Tử và lên án thuyết vị kỷ của Dương Chu là "vô quân", thuyết kiêm ái của Mặc Dịch là: "vô phụ". Theo Mạnh Tử, Dương Chu là người "nhỏ một sợi lông để làm lợi cho thiên hạ, không nhỏ". (Dương Chu bạt nhất mao vi lợi thiên hạ, bất tác). Như vậy là cực kỳ vị kỷ và không biết gì đến đạo quân thần. Cũng theo Mạnh Tử, Mặc Dịch là người không lý gì đến tình huyết nhục cha con, nên chủ trương yêu thương gồm cả mọi người, không phân biệt thân, sơ. Như thế là "vô phụ". Phật giáo thì khác. Phật giáo không đề cập đến thương ai trước, ai sau với tinh thần vô ngã, Phật giáo thấy kẻ oán, người thân đều như nhau: "oán, thân bình đẳng". Theo Đức Phật, kẻ oán hay người thân, họ đều là những chúng sanh chưa giác ngộ, giải thoát. Do đó họ cần được giúp đỡ, cần được chỉ bày phương

tiện tu tập để đạt đến giải thoát; chứ không hạn cuộc vào nhóm người này hay nhóm người kia. Đây cũng là nguyên ủy để Đức Phật thuyết giảng kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân (ĐPTPBA)

Chữ hiếu

Hiếu là một khái niệm về bổn phận của kẻ làm con nên đối xử thế nào với cha mẹ cho hợp lẽ nhân luân. Khái niệm về hiếu xuất hiện rất sớm trong thi ca cổ đại ở Trung Hoa. Khoảng 3000 năm trước, kinh Thi của Trung Quốc đã viết:

*"Sinh ngã già phụ mẫu.
Thành ngã già phụ mẫu.
Phụ hề sanh ngã
Mẫu hề cúc ngã
Ai ai Phụ mẫu.
Sinh ngã cù lao
Dục báo thâm ân
Hiệu thiên vong lực"*

Dịch: sinh ra ta là cha mẹ, nuôi ta thành người cũng là cha mẹ. Thương thay cha mẹ, sinh ta khó nhọc, muốn báo ơn sâu, (như) trời cao khó sánh kịp.

Khái niệm hiếu đã có thể đứng vô cùng sâu rộng và vững chắc ở các nước Châu Á như: Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật

Bản, Triều Tiên, Việt Nam... vv. Hiếu đã trở thành cái đạo, trước tiên là đạo làm con, sau đó là đạo làm người. Con người mới có đạo, muông thú không thể có đạo. Đạo là đường đi của lương năng, lương tri, và hiếu đạo là con đường mà những kẻ làm con không thể không đi! Kẻ làm con phải luôn tâm niệm cha mẹ là người sinh ra ta, nuôi nấng ấm bồng ta, cho ta bú mớm và lo lắng cho ta đủ điều, có vậy ta mới lớn khôn thành người; đã là đạo thì không một phút giây có thể rời bỏ được, rời bỏ thì không còn là đạo làm người nữa. (Đạo giả, bất khả tu du ly dã, khả ly phi đạo dã - Sách Trung Dung).

Sách Luận ngữ, một quyển sách ghi lại một cách ngắn gọn, súc tích những lời dạy và những cuộc đàm đạo giữa Đức Khổng Tử và các cao đệ của Ngài.

Trích dẫn: "Ông Hữu Tử, cao đệ của đức Khổng Tử có nói rằng: trong những người có nét hiếu (thảo với cha mẹ), nét để (kính anh chị và người lớn tuổi), ít ai ưa trái nghịch với bề trên. Đã không ưa trái nghịch với bề trên, lại thích gây những cuộc phản loạn, người như vậy ta chưa từng thấy. Cho nên bậc quân tử chuyên chú vào việc gốc. Cái gốc được vững tốt, tự nhiên đạo lý bắt từ đó mà sanh ra. Vậy làm người mà biết giữ gìn nét hiếu, nét để, tức là biết nắm lấy cái gốc". (Hữu tử viết: Kỳ vi nhân giả, hiếu để, nhi háo phạm thượng giả, tiển hỷ. Bất háo phạm thượng, nhi háo tác loạn giả, vị chi hữu giả, quân tử vụ bốn, bốn lập nhi đạo sanh. Hiếu để dã giả, kỳ vi nhân chi bốn dư. Thiên Học Nhi).

Như vậy hơn 2500 năm trước, ông Hữu Tư đã khẳng định: "... làm người mà biết giữ gìn nét hiếu, nét lễ, tức là biết nắm lấy cái gốc".

Đức Khổng thì tinh tế hơn, ngài tùy vào cá tính của mỗi đệ tử mà dạy về hiếu, khi ông Mạnh Ý tử hỏi về hiếu, ngài dạy: "vô vi" (làm con chớ nên trái ngược).

Ông Tử Du hỏi đức Thánh về đạo hiếu, Đức Khổng đáp rằng: "Đời nay, hễ thấy ai nuôi được cha mẹ thì người ta khen là người có hiếu. Nhưng, những thú như chó, ngựa, thì người ta cũng nuôi được vậy. Cho nên nuôi cha mẹ chẳng kính trọng thì có khác gì nuôi thú vật đâu?" (Tử Du vấn hiếu, Tử viết: "Kim chi hiếu giả, thị vị năng dưỡng, chí cơ khuyến mã, giai năng hữu dưỡng. Bất kính, hà dĩ biệt hồ? Vi chính đệ nhị - bản dịch Đoàn Trung Côn).

Hiếu Kinh dạy rằng: "Bách hạnh hiếu vi tiên" (Trong trăm hạnh hiếu là hàng đầu). Thế đủ thấy ý niệm về chữ hiếu đã được ăn sâu vào đời sống tinh thần của các dân tộc Châu Á vô cùng sâu đậm, nó chi phối con người về mặt đạo đức, luân lý; đồng thời nó cũng bó buộc con người trong ý thức hành xử với xã hội. Khi làm một điều lành, điều thiện người ta liền nghĩ đến cha mẹ sẽ vui. Khi phạm một điều gì xấu ác, người ta lại sợ cha mẹ biết được sẽ buồn. Chính điều này là một ưu điểm góp phần làm cho xã hội con người trở nên hòa mục hơn, trật tự hơn, ổn định và an bình hơn.

Về phương diện dân gian, chữ hiếu, hay đạo hiếu từ lâu cũng được hóa thành những huyền thoại hết sức lý thú, đầy ý nghĩa. Ở Trung Hoa xưa có Nhị Thập Tứ Hiếu, nêu gương của hai mươi bốn người con chí hiếu một cách thi vị và đầy tính thần thoại. Như chuyện kể thầy Mạnh Tông, cha mang bệnh nặng, thuốc thang chi cũng không khỏi, nhưng ước ao ăn được bát canh măng, thì sẽ khỏi bệnh. Quá thương cha và sợ cha thêm canh măng mà chết nên Thầy đi khắp các nơi có tre để tìm măng. Nhưng đương lúc trời mùa đông giá lạnh măng không mọc. Cuối cùng quá thất vọng và đứng dưới gốc tre mà khóc, vô tình để nước mắt rơi xuống đất, và chính giọt nước đó mọc lên cho Thầy một mụt măng. Lý do là lòng hiếu của Thầy đã cảm động đến trời đất, "hiếu tâm đã động đến trời".

Dân gian Việt nam cũng có những chuyện kể về gương hiếu hạnh như Lâm Sanh Xuân Nương, Thoại Khanh- Châu Tuấn, v.v... Chuyện kể vô cùng lâm ly bi thiết, nhưng cũng không kém phần nhân bản và thi vị. Thoại Khanh tuy là con dâu nhưng thờ kính hiếu thuận với mẹ chồng hơn cả con gái. Chuyện kể Châu Tuấn, chồng nàng lên đường đến Trường An ứng thí. Thoại Khanh ở nhà bắt ốc hái rau nuôi mẹ và chịu đựng nạn cường hào ác bá đủ điều cay đắng. Ngày kia, nàng dắt mẹ chồng đến Trường An tìm chồng. Trên đường mẹ con nàng gặp đủ thứ tai ương oan nghiệt, một đêm nọ hai mẹ con vào nghỉ nhờ một ngôi miếu, nào ngờ gặp miếu dâm thần. Dâm thần nài ép nàng đủ cách nhưng không thành, bèn giở thủ đoạn bắt lấy người mẹ mà

lò và ra điều kiện, hoặc là nàng thuận tình ân ái với dâm thần thì thần sẽ thả mẹ hoặc là nàng hãy móc đôi mắt đen huyền tuyệt đẹp của nàng dâng cho thần, thần sẽ thả mẹ nàng ra. Thoại Khanh chấp nhận cầm dao khoét mắt dâng cho thần để cứu lấy mẹ, chứ nhất quyết không chịu thất tiết. Việc làm chí hiếu chí tình của nàng cảm động đến đất trời, nên dù trải qua lắm nỗi oan khiên cay nghiệt, nhưng ngày tái ngộ với chồng, Ngọc Hoàng sai Thần Nhãn xuống dương thế trả lại đôi mắt cho Thoại Khanh. Chỉ vì nàng giữ trọn cả hiếu lẫn tình. Hay trong truyện Kiều của Nguyễn Du cũng thế, nàng Kiều trong cơn gia biến, vì hiếu đạo nên chấp nhận bán mình chuộc cha: "làm con trước phải đền ơn sinh thành".

Qua những câu chuyện trên cho thấy đạo hiếu từ lâu đã ăn sâu và luôn bàng bạc trong tâm tưởng mọi người trong đời sống xã hội, cả ở Trung Hoa cũng như Việt nam, và ở các nước châu Á khác, nhất là những dân tộc chịu nhiều ảnh hưởng của Khổng giáo và Phật giáo. Đạo hiếu khuyến khích, cổ vũ và xưng tụng những kẻ làm con biết hiếu thảo với cha mẹ; kẻ chí hiếu sẽ được cả đất trời ủng hộ và đồng tình! Từ nghìn xưa người ta cổ xúy đạo hiếu là nhằm duy trì nền đạo lý, nhân luân với chủ đích không để con người đi lệch thiên chức của chính mình. Từ những trình bày trên, chúng ta đi sâu tìm hiểu đạo hiếu trong Phật giáo, qua bộ Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân.

Toàn bộ kinh có bảy quyển, được chia thành chín phẩm, được phân bổ như sau:

Phẩm tự, tức phẩm I là phần dẫn nhập

Nhân việc ngài A Nan nghe nhóm Lục sư Phạm Chí chê bai chỉ trích đức Phật: "Thầy Cồ Đàm của người thực là bội bạc, chẳng biết ân nghĩa, mới đành lòng dứt bỏ ra đi như thế! Cho đến phụ vương, vì tạo lập cung điện, cưới nàng Cù Di làm vợ cho Cồ Đàm, nhưng ông cũng chẳng làm theo bốn phận của vợ chồng, khiến cho nàng phải sầu khổ, cho nên biết Cồ Đàm là người bất hiếu" (kinh ĐPTPBA). Do đó, ngài A nan trình bày lại sự việc và thỉnh cầu đức Phật giải quyết vấn đề do nhóm Lục sư Phạm Chí đưa ra. Đây là phần duyên khởi của kinh.

Từ phẩm II - Hiếu dưỡng cho đến phẩm VII - Từ Bi: là phần trọng tâm của kinh. Phần này gồm sáu phẩm, đi sâu vào phân tích sự hiếu thuận, sự đền ơn, báo ơn của những vị Phật cho đến các vị Bồ tát, không chỉ ở hiện tại mà cả trong vô lượng kiếp trước ở quá khứ.

Phẩm thứ tám Ưu Bà Ly, phẩm thứ chín - Thân cận là phần kết, hay còn gọi là phần Lưu thông. Hai phẩm này qui kết vào hai đặc điểm:

1. Kẻ bị xã hội cho là hạ tiện, đáng khinh bỉ vẫn tu chứng thành quả trong giáo lý của Đức Phật.

Nữ giới vẫn được dự vào hàng thánh đệ tử của Phật với điều kiện họ tự nguyện tuân thủ Bát kinh pháp và tinh tấn tu tập theo luật nghi do Đức Phật chế định.

Phẩm hiếu dưỡng - thứ hai

Phẩm này nêu lên nguyên ủy do đâu Đức Phật và các hàng đệ tử của ngài đều phải báo ơn những đấng sanh thành. Đồng thời chỉ ra phương cách báo hiếu cho các hàng đệ tử Phật. Ở đây có hai vấn đề cần hiểu rõ trước khi đề cập đến việc báo hiếu.

1. Thuyết luân hồi - Samsàra
2. Phát Bồ đề tâm, hành Bồ tát hạnh.

Thuyết luân hồi.

Thuyết này kỳ thực không hoàn toàn xuất phát từ Phật giáo, mà trong truyền thống tín ngưỡng Vệ-đà của Ấn Độ cổ xưa đã có nói nhiều đến thuyết luân hồi. Đức Phật, và nhất là Đại thừa giáo đã hệ thống thuyết luân hồi được hoàn chỉnh hơn trước thời Vệ-đà. Thuyết luân hồi cho rằng đời sống của mọi loại sinh vật nói chung và loài người nói riêng, từ vô thủy đến nay luôn luân chuyển trong sáu nẻo là: Thiên, nhơn, A tu la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Cứ như vậy mà lăn như bánh xe cho đến vô cùng. Kinh Tâm địa quán, nói: "các loài hữu tình, sinh trong sáu đường, như chiếc bánh xe lăn không có sau trước".

Kinh ĐPTPBA, Phẩm Hiếu dưỡng: "Như Lai khi còn ở trong đường sinh tử, ở trong tất cả các loài chúng sanh, cũng đã phải chịu đủ mọi thân hình nhiều như những hạt bụi, không thể lấy lòng nghĩ miệng bàn sao cho xiết được. Vì phải chịu thân như thế, cho nên tất cả chúng sanh, cũng đã từng làm cha mẹ của Như Lai, Như Lai cũng đã từng làm cha mẹ của tất cả chúng sanh..."

Như vậy, hiếu không dừng lại ở việc phụng dưỡng cha mẹ như cơm ăn áo mặc hay thuốc thang khi đau yếu, mà hiếu còn có sự tương quan giữa quá khứ với hiện tại. Hiếu cũng không dừng lại ở cha mẹ đời hiện tại, mà hiếu còn có mối quan hệ với cha mẹ ở nhiều đời trong quá khứ. Do đó, báo hiếu không đơn giản chỉ thuần ở cha mẹ trong hiện kiếp. Vì "... tất cả chúng sanh từng là cha mẹ của nhau".

Báo hiếu theo Phật giáo, là làm cho cha mẹ cả ở quá khứ lẫn ở hiện tại đều được biết tu tập và giải thoát. Muốn vậy phải phát tâm Bồ đề. Tâm Bồ đề là tâm thương cầu, hạ hóa. Nghĩa là trên thì cầu thành Phật, dưới thì hóa độ chúng sanh. Muốn cầu thành Phật; về tự thân luôn tinh tấn tu tập và thiền định, nhiếp hộ các căn, không cho phóng dật. Đồng thời hiểu rõ chúng sanh vì mê muội điên đảo, lầm chấp thấy có ba thừa, bị ái dục che đậy, chìm đắm trong bể khổ, bị bốn đảo làm cho điên đảo: đối với pháp hữu lậu, vọng tưởng, phân biệt; đối với các pháp là vô ngã, vọng tưởng thấy có ngã; đối các pháp là vô thường, vọng tưởng chấp cho là thường; đối các pháp không phải là vui,

vọng tưởng chấp cho là vui; đối với các pháp là bất tịnh, vọng tưởng cho là tịnh; sinh, lão, bệnh, tử, biến đổi hoại diệt, niệm niệm vô thường, năm cái, mười phiền, che đậy; luân hồi ba cõi, phải chịu sanh tử không có trước sau, giống như bánh xe".(ĐPTPBA phẩm hiếu dưỡng).

Nhận rõ nguyên nhân do đâu khiến chúng sanh phải trôi lăn trong nẻo luân hồi, Bồ tát quyết chí tu hành không phút giây xao lãng. Nói với Ngài Tĩnh Am thiền sư trong Văn Khuyển Phát Bồ đề tâm: "Thường văn nhập đạo yếu môn, phát tâm vi thủ; tu hành cấp vụ lập nguyện vi tiên. Tâm phát tắc chúng sanh khả độ, nguyện lập tắc Phật đạo kham thành" (nghe rằng cửa tối yếu vào đạo, hàng đầu là việc phát tâm, việc khẩn cấp tu hành là lập nguyện. Phát được tâm Bồ đề ắt sẽ độ được chúng sanh. Thệ nguyện đã được lập chắc chắn Phật đạo sẽ thành.

Vậy theo Phật giáo dù có moi gan xẻ thịt để cung phụng cho cha mẹ trong cơn đói khát cùng cực như trường hợp của thái tử Tu Xà Đề được kể trong kinh, thì đó cũng không gọi là cách báo hiếu rất ráo. Bởi: 1. Cha mẹ dù có tạm qua cơn đói, nhưng kết cục thân tứ đại của cha mẹ cũng sẽ hoàn lại cho tứ đại. 2. Trong khi đó, vọng nghiệp do cha mẹ và chúng sanh gây tạo vẫn còn nguyên vẹn, và tiếp tục sinh tử, tử sinh trong ba cõi, sáu đường. Do đó, cúng dường cha mẹ là điều cần phải làm, nhưng điều cần hơn là phát quang đại nguyện tâm như trường hợp của Thái tử Tu Xà Đề - tiền thân của Đức Phật - đã phát nguyện: "Tôi ngày nay

cũng chẳng nguyện sinh làm Thiên ma vương, Phạm vương, Thiên vương, Nhân vương, hay Chuyển Luân Thánh vương, mà tôi chỉ muốn cầu đạo Vô thượng Bồ đề, để độ thoát cho tất cả chúng sanh mà thôi".

Hoặc như Thiện Tài Đồng Tử (trong kinh Hoa Nghiêm) đã phát nguyện: "Ngã kim phát tâm, bất vị tự cầu nhơn, thiên phước báo. Thịnh văn, Duyên giác, nãi chí quyền thừa chư vị Bồ tát, duy y tối thượng thừa, phát Bồ đề tâm nguyện dĩ pháp giới chúng sanh nhất thời đồng đắc A Nậu đa la tam miệu tam bồ đề" (tôi nay phát tâm, không vì mình mà cầu hưởng phước báo, cõi người, cõi trời, hoặc cầu hưởng phước báo của quả vị Thanh văn, Duyên giác, cho đến phước báo quyền thừa của chư vị Bồ tát. Chỉ duy nhất là quả vị tối thượng đó là; phát quảng đại nguyện tâm thể độ tất cả chúng sanh trong pháp giới đều chứng đắc Vô thượng chánh đẳng, chánh giác). Bồ tát phát quảng đại nguyện tâm như thế, vì Bồ tát quán sát thấy rằng: "Chúng sanh thật đáng thương, thường ở trong tối tăm, chịu lấy thân phận nguy khốn, nào sanh, nào già, nào bệnh, nào chết đến dồn dập, đủ các thứ khổ não. Họ chết đây sanh kia, chết kia sanh đây, cứ duyên theo khổ ấm thân, nên lưu chuyển vô cùng. Ta lúc nào mới hiểu rõ khổ ấm và diệt hết sanh, già, bệnh, chết?" (Kinh Trường A hàm - Phẩm Sơ Đại Bản Duyên). Muốn hiểu rõ khổ ấm và diệt hết sanh, già, bệnh, chết, Bồ tát phải quán Thập nhị nhân duyên: "Sanh tử từ đâu, duyên đâu mà có?". Và thấy rằng: "Do sanh mà có lão tử; sanh là duyên của lão tử; sanh lại do hữu mà có, hữu là

duyên của sanh; hữu từ thủ mà có, thủ là duyên của hữu; thủ từ ái mà có, ái là duyên của thủ; ái từ thọ mà có, thọ là duyên của ái; thọ từ xúc mà có, xúc là duyên của thọ; xúc từ lục nhập mà có, lục nhập là duyên của xúc; lục nhập từ danh sắc mà có, danh sắc là duyên của lục nhập; danh sắc từ thức mà có, thức là duyên của danh sắc; thức từ hành mà có, hành là duyên của thức, hành do vô minh mà có, vô minh là duyên của hành.

Như vậy tức là do vô minh mà có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục nhập, duyên lục nhập có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, chết, ưu bi, khổ não. Đây là cái ấm thân đầy đầy khổ não do duyên sanh mà có; đó là khổ tập. Lúc Bồ tát suy nghĩ đến khổ ấm tập thì chánh trí sanh, tuệ nhãn sanh, chơn giác sanh, minh liễu sanh, thần thông sanh, trí tuệ sanh và chứng ngộ sanh" (Trưởng A Hàm, kinh Sơ Đại Bốn Duyên).

Trên đây là quá trình thiền quán tư duy và chứng nghiệm tự thân của mỗi người tu hành. Ta có thể nói như thế này: nguyên ủy của việc tu hành trong Phật giáo là xuất phát từ việc thấy rằng cái vô lý, cái bất lực muôn thuở của con người là cái chết. Chết được coi như chấm dứt tất cả những gì con người tạo dựng và đồng thời cũng mù mù không biết được cái gì, hay điều gì sẽ xảy ra. "Tiền lộ mang mang, vị tri hà vãng". Đường phía trước mù mù chẳng biết về đâu!

Vậy muốn chiến thắng, muốn vượt qua cái chết, cái vòng luân hồi, cách duy nhất là nhận ra nguyên nhân; khi nhận ra nguyên nhân thì quyết chí tinh tấn tu tập theo những gì Đức Phật chỉ dạy: "Thế nên A Nan! Người hãy tự thấp đuốc lên mà đi, thấp lên với chánh pháp, đừng thấp lên với pháp nào khác, hãy tự nương tựa với chính mình, nương tựa với chánh pháp, đừng nương tựa với một pháp nào khác".

Thế nào là tự mình thấp đuốc lên mà đi, thấp lên với chánh pháp, đừng thấp lên với một pháp nào khác? Hãy tự mình nương tựa chính mình, nương tựa chánh pháp, đừng nương tựa pháp nào khác? Nay A-Nan! Các tỳ kheo trước phải lo quán sát trong thân, sau đó quán sát ngoài thân, cuối cùng quán sát cả trong lẫn ngoài thân, quán sát một cách chuyên cần, không biếng nhác, nhớ mãi để diệt trừ sự tham luyến, lo buồn của thế gian, và tiếp theo sự quán sát trên, là quán sát về thọ, về tâm lý, về các pháp cũng như thế" (Trường A hàm, kinh Du Hành).

Vậy, có thể nói rằng: chỉ có tu chứng thánh đạo, và giải thoát khỏi vòng lẩn quẩn của sinh tử, ta mới thực sự báo ơn, đền ơn cha mẹ cả trong quá khứ lẫn ở hiện tại một cách đầy đủ và rốt ráo nhất. Nói cách khác, tu hành theo giáo pháp của Đức Phật là tự mình thấp sáng nhân cách của chính mình, đồng thời dùng nhân cách sáng ngời ấy soi đường cho tất cả chúng sanh thấy, và tránh những cạm bẫy nguy hiểm và độc hại mà từ vô lượng kiếp đến nay họ cứ luôn bị vấp ngã! Hiếu dưỡng là vậy.

Phẩm thứ ba: Đối trị.

Đây là phẩm kinh vạch rõ và chỉ cho thấy, muốn cứu độ chúng sanh, Bồ tát không một khoảnh khắc có thể lìa bỏ đại bi tâm. Muốn giữ gìn đại bi tâm, Bồ tát phải luôn xa lìa ái dục, và tinh tấn tu hạnh thanh tịnh nhằm phòng hộ tam nghiệp, khiến cho tham nhiễm tâm không có điều kiện sinh khởi, muốn cho tham nhiễm tâm không có điều kiện sinh khởi, cách tốt nhất là không bao giờ xâm phạm đến tánh mạng, tài sản, danh dự và nhân phẩm của người khác:

"... phạm loài nào có tính mạng đều không muốn chết như tôi. Cho nên Bồ tát, cho đến phải tán thân thất mạng, trọn không cướp đoạt thân mạng của kẻ khác". Vì Đức Phật dạy: "cướp đi mạng sống của kẻ khác thì dễ, nhưng trả lại mạng sống cho họ là điều không thể làm được" (taking life which is so easy to take, but so hard to give back again) (Quoted in Bhikkhu Silacara, *life of the Buddha*, pp.149-150).

Về tài sản cũng thế: "...tôi không muốn người khác xâm chiếm của cải của tôi, tất cả chúng sanh cũng lại như thế. Cho nên Bồ tát cho đến phải táng thân thất mạng, đối với y phục, của cải, thức ăn uống của chúng sanh, trọn không sanh tâm cướp đoạt". Hoặc: " Như tôi không muốn người khác dùng cường lực uy thế bức hiếp đè nén, không cho tôi được tự do trình bày sự thanh bạch của tôi, tất cả chúng sanh cũng lại như thế, cho nên Bồ tát, cho đến táng thân

thất mạng, trọn không đem những sự phi lý để gia hại chúng sanh" (kinh ĐPTPBA).

Đức Thánh Khổng cũng dạy: "kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân" (cái gì mình không muốn đừng đem sự không muốn ấy áp đặt lên kẻ khác).

Bồ tát chẳng những không xâm phạm đến tính mạng, tài sản...vv của chúng sinh mà Bồ tát còn thấy rõ tất cả chúng sanh như đang trong cơn khát, đó là khát ái, khát dục, khát A-lại-da vô cùng trầm trọng. Chúng sanh vì không tự mình nhận ra cơn khát, nên cường độ cơn khát càng trở nên dữ dội, và nó đốt cháy chúng sanh trong hỏa ngục của ảo ảnh! Vì khát ái, nên chúng sanh cứ luôn vô chạp tất cả những gì mình thích. Vì khát dục, nên chúng sanh không bao giờ chịu vừa ý với những gì mình có, và vì khát A- lại- da, nên chúng sanh luôn thấy cái ta của mình là trên tất cả! Kỳ thực, từ tính mạng cho đến tài sản, và luôn cả những ý niệm về cái ta, tựu trung chỉ là cái giếng khô mà ta là những kẻ đang trong cơn khát đổ xô đi tìm bởi cứ ngỡ đó là giếng nước mát, để rồi tất cả đều bị té xuống giếng, như sự miêu tả trong kinh.

Ngoài ra, Bồ tát không vì thấy chúng sanh nghèo đói mà đem tài vật ra cung cấp, nhằm xoa dịu và an ủi sự nghèo túng của họ. Như vị đại thí chủ được đề cập trong kinh, ông ta có thể cung cấp và làm thỏa mãn mọi nhu cầu của những kẻ nghèo đói, nhưng rồi cũng vô ích. Vì kết quả của sự

thỏa mãn ấy là cái chết do trúng độc. Làm sao có thể an hưởng sự yên bình trong khi "ba con rắn độc" là tham, sân và si hãy còn nguyên vẹn hình hài trong tự thân tâm của mỗi chúng sanh? Do đó Bồ tát bố thí quốc, thành, thê, tử, và luôn cả đầu, mình, tứ chi vv... không chỉ nhằm mục đích là đưa chúng sanh qua bên kia bờ giác mà còn nhằm trừ khử những cơn khát ái, khát dục, và khát A-lại-da. Có thể Bồ tát mới thành tựu được đạo Bồ đề. Đạo Bồ đề có thể được bắt nguồn từ nửa bài kệ, nửa câu kinh. Đó là phương pháp đối trị hữu quả nhất mà Bồ tát cần thực hiện trong quá trình tu tập. Cùng với sự trừ khử trên, Bồ tát luôn thương tưởng đến chúng sanh. Đây là nội dung phẩm thứ bốn - phát Bồ đề tâm.

Phát tâm Bồ Đề, phẩm thứ bốn.

Phát tâm Bồ đề ở phần trên đã trình bày; ở đây chỉ nói thêm. Tâm Bồ đề là tâm biết rung động, biết xót xang, biết đau xót và biết thương yêu, cứu giúp trước những cảnh huống đau khổ, bất hạnh của chúng sanh và đồng loại. Nguyên nhân sâu xa của tình thương hay của lòng từ bi của tâm bồ đề được phát nguyên từ sự nhận thức rõ nguyên do của cái khổ, hay cảnh khổ mà chúng sanh phải gánh chịu. Khổ có nhiều, nhưng chung qui là do sự tác động từ bên trong và bên ngoài.

- Bên trong là cái khổ do nhận thức sai về vạn hữu bên ngoài. Đa phần chúng ta luôn bị hấp dẫn, bị lôi kéo, hay bị

cuốn hút bởi những hiện tượng muôn hồng nghìn tía của những ảo ảnh; những ảo ảnh này - nói theo duy thức học - là do nội thức của chúng sanh biến hiện ra rồi lại nương vào sự biến hiện đó mà cho là thực có. Cái được cho là thực có, theo duy thức học không là gì khác, mà đó là do biến kế sở chấp của nhiễm ô thức, từ sự nhận thức "thố mậu" hay sai lầm về vạn hữu mới sinh khởi tham, sân, si nơi tâm. Chính tâm tham, tâm sân và tâm si nhấn chìm chúng sanh trong bể khổ. Đó là cái khổ bên trong.

- Bên ngoài là cái khổ do thiên tai; bão, lụt, động đất, hỏa hoạn, núi lửa vv... nhất là chiến tranh!

Chúng ta ngày nay đang sống trong một thế giới mà không biết đó là thế giới văn minh hay bán khai. Có những vấn đề rất rõ ràng nhưng lại rất khó hiểu. Có những nhà bác học ngày đêm miệt mài nghiên cứu, tìm tòi, sáng chế nhiều phương thuốc để cứu chữa những chứng bệnh hiểm nghèo, nhằm giúp con người có được đời sống an lành và hạnh phúc. Nhưng cũng có những nhà bác học gò lưng nghiên cứu tìm tòi và chế tạo ra những thứ vũ khí giết người hàng loạt như bom đạn hạt nhân chẳng hạn. Có những nhà khoa học luôn ưu tâm trước những đói khổ của nhân loại, đồng thời cũng có không ít những nhà "trí thức" không ngừng tìm cách thu tóm lợi nhuận tối đa về cho bản thân mình, tập đoàn mình, quốc gia mình, và bất kể đến những khổ đau, thiếu thốn, chết chóc của đồng loại. Lại có những người nhân danh thần thánh để đẩy con người vào hận thù và sát hại lẫn nhau.

Đồng thời không thiếu những người nhân danh sự văn minh, tiến bộ để đi khai thác và bóc lột đồng loại một cách vô cùng tinh tế, nhưng không kém phần dã tâm! Loài người thật khó hiểu; người ta sẵn sàng bỏ ra hàng tỉ tỉ đô la để mua sắm vũ khí, và đủ loại trang thiết bị quốc phòng hiện đại. Nhưng người ta lại rất nhỏ giọt khi bỏ tiền ra cứu trợ những nạn đói, nạn dịch bệnh, thiên tai vv... luôn xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới. Con người, ai cũng mưu cầu hạnh phúc, nhưng lại luôn tạo ra những bất ổn cực kỳ nguy hiểm. Tôn giáo, triết học vv... cũng đã giảng giải, chỉ dạy những điều hiền thiện từ bao đời nay, nhưng dường như chưa có mấy hiệu quả. Có lẽ những điều hiền thiện dường như xa vời với những ham muốn trần tục của con người. Do vậy cái mà những kẻ giàu mạnh cho là hạnh phúc hay đó là thành quả của quá trình bóp chẹt lẫn nhau? Kẻ thắng, kẻ giành phần hơn được gọi là hạnh phúc. Kẻ thua, kẻ bị thiệt hại đương nhiên là đau khổ, có lẽ là như vậy!

Có thể nói một cách tương đối, ngày nay con người đang sống trong một môi trường nhân văn còn bị vướng rất nhiều mâu thuẫn; những mâu thuẫn này nếu không sớm được giải quyết, rất có thể trong một tương lai nào đó, những mâu thuẫn này sẽ dẫn con người đi đến hoại diệt. Do đó, con người cần sáng suốt kiểm chế tư tâm, tư dục của bản thân, của đoàn thể, của đảng phái và của quốc gia, may ra mới giải quyết được những mâu thuẫn đầy nguy hiểm của chính con người tạo ra. Phương pháp để giải quyết những mâu thuẫn theo Phật giáo tốt nhất là phát tâm bồ đề. Tâm bồ đề

là lòng yêu thương vô điều kiện và hoàn toàn chân thực; bởi tâm bồ đề chỉ được phát khởi từ những con người đã đứng trên, đứng ngoài tất cả mọi tranh chấp và xung đột, những con người không còn đứng giữa đấu trường: được thì vui, mất thì buồn, thắng thì kiêu căng, thua thì sầu não. Người phát tâm bồ đề là người không còn bị tư tâm, tư dục trói buộc và sai khiến. Nói như kinh Kim Cang, người phát tâm bồ đề là người không còn: "ngã tướng, nhân tướng, thọ giả tướng"- tức không chấp vào cái ta của chính mình, cái ta của người và cái thân mệnh giả hợp của kiếp con người. Với mọi người chúng ta, tình thương yêu được xuất phát từ tâm bồ đề đủ để: vừa làm nơi nương tựa cho mọi người đang sống trong biển tranh chấp và nghi kỵ vừa tạo được niềm tin nhằm xoa dịu và dập tắt tất cả mọi ngọn lửa hận thù, đố kỵ đang ngấm ngấm nung nấu giữa lòng cuộc sống và không biết được đến khi nào sẽ bộc phát.

Chúng ta hãy cùng niệm: Nam Mô Phát Bồ Đề Tâm Bồ Tát Ma Ha Tát! Niệm nhiều lần, niệm mãi và niệm mãi để mọi người trong chúng ta ai cũng có cơ hội để tâm bồ đề được nẩy mầm và lớn mạnh. Xin chân thành cầu nguyện như thế.

Nha Trang, mùa Vu Lan

Tỳ kheo Thích Tâm Trí



NHỮNG ĐIỀU GHI ĐƯỢC TỪ MÙA THU

Thích Phước An

*Đêm qua nằm mơ thấy mẹ
Như thấy ngôi chùa của quê hương
(Huyền Không)*

1

Đến bây giờ, tôi vẫn còn nhớ như in, hồi nhỏ sống trong căn nhà tranh nơi một làng quê nghèo khổ ở miền Trung. Vào những buổi xế chiều cuối tháng 6 hoặc đầu tháng 7 âm lịch, mẹ tôi hay vắng nhà, bà đi ra đồng nhổ cỏ ruộng hoặc hái rau. Còn lại một mình ở nhà, không biết làm gì, tôi thường leo lên nằm trên chiếc võng treo ngay nơi cửa chính ra vào. Tôi nằm yên nhìn những đám mây đen đang tụ lại nơi những rặng núi xa ở phía Tây, những đám mây đó như báo hiệu những ngày đông giá rét lê thê đang sắp đến nơi làng quê nghèo khổ này. Thỉnh thoảng tôi còn nghe những tiếng sấm từ chân trời xa vọng lại.

Tôi nhìn mây và nghe sấm mà tâm trí ngây thơ cứ tưởng tượng rằng, chắc là sau những đám mây đen kia, sau những tiếng sấm chớp kia, có một nơi chốn tươi đẹp hơn ở đây? Nơi đó, chắc không có những buổi chiều buồn bã ngồi chồm hổm dưới đất ăn cơm bên ngọn đèn dầu leo lét, nơi đó chắc cũng không có những đêm như dài vô tận, ngủ không được, vì sợ oan hồn của những người chết trôi ngồi khóc than trên hòn đá của dòng sông trước nhà, mà tôi vẫn thường lắng nghe người lớn bàn tán với nhau mỗi khi chiều đến.

Bây giờ, sau những năm được sống nơi những thành phố mà tôi đã mơ ước đó, cũng vào những ngày cuối hạ, nhìn bầu trời nhiều mây, thì lòng tôi cũng chợt u hoài nhớ về vùng quê nghèo khổ mà tuổi thơ tôi đã cố chối bỏ để ra đi. Tôi vẫn thường được ông chú ruột của tôi, là một vị sư trụ trì tại một ngôi chùa trong làng kể lại rằng, khi mẹ tôi có mang tôi khoảng 4 tháng thì cha tôi qua đời. Nên khi mới 7 hoặc 8 tuổi gì đó, là ông bắt buộc tôi phải vào chùa ở với ông. Vì chú tôi biết mẹ tôi không thể nào nuôi nổi, nhất là chuyện học hành.

Cha và mẹ đều là người cùng làng, nhưng cha tôi sinh ở bên này sông, dân làng thường gọi là phía bên núi, còn mẹ tôi ở bên kia sông thì gọi là ở bên đồng. Bên kia sông là ruộng đồng, mương rạch, nhiều lũy tre nối tiếp nhau. Vì sinh bên đồng nên mẹ tôi bơi lội và chống sông rất giỏi. Trừ tháng 9 và tháng 10, nước sông chảy xiết thì tất cả những tháng còn lại trong năm, mỗi lần đi về ngoại mẹ tôi

thường chở tôi đi bằng sòng. Tôi thích đi sòng nhất là những ngày cuối tháng chạp, vì những ngày đó mùa lụt vừa qua, nên nước sông vẫn còn đầy. Ngồi trên sòng tôi cứ say sưa nhìn màu xanh của lúa non cùng màu xanh của bầu trời mùa xuân như quyện vào nhau, từng chùm bông lục bình nở tím cả hai bên bờ sông.

Nhà ngoại tôi nằm khuất sau nhiều lùm tre, nên cứ mỗi lần sòng lướt qua được một lùm là tôi lại đếm thử còn mấy lùm tre nữa là đến nhà ngoại.

Những chuyến đi về quê ngoại bằng sòng với mẹ tôi từ thuở còn thơ ấy, tôi không ngờ đã âm thầm tác động đến cách nhìn của tôi đối với cái đẹp, như cái đẹp về thi ca chẳng hạn.

Cái cảnh dòng sông trong bài thơ này của Huy Cận, sao giống dòng sông của quê ngoại tôi quá chừng!

Mây lúc bên đường bóng đứng trưa

Thuyền em qua thác sóng xô lúa

Sông êm, bãi cát con cò đứng

Khởi vệt, lòng em hết sợ chưa?

Và tiếng gà gáy bên đê trong buổi chiều lạng lẽ này nữa chứ!

Tới ngã ba sông nước bốn bề

Nửa chiều, gà lại gáy bên đê

Làng xa lạng lẽ sau tre trúc

Bến cũ thuyền em sắp ghé về

Ở đây, trên đồi cao nơi tôi đang sống, vào những buổi trưa vắng vẻ hay những đêm khuya khoắt, thỉnh thoảng tôi còn nghe lại được tiếng gà gáy từ một xóm quê bên kia sông vọng lại. Những lúc như vậy tôi lại nhớ về “làng xa vắng lẽ sau tre trúc”. Ở đó có căn nhà của ngoại tôi tràn ngập trong nắng vàng, nhưng bây giờ nó chỉ còn lại trong kí ức mịt mù của tôi mà thôi. Bởi vậy nên “bến cũ thuyền em sắp ghé về” với tôi chắc chắn sẽ không bao giờ xảy ra nữa rồi.

Khi chiến tranh vừa chấm dứt, tôi vội về thăm lại quê sau bao nhiêu năm không về thăm được, mẹ tôi dẫn tôi đi thăm mộ ông ngoại bà ngoại. Tôi ghé vào thăm căn nhà của ngoại năm xưa, đúng hơn là thăm nền nhà tro bụi hoang tàn, vì mẹ tôi và các con của bà đều chết trong một trận hai bên đang giao tranh với nhau, chỉ trừ người con trai cả lúc xảy ra giao tranh không có ở nhà, còn cậu tôi thì đi tập kết trước 1954 vẫn chưa trở về. Tôi lặng lẽ đứng nhìn khu vườn, cây đại mộc um tùm, nhìn con đê, mương nước trước sân, cây xoài, lũy tre sau nhà. Tôi tự nói trong ngậm ngùi với chính tôi rằng, vậy là dù bao nhiêu người trong căn nhà này đã vĩnh viễn ra đi, chúng vẫn âm thầm ở lại với bóng tối hơn 20 năm rồi đó. Tôi bỗng xót xa cho mảnh đất đã từng nuôi dưỡng tuổi thơ của tôi, và cũng xót xa luôn cho những người nông dân chân lấm tay bùn, suốt đời chỉ có một ước mơ duy nhất là được sống yên trên mảnh đất này, và khi chết thì cũng được chết ngay trên mảnh đất này. Vậy mà cái ước mơ quá giản dị đó lại không bao giờ thực hiện được. Tại sao?

Nhà văn Võ Hồng, có một câu truyện ngắn mà đọc rồi tôi cứ nhớ mãi. Có lẽ vì tác giả cũng sanh ra, lớn lên trên mảnh đất cũng nghèo khổ khô cằn như mảnh đất quê tôi, nên ông mới ghi lại được tất cả những đau khổ, hạnh phúc, đam mê cũng như bi kịch của những người đã dâng hết tình yêu nồng nàn cho mảnh đất:

“... Lên mười lăm tuổi thì cầm liềm đi gặt hái. Rồi thì cày ruộng, tát nước, gánh mạ, cuốc cỏ. Có bao giờ Lão được an nhàn đâu? Hết thời Tây đến thời Nhật rồi qua đến thời kháng chiến, Lão mơ ước có một đám đất của mình để gieo hạt giống của mình, cấy lên bó lúa của mình. Sống gần hết đời người mà lúc nào cũng chỉ có trên tay một cái rựa, trên vai một cái cuốc, trên đầu một cái nón lá tả tơi ...” (Tình yêu đất).

Càng thất vọng về con người bao nhiêu thì những người nông dân lại càng bám lấy mảnh đất để hy vọng bấy nhiêu “... Đất không phản bội người, chỉ có người mới phản bội đất. Người dậm chân rửa sả rồi bỏ đi. Đất vẫn ở lại nhẫn nại trung thành. Khi người về, người cứ tưới mồ hôi xuống là đất lại nảy ra lá xanh, đơm hoa, kết quả ...”

Khoảng 3 tháng sau ngày giải phóng, cậu tôi từ Bắc trở về. Mẹ tôi kể lại với tôi rằng, lúc đầu cậu dự tính về xây dựng lại nhà cửa rồi ra Bắc thu xếp để về Nam luôn. Nhưng sau khi ra Bắc trở lại thì cậu tôi bật luôn tin tức, mặc cho sự mong đợi của mẹ tôi và con ông.

Khi nghe chuyện này, tôi hỏi mẹ tôi là khi về cậu có đến thăm nền nhà cũ của cậu không? Mẹ tôi trả lời rằng, không những đã đến thăm mà còn đứng lại đó suốt cả buổi chiều nữa, rồi lẳng lặng bước ra mà không nói được lời nào.

Sở dĩ tôi hỏi mẹ tôi một điều có vẻ vớ vẩn như vậy chỉ để xác nhận lại những ý nghĩ mà tôi đã tưởng tượng ở trong đầu tôi, chứ làm sao sau hơn 20 năm xa cách mà trở về lại không đến thăm nơi chôn nhau cắt rốn của mình? Cho dù đã biết trước là nơi đó nay chỉ còn là miếng đất hoang tàn tro trọi.

Khi nghe tin cậu tôi về, tôi rất muốn về quê để thăm cho được người cậu mà tôi chỉ hình dung được là rất giống mẹ tôi từ khuôn mặt cho đến dáng đi, vì lúc cậu tôi đi tập kết ra Bắc thì tôi chỉ mới có 5 tuổi. Nhưng rồi cuối cùng tôi vẫn không về được. Vì lúc đó, chỉ rời chùa một đêm thôi là đã không biết chuyện gì sẽ xảy ra cho chính bản thân cũng như cho chùa rồi, huống chi là đi từ tỉnh này qua tỉnh khác. Đó là chưa muốn nói mỗi khi đi ra đường hoặc ngồi trên xe đò, những người “chiến thắng” đã nhìn như nhìn một quái vật từ hành tinh khác đến.

Vì không về thăm được cậu, nên tôi cứ tưởng tượng lúc cậu bước vào khu vườn ấy, đứng trên nền nhà ấy, cậu sẽ nghĩ gì khi 20 năm trước cũng chính nơi này cậu đã từng nâng niu từng chút hạnh phúc (dù là mong manh) với các con và gia đình? Những người thân nhất đời ông đó nay cũng đã

bỏ ông và mảnh đất này ra đi vĩnh viễn. Tôi lại cứ thắc mắc, lẽ nào những người suốt cả đời cứ “hoan hô” bên này và “đả đảo” bên kia ấy đến một lúc nào đó cũng phải dừng lại, vì thân sẽ tàn và sức phải kiệt chứ? Cũng vậy, liệu những khẩu hiệu như “anh hùng”, “vô địch”, “quang vinh muôn năm”, hay “bách chiến bách thắng”, được viết khắp hang cùng ngõ hẻm có đủ sức chống đỡ nỗi tâm hồn đang quằn quại trong đau khổ của cậu khi đối diện với cảnh xưa hoang tàn, với nắm mộ của các con và vợ? Và tôi vẫn hy vọng rằng, đến một lúc nào đó, khi không còn chịu đựng được nỗi khổ đau này nữa, cậu tôi sẽ phải cúi xuống nhìn lại thân phận mình, thân phận bi thảm của kiếp người. Chỉ lúc đó cậu mới thực sự “giải phóng” cậu được, thay vì đòi “giải phóng” cho người khác.

Sau đó tôi về thăm quê, sư chú cho tôi biết là cậu đã vào chùa ở lại với ông hai đêm. Cậu đã nói hết sự thật về những năm tập kết ra Bắc cùng nỗi thất vọng khi trở về lại quê hương. Và cậu cũng nói cho sư chú tôi biết là cậu không về quê ở luôn như đã dự tính lúc ban đầu nữa.

Tôi rất vui khi nghe sư chú tôi kể lại như thế. Vậy là, ông cậu hiền lành, ít nói mà mỗi lần theo mẹ về ngoại ăn giỗ tôi vẫn thấy đạo mạo trong chiếc áo dài đen, đầu đội khăn đóng, cầm hương quỳ xuống khấn vái trước bàn thờ tổ tiên vẫn chưa hề mất trong ký ức tuổi thơ của tôi.

Vài năm sau, tôi được tin cậu mất ngoài Bắc, tôi nghe tin mà không ngạc nhiên mấy. Tôi nghĩ rằng, những năm mồ và gia đình tan nát đã đeo đuổi và ám ảnh cậu tôi cho đến cuối cuộc đời.

Vậy là cậu tôi đã vĩnh viễn không bao giờ trở về mảnh đất đau khổ này nữa. Tôi tự nghĩ, cậu tôi cũng như bao nhiêu người nông dân chất phác khác, đã yêu mảnh đất này bằng tất cả tâm hồn mộc mạc, không hề biết tính toán. Nhưng tình yêu không hề biết tính toán đó đã bị mọi bên lợi dụng. Bên nào cũng tự nhận mình mới là kẻ chiến đấu để bảo vệ mảnh đất cho họ. Cuối cùng, khi mọi sự đã vỡ lẽ, thì họ mới nhận ra rằng, bấy lâu họ đã ra đi theo tiếng gọi của hận thù thay vì tiếng gọi của tình thương như họ đã tưởng. Đó chính là bi kịch không những chỉ riêng cho gia đình cậu tôi thôi, mà còn cho tất cả những người nông dân hiền lành trên mảnh đất đã quá khô cằn vì hận thù này.

Mỗi lần có dịp về thăm lại quê, tôi vẫn thường đứng lại bên này dòng sông, để nhìn qua bên kia sông, sau lũy tre kia là khu vườn của nhà ngoại, nhưng tôi biết là tôi sẽ không bao giờ trở về lại khu vườn ấy nữa. Mọi sự đã ra đi cùng với tuổi thơ tôi mất rồi:

*Chiều chiều ra đứng bờ sông
Muốn về quê mẹ mà không có đò
(Ca dao)*

Tôi còn một kỷ niệm khó phai mờ nữa cũng liên hệ đến dòng sông ấy. Đó là vào một chiều mùa đông giá rét, tôi đi học ở trường làng về, thấy cửa đóng im lìm cũng không thấy khói toả ra từ bếp như mọi chiều. Tôi đoán là nhà hết gạo, nên mẹ tôi về ngoại mượn gạo để nấu cơm, tôi liền chạy ra bờ sông đứng trông mẹ. Lúc ấy, trời chợt nổi gió mạnh, từng cơn mưa trút xuống xối xả, tôi vẫn đứng co ro trong mưa để đợi mẹ, nhưng chẳng thấy mẹ tôi đâu hết. Chỉ thấy trước mắt là dòng sông đang chìm trong cơn mưa mịt mù.

Khi lớn lên đi giữa cuộc đời khô cằn và nóng bức, thỉnh thoảng tôi vẫn nhớ về mùa đông giá rét ấy cùng với người mẹ già suốt đời sống trong cô đơn hiu quạnh.

Nhiều khi tôi cứ nghĩ vợ vẫn rằng, giả sử tuổi thơ tôi cũng như tuổi thơ của bao đứa trẻ khác, nghĩa là cũng có cha, có mẹ, có mái ấm gia đình, thì có lẽ tôi đã không có được những mùa đông buốt lạnh như vậy để mà ngồi nhớ.

Dường như, chỉ trong đau khổ và bất hạnh thì trái tim của con người mới dễ rung động hơn với đất rộng trời cao?

2

Ngôi chùa của sư chú tôi nằm dưới chân núi Bà, một trong những rặng núi dài nhất của Bình Định. Dọc theo núi Bà, có đến gần 10 ngôi chùa, hầu hết đều nằm lưng chừng núi, chỉ

có chùa sư chú tôi là nằm ngay dưới chân núi. Sau chùa là rặng núi cao, chung quanh cũng đều có núi và những hòn đá bao bọc. Chính vì nằm nơi vị trí hiểm trở như vậy, nên khi Tây Sơn khởi nghĩa, Nguyễn Nhạc đã lấy nơi này làm kho chứa lương thực và cũng để trấn giữ mặt biển. Nguyễn Nhạc đặt tên là Tân Phủ Càn Dương, cạnh phủ về phía Tây, có một hòn đá rất lớn, mà dân địa phương gọi là đá Đài.

Sở dĩ có tên gọi như vậy là vì theo truyền thuyết thì nghĩa quân Tây Sơn đã dùng hòn đá này để quan sát quân chúa Nguyễn. Cũng còn một truyền thuyết nữa nói rằng, sau khi Nguyễn Huệ chết, quân Tây Sơn bắt đầu suy yếu, một lần quân Nguyễn từ trong Nam ra tấn công chớp nhoáng cửa biển Cách Thử, cách Tân Phủ Càn Dương chỉ có 5 cây số. Nguyễn Nhạc không còn cách nào hơn là sai sứ giả ra Thuận Hóa để cầu viện.

Vì quá nóng lòng, nên chiều nào Nguyễn Nhạc cũng trèo lên hòn đá Đài để trông ra Thuận Hóa.

Tôi rất mê truyền thuyết này nhất là khi biết đọc lịch sử và bắt đầu biết suy tư đôi chút về “vận nước long đong”, nên cứ mỗi lần về thăm quê, tôi lại ra đứng trên nền gạch đỏ nát của Tân Phủ Càn Dương, nhìn lên ngọn đá Đài, và tưởng tượng cái bóng cô đơn của Nguyễn Nhạc cách đây 200 năm vẫn còn ngả dài trong bóng chiều đang đổ xuống giữa núi rừng hiu quạnh.

Khi tôi vào chùa thì chùa chỉ còn lại có sư chú và tôi. Những người vào chùa trước tôi đều được sư chú gửi đi học ở các Phật học đường, một số trong tỉnh và một số vào Nam. Vì vậy chùa gần như vắng vẻ cả ngày, chỉ có buổi tối là hơi vui, vì có một số thanh niên trong làng vào tụng kinh và ngủ luôn tại chùa.

Tôi vì còn nhỏ, nên cũng chẳng làm gì vất vả, ngoài hai buổi đi học ở trường làng, chỉ có bốn phận duy nhất là buổi chiều rót dầu, lau bóng đèn, thắp hương, hồi chuông trống và công phu chiều. Còn nấu cơm thì sư chú tôi đã nhờ bốn đạo ngoài làng, khi nào rảnh rồi việc đồng áng thì có mẹ tôi vào nấu.

Mộ cha tôi nằm trên miếng đất cao trước chùa. Có những buổi chiều vắng vẻ, sư chú đi vắng, còn lại một mình tôi trong chùa, tôi thường ra đứng nơi miếng đất cao gần mộ cha mà trông người vào chùa để ngủ cho đỡ buồn. Trong số những người vào chùa ban đêm đó, có một người đã lớn tuổi, mù cả hai mắt, trong làng ai cũng gọi là chú Năm, vì chú là thứ năm. Chú Năm nổi tiếng là người hung dữ, ai đụng đến là chú chửi càn, kể cả mẹ của chú nữa, bởi vậy nên mọi người gần như xa lánh chú hết.

Nhưng không hiểu vì sao, một hôm chú vào chùa xin ban đêm được vào chùa để tụng kinh niệm Phật. Chú Năm nhờ tôi chép kinh cho chú trong tập vở học trò. Cách học của chú là cứ nhờ tôi đọc lên một câu, rồi chú cứ lẩm nhẩm câu đó

trong miệng cho đến khi thuộc thì nhờ đọc câu khác. Cứ như vậy, chỉ đầu chừng hai năm, chú không những đã thuộc cả hai thời công phu, mà còn cả Phổ Môn và Hồng Danh nữa.

Vì nhà nghèo, chú Năm phải làm lụng vất vả suốt ngày, có khi thì đi mót lúa, có khi phải vào núi để kiếm củi mang về. Vậy mà trong số những người vào chùa chú Năm là người siêng nhất, chú tự nguyện đóng chuông buổi tối và khuya. Có những buổi khuya ngủ quên hết, một mình chú thức dậy mò mẫm lên tháp hương, đóng chuông xong thì tụng kinh cho đến gần sáng.

Nhưng tiếng tụng kinh của chú Năm tôi nghe sao giống cuộc đời của chú quá! Nhiều khi trong những đêm khuya nghe giọng chú cất lên, tôi có cảm giác như chú đã gởi trọn tấm lòng mình vào tiếng kinh lời kệ như tiếng than dài nỗi ruột mà chú đang âm thầm mò mẫm bước đi vậy.

Những năm tháng ở trong chùa, sư chú tôi vẫn thường kể lại cuộc đời của cha tôi cho tôi nghe. Dù là kể cho tôi, nhưng trong khi kể tôi vẫn nhận ra một chút thương tiếc ngậm ngùi của sư chú về người anh mệnh yếu của mình. Đại khái cha tôi cũng chỉ là một người nông dân bình thường, nhưng theo sư chú thì cha tôi rất khỏe mạnh và giỏi võ, nên mỗi khi lên núi đốn củi cha tôi đều xuống núi trước những người khác mặc dù cùng lên núi một lần.

Vì được nghe kể hoài như vậy, nên những chiều một mình trong chùa, tôi mới hay ra đứng gần mộ cha để nhìn lên dãy núi cao sau chùa, rồi cứ thắc mắc không biết khi đi đốn củi cha tôi có leo lên ngồi nghỉ một nơi hòn đá bên đường mòn kia không? Hay khi đứng nhìn một cây cổ thụ, tôi cũng cứ thắc mắc là khi còn sống cha tôi có đứng nhìn cây như tôi đang nhìn đây không?

Tôi không ngờ, chính nhờ người cha mà tôi chưa hề một lần gặp mặt này, đã đưa tâm hồn tôi đến gần với núi non. Và dường như cũng đã cảm nhận, dù rất mơ hồ một cái đẹp hùng vĩ của núi non? Tôi thuộc gần như nằm lòng từng hòn đá, từng gốc cây, từng con suối trên lối mòn đi lên núi. Tôi lại còn nhớ rõ tiếng hót của các loài chim nữa, như mùa xuân thì có tu hú gọi bầy, tháng tư tháng năm thì cu cườm từ đâu bay đến, tiếng gáy của chúng nghe xa vắng làm sao trong những buổi trưa hè tĩnh mịch. Đầu tháng 7 thì từng đàn kết buổi sáng bay vào núi ăn trái sim, buổi chiều lại bay về trong nắng thu dịu dịu. Rồi tháng 9 tháng 10 đến, tiếng con mang từ trong núi vọng ra. Tôi nghe dân làng nói rằng hễ năm nào có mang về kêu thì năm đó làng có người chết hoặc tai nạn xảy đến. Vậy nên trong làng ai cũng cầu mong mùa đông sang năm mang đùng về nữa.

Nhờ những năm tháng tuổi thơ sống với núi non như vậy nên tôi có thể lãnh hội được dễ dàng những lời sau đây của một người vừa từ đỉnh núi cao nhất trở về:

“ ... Muốn thấy được sự cao cả của ngọn núi, người ta phải quan sát nó từ xa. Muốn hiểu nó, người ta phải đi chung quanh để rung động với nó. Muốn cảm thông nó, người ta phải sống với nó từ buổi rạng đông đến lúc chiều tà, trong cơn mưa phùn cũng như trời nắng gắt, mùa đông cũng như mùa hè... Khi đó họ sẽ hiểu được rằng những ngọn núi cũng có một đời sống không khác gì đời sống của chúng ta bao nhiêu...”

3

Tôi vẫn còn nhớ cũng hồi còn ở chùa nơi rặng núi ấy, cứ mỗi lần đến ngày kỵ tổ thì tôi thường nghe sư chú tôi căn dặn bốn đạo của chùa hãy chuẩn bị đón tiếp “chư sơn”, còn nếu có cuộc họp để bàn Phật sự trong vùng thì gọi là họp “sơn môn”. Cách gọi như vậy ngày nay dường như đã không còn nghe nữa. Nếu có thì cũng chỉ các chùa ở miền quê hẻo lánh mà thôi. Thực ra, ai mà chẳng biết, ít ra là trên mặt chữ nghĩa rằng tên gọi hoặc danh xưng vốn chẳng có nghĩa gì cả:

“ What’s in a name? That which we call a rose by any other name would smell as sweet”.

Sá gì trong một danh xưng

Thế mà thiên hạ kẻ mừng người đau

Hoa hồng dù gọi thế nào

Thì hương vị vẫn ngọt ngào xưa nay

(W. Shakespeare – Đ.N.C. dịch)

Vậy mà bây giờ nơi các chùa ở những thành phố ồn ào náo nhiệt kia, con người cũng ồn ào náo nhiệt theo danh xưng này chúc vạ nọ mà quên đi ngọn núi cao trong hồn mình, vốn biểu tượng cho sự đi lên của người xuất gia học đạo.

“ ... Trong đời sống hàng ngày, tại những đô thị ám khói, dưới vùng đồng bằng chật chội con người hầu như quên đi sự liên hệ giữa họ và vũ trụ, do đó họ cần một biểu tượng gì để nhắc nhở, để thúc đẩy họ, để hướng tầm mắt lên cao hơn. Núi đã đóng vai trò này nhưng tiếc rằng vì quá bận rộn với những tham vọng tầm thường, nhỏ mọn của đời sống vật chất, không mấy ai còn cảm nhận được sự giục giã âm thầm, thỉnh thoảng mới có người bất chợt cảm thấy một cái gì thôi thúc họ phải gạt bỏ những hệ lụy của đời sống để tìm đến một cái gì cao đẹp hơn. Họ bắt đầu đặt câu hỏi về ý nghĩa của cuộc sống, và sự liên hệ của họ với thiên nhiên với vũ trụ...”.(Con đường mây trắng – Lama Govinda)



Nếu tôi không lầm, thì hầu hết những người mô côi cha hoặc mẹ, thường rất thích đọc hoặc nghe kể về những cảnh ngộ giống như mình để được an ủi, được vuốt ve cho đỡ bớt tủi thân. Tôi mô côi cha từ thuở chưa sanh, nhà lại nghèo, nghĩa là chưa một lần biết gì về “tuổi thơ êm đềm” như bao

đứa trẻ khác. Thế nhưng tôi chưa hề biết tủi thân là gì, vì tôi vẫn luôn tự nhắc nhở với chính mình rằng:

Chẳng phải nhờ mẹ mà tôi thấy được cái đẹp của dòng sông, để từ đó tôi biết yêu thương cuộc đời này hơn! Còn cha? Chính nhờ những chiều đứng bên mộ cha mà tôi mới thấy được núi cao, để từ đó mới biết ngẩng mặt lên mà nhìn bầu trời cao rộng thay vì phải lằm lũi bước đi dưới mặt đất thấp đen này.



QUAN NIỆM VỀ CHỮ HIẾU CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

(Trích từ *Lịch sử Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến
thời Lý Nam Đế*)

Tiến sĩ Lê Mạnh Thát

Hề tư tưởng hiếu đạo, tối thiểu cứ vào cuộc tranh luận do *Mâu Tử lý hoặc luận* ghi lại xung quanh truyện Thái tử Tu Đại Noa và căn cứ vào chính truyện Tu Đại Noa, trong Lục độ tập kinh 2, ĐTK 152 từ 8b7, ta biết có sự khác biệt cơ bản giữa tư tưởng hiếu đạo của người Việt Nam và hiếu đạo của người Trung Quốc. Hiếu đạo của người Trung Quốc theo câu mở đầu của Hiếu kinh là: "Thân thể tóc da, nhận từ cha mẹ, không dám tổn thương đó là khởi đầu của hiếu. Lập thân hành đạo, dương danh với hậu thế, đó là kết cục của hiếu". (Thân thể phát phu, thọ chi phụ mẫu, bất cảm tổn thương, hiếu chi thủy. Lập thân hành đạo, dương danh ư hậu thế, hiếu chi chung).

Người vấn nạn nơi điều 9 trong *Mâu Tử lý hoặc luận* cũng dựa vào lý lẽ trên bài bác *Mâu Tử*, thì *Mâu Tử* chỉ ngay: "Thái Bá cắt tóc, vẽ mình, tự theo tục của Ngô Việt, trái với nghĩa thân thể tóc da; vậy mà Khổng Tử ca tụng, có thể gọi đó là chí đức [...] Dự Nhượng nuốt than, sơn mình;

Nhiếp Chính lột mặt, tự vẫn; Bá Cơ dẫm lửa, Hạnh Cao cắt mặt. Quân tử cho là dũng và chết vì nghĩa, không nghe ai chê là tự hủy hết".

Lại nữa, một quan niệm đạo hiếu như trong Hiếu kinh như thế không thể nào phù hợp với ngay chính tập tục sống rất phổ biến của người Việt Nam vào thời Hùng Vương mà Tiền Hán thư 28 hạ từ 31a5-12 đã ghi lại: "Đất Việt (...) nay là Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nam Hải, Nhật Nam, đều là phần của Việt... xăm mình cắt tóc để tránh hại của giao long".

Nhan Sư Cổ (581-645) dẫn Ứng Thiệu (khoảng 130-190) giải thích tục xăm mình, cắt tóc của người Việt, nói: "Thường ở trong nước, nên cắt tóc xăm mình, cho giống với con rồng, để không bị thương hại".

Tục cắt tóc xăm mình của người Việt như vậy xuất hiện rất sớm, từ thế kỷ trước Dương lịch người Trung Quốc đã biết đến và ghi lại, để cho sau này Ban Cố (32-92 sđl) chép vào Tiền Hán thư. Một khi tục cắt tóc xăm mình đã phổ biến như thế, thì ngay câu đầu của thuyết hiếu đạo Trung Quốc nghe đã không lọt tai đối với người Việt. Người Việt làm sao giữ hiếu đạo được theo Hiếu kinh nếu họ đã cắt tóc xăm mình? Từ thực tế đó, bắt buộc người Việt phải có một đạo hiếu khác với đạo hiếu của người Trung Quốc. Và đạo hiếu này được công bố rõ ràng trong kinh Tu Đại Noa của Lục độ tập kinh 2. ĐTK 152 từ 8b7; "Giúp nghèo cứu thiếu,

thương nuôi quần sinh, là đứng đầu của hạnh. (Chấn cùng tế pháp, từ dục quần sinh, vi hạnh chi nguyên thủ).

Khi xác định đứng đầu mọi hạnh (hạnh chi nguyên thủ) là việc "giúp nghèo cứu thiếu thương nuôi quần sanh", thì đây là một định nghĩa hoàn toàn mới về chữ hiếu, bởi vì theo Đỗ Khâm trong Tiền Hán thư 60 tờ 9a12 thì "hiếu đứng đầu mọi hạnh của con người" (hiếu, nhân hạnh chi sở tiên), và đây cũng là ý chính của Hiếu kinh, mà Tiền Hán thư 71 tờ 9a9-10 đã dẫn: "Hiếu kinh nói: "Tính của trời đất, con người là quý. Hạnh con người không gì lớn hơn hiếu".

Nội dung đạo hiếu của người Việt Nam thời tiền Phật giáo như hoàn toàn khác hẳn đạo hiếu của người Trung Quốc. Cần nhớ là chữ hiếu trong tiếng Phạn không có một từ tương đương với chữ hiếu của tiếng Hán. Từ một nội dung chữ hiếu như thế, ta mới thấy Lục độ tập kinh 5 ĐTK 152 tờ 28a22-24, truyện 49, đã lên tiếng phê phán đạo hiếu của người Trung Quốc: "Tôi ở đời lâu năm, tuy thấy Nho sĩ tích đức làm lành, há có ai như đệ tử Phật quên mình cứu người, âm thầm mà không nêu danh ư?" (Xử thế hữu niên, tuy độ Nho sĩ tích đức vi thiện, khởi hữu nhược Phật đệ tử, thứ kỷ tế chúng ẩn xứ nhi bất dương danh dã hồ?).

Hai thành tố chính của đạo hiếu Trung Quốc là "thân thể tóc da không dám tổn thương" và "lập thân hành đạo, nêu tên với hậu thế" từ đó đã bị khái niệm đạo hiếu của người Việt Nam phản bác. Và không chỉ hai thành tố này của

Hiếu kinh bị phê phán, một quan niệm khác do Mạnh Tử nêu lên, đó là "bất hiếu có ba, không người nổi dõ là lớn nhất" (bất hiếu hữu tam vô hậu vi đại) cũng bị Lục độ tập kinh ở truyện 86, tờ 48a7-10, mạnh mẽ phê phán: "Người đạo cao thì đức rộng. Ta muốn cái đạo vô dục, đạo đó mới quý. Đem đạo truyền cho thần, đem đức trao cho thánh, thần thánh truyền nhau cái sự giáo hóa vĩ đại không hư nát, đó mới gọi là sự nổi dõ tốt lành. Nay người muốn lấp nguồn đạo, chặt gốc đức, thì không đáng gọi là kẻ vô hậu ư?" (Đạo cao giả quyết đức thâm, ngô dục vô dục chi đạo, quyết dục trần hỉ. Dĩ đạo truyền thần, dĩ đức thọ thánh, thần thánh tương truyền ảnh hóa bất hủ, khả vị lương tự giả hồ! Nhữ dục điền đạo chi nguyên phạt đức chi căn, khả vị vô hậu giả hồ!).

Vấn đề vô hậu của đạo hiếu từ bình diện sinh lý đã chuyển sang bình diện đạo đức và học thuật, không nhất thiết phải có sự thừa tự về mặt sinh vật học mới gọi là hiếu, đạo hiếu theo quan niệm của Mạnh Tử, mà còn có một lối thừa tự khác, sự nổi dõ khác, nổi dõ về chân lý, nổi dõ về học thuật, nổi dõ về đạo đức. Quan niệm nổi dõ này của người Việt thời kỳ tiền Phật Giáo hoàn toàn phù hợp với quan niệm thừa tự Pháp của Phật giáo.

Nhưng không chỉ có thế, quan niệm nổi dõ này mang hai đặc tính cần lưu ý trong cuộc đấu tranh để giữ gìn nòi giống của người Việt. Thứ nhất, để bảo vệ sự tồn tại như một dân tộc, người Việt phải xác định mình có một nền văn hóa, một

nền đạo đức học thuật cần phải nổi dôi, cần phải bảo vệ mà nếu không nổi dôi được thì dân tộc không thể tồn tại với tư cách là một dân tộc được. Xuất phát từ quan điểm nổi dôi như thế, người Việt không đi đến một chủ nghĩa nổi dôi cực đoan, như sự nổi dôi về mặt sinh vật học của chủ nghĩa ưu sinh (eugenics) hiện đại, gây tác hại và tổn bao sinh mạng đối với những dân tộc khác. Bảo vệ nền văn hóa của mình, bảo vệ lối sống (hạnh) của mình, người Việt sẵn sàng mở rộng đôi tay đón nhận những người từ dân tộc khác đến sống chung trở thành một bộ phận của dân tộc mình.

Đây là đặc điểm thứ hai của quan niệm thừa tự của người Việt tiền Phật giáo. Họ có quan niệm như thế cũng phải thôi, bởi vì địa bàn sinh tồn của họ, cụ thể là vùng trung du và đồng bằng Bắc bộ vào thời xa xưa đã tồn tại những dân tộc khác. Cho nên, những giao lưu về huyết thống giữa các dân tộc khác nhau tất phải xảy ra. Do đó, nếu chỉ dựa vào sự nổi dôi theo quan điểm sinh vật học, thì người Việt đã không phát triển và hình thành được một cộng đồng dân tộc thuần nhất. Họ phải dựa vào một quan điểm khác để có sự thuần nhất ấy, đó là, sự thuần nhất về mặt văn hóa và lối sống.

Trong bối cảnh của một nền chính trị, kinh tế và văn hóa như thế, đã nổi bật lên một số tư tưởng, tín ngưỡng của người Việt đời Hùng Vương mà ngày nay ta còn tìm thấy trong các thư tịch cổ và được chứng thực một phần nào bởi các di liệu khảo cổ học.

MẸ TÔI

Sư Bà Thế Quán

Mẹ mất đã năm năm, nhưng dư hương của mẹ đối với tôi như còn phảng phất.

Đường mai mẹ đi, phòng nhà mẹ ở, đâu đâu cũng còn ngát thơm mùi mẹ. Tôi biết rằng: 'Ái bất trọng bất sanh Ta bà, niệm bất nhất bất sanh Tịnh độ', nếu tôi còn lưu luyến về mẹ thì thật trái lời Phật dạy, tín hữu sẽ cho tôi nói làm bất nhất. Song mẹ con tôi hẹn nhau đã có chỗ, gặp gỡ đã có nơi:

Mẹ về Cực lạc ít năm thì

Từ già Ta bà con cũng đi

Mẹ nhớ đón con bên nước Phật

Mẹ, con cùng dự hội Liên Trì.

Đó, mẹ con tôi đâu còn trở lại Ta bà? Ở Cực lạc mà tu cho đến khi đắc lực rồi phân thân vô số để độ chúng sinh. Nay viết mấy lời 'để lại cho vui' mà không nói về Mẹ một ít thì cái vui mất đi đến nửa. Và tôi nghĩ rằng, một ngày nào khi đủ duyên, bài này đến tay quý vị, những vị nào đã gặp mẹ tôi lúc về già, dù chỉ một lần thôi, cũng thấy những gì tôi viết về mẹ không thêm một lời, không bớt một ý.

Mẹ ơi, sau khi trả con về cho cha, mẹ thật đã hy sinh chịu đau khổ cho con được sung sướng. Mẹ hòa tình thương con với thương bà ngoại làm một mẹ rất có hiếu. Khi ngoại mất, mẹ khóc kể: 'Mẹ ơi, con sáu lăm tối nằm với mẹ tám ba, mẹ nhường chỗ ấm cho con, thật là mẹ chín mười thương con bảy chục'. Mỗi khi cúng cơm, mẹ thấp thuốc xoay trầu cho bà ngoại. Mẹ rất kính Phật trọng Tăng, nhưng nẫu sòng chay lạt thì mẹ rầu lăm. Vì hiếu với ngoại, mẹ dùng chay theo ngoại mỗi tháng mười ngày. Những ngày đó mẹ rầu như bị phạt. Lúc tôi xuất gia, ăn trường trai, mẹ phục lăm, gọi bằng chị liền, mẹ bảo: 'Ăn chay được thì tôi cho là Phật sống rồi đó'. Mẹ là dân trời (hoàng tộc) nên mặc dù không giàu mà phong lưu, phục sức lụa là, mẹ ưa nem chả, gặp mấy ngày chay liên tục từ 28 đến mồng một, mẹ gọi là đi tàu suốt, buồn bã rã rời, thức cho đến 12 giờ khuya để ngủ mằn. Lúc ngoại mất, mẹ gần bảy mươi, ở hương khói cho ngoại. Mẹ sợ nhất tôi rủ cụ lên chùa, nên đưa ra bài toán nan giải này: 'Tui là bà Thanh Đề đây, nghiệp chướng nặng nề lăm, ưa mùi cá thịt tanh hôi, chị tu rằng cho bằng ngài Mục Kiền Liên mới độ tui nổi'.

Ngoại mất hai năm thì ni sư CT bàn: 'Ngoại mất rồi, mẹ một mình đơn chiếc, sư lên về hao tổn. Nếu sợ ở với chúng mẹ mất tự do, thì sư làm một cái nhà nhỏ ngoài vườn dừa, rồi ngoại giao với lối xóm nhờ họ kho trách cá trách thịt, mẹ ra đó ngủ mằn thì may ra mẹ lên chùa được'. Nghe pháp muội đưa ý kiến chí tình chí lý, tôi cảm ơn đến trào nước mắt. Năm ấy tôi vừa ra quyển 'Hai lần ơn Mẹ' được

150 ngàn, tôi làm nhà ngay. Nhà xong, tôi tôn trí tượng Quan Âm và thọ trì tại nhà mới một bộ Pháp Hoa. Khai kinh ngày 20/7, sau khi giải hạ, đến 26 xong, tôi khuynh hết tấc thành cầu Phật Bồ Tát xui khiến cho mẹ phát tâm lên ở chùa. Nhưng, thật tình tôi cũng ngại, mẹ nhiều nghiệp chướng, mà mình tu hành chưa ra chi, chắc Phật cũng khó xử, vậy xin để tùy ý Phật.

Hoàn kinh xong, tôi về hầu mẹ, thưa: 'Ngày mai mẹ đi tàu suốt, con mời mẹ lên chùa, mấy cô nấu chay ngon lắm. Mẹ ở bốn ngày, chiều mồng một về, khuya ngã măn. Mẹ lên thử bốn ngày coi, mấy cô mấy chị điệu ai cũng trông ngoại lên chơi cả, và mẹ có một cái nhà mới xinh xắn. (Khi làm nhà, tôi không thưa với mẹ để dành một ngạc nhiên)'. Mẹ suy nghĩ một lúc rồi dạy: 'Thôi, lên thì lên luôn cho rồi'. Nghe mẹ dạy tôi lạnh xương sống, nghĩ làm sao lại có chuyện ấy được? Tôi thưa: 'Không, mẹ chỉ lên ít ngày cho vui, qua bốn ngày chay rồi về lại, chớ lên luôn làm chi!'. Mẹ dạy: 'Không, tôi đã nghĩ kỹ, trên bảy chục rồi, ăn cá thịt đã đủ, Chị nói mụ Diên ra mời ông thợ cúp vô thế phát cho tôi, rồi tôi sửa soạn lên chùa luôn'. Lạy Phật, giờ đây viết lại đoạn này, tôi vẫn còn tưởng như là một giấc mơ. Phật lực Pháp lực thật bất khả tư nghì. Nhờ ơn Tam Bảo và điếu kế của pháp muội mà mẹ tôi được lên chùa một cách bất ngờ. Lạc nguyện của mẹ con tôi đã thành tựu.

Mẹ ở chùa một thời gian thì xảy biến cố Mậu Thân. Qua nhiều cơn kinh hãi, mẹ đâm ra lẫn thẩn đến nỗi gọi tôi

bằng mạ. Những chiều tôi đi giăng xa, mẹ thường bảo dì Diên: 'Mụ đi tìm mạ tui cho tui một chút'. Tôi chưa về kịp, mẹ ngồi khóc nước mắt ràn rụa làm cả chùa ai cũng rưng rưng theo. Mẹ quên đến độ ấy, mà lễ phép thì không quên, cô nào gọi mẹ cũng dạ. Trong chùa có một điệu tám tuổi, gọi: 'Cố ơi!', mẹ đáp 'Dạ ơi', điệu thương quá ôm hôn và dặn: 'Con là nhỏ nhất trong chùa, cố ơi chớ đừng dạ mà tội hỉ'. Mẹ tôi dạ một cái rầm, khiến ai cũng cười lăn. Mẹ đẹp lắm, và vô tư, nên ai cũng thương. Những ngày tôi đi vắng, chúng xúm lại chơi với mẹ, lấy bút chì đồ bôi môi thoa má cho mẹ, hái hoa dại đeo tai cho mẹ. Mẹ mặc bộ com-lê màu mỡ gà ngồi như pho tượng, chúng tha hồ làm chi thì làm, thấy mẹ đẹp như bà tiên. Làm đẹp xong họ nói: 'Gả mẹ cho Diêm Vương hỉ?'. Mẹ dạ tỉnh bơ. Mấy chị em đặt cái nhà mẹ ở là 'quán gió', mỗi chiều họ xúm quanh mẹ chơi đùa. Các tín hữu đem đồ chơi biếu mẹ như làm quà cho con nít. Có bà biếu tấm ảnh quảng cáo nắm tông cú, vẽ cô gái đẹp, mẹ thích lắm, chơi với cô ta suốt ngày.

Một hôm tôi ngồi hầu, mẹ chỉ cô gái: 'Cô ni đẹp quá, mặt trái soan nì, lỗ mũi cao, con mắt thật xinh, miệng cười cũng đẹp mà hàm răng cũng đẹp nữa luôn'. Tôi chỉ tôi rồi thưa: 'Rứa mẹ nhìn xem cô ni với cô nớ, cô mô đẹp hơn?'. Mẹ nhìn tôi một lúc rồi cười chum chim không đáp. Tôi hỏi: 'Mẹ coi cô mô đẹp hơn'. Mẹ trả lời tỉnh bơ: 'Dạ thôi đừng nói nữa'. Tôi biết mẹ khó trả lời, nên cố nài: 'Đừng nói rằng được, mẹ phải thanh toán vấn đề cho xong chớ'. Rồi tôi chỉ: 'Con mắt của cô ni với cô nớ ai đẹp hơn, lỗ mũi cô

nở với cô ni ai đẹp hơn?" (tôi chỉ con mắt nheo nheo và lỗ mũi xẹp của tôi), 'và mẹ coi hàm răng của cô nở và cô ni ai đẹp hơn?' (tôi chỉ hàm răng sún của tôi). Mẹ nghĩ một lúc rồi nói: 'Cô nở đẹp mà không đẹp, cô ni không đẹp mà đẹp'. Rồi mẹ ôm tôi. Tôi đem câu chuyện ấy bạch quý ngài, quý ngài dạy: 'Bà cụ lẫn mà biện tài vô ngại, tui sáng suốt như ri mà hỏi rửa chắc tui nói cũng không được'.

Một hôm, khi chị em vây quanh, mẹ nói: 'Tui chừ không ưng chi cả, không thương ai cả!'.
Tôi hỏi:

- Mẹ có thương con không?
 - Dạ không.
 - Mẹ có thương cháu không?
 - Dạ không.
 - Mẹ có thương tiền không?
 - Dạ cũng không.
 - Rửa mẹ có thương Phật không?
- Mẹ nghĩ một tí rồi đáp:
- Dạ, người nở thì thương lắm.

Qua năm Nhâm Tý, Quảng Trị chạy loạn vào Thừa Thiên, tôi bàn giao công việc cho pháp muội, hầu mạ vào Đà Nẵng, Nha Trang rồi Phan Rang. Đến đâu ai cũng thương, và ưa chơi với mẹ. Phòng mẹ lúc nào cũng có các ni cô và phật tử xúm lại nghe mẹ nói chuyện mà cười lẫn. Mẹ đến thăm hai dì tôi, ở lại. Hai dì dâng rượu chúc thọ mẹ 82 tuổi, ca hát cho mẹ nghe. Mẹ ngồi từ bi tự tại không nói năng

chi cả. Dì út ôm mẹ: 'Chị tôi ngồi như Bụt sống, không nói chi với hai em cả. Hai em của chị đây, chị có biết không?'. Bỗng mẹ chỉ lên bàn thờ bảo: 'Nì, thờ cha mẹ thì thờ một bên, để giữa mà thờ cha mẹ chồng'. Hai dì sững sờ: 'Trời ơi, té ra chị tôi không lẫn chi cả'. Rồi dì đứng dậy để ảnh ông bà ngoại qua một bên, cha mẹ chồng vào giữa. Mẹ nói: 'Ừ, rửa mới phải chứ. '

Sư cụ viện chủ chùa Diệu Ấn Phan Rang mời mẹ vào chơi. Tôi cũng muốn hầu mẹ đi đổi gió nên nhận lời. Sư cụ để riêng tịnh thất tiếp mẹ tôi, theo yêu cầu của sư cụ, tôi đặt tên Lăng Già Thất. Thất không rộng nhưng gọn và xinh, dưới ở, trên gác thờ Phật. Ngày hai buổi cơm nước xong, tôi hầu mẹ lên lầu tụng Thủy Sám để mẹ lạy và nghe, mẹ ưa lắm. Tôi lạy thì mẹ lạy theo, tôi tụng thì mẹ gõ nhịp. Có con chó Tu Di nằm khoanh tròn dưới chân bàn Phật. Khi tôi quì tụng, mẹ bảo nó: 'Nì, mạ tụng kinh thì phải ngồi mà nghe như tui ri nì, chớ đừng nằm mà tội'. Nói không nghe, mẹ xích tới đẩy nó, lòi nó cũng không dậy, mẹ bảo: 'Thôi thì có mệt mỗi mà nằm cũng được, nhưng xây đầu vô bàn Phật, chớ xây lưng rửa mà tội lắm nghe'.

Tịnh thất sư cụ lát ca-rô tấm đen tấm trắng, những ngày hạ lau thật sạch, mẹ ngồi chơi một mình. Tôi nghe mẹ nói: 'Tui nói chuyện với chị đen ni nhiều lắm, chị có nghe không? Mà không thấy chị trả lời trả vốn chi cả rửa? Còn cái chị trắng ni (chỉ tấm gạch trắng) cũng khinh người, chị cũng chẳng nói năng chi với tui cả'.

Cuối năm 1973 tôi công mẹ về lại Huế, mẹ được 85 tuổi, càng lần nhiều. Những đêm mưa lạnh kinh khủng tôi thường nằm với mẹ, vỗ mẹ và thưa: 'Ngày nhỏ mẹ ấp con, bên ướm mẹ nằm, bên ráo con lăn phải không mẹ?' Mẹ dạ. 'Bây giờ mẹ già, con nằm hầu mẹ thì bên ướm (nước tiểu của mẹ) con nằm, bên ráo mẹ lăn phải không mẹ?' Mẹ cười không đáp. Tôi thưa thêm: 'Con chỉ hầu mẹ một kiếp ni nữa thôi hí, rồi con về Cực lạc, mẹ có thương con thì gắng niệm Phật thật nhiều để cùng về Cực lạc với con hí'. Mẹ xây mặt vào tôi: 'Nì, cái nó tôi để một rương đầy, đợi chi mà khuyển tui?'. Tôi hỏi: 'Mẹ để cái chi mà một rương đầy?'. Mẹ đáp: 'Cái Phật'. Năm sáu ngày sau tôi mới nhớ, mẹ dạy đúng, vì mẹ niệm công cứ đã trên hai mươi năm.

Mẹ xới cơm xong bảo dì Diên: 'Mụ cho tui ba đồng'. Dì thưa: 'Chớ mệ lấy ba đồng làm chi?' Mẹ cầm tay dì, bảo: 'Tui nói thì lấy ý mà hội, chớ đừng nghe lời'. Dì thưa: 'Dạ hội là răng? Cha tui hội cũng không được, nữa là tui' - 'Nhưng ba, bốn lượt như vậy mà dì hội được mới tài chứ'. Mẹ xới cơm xong cứ đòi ba đồng. Dì vấn một điếu thuốc đưa, mẹ liền chấp tay vái dì rồi ôm tay dì hôn. Dì Diên cũng mê mẹ nốt. Dì cuốc cỏ ngoài vườn, mẹ ngồi trong cửa sổ nhìn ra, dì gọi: 'Mệ ơi', mẹ: 'Dạ ơi' thật lớn, làm dì bỏ cuốc chạy lại cửa sổ cầm tay mẹ hôn.

Những ngày cuối cùng - Bây giờ mẹ nằm, không còn cầm đũa muốn được, mỗi khi xới cơm phải đỡ dậy. Khi dứt cơm cho mẹ, tôi thường niệm Phật và đếm thầm. Thức ăn

vừa miệng thì đếm tiếng thứ tám chín là mẹ nuốt. Tôi mừng thưa: 'Mẹ xơi ngon không mẹ?' Mẹ trả lời: 'Dạ ngon vô cùng vô tận'. Những thứ mẹ không ưa thì mẹ cứ nhai hoài, tôi niệm đến năm sáu chục tiếng Phật, mẹ cũng chưa nuốt. Tôi thưa: 'Có ngon không mẹ?'. Mẹ dạy: 'Dạ vừa thôi', thật là dễ thương. Từ ngày mẹ lên chùa cho đến ngày cuối chưa lúc nào mẹ đòi thứ này thứ kia, nhất là cá thịt. Cho nên, tôi chả có ngoại giao với các bà lối xóm để mẹ ngã măn lần nào cả.

Đầu năm Bính Thìn, tức 1976, khuya 27 tháng Giêng đúng 3 giờ 30, mẹ về Phật. Mẹ bỏ ăn vài ngày rồi ra đi thật nhẹ nhàng. Tôi chả được dâng mẹ một viên thuốc nào trong mười mấy năm mẹ ở chùa, vì chả lúc nào mẹ bệnh. Tiễn mẹ về Cực lạc xong, tôi viết một bức thư gửi mẹ bên kia thế giới:

"Mẹ! Mẹ về Cực lạc trước, Mẹ trồng cây 'Mẹ' cho cao thiệt cao. Bao giờ cành lá xum xuê, con sẽ làm con chim bay về đậu trên cành cây 'Mẹ' mà không dám làm sồn cành rụng lá đâu.

Mẹ ơi, Mẹ đừng ngại, cây bên Tịnh độ không sợ người đẵn gốc, bứt lá bẻ cành. Chim bên Tịnh độ không sợ người bắn nả phá tổ bắt chim, vì cây và chim đều do Đức Phật hoá sanh. Chim con chuyền trên cành cây Mẹ, con hót tiếng thật êm đềm, tiếng Pháp âm nhắc mẹ tu hành hầu dự vào Phật địa. Gió trên cành cây Mẹ có tiếng vi vu cũng là Pháp

âm nhắc con tinh tấn để bước lên Phật quả. Sương trên cành là sữa, con uống sữa mẹ trên cành cây tịnh, Mẹ con mình tu hoài tu mãi cho đến khi đắc quả mẹ hí.

Đồng thời, nguyện cầu cho tất cả chúng sanh, những người niệm Phật thì được về nước Phật, còn ai chưa niệm Phật thì phát tâm niệm Phật, rồi cũng được về với Phật như Mẹ con mình. Mẹ ơi! con thương mẹ vô cùng vô tận, nhờ nghĩ đến ngày Mẹ con gặp nhau bên nước Phật mà con cảm thấy vui và rất an tâm."

Một năm sau ngày mẹ mất, tôi vào Nha Trang rồi thăm lại Phan Rang, nhớ mẹ tôi cảm tác bài thơ:

*Năm kia công mẹ vào đây
 Nhân ngon một nhánh tự tay ta trồng
 Bây giờ nhân đã ra bông
 Than ôi từ mẫu đi không trở về
 Lãng già trăng chiếu ử ê
 Quyện theo hồn mẹ biết về phương nao?
 Không gian trời dẹt mây sâu
 Ta dìu hồn mẹ khỏi cầu sông mê
 Lạc bang cảnh cũ mẹ về
 Được gần Đức Phật tựa kẻ đài sen
 Già từ thế giới đảo điên
 Bao giờ hoàn nguyện ta nguyện ra đi
 Bên nở vui hơn bên ni
 Gặp Phật, gặp Mẹ còn chi vui bằng!*

CHỮ HIẾU TRONG ĐẠO PHẬT QUA KINH VU LAN VÀ KINH BÁO ÂN CHA MẸ

Thích Viên Giác

Hiếu thảo với cha mẹ là một đức tính tốt đẹp được mọi người ca tụng, đức tính ấy được coi như một nền tảng cho mọi đức hạnh, là nhân tố quan trọng để xây dựng đời sống hạnh phúc cho cá nhân, gia đình và xã hội.

Đối với đạo Phật, thực hành hiếu thảo là con đường giải thoát của chánh pháp, là con đường của người Phật tử. Không hiếu thảo với cha mẹ thì không thể gọi là một người Phật tử chân chính được. Bởi vì người Phật tử thì phải thực hành các thiện pháp mà trong kinh "Nhẫn nhục" nói rằng: "Điều thiện tối cao là chí hiếu, điều ác cực ác là bất hiếu". Vì vậy, báo hiếu là bản chất của người Phật tử và đã trở thành truyền thống tốt đẹp của người Phật tử Việt Nam nói riêng, Á Đông nói chung.

Quan niệm về hiếu đạo của đạo Phật được thể hiện rõ nét qua hai cuốn kinh phổ biến là Kinh Vu Lan và Kinh Báo

Ân Cha Mẹ, kinh mà không người Phật tử nào không biết, thường được đọc tụng vào dịp tháng bảy, lễ Vu Lan.

Trình bày về quan niệm hiếu của Phật Giáo, chúng tôi dựa vào hai cuốn kinh này với mục đích:

1. Tìm hiểu chữ "Hiếu" trong đạo Phật.
2. Làm sáng tỏ ý nghĩa hiếu ở trong kinh và phương thức báo hiếu của kinh.
3. Qua đó thấy được sự dị đồng quan điểm hiếu của Phật Giáo và quan điểm hiếu thông thường.

Trước hết, chúng tôi xin đề cập đến kinh Vu-Lan-Bồn.

A. Kinh Vu-Lan-Bồn

I. Nội dung kinh: gồm có 3 phần

1. Nói về Ngài Mục Kiền Liên, một đệ tử xuất sắc của Đức Phật, sau khi đắc đạo, thấy mẹ của mình sống trong cảnh giới quỷ đói, thân hình tiều tụy, khổ sở. Ngài sử dụng năng lực thần thông của mình, đưa bát cơm đến dâng cho mẹ. Mẹ Ngài được cơm, lòng tham khởi lên, tay trái che bát, tay phải bốc ăn, nhưng cơm chưa tới miệng đã hoá ra lửa, nên không ăn được.
2. Ngài Mục Kiền Liên xin Phật chỉ dạy phương pháp cứu mẹ ra khỏi cảnh khổ Ngạ quỷ. Đức Phật dạy rằng, phải nhờ đến uy lực của tập thể chúng Tăng mới cứu được mẹ ông. Vào ngày rằm tháng bảy là ngày chư Tăng tập

trung tự tử sau 3 tháng an cư kiết hạ thanh tịnh, hãy sắm sửa vật dụng cúng dường chư Tăng, nhờ chư Tăng chú nguyện, mẹ ông mới thoát được khổ. Ngài Mục Kiền liên vâng lời Phật dạy, thực hành phương pháp báo hiếu ấy, nên đã cứu được mẹ.

3. Ngài Mục Kiền Liên xin Phật cho phép các Phật tử sau này được thực hành phương pháp báo hiếu cha mẹ bằng cách cúng dường Vu-Lan-Bồn để báo đáp ân cha mẹ. Đức Phật khen ngợi và chấp thuận. Từ đó, ngày rằm tháng bảy là ngày báo hiếu truyền thống của Phật Giáo.

II. Ý nghĩa của phương pháp báo hiếu trong kinh:

1. Ý nghĩa bát cơm hóa lửa:

Mẹ ngài Mục Liên đang sống trong cảnh giới đói khát của ngã quỷ do nghiệp nhân tham lam bồn xển, thì quả tương ứng với nhân tham là cảnh thiếu thốn. Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt nói: "Nếu người tham lam bồn xển, không bao giờ biết bố thí do tánh keo kiệt bám víu vào tài sản của mình, nếu tái sanh làm người sẽ bị nghèo nàn thiếu thốn..." Trong Phật giáo, hình ảnh ngọn lửa thường được dùng để ám chỉ sức mạnh của các thế lực tối tăm như lòng tham, sân, si... thường gọi là lửa tham, lửa sân, lửa si... Do nghiệp nhân tham lam bồn xển, nên mẹ ngài Mục Liên phải sống trong cảnh khổ nhọc ngã quỷ. Do lòng tham lam vẫn còn chi phối mạnh mẽ tâm thức của bà, nên khi nhận bát cơm,

bà đã vội vàng tay trái che bát, tay phải bốc ăn vì sợ kẻ khác cướp mất bát cơm của mình. Sự tham lam ích kỷ đó bùng lên quá mạnh, như một ngọn lửa bùng lên bao phủ tâm thức của bà làm cho bà thấy lửa ở trong bát cơm của mình, lửa ở đây là lửa của tâm thức chứ không phải lửa ở bên ngoài. Cho dù bát cơm không hóa lửa đi nữa bà cũng khó mà hưởng thụ được bát cơm một cách ngon lành, bởi lẽ với tâm lý tham lam bỗn xển, bà ăn trong vội vàng, lo lắng khiếp sợ, thì nuốt cơm cũng như nuốt đất mà thôi.

Mặt khác, như đã nói theo định luật chiêu cảm của nghiệp báo, khi đã tạo nghiệp đói, thì dù có cơm canh ngon lành vẫn thấy lửa như thường, cũng giống như một người đã tạo nghiệp ngu si, thì dù có gặp sách vở hay ho, họ cũng coi như giấy lộn mà thôi, bởi lẽ nghiệp nhân và nghiệp quả phải tương đồng.

Ngài Mục Liên không cứu mẹ được, vì sức của một mình ngài không đủ chế ngự và chuyển hoá được ngọn lửa tham của mẹ ngài, hay nói cách khác, thần thông không thể xoá được luật nhân quả. Ngọn lửa xuất hiện ở đâu thì phải diệt ở đó, mẹ ngài đã tạo ra ngọn lửa thì chính bà mới dập tắt được ngọn lửa đó.

2. Ý nghĩa chư Tăng chú nguyện:

Đức Phật dạy phương pháp cứu mẹ cho ngài Mục Kiền Liên là phải nhờ vào sức mạnh tâm linh của chư Tăng trong ngày Tự Tứ. Điều đó đã nói lên sức mạnh của tập thể bao

giờ cũng thù thắng hơn sức mạnh của cá nhân, dù cá nhân đó vĩ đại như Đức Phật.

Sau ba tháng an cư kiết hạ, đến ngày rằm tháng bảy thì giải chế phải làm lễ Tự tứ. Chữ " Tự tứ" tiếng Pali gọi là PAVARANA nghĩa là tùy ý, tức là xin chư Tăng tùy ý chỉ trích những lỗi lầm của mình do chư Tăng thấy, nghe hay nghi để mình biết mà sám hối, nhờ sám hối nên thân khẩu ý được thanh tịnh thì công đức rất lớn. Đây là cách thức hạ mình cầu xin chỉ lỗi, tương tự như câu nói của Nho là Khiêm Sinh Đức, có lẽ vì vậy mà phải nương nhờ ý lực chú nguyện của chư Tăng trong ngày Tự tứ chứ không phải những ngày khác.

Với tâm lực thanh tịnh, đầy đủ các đức tính từ bi an lạc, chư Tăng hướng tâm mình vào cảnh giới khổ đau của Ngạ quỷ. Luồng tâm từ của chư Tăng hợp nhất tạo thành một nguồn năng lượng lớn có tác dụng làm dịu mát môi trường nóng bức của cảnh giới ngạ quỷ, như một luồng gió mát thổi qua buổi trưa hè oi ả, làm cho thân tâm của mẹ Ngài Mục Liên được nhẹ nhàng thanh thoát và bình tĩnh hơn. Do đó đã tạo điều kiện cho thiện tâm của bà phát khởi, chuyển hoá được nghiệp lực của chính bà, từ đó thay đổi được môi trường sống của bà. Không những mẹ ngài Mục Liên được giải thoát, mà tất cả những người sống trong môi trường đó cũng được thừa hưởng luồng gió mát từ tâm ấy, và nếu họ phát khởi thiện tâm thì có thể giải thoát như nhau. Thông thường sự tác động của ngoại cảnh có thể làm thay đổi tâm thức của con người, nhất là đối với những người chưa làm

chủ được tâm thức của mình. Khi bị sống trong hoàn cảnh bức xúc áp chế, lòng người trở nên cộc cằn thô lỗ, độc ác, v.v... Khi hoàn cảnh thay đổi thuận lợi dễ chịu, mát mẻ, v.v... tâm tư của con người được thoải mái, tỉnh táo hơn, và do đó dễ nhận chân ra điều hay lẽ phải. Cũng trên quy luật đó, khi nguồn năng lượng tâm từ chiếu tỏa vào cảnh giới nóng bức của ngạ quỷ, tạm thời làm dịu mát và đình chỉ các nỗi đau đớn, đói khát của mẹ ngài Mục Kiền Liên và những ngạ quỷ khác, giây phút đó đã tạo ra cơ hội cho trí tuệ phát sinh và cứu được bản thân của bà.

Tóm lại, sự chú nguyện của chư Tăng trong ngày Tự tứ không phải xóa được luật nhân quả, không phải trực tiếp cứu rỗi tội lỗi của chúng sinh, mà điều đó chỉ có tác dụng trợ duyên, tạo những điều kiện thuận lợi cho chúng sinh phát khởi thiện tâm của chính mình. Thiện tâm của mỗi người mới có thể cứu được chính họ mà thôi.

B. Kinh Báo Ân Cha Mẹ

I. Nội dung kinh: Gồm có 6 phần

1. Phần duyên khởi:

Đức Phật trong lúc du hành gặp một đồng xương khô, Ngài liền đánh lễ sát đất. Đệ tử của Phật là ngài A-nan ngạc nhiên hỏi Phật vì lý do gì mà lễ bái đồng xương khô ấy. Đức Phật dạy rằng, đồng xương khô này hoặc tổ tông kiếp

trước, hoặc là cha mẹ nhiều đời của ta nên ta chí thành kính lễ.

2. Đức Phật dạy ân đức cha mẹ có 10 điều:

- a. Giữ gìn mang thai trong 9 tháng.
- b. Sinh sản khổ sở
- c. Sinh rồi quên lo
- d. Nuốt đắng nhỏ ngọt
- e. Nhường khô nằm ướt
- f. Bú mớm nuôi nấng
- g. Tắm rửa chăm sóc
- h. Xa cách thương nhớ
- i. Vì con làm ác
- j. Thương mến trọn đời.

3. Đức Phật dạy về sự bất hiếu của con cái:

- a. Nói hỗn hào với cha mẹ, xúc xược với anh em chú bác bà con, v.v...
- b. Không tuân theo lời dạy của cha mẹ, thầy bạn và các bậc trưởng thượng trong gia tộc.
- c. Theo bạn bè xấu ác, từ bỏ gia đình đi hoang, gây tạo tội lỗi làm cho cha mẹ, bà con buồn khổ.
- d. Không lo học tập, xao lãng nghề nghiệp, không tạo dựng được một đời sống vững chắc, làm cha mẹ lo lắng.
- e. Không phụng sự cha mẹ về vật chất, không an ủi về mặt tinh thần, coi thường cha mẹ, coi trọng vợ con.

4. Đức Phật dạy ân đức cha mẹ khó đền đáp dù con cái báo hiếu bằng các cách như:

- a. Vai trái cõng cha, vai phải cõng mẹ, cắt da đến xương, nghiền xương thấu tủy, máu đổ thịt rơi cũng không đáp được công ơn cha mẹ.
- b. Giả như có ai gặp lúc đói khát, phá hoại thân thể, cung phụng cha mẹ cũng không đáp được công ơn cha mẹ.
- c. Vì cha mẹ mà trăm kiếp nghìn đời, đắm trong con mắt, cắt hết tâm can, trăm nghìn dao sắc xuất nhập toàn thân cũng không trả nổi công ơn cha mẹ.
- d. Dù vì cha mẹ, đốt thân làm đèn cúng dường chư Phật cũng không đáp được công ơn cha mẹ.

5. Đức Phật dạy về phương pháp báo hiếu:

Ngoài việc cung phụng cha mẹ về mặt vật chất và an ủi tinh thần mà ai cũng biết, chúng ta phải:

- a. Khuyển hoá cha mẹ thực hành thiện pháp.
- b. Phải vì cha mẹ mà thực hành tịnh giới, bố thí, làm các việc lợi ích cho mọi người.
- c. Phải truyền bá tư tưởng hiếu đạo này cho nhiều người được lợi ích.

6. Phần kết thúc và lưu thông:

- a. Đức Phật khích lệ tinh thần báo hiếu.
- b. Đại chúng phát nguyện vâng lời Phật dạy.
- c. Đặt tên kinh là Kinh Báo Ân Cha Mẹ.

II. Ý nghĩa báo hiếu và phương pháp báo hiếu trong kinh Báo Ân Cha Mẹ:

1. Ý nghĩa về duyên khởi của kinh:

Duyên khởi của kinh bắt đầu bằng hình ảnh một đồng xương khô, là một hình ảnh tạo ấn tượng mạnh cho người đọc, hình ảnh ấy nói lên quan niệm về hiếu đạo một cách rộng rãi và báo trước một phương pháp báo hiếu đặc biệt của Phật giáo, khác với những quan niệm báo hiếu thông thường.

Đối với đạo Phật tất cả chúng sinh đều nằm trong vòng sinh tử luân hồi bất tận. Trong ITIVUTTAKA nói rằng: "Đồng xương tàn của một người xuyên qua nhiều kiếp sống trong một chu kỳ, có thể vùi vùi như một ngọn núi". Sự sinh tử sinh lặp lại nhiều lần đã để lại trên những chặn đường luân hồi biết bao là xương thịt của mỗi chúng sinh. Căn cứ vào vòng luân hồi luân quần đó, Đức Phật dạy rằng: "Ta thấy tất cả chúng sinh không ai không phải là cha mẹ của nhau, hoặc ở trong quá khứ, hoặc ở hiện tại, hoặc ở tương lai". Cho nên nhìn thấy một đồng xương mà liên tưởng đến xương người thân của mình là điều không có gì lạ đối với giáo lý Phật giáo.

Theo định luật luân hồi và duyên khởi, thì quan niệm về cha mẹ không còn hạn hẹp trong phạm vi gia đình bé nhỏ nữa. Với tầm nhìn sâu rộng giữa không gian vô tận và thời gian vô cùng thì tất cả chúng sinh đã từng làm cha mẹ, bà

con quyến thuộc của nhau. Với sự tồn tại chẳng chịt tương hệ duyên sinh, Phật giáo không những đề cao công ơn của cha mẹ mà còn mở rộng phạm vi nhớ ơn và báo ân quốc gia xã hội và tất cả chúng sinh. Mặc dù khái niệm về cha mẹ rộng rãi như vậy nhưng trong kinh chỉ đề cập đến cha mẹ hiện tại của chúng ta, đối tượng mà tất cả những người con hiếu thảo phải đền đáp thâm ân.

2. Ý nghĩa về công ơn cha mẹ của kinh:

Công ơn cha mẹ sinh thành dưỡng dục và giới thiệu con vào đời không thể phủ nhận được. Cha mẹ luôn luôn thương yêu con cái, hy sinh cuộc đời mình cho con cái về mặt tinh thần con cái là niềm vui, là niềm hy vọng của cha mẹ, nên khi nói đến cha mẹ là nói đến công ơn. Ca dao Việt nam có nói: " Công cha như núi thái sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra". Trong các kinh điển Phật giáo Nam Tông và Bắc Tông đều đề cao công ơn cha mẹ. Kinh Tăng Chi Phật dạy: "Có hai hạng người, này các Tỳ kheo, ta nói không thể trả ơn được đó là mẹ và cha".

Hoặc trong Kinh Đại Tập dạy: "Ở thời không có Phật, thờ kính cha mẹ tức thờ kính Phật". Cha mẹ ở đây đồng nghĩa với Phật, điều đó cho thấy Phật giáo đề cao hiếu đạo tới mức nào.

Chúng ta cũng biết có một số cha mẹ không ngó ngàng gì tới con cái, thậm chí ghét bỏ con cái, nhưng đó chỉ là

trường hợp cá biệt. Phần lớn cha mẹ luôn thương yêu con cái, tình thương đó được biểu hiện ra bên ngoài một cách rõ rệt, đó là sự hy sinh tất cả cho con. Tình thương chân chính nào cũng được biểu hiện bằng sự hy sinh. Kinh Báo Ân Cha Mẹ đề cập đến sự hy sinh cho con cái và lòng thương của cha mẹ hướng về con cái, vui cái vui của con, buồn cái buồn của con. Trong 10 điều ân đức của cha mẹ đã cho thấy rõ tình thương bao la đó. Những lời kinh hết sức cảm động và chinh phục lòng người như:

" Nhỏ ngọt không tiếc nuôi, nuốt đắng không phiền hà...
Miễn sao con no ấm, đói khát mẹ nào từ" (điều 4).

"Mẹ nằm chỗ ướt át, nâng con chỗ ấm khô, đôi vú lo đói khát, hai tay che gió sương, yêu thương quên ngủ nghỉ, sủng ái hết giá lạnh, chỉ mong con yên ổn, mẹ hiền không cầu an" (điều 5).

"Mẹ hiền ân hơn đất, cha nghiêm đức quá trời, che chở ân cao dày, cha mẹ nào tính toán, không hiềm không mất mũi, không ghét què chân tay, sinh con từ bụng mẹ, con đổi dạ thương ai" (điều 6).

"Con đi đường xa cách, lòng mẹ bóng theo hình, ngày đêm không hả dạ, tối sớm nào tạm quên, khóc như vượn nhớ con, thương nhớ nát can trường... (điều 8).

" Mẹ già hơn trăm tuổi, còn thương con tám mươi, ân ái có đoạn chẳng chỉ hơi thở cuối cùng" (điều 10).

Sự hy sinh cho con cái mà trong kinh đã đề cập, chỉ là những biểu hiện có giới hạn xuất phát từ lòng thương yêu vô hạn. Chính vì lòng thương yêu của cha mẹ đối với con cái là vô hạn, nên chúng ta không thể đáp đền nổi. Cho dù người con thực hành các công đức lớn lao như trong kinh đã đề cập thì cũng không trả được ân đức của cha mẹ. Bởi vì người con có làm gì đi nữa, lòng của người con đối với cha mẹ không thể sánh được lòng của cha mẹ đối với con cái, đúng như ca dao nước ta có câu: " Mẹ thương con biển hồ lai láng, con thương mẹ tính tháng tính ngày".

Vì vậy, khi đề cập đến công ơn cha mẹ, các kinh đều cho rằng khó đền đáp nổi, là dựa vào tâm thức của người con đối với cha mẹ có giới hạn. Điều đó là một quy luật tâm lý muôn đời.

3. Phương pháp báo hiếu trong kinh:

Ngoài những phương pháp báo hiếu cung phụng vật chất và an ủi tinh thần cho cha mẹ mà ai cũng biết, Kinh Báo Ân đề cập đến cách thức báo hiếu đặc biệt của Phật giáo là giới thiệu chánh pháp để cha mẹ đoạn trừ gốc rễ của đau khổ, có ba phương pháp được đề cập:

a. Khuyến cáo cha mẹ thực hành chánh pháp:

Trong Kinh Tăng Chi Đức Phật dạy: "Những ai đền ơn cha mẹ bằng cách nuôi dưỡng, dâng cúng của cải vật chất tiền

bạc, thì không bao giờ đủ để đáp đền ân cha mẹ. Nhưng này các Tỳ kheo, ai đối với cha mẹ không có lòng tin Tam Bảo, thì khuyến khích cho có lòng tin Tam Bảo, đối với cha mẹ sống tà giới, thì khuyến khích vào chánh giới, đối với cha mẹ sinh khởi lòng tham, thì khuyến khích bố thí, đối với cha mẹ tà kiến thì khuyến khích vào chánh kiến, cho đến như vậy, này các Tỳ kheo, là làm đủ và đáp đền đủ cho cha và mẹ".

Theo đạo Phật sự đau khổ thật sự chính là vô minh, lòng tham sân si đó là tác nhân gây đau khổ triền miên từ đời này đến đời khác. Chỉ có chánh pháp, chỉ có trí tuệ mới giúp cho cha mẹ loại trừ gốc rễ đau khổ.

Báo hiếu cho cha mẹ bằng vật chất và tình cảm thông thường chưa phải là biện pháp hoàn hảo, bởi lẽ có khi vì lý do vật chất, có thể làm cho cha mẹ của mình Tăng thêm tội lỗi, Tăng thêm lòng tham như người xưa thường nói: "Lòng tham của con người vô đáy". Vật chất hay những cảm giác lạc thọ của vật chất chỉ tạo thêm sự thèm khát và không bao giờ thoả mãn, sự đau khổ do đó không bao giờ chấm dứt được.

Người Phật tử thấy được bề sâu của lý nhân quả nghiệp báo cho nên khuyến khích cha mẹ thực hành thiện pháp, tạo cơ hội cho cha mẹ phát khởi thêm thiện tâm để chuyển báo nghiệp nhân xấu ác, xây dựng cho cha mẹ mình một

cuộc sống bảo đảm hạnh phúc lâu dài trong hiện tại và cả tương lai.

b. Vì cha mẹ thực hành tịnh giới, bố thí và các công tác lợi ích cho con người và xã hội:

Sự thực hành thiện pháp của con người như giữ gìn nếp sống đạo đức, mở rộng lòng bố thí, tích cực làm các điều thiện giúp ích mọi người. Trước hết đó như là một phương cách làm gương mẫu để tạo cho cha mẹ được ảnh hưởng thiện duyên của con làm Tăng cường và củng cố thiện tâm của cha mẹ. Mình khuyến cáo cha mẹ thực hành thiện pháp mà bản thân mình không thực hành thiện pháp thì sự khuyến cáo của mình sẽ mất tác dụng. Hơn nữa, khi thực hành thiện pháp, người con luôn hồi hướng công đức cho cha mẹ là sử dụng năng lực thiện tâm của mình hướng về cha mẹ, nó có tác dụng hỗ trợ làm cho cha mẹ tăng trưởng thiện tâm.

Mặt khác, mối quan hệ tương ứng giữa tâm lý của cha mẹ và con cái, rất tế nhị và đặc biệt. Luồng tâm thức giao cảm giữa cha mẹ và con cái rất dễ dàng ảnh hưởng qua lại lẫn nhau. Cho nên hành vi đạo đức của con rất dễ tác động đến lòng cha mẹ, như đã nói, con cái là niềm vui, là sự hy vọng của cha mẹ, con cái rất được cha mẹ chiều chuộng và làm theo ý thích của con. Tâm lý tùy thuận con cái là mảnh đất tốt để những người con gieo hạt giống thiện pháp cho cha mẹ bằng chính hành vi ngôn ngữ của mình.

c. Truyền bá tư tưởng hiếu đạo cho mọi người:

Truyền bá tư tưởng hiếu đạo cho mọi người là một phương pháp bổ sung cần thiết cho các phương pháp trên. Tác dụng của nó trước hết là Tăng cường sức mạnh hiếu tâm của chính bản thân mình, được thường xuyên có mặt, tâm lý hiếu cũng như các tâm lý khác đều phát sinh và tồn tại có điều kiện, vì vậy nếu chúng ta không tạo điều kiện hâm nóng thường xuyên bằng những điều kiện thích hợp, lâu ngày tâm lý hiếu bị phai nhạt, có thể nói: "Xa mặt cách lòng". Như vậy truyền bá tư tưởng hiếu đạo, có tác dụng trước hết là củng cố sức mạnh hiếu tâm của người con thường xuyên.

Mặt khác, như đã nói đạo Phật quan niệm tất cả chúng sinh là cha mẹ của mình ngoài việc báo đáp thâm ân cha mẹ của mình hiện nay, người Phật tử còn có nhiệm vụ báo hiếu cho cha mẹ nhiều đời của mình bằng phương thức gián tiếp. Truyền bá tư tưởng hiếu đạo để cho những người con học tập và thực hành phương pháp báo hiếu đúng chánh pháp, đem đến lợi ích cho tất cả những người cha, người mẹ khác trong xã hội. Từ đó xây dựng một nền tảng đạo đức cơ bản cho xã hội con người, tâm hiếu là một tâm lý có tính văn minh, văn hóa. Truyền bá đạo hiếu sẽ tạo nên một truyền thống văn hoá tốt đẹp, để xã hội có điều kiện xây dựng hạnh phúc cho con người.

III. Kết luận:

Ngày rằm tháng bảy, ngày báo hiếu cha mẹ, đã trở thành truyền thống tốt đẹp của Phật giáo, bắt nguồn từ vị đệ tử ưu tú của Phật, ngài Mục Kiền Liên. Phương pháp báo hiếu như đã trình bày trong kinh Vu Lan, chủ yếu dựa vào năng lực tâm linh thanh tịnh của chư Tăng trong ngày tự tứ, năng lực ấy tác động vào tâm thức người cha người mẹ đang đau khổ. Qua ảnh hưởng của năng lực đạo đức ấy mà cha mẹ hiện tại hay quá khứ được siêu thoát và hạnh phúc. Điều đó còn mang ý nghĩa rằng sự hiện hữu của đạo đức sẽ cải tạo được sự lầm lỗi và hoàn cảnh khốn đốn của con người; tạo cho con người một niềm tin và sức sống của chính bản thân mình, xây dựng được cuộc sống an vui.

Để bổ túc cho phương thức báo hiếu của kinh Vu Lan, kinh Báo Ân Cha Mẹ thêm rằng phương pháp báo hiếu cha mẹ có hiệu quả và toàn diện nhất là phải khuyến cáo cha mẹ thực hành chánh pháp, cởi bỏ sự trói buộc của lòng tham, sân, si... vốn đã gây nhiều đau khổ cho cha mẹ mình. Chỉ có chánh pháp mới đem đến an lạc và hạnh phúc lâu dài, như vậy mới gọi là đền đáp thâm ân của cha mẹ.

Qua tư tưởng hiếu đạo của kinh Vu Lan và kinh Báo Ân Cha Mẹ, chúng ta đã thấy tinh thần hiếu đạo là một trong những pháp môn tu tập của người Phật tử. Pháp môn ấy đem lại đạo đức và hạnh phúc cho con người và xã hội.

Người Phật tử ý thức được tầm ảnh hưởng lớn lao của đạo đức hiếu hạnh ấy, cho nên luôn tìm cách tạo điều kiện cho tư tưởng và hành vi đạo đức ấy được lan rộng; tác động ngày càng mạnh vào đời sống xã hội đang suy giảm đạo đức như ngày nay. Thay đổi cuộc sống khốn khổ do lòng tham, sân, si tạo nên, trong đó có cha mẹ mình.

Đó chính là cách báo hiếu tốt đẹp mà bản ý của kinh đã đề cập.

Thích Viên Giác



BÔNG HỒNG DÂNG MẸ

Thích Huyền Lan

*Kính dâng lên mẹ đóa hồng
Thắm tươi dào dạt mệnh mônng biển trời.*

Khi ngọn gió mùa thu bắt đầu nhẹ nhàng âu yếm hôn lên từng cây lá và lộng vào những áng mây mong manh trắng ngà trên trời cao thì trong lòng chúng ta ai ai cũng xao xuyến, bồi hồi nhớ mẹ. Một nỗi nhớ u hoài da diết vơi đầy trong tâm hồn, rồi khi tiếng chuông chùa rơi nhẹ qua thềm Vu Lan, càng làm cho lòng ta thêm lai láng hòa quyện vào dòng tâm sự của Tôn Nữ Thanh Yên:

*Tóc xanh hăm mấy tuổi đầu
Vấn vương bên mẹ tìm âu yếm tình
Mai sau dù có lênh đênh
Thương hoài hương tóc mẹ mình ngày xưa.*

Với những nỗi nhớ tha thiết, mang nặng trong tâm hồn của những người con ly hương trên bước dặm trường sống xa quê, xa tình thương cha mẹ, thì đó là nỗi khổ đau không cùng tận. Đôi khi trong giấc ngủ chúng ta cảm thấy vui sướng chợt thấy mình về thăm Mẹ với Phước Lập:

*Con lại về với mẹ trong chiêm bao
 Ôm lời ru sống ngọt ngào bên thơ ấu
 Ôm tiếng võng kẽo cà trưa hàng sấu
 Khoảng trời xanh con hát giữa thanh bình.*

Ôi! Sao mà đông đầy hạnh phúc, thiêng liêng quá. Khi chúng ta được còn mẹ và sống bên mẹ trong những ngày ấu thơ, hồn nhiên. Mẹ sưởi ấm chúng ta bằng tình thương vô bờ bến, mẹ tập cho ta đi từng bước một vào đời, mẹ cho ta tất cả không nuối tiếc một điều gì. Công ơn ấy tuổi thơ nào chúng ta có hay biết gì, cứ thế để thời gian qua đi. Đến khi chúng ta chợt hiểu ra, thì đã qua rồi những năm tháng vàng ngọc bên mẹ như niềm nhớ nhung của Thích Nữ Diệu Ngân:

*Đòng tay nhỏ con ôm tròn tuổi dại
 Mẹ ngọt ngào như gió mát ban mai
 Bài ca dao ru con ngủ hàng ngày
 Niềm mơ ước tương lai đầy rẫy rồi.*

Bước chân vào cuộc đời với bao vinh nhục công danh. Chúng ta cứ thế mà xa mãi, sống không có mẹ bên cạnh, dần hồi chúng ta càng lạc lõng, bơ vơ như cánh chim lẻ đàn. Đến khi chợt nhớ hay bị thói đời đen, trắng bạc đả đốn chúng ta, thì mới thẳng thốt tìm lại con đường về mái nhà xưa, có tình thương cha mẹ như ray rứt của Từ Kế Tường:

*Cho tôi tìm lại con đường
Ngày xưa mẹ đã đến trường với tôi
Cho xanh bờ cỏ mẹ ngồi
Vàng thêm sắc lá, lưng đồi tiếng ve
Mẹ ơi! Bóng mẹ là quê
Để khi mệt lả con về nấu thân.*

Tình yêu của mẹ bao la vô biên, chúng ta không sao diễn tả bằng lời, bằng chữ được. Mẹ cưu mang ta chín tháng mười ngày cực nhọc, mẹ ẵm bồng nhai cơm cho ta đến bao năm lao lực khôn cùng. Vậy mà mẹ vẫn tươi cười không một chút than van, miễn sao chúng ta mau trưởng thành là mẹ vui lòng hả dạ, cho nên nghĩ đến thâm ân cao rộng như trời biển của mẹ cha, Thích Huyền Thanh tâm sự:

*Cánh diều bay lả trên cao
Tiếng chuông thiên mục với bao trái sầu
Nhớ tình của mẹ thâm sâu
Nuôi con khôn lớn nào đâu tính gì.*

Anh ơi! Dù có bôn ba trên vạn nẻo đường đời và sống nơi phương trời viễn xứ, với bao công danh rạng rỡ thì xin anh đừng quên đi tình thương cao quý của cha mẹ, mà hãy để lòng mình trong giây phút bình yên, thanh thản, mà sống lại với những gì ngày xưa êm ấm nhiệm mầu bên mẹ. Em cũng đừng nên đánh mất tuổi thơ ngọc ngà, hồn nhiên của mình trong lòng mẹ, hãy nâng niu gìn giữ, bảo trọng tình thương yêu của cha mẹ, vì đó là một cuộc đời và một tương

lai sáng lạn của em. Chúng ta đừng nên xúc phạm, làm tổn thương trái tim cha mẹ bằng lối sống dục vọng không biết đủ của mình, mà trở thành nghịch tử bất hiếu. Một ngày sống bên cha mẹ là một ngày hạnh phúc nhất trần gian không gì bằng. Bởi vậy, chúng ta bất cứ ai sống trên đời này, khi xa mẹ đều giống như Trần Trọng Trí cảm thấy:

*Con nằm trên võng đong đưa
Lời ru của mẹ xa xưa u sầu
Lời ru con ngủ ngọt ngào
Như đêm trăng sáng thuở nào xa xăm.*

Mới chỉ sống xa cha mẹ thôi mà đã buồn như thế, huống chi đến một ngày nào đó chúng ta khổ đau, kinh hoàng như Đỗ Trung Quân:

*Mẹ ta tro bụi trên sông
Xuôi bèo hoa nỏ lư không mẹ về
Chiều hoa trắng rợn bốn bề
Trần gian thêm một kẻ về - mồ côi
Từ đây chỗ mẹ ta ngồi
Mây như tóc trắng - rồi bời - mây qua*

Mất mẹ là một tai nạn khủng khiếp cho chúng ta trong cuộc đời. Mất mẹ là đời ta như lạc loài, đơn côi, hoang tàn mất hướng đi, rồi lại càng thêm lương, tê tái khi chiều về trong gió thu mà nghe lòng Nguyễn Viện nước nở:

*Bên trời gió vẫn ru mây
 Vòng hoa mộ cỏ xanh đầy tiếng chim
 Nghìn năm cỗi mẹ lẳng chìm
 Con về tắt nắng khuấy tim đau lòng.*

Tất cả đều sẽ vô nghĩa đối với người con mất mẹ. Còn gì để cho người con mất mẹ mơ ước một tương lai, một cuộc sống trong nhung lụa cao sang. Công danh thành đạt để làm gì khi chúng ta không còn mẹ. Bởi thế ta hãy cùng Chinh Ngữ san sẻ nỗi luyến thương:

*Mẹ nhặt lấy thời gian
 Vắt lên bờ tóc trắng
 Lòng con về trĩu nặng
 Lời ru xa bên đời*

Ôi! Thật đớn đau tận đáy lòng cho người con mất mẹ, có gì bất hạnh và khốn nạn cho bằng khi công danh đến hồi tột đỉnh, mà lại không còn cha mẹ bên cạnh để đền đáp công ơn cha mẹ sanh thành. Tất cả chỉ còn là nỗi nhớ da diết với dòng lệ rơi đầy trong tâm hồn chúng ta như Hoàng Tất đau đớn thấy:

*Trên con đường hôm nay đầy lá đổ
 Tôi bước đi, đi mãi giữa hoàng hôn
 Thoáng bơ vơ, lạc lõng dẫu trong hồn
 Khi chợt nhớ, mẹ đã không còn nữa*

Tất cả trong bao đón đau tâm hồn, tê tái con tim của những người con bất hạnh mất mẹ. Càng quần quai nhớ thương thêm, khi cánh hồng màu trắng tang thương cài lên áo anh trong mùa báo hiếu Vu Lan về. Một màu trắng lạnh lùng làm nước mắt tuôn rơi mặn chát trên đầu môi, để rồi thấm vào lòng nghe bao cay đắng, tức tưởi nghẹn ngào. Càng nhìn người ta diễm phúc được còn mẹ và cài lên áo một cành hồng tươi thắm, thì càng thấy lòng buốt giá, tủi phận phải không anh? Ngày xưa trong cái tuổi ấu thơ anh cũng như em, bên mẹ đến chùa đón Vu Lan như hôm nay trong niềm vui với đóa hồng tươi thắm. Đã hết rồi. Đã mất rồi những năm tháng thần tiên ấy, giờ đây chỉ còn là cánh hồng trắng mang bao nỗi buồn trống vắng trong lòng Khương Vi:

*Thu sang lá rụng sân chùa cũ
Mà mẹ ra đi chẳng hẹn về
Lặng tiếng chuông ngân hòa nhịp mõ
Nghe lòng chết lịm nỗi đau tê*

Dù anh bất hạnh mất mẹ và em diễm phúc còn được mẹ. Tất cả đều mang một nỗi niềm trong lòng thương mẹ và nhớ mẹ. Xin anh và em hãy lắng đọng tâm hồn mà thấp nén hương lòng quì dưới Phật đài thành kính dâng lên tấm lòng người hiếu tử. Trong mùa Vu Lan - Báo Hiếu thiêng liêng nhiệm mầu này là dịp để cho anh nhớ lại những lời cha mẹ dạy mình sống với đời sao cho thánh thiện thủy chung. Rồi chính em cũng chuẩn bị cho mình hành trang vào đời bằng những

lời cha mẹ dạy dỗ mình trong một thời gian dài trong tổ ấm thân yêu. Em phải làm sao trở thành nhân tài giúp ích cho xã hội, đất nước và sống đừng quên cội nguồn, quên nghĩa ân. Dù cha mẹ sau này có bị vô thường cướp mất đi, em cũng không ân hận. Vì đã làm đúng lời cha mẹ dạy sống đúng nghĩa đạo đức một con người.

Cuối cùng xin anh và em cùng nhau chấp tay dâng tất cả lòng mình lên dâng sanh thành dưỡng dục bằng những đóa hoa hồng trong tâm hồn hiếu tử với vô vàn thiết tha mà Tuệ Duy Trương rung cảm:

*Hoàng hôn xuống, chuông chùa ngân nhẹ nhẹ
 Ou Lan kính trăm ấm vọng vang trời
 Dù mai này đời chia xẻ trăm nơi
 Con vẫn nhớ tiếng ru hời của mẹ.*

Thích Huyền Lan

Mùa báo hiếu Vu Lan 94

**Người nào biết ơn, tuy còn ở trong sanh tử mà căn
 lành chẳng hư. Kẻ chẳng biết ơn, căn lành diệt
 mất. Vậy nên các Đức Phật khen ngợi những
 người biết ơn trả ơn.**

**Kinh Đại Phương Quảng Bát Tư Nghì Cảnh Giới
 (HT Trí Nghiêm dịch)**

CHỮ HIẾU THEO QUAN NIỆM CỦA PHẬT GIÁO NAM TÔNG

Tỳ Kheo Thiện Minh

Nói đến Vu Lan là phải nói đến mùa báo hiếu; mùa mà những người con nam nữ nhớ đến công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ và muốn làm việc gì đó để đền ơn đáp nghĩa. Bởi vì công ơn cha mẹ quả thật trên đời này không có gì thiêng liêng bằng. Công ơn ấy đã thấm trong ta từ thuở tượng hình, đến với ta qua hơi ấm, qua bàn tay trìu mến, qua dòng sữa bổ dưỡng và qua giọng hát ngọt ngào.

Cha mẹ là hình ảnh đầu tiên mà ta nhìn thấy khi ta mở mắt chào đời và cũng là người làm cho ta nhớ mãi nụ cười, ánh mắt và hương vị yêu thương của cha mẹ dành cho mình. Hơn nữa, nói đến cha mẹ là phải nói đến sự hy sinh cho các con cả cuộc đời và cả tâm hồn lẫn thể xác. Chính vì tình thương và lòng hy sinh cao cả như thế, phận làm con chúng ta phải hiểu rõ tình thương và sự hy sinh của cha mẹ; hiếu để đền ơn đáp nghĩa với đấng sinh thành dưỡng dục ta nên người. Về phương diện đền ơn cha mẹ, Đức Phật có dạy: "Dù là tại gia hay xuất gia, dù là Thanh Văn hay chư Phật đều có bốn phận đền ơn cha mẹ. Vì tâm hiếu là tâm Phật".

Do đó, theo quan điểm của Phật giáo Nam tông, không hẳn chỉ là ngày Rằm tháng 7 ÂL mới là ngày mà những người con phải làm cái gì đó cho cha mẹ đã quá vãng, mà bất cứ lúc nào, giờ nào, ngày tháng năm nào đều cũng có thể làm cha mẹ vui lòng hoặc làm việc tích đức để hồi hướng cho họ ở bên kia thế giới. Nên đối với người tại gia cư sĩ, trong một đoạn kinh, Đức Phật có dạy cách báo hiếu cha mẹ: "Với đôi cánh tay, với những giọt mồ hôi mặn và có tạo được ít nhiều tài sản, nên sử dụng hợp lý, hợp tình". Tức là đối với gia đình, trên phải cung dưỡng cha mẹ, dưới phải giáo dưỡng vợ con. Mặt khác, còn phải làm tròn 5 bổn phận của người con đối với cha mẹ như sau:

1. Phụng dưỡng cha mẹ (Bhavana):

Tức phải hết lòng cung kính cha mẹ, không làm cho cha mẹ buồn khổ, không nói lời vô lễ mà thể hiện sự phụng dưỡng bằng tinh thần như thăm viếng cha mẹ trong những khi họ cô đơn, bệnh hoạn xế chiều; hoặc là sự cung phụng bằng vật chất như vật thực, thuốc thang, chỗ ngụ, y phục...

2. Làm việc thay thế cho cha mẹ (Kicca kavana):

Là chúng ta phải gánh vác tất cả những việc gì mà trước đây cha mẹ đã vì ta mà gánh chịu. Đây cũng là lẽ thường tình của đời sống xã hội, không riêng gì Phật giáo. Đã là người con trưởng thành thì cần phải làm thay thế cho cha

mẹ, để cho cha mẹ có thời gian thụ hưởng những ngày nhàn rỗi cuối cuộc đời.

3. Gìn giữ gia phong tốt đẹp (Kùlavam sathapana):

Là gìn giữ gia phong đạo đức tốt đẹp; lược bỏ đi những phong tục cổ hủ vô bổ cho gia tộc cũng như cho xã hội. Chẳng những thế, cần phải làm phát huy thêm những truyền thống tốt đẹp để làm vang xa tiếng tốt của gia tộc.

4. Bảo quản tốt tài sản thừa sự (Dàyai jàpati pajjana):

Đã là tài sản của cha mẹ thì bốn phận người con là cần phải bảo quản tốt, thậm chí còn cần phải làm cho chúng phát triển nảy nở. Vì tài sản đó rất đặc biệt, chúng không phải tựưng mà có, cũng không phải do vị Trời nào ban thưởng cả, mà chúng có được là do chính máu, mồ hôi nước mắt của cha mẹ đã tạo ra chúng, nên bốn phận làm con phải tỏ lòng trân trọng hiếu kính gìn giữ chúng.

5. Tạo phước hồi hướng khi cha mẹ đã quá vãng (Đakkinànuppadana):

Theo Phật giáo, khi cha mẹ còn hiện tiền thì người con phải làm sao cho cha mẹ luôn sống trong niềm an lạc hạnh phúc. Ngược lại, khi cha mẹ đã quá vãng thì người con cần phải tạo thật nhiều công đức để hồi hướng phần công đức đó đến cha mẹ. Có như vậy cha mẹ mới thật sự sống trong

sự an lạc, vì nếu như họ đã quá cố không may mà tái sanh cõi khổ, thì sau khi tùy hỷ theo cái phước mà người con đã hồi hướng nơi cõi khổ ấy để tái sanh.

Về phương diện của người xuất gia, Đức Phật cũng cho phép nuôi dưỡng cha mẹ. Có một vị Tỷ kheo chuyên đi khát thực nuôi cha mẹ; câu chuyện được bạch lên Đức Phật. Sau khi phán hỏi sự tình, Đức Phật chẳng những không quở trách mà còn hết lời tán thán hiếu hạnh của vị Tỷ kheo. Ngài kết luận "Người nào muốn đạt đến cứu cánh Phật đạo, người ấy phải tuyệt đối hiếu kính cha mẹ".

Lịch sử chép rằng, Đại đức Xá Lợi Phất, trước khi Niết bàn, cũng chọn căn phòng ngày Ngài đã chào đời và tìm đủ mọi cách để giảng đạo độ mẫu thân - vốn là tín đồ của Bà La Môn giáo - quay về quy ngưỡng chánh pháp. Và sau đó bà đắc quả Tu Đà Hườn. Còn Đại đức A Nan Đa thì chọn dòng sông Kohini làm nơi tịch diệt và Xá lợi của Ngài lại được chia đôi như ý nguyện, một phần đưa về hữu ngạn nội tổ, phần còn lại đưa về tả ngạn ngoại tổ. Thật là một đời sống hiếu hạnh trọn vẹn, người đời khó làm được!

Tiêu biểu nhất là Đức Phật của chúng ta. Sau khi thành đạo, hay tin phụ vương lâm trọng bệnh, Ngài vội vàng quay về hoàng cung cùng với chúng Tăng đệ tử ngự tại vườn Thượng Uyển; và mỗi ngày Đức Phật vào cung vấn an phụ hoàng ba lần trong suốt thời gian vua cha thọ bệnh. Cuối cùng vua cũng đắc quả vị A La Hán. Lúc này chính tự thân

Đức Phật đã tắm rửa phụ hoàng, thay đổi xiêm y, làm lễ nhập kim quan; luôn cả ngày trà tỳ, Ngài cũng cung tống kim quan với sự tiếp tay của chư Thánh Tăng thuộc hàng Thích tộc và sự hỗ trợ của Tứ Thiên vương. Sau lễ trà tỳ Ngài thu nhặt Xá lợi phụ vương đem về làm lễ nhập tháp.

Đối với Phật mẫu, lòng hiếu thảo của Ngài lại càng đặc biệt hơn. Ngài đã dùng thần lực lên cõi trời Đao Lợi để tiếp độ Phật mẫu. Nơi đây Ngài an cư kiết hạ trong suốt ba tháng ròng rã, Đức Phật đã thuyết giảng tạng A Tỳ Đàm (Abhidhamma) cho mẫu thân nghe, và khi được thuyết pháp, người đã chứng quả Tu Đà Hườn.

Tỳ Kheo Thiện Minh



THÔNG ĐIỆP CỦA KINH VU LAN

Thích Nhật Từ

*Ân cha hơn núi lớn
Nghĩa mẹ hơn đất dày
Hy sinh lòng chẳng quản
Mà vẫn không nguôi ngoai.*

*Mẹ già hơn trăm tuổi
Vẫn thương con tám mươi.
Tình thương nào ngơi nghỉ,
Đến hơi thở cuối đời!*

*(Ân đức thứ 10, Thích Nhật Từ trích dịch từ
Kinh Báo Ân Cha Mẹ)*

- I. Nguồn gốc của lễ hội Vu-lan trong đạo Phật
- II. Sơ lược ý nghĩa của Vu-lan
- III. Tóm tắt nội dung kinh Vu-lan
- IV. Các vấn đề Phật học trong kinh Vu-lan

1. Đạo hiếu thảo
2. Thần thông, tha lực và nghiệp báo
3. Oai lực của đạo đức cộng đồng
4. Phẩm vật và tấm lòng
5. Đối tượng giáo dục của kinh Vu-lan
6. Giá trị đạo đức của kinh Vu-lan

V. Kết luận



I. Nguồn gốc của lễ hội Vu-lan trong đạo Phật

Lễ hội vu-lan-bồn viết tắt là lễ Vu-lan có nguồn gốc từ Kinh Phật nói pháp vu-lan-bồn (Phật thuyết Vu-lan-bồn Kinh), của Phật giáo đại thừa. Niên đại xuất hiện của kinh này không rõ, nhưng trễ nhất là vào thế kỷ thứ 3 sau tây lịch. Kinh này phát triển chủ yếu tại các nước theo Phật giáo Bắc tông, truyền thống của Trung Quốc, chẳng hạn như Nhật Bản, Việt Nam, Triều Tiên, Đài Loan v.v... Mặc dù tính chất nguyên thủy của bài kinh còn trong vòng nghi vấn, nhưng giá trị giáo dục đạo hiếu và đạo đức làm người trong kinh này là điều nổi bật và không thể phủ nhận. Đó là đường hướng truyền bá Phật pháp chung của các kinh điển đại thừa, nhấn mạnh đến tính giáo dục và đạo đức

chứa tải trong từng bài kinh hơn là lai lịch và xuất xứ của các bài kinh đó.

II. Sơ lược ý nghĩa của Vu-lan

Thuật ngữ Vu-lan viết đủ là vu-lan-bồn là từ dịch âm của người Trung Quốc về chữ Phạn Ullambana. Một dịch âm khác nữa là Ô-lam-bà-na tuy tương đối gần âm với chữ Phạn hơn nhưng chữ này lại không thông dụng trong giới Phật giáo. Ý nghĩa của chữ vu-lan-bồn còn trong vòng tranh luận. Theo quan niệm thông thường, ullambana được ngài Trí Húc dịch nghĩa là "giải đảo huyền" (Vạn 35/151B), về sau được diễn dịch thành "giải đảo huyền, cứu thống khổ." Giải là động từ có ý nghĩa là cởi trói, hay giải phóng ai ra khỏi một cái ách nào đó. Đảo là "ngược" hay "dốc đầu xuống đất, chân chống lên trời," nhằm ám chỉ cho hình thức nghiêm khắc và đau đớn tội độ của hình phạt. Huyền là "treo." Như vậy giải đảo huyền có nghĩa là "tháo bỏ các cực hình treo ngược" và "cứu thống khổ" là cởi trói ách đau khổ cùng cực của chúng sanh trong các đường dữ. Theo tinh thần của kinh vu-lan, cái khổ nguy khốn nhất của chúng sanh là bị sanh vào cảnh giới quỷ đói. Do đó, tháo gỡ các cực hình treo ngược là tháo gỡ cái ách bị đày đọa trong cảnh giới ngạ quỷ và địa ngục. Xin lưu ý thêm rằng cách giải thích chữ "bồn" với ý nghĩa là cái chậu, cái thau để đựng đồ cúng dường trong ngày rằm tháng 7 của chư Tăng là cách giải thích dựa vào nghĩa chữ Hán của chữ "bồn", vốn là từ phiên âm của thành tố "bana" chứ không có trong

ý nghĩa từ nguyên của từ ullambana. Cách giải thích như vậy rõ ràng không có cơ sở và lạc dẫn, mặc dù trong suốt mạch văn của kinh có đề cập đến việc sử dụng cái thau chậu để dâng cúng phẩm vật cho các vị thánh Tăng.

III. Tóm tắt nội dung kinh Vu-lan

Phật thuyết Vu-lan-bồn kinh là một bản kinh ngắn kể về nguyên nhân và phương pháp báo hiếu của tôn giả Mục-kiền-liên đối với thân mẫu của ngài. Đại ý của kinh gồm có 3 phần chính: (1) nói về nguyên nhân của pháp báo hiếu vu-lan, (2) phương pháp báo hiếu nhờ vào đạo đức cộng đồng và (3) báo hiếu là trách nhiệm chung của những người con.

Duyên khởi của kinh như sau. Ngài Mục-kiền-liên vận dụng 6 phép thần thông tìm thấy mẹ bị tái sinh trong cảnh giới ngạ quỷ, đói khát, tiều tụy. Ngài liền lấy bát đựng cơm đem hiến dâng cho mẹ. Do vì lòng tham, bà mẹ lấy tay trái che lấy cái bát, tay phải vùi vĩa vốc cơm. Nhưng cơm đã biến thành lửa, nên không ăn được. Tôn giả sầu than trở về thưa Phật để cầu cách cứu mẹ ngài.

Đức Phật dạy rằng chỉ nhờ vào uy lực đạo đức tu tập của chư Tăng trong ba tháng an cư mới có thể độ được mẹ ngài Mục-kiền-liên. Ngài Mục-kiền-liên đã y theo lời Phật dạy thiết lập trai đàn, nhờ oai đức chuyển hóa nghiệp lực của

chư Tăng mà mẹ ngài được thoát khỏi cảnh nợ quỵ, tái sinh về cõi trời.

Nhân dịp đó, đức Phật đã khuyên tất cả những người con nên học theo gương hiếu hạnh của ngài Mục-kiền-liên để báo đáp công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ hiện tại và cha mẹ bảy đời quá khứ.

IV. Các vấn đề Phật học trong kinh Vu-lan

1. Đạo hiếu thảo

Điểm nổi bật và quan trọng nhất trong kinh Vu-lan là đạo hiếu như một phương pháp tu tập. Điều cần lưu ý ở đây là đương sự báo hiếu của kinh là ngài Mục-kiền-liên, vị đệ tử lỗi lạc với thần thông số một đã chứng quả A-la-hán, chứ không phải là người phàm phu. Giá trị giáo dục của ngụ ý này rất cao: một bậc thánh nhân còn hiếu thảo với cha mẹ như vậy huống hồ là người phàm phu tục tử chúng ta mà không chịu sớm lo báo đáp. Điều đó còn nói lên rằng đạo hiếu là nền tảng của đạo làm người và đạo thánh nhân. Thiếu hiếu thảo, tính cách đạo đức của con người đã bị phá vỡ và do đó không thể trở thành các bậc hiền thánh để đời ca tụng và học hỏi theo được. Chính vì thế mà kinh Nhẫn Nhục thuộc hệ Đại thừa đã đẳng thức hóa "hiếu" với "điều thiện tối cao" và "bất hiếu" là điều ác nguy hại: "Điều thiện tối cao là chí hiếu, điều ác tối cao là bất hiếu." Kinh điển Đại thừa cũng còn khẳng định: "Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh

hiếu là hạnh Phật" nhằm xác quyết rằng đạo hiếu là con đường mà tất cả các bậc thánh hiền, các bậc giác ngộ đã đi qua.

Nói cách khác đạo hiếu thảo là đạo làm người và đạo làm thánh. Đây là bước khởi đầu của mọi đạo lý trên đời. Nếu tính cách thiêng liêng của đạo hiếu đã bị phá vỡ thì tính cách đạo đức của một cá nhân cũng không thành tựu được. Nghĩa là người bất hiếu không phải là người hiền lương và đạo đức, và do đó không phải là con người đúng với nghĩa là một động vật tiến hóa về ý thức và đạo đức. Bằng cách đưa vai trò của chữ hiếu lên ngang hàng với điều thiện cao cấp, Phật giáo đại thừa đã nhấn mạnh tinh thần luân lý đạo đức của xã hội loài người như là điều kiện tiên quyết của sự sống nhân loại.

2. Thân thông, tha lực và nghiệp báo

Các nhà Phật học Nguyên thủy dù khó tách cách mấy cũng phải thừa nhận điểm mấu chốt của kinh Vu-lan là "thần thông và tha lực không thể thắng được nghiệp lực." Kinh Vu-lan còn đề cập đến sự kiện 4 vị thiên vương hộ đời (Trì Quốc ở phương đông, Tăng Trưởng ở phương nam, Quảng Mục ở phương tây, Đa Văn ở phương bắc) cũng không thể giúp mẹ tôn giả Mục-kiền-liên ra khỏi quả báo ngục quỷ.

Đây là điểm nhất quán giữa hai hệ tư tưởng Phật giáo nguyên thủy và đại thừa: thần thông và tha lực không thể

giúp chúng ta thoát khỏi luân hồi sinh tử được. Với 6 phép thần thông biến hóa và dù cho có được sự trợ giúp (tha lực) của bốn vị thiên vương hộ đời, vậy mà tôn giả Mục-kiền-liên đã không thể giúp cho mẹ ngài ăn được bát cơm, huống hồ là cứu mẹ ra khỏi cảnh khổ hành hình của nga quỷ.

Sáu phép thần thông bao gồm thần thông biến hóa, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông và lậu tận thông. Loại thứ nhất bao gồm các hình thức khinh thân, bay đi đây đó, độn thổ, xuống nước lên mây không trở ngại. Loại thứ hai là thị giác siêu việt, vô ngại. Loại thứ ba là thính giác siêu việt, vô ngại. Loại thứ tư là biết được tâm lý của loài người và chúng sanh khác. Loại thứ năm là nhớ biết chính xác kiếp trước của mình và người. Và loại thứ sáu là nhổ sạch gốc rễ phiền não. Năm thứ đầu không cần tu tập chánh pháp của Phật cũng có được. Riêng lậu tận thông chỉ có các bậc A-la-hán trở lên mới có thể thành tựu được. Đây cũng là điểm cho thấy đạo Phật đã vượt trội lên các tôn giáo khác.

Sự kiện sáu phép thần thông của ngài Mục-kiền-liên mà không thể cứu được nghiệp nga quỷ của người mẹ cho thấy rằng nghiệp của chúng sanh chỉ có thể được cải tạo và chuyển hóa do chính nội tâm và hành vi thiện ích của họ. Tất cả sự hỗ trợ nếu có của người khác cũng chỉ là những chất xúc tác để giúp họ tự chuyển hóa nghiệp của chính họ mà thôi. Nói khác hơn, rừng tiền biển bạc không thể mua được sự an lạc và giải thoát. Chỉ có con đường thiền định,

phát triển đạo đức tâm linh mới thật sự giúp chúng ta thoát khỏi các đau khổ đang hoành hành.

Đây là thông điệp của kinh Vu-lan nói riêng, kinh điển Phật giáo (nhất là Nguyên thủy) nói chung trao tặng cho chúng ta.

3. Oai lực của đạo đức cộng đồng

Cách thức mà ngài Mục-kiền-liên cứu thoát mẹ ngài khỏi cảnh quỷ đói là nhờ vào oai đức giáo hóa qua hình thức chú nguyện của cộng đồng Tỳ-kheo thanh tịnh và có đủ giới đức. Đây là điểm quan trọng thứ hai trong kinh Vu-lan. Oai đức của cộng đồng được xem như là biển cả bao la (chúng đức như hải), có thể giúp chúng ta hoàn tất các Phật sự một cách mỹ mãn: ở đây là giáo hóa và cứu độ nạn nhân trong thế giới ngạ quỷ. Nội dung của bài kinh khuyến khích và dạy bảo chúng ta nên sống nương tựa vào đạo đức cộng đồng trong việc tu tập và làm Phật sự. Sự tách rời tập thể theo tính cách cá nhân, muốn biến mình thành một "vô thượng sư" là điều không những cấm kỵ trong giáo lý đạo Phật mà còn là điều không thể nào thực hiện thành công được. Đạo Phật luôn khích lệ đời sống cộng đồng. Do đó đạo đức cộng đồng được xem là giải pháp của mọi vấn đề đạo đức và luân lý của thời đại.

Kinh điển Nguyên thủy và đại thừa đều có đề cập đến 6 phương pháp tạo nên sự hoà hợp, đoàn kết và sức mạnh

trong đời sống cộng đồng là "thân hòa cùng ở, lời hòa không tranh cãi, ý hòa cùng vui, giới đức hòa đồng tu, quan điểm hòa cùng hiểu và lợi hòa phân chia bình đẳng." 6 phương pháp này được xem là khuôn vàng thước ngọc cho đời sống tập thể. Nó một mặt hàn gắn sự đoàn kết không thể phân ly của các thành viên trong một tổ chức, mặt khác tạo thành sức mạnh bất khả chiến bại. Tương tự trong công cuộc giáo hóa chúng sanh, chúng ta cần đến một sức mạnh đạo đức tổng hợp và mang tính cộng đồng như vậy. Chính nhờ vào đạo đức cộng đồng của các vị thánh Tăng và cao Tăng nghiêm trì giới luật, mẹ ngài Mục-kiền-liên đã được "cảm hóa" rồi đi đến "tự chuyển hóa" và nhờ đó bà được giải thoát.

Cần nói rõ thêm rằng, bà được thoát cảnh ngã quý không chỉ đơn thuần do sức chú nguyện của mười phương Tăng. Thật chất là do sức oai thần đạo đức của mười phương Tăng đã cảm hóa được bà, giúp bà tự chuyển hóa các nghiệp xấu ác của ngã quý, phát huy tối đa nghiệp thiện, tái sanh về cảnh giới tốt. Đây là một quy trình vừa tâm lý vừa đạo đức trên nền tảng nỗ lực của nội tâm. Nói cách khác nếu bản thân mẹ của Ngài Mục-kiền-liên không tự nỗ lực để chuyển hóa nghiệp xấu ác của chính bà thì oai đức của chư Tăng cũng vô phương cứu chữa. Đó là mấu chốt của vấn đề cứu độ trong kinh điển đại thừa nói chung, kinh Vu-lan-bồn nói riêng.

4. Phẩm vật và tấm lòng

Một vấn đề cần lưu tâm về kinh Vu-lan là vấn đề phương pháp báo hiếu qua việc cúng dường trai Tăng trong ngày rằm tháng 7. Kinh văn chép đó là ngày Phật hoan hỷ và chư Tăng thanh tịnh sau 3 tháng chuyên ròng tu tập thiền định và phát huy giới đức. Thực ra, không phải chỉ có ngày rằm tháng 7 đức Phật mới hoan hỷ. Đức Phật luôn hoan hỷ trong mọi tích tắc của thời gian. Nói cách khác nơi nào và lúc nào có những người con hiếu thảo, cung kính, nuôi dưỡng cha mẹ đúng pháp, nơi đó có sự hoan hỷ của Phật, nơi đó có sự sống của đạo đức. Nơi nào con cái bất hiếu ngỗ nghịch với cha mẹ nơi đó không có sự hoan hỷ, mà chỉ có mặt của đau khổ và bất hạnh. Sở dĩ kinh văn nói đến rằm tháng 7 là ngày Phật hoan hỷ là nhằm nhấn mạnh vào hành vi hiếu thảo của các người con trong ngày mang tính chất biểu tượng đạo hiếu và báo hiếu này.

Kể đến vấn đề cúng dường chư Tăng, kinh văn có nói "sắm đủ mọi thứ phẩm vật tươi tốt và thượng hạng." Đây là cách mô tả mang tính ẩn dụ văn học trong kinh điển đại thừa. Cách mô tả của kinh văn phản ánh một quan niệm rằng người con hiếu thảo phải sẵn lòng vì cha mẹ không tiếc tiền của để báo đáp công ơn sanh thành của cha mẹ. Sắm các thức ăn ngon và sang trọng phải được hiểu là cách thể hiện lòng chí thành hay chân thành của người con đối với việc chu lo cho cha mẹ, chứ không nhất thiết là các phẩm vật thượng hạng trong thực tế. Một khi lòng đã chân thành

rồi thì số lượng và khối lượng vật chất dùng vào việc hiếu thảo không còn là vấn đề nữa. Nói cách khác, khi có đủ lòng chân thành thì cúng cho Tam Bảo một nén hương, một bát nước, một cành hoa, một trái cây cũng là báo hiếu cha mẹ được. Thế mới biết trong đạo Phật chữ tâm quan trọng đến thế. Tâm là tiêu chí đánh giá thiện ác và là cái cân để đo lường các trị số đạo đức của hành vi, trong báo hiếu nói riêng trong cuộc sống nói chung. Đạo Phật trong ý nghĩa này được xem là đạo dạy về tâm, huấn luyện về tâm và tu tập về tâm.

5. Đối tượng giáo dục của kinh Vu-lan

Khi nghiên cứu kinh Vu-lan có một vấn đề cần đặt ra là đối tượng giáo dục của kinh này là ai? Ngài Mục-kiền-liên? Mẹ ngài? hay chúng sanh nói chung? Câu trả lời ngắn gọn là thông điệp của kinh Vu-lan dành cho tất cả loài người, những người từng là con và do đó phải có trách nhiệm đền đáp ân nghĩa sanh thành và nuôi nấng của cha và mẹ. Kế đến thông điệp Vu-lan còn hướng đến những chúng sanh đang bị đau khổ, do bị nghiệp bất thiện gây ra trong đời sống hiện tại cũng như trong quá khứ.

Do đó việc báo hiếu không chỉ dành cho hàng đệ tử tại gia mà còn chung cho hàng xuất gia; việc cứu độ không chỉ dành cho người còn sống mà còn cho người quá vãng. Với tinh thần cứu sanh độ tử, đạo Phật đã thật sự đi vào ngõ ngách của cuộc sống. Độ người còn sống để giúp họ sống

hạnh phúc ở hiện tại và tương lai. Độ người đã chết để giúp họ sớm thoát khỏi cảnh giới xấu xa và đau khổ. Nếu người hành trì đạo Phật muốn biến đạo Phật thành đạo chỉ "độ người sống" mà không có "độ người chết" thì họ đã làm cho đạo Phật trở nên không trọn vẹn. Ngược lại, nếu biến đạo Phật thành đạo chỉ có độ người chết mà không có độ người sống lại càng làm cho đạo Phật không còn là đạo Phật nữa. Nói cách khác, đạo Phật quan tâm đến nhiều phương diện của đời sống, bao gồm sống và chết, để từ đó hướng tới con đường niết-bàn chấm dứt vĩnh viễn quy trình tái sinh của sống và chết.

Các hình thức nghi lễ cúng kiếng cho người chết mà không thuyết pháp để độ người còn sống sẽ biến đạo Phật thành một "đạo ma chay," điều mà đức Phật đã từng lên án khi ngài còn tại thế. Mong sao những người con Phật ý thức được việc làm của mình, không biến đạo Phật từ một đạo vị nhân sinh sống động thành một đạo vì người chết.

Một ý khác cần nói thêm là quan niệm báo hiếu của đạo Phật khác xa với Nho giáo. Theo Nho giáo có ba loại bất hiếu, loại bất hiếu nặng nhất là không có sinh con cái để nối dòng" (bất hiếu hữu tam, vô tự vi đại). Quan niệm này thực chất là một hệ quả của chủ thuyết thế tập, cha truyền con nối trong chế độ phong kiến quân chủ ngày xưa. Sanh con nối dòng để kế thừa sự nghiệp của cha ông, dù cho người con đó không xứng đáng về phương diện đạo đức và trí tuệ. Đạo Phật bất đồng với quan niệm thế tập như vậy.

Theo Phật giáo, người con xuất gia, nghĩa là tuyệt hẳn chuyện nối dòng, nếu tu tập hàng hoàng cũng là một trong những cách tốt để đền đáp công ân của cha mẹ. Ở đây đạo Phật khuyến khích tinh thần tự do dân chủ trong lựa chọn và hướng nghiệp. Mọi người phải quyết định lấy số mạng của mình, không nương tựa và dựa dẫm người khác, không chạy theo các thế lực chính trị v.v... Đời sống đạo đức và thiền định là những thành trì mà người Phật tử có thể dựa vào một cách vững chắc, bền bỉ và an toàn nhất.

6. Giá trị đạo đức của kinh Vu-lan

Nếu kinh Vu-lan-bồn là thông điệp hiếu kính cha mẹ thì mùa Vu-lan-bồn là mùa biểu tượng của đạo hiếu trong đạo Phật. Đó là mùa gọi chúng ta nhớ đến công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ. Mùa Vu-lan do đó đã trở thành mùa báo hiếu. Lễ hội Vu-lan là lễ hội của hiếu thảo, thương cha kính mẹ. Hiếu thảo với cha mẹ thì chúng ta phải biết kính trọng cha mẹ, vâng lời cha mẹ dạy, phụng dưỡng nuôi nấng cha mẹ, sớm thăm tối viếng khi cha mẹ đau ốm, hướng dẫn cha mẹ qui y Tam Bảo, trở thành người Phật tử chân chánh, nếu cha mẹ chưa trở về với chánh pháp. Nói chung, người Phật tử phải biết đền ơn cha mẹ hiện đời cũng như cha mẹ trong các đời quá khứ. Đạo lý của Vu-lan như vậy là đạo lý vì con người, vì sự an lạc của tất cả chúng sinh.

Từ phương diện xã hội, lễ Vu-lan còn là dịp tốt để người Phật tử phát tâm cúng dường Tam Bảo, làm việc nhân từ,

phóng sanh giúp vật v.v... Tinh thần Vu-lan dạy chúng ta ý thức độ lượng, bao dung, hướng đến và giúp đỡ người khác trong tinh thần vô vị lợi. Ngoài ra, Vu-lan còn là cơ hội tốt cho chúng ta phát tâm bồ-đề hướng đến các chúng sanh ngã quý đang đau khổ, làm các việc công đức để hồi hướng cho họ. Một lễ hội có nhiều giá trị đạo đức và luân lý như vậy cần được phát huy để cho sự sống của con người hôm nay và mai sau thật sự an lạc trong đạo lý và tình người.

V. Kết luận

Nói tóm lại, bản kinh Vu-lan là một thông điệp gồm 3 nội dung: (1) đề cao đạo đức chữ hiếu, (2) hướng dẫn phương pháp độ sanh qua chuyển hóa tâm thức của đối tượng và (3) khuyến khích các hình thức tôn kính và phụng sự Tam Bảo trong các dịp thích hợp.

Đề cao đạo đức chữ hiếu để cuộc đời có nhiều người con hiếu thảo, bớt đi tình trạng suy thoái đạo đức trong dân gian, xây dựng một xã hội an bình và hạnh phúc. Độ sanh qua chuyển hóa tâm thức chúng sanh là phương pháp đề cao giáo lý nghiệp và tinh thần tự lực của từng chúng sanh trong ba cõi. Chỉ có con đường tự chuyển hóa tâm thức chính mình, qua sự hướng đạo của Tam Bảo, hành vi và lời nói của chúng ta sẽ trở nên thiện. Đây là con đường cứu độ bản thân và tha nhân có hiệu quả nhất. Mọi hình thức trông chờ vào tha lực của người khác chỉ là phản ánh của một nhận thức sai lầm về lý nhân quả "ai làm lấy chịu, ai tu nấy

chứng" của đức Phật và tề hơn nữa là một sự đổ vỡ của đời sống hưởng thụ của bản thân. Khuyến khích các hình thức tôn kính và cúng dường Tam Bảo một mặt gắn liền sự sinh hoạt của người con Phật với đạo pháp, mặt khác phản ánh thái độ tôn kính chân lý và đạo đức của những con người đã dày công tu tập, quảng bá chánh pháp vì lợi ích cho số đông, vì lợi ích cho chư thiên và loài người.

Với một thông điệp gồm ba nội dung như vậy, kinh Vu-lan và lễ hội báo hiếu đã, đang và sẽ còn tiếp tục sống mãi trong đạo đức chữ hiếu và đạo lý làm người, của tất cả con người trên hành tinh này cho dù, nguồn gốc của nó còn trong vòng tranh luận. Nói cách khác, các giá trị đóng góp của kinh Vu-lan và lễ hội Vu-lan cho đạo đức cuộc sống của nhân sinh đã lấn át hoàn toàn các nghiên cứu có tính cách lịch sử nhưng lại không phục vụ được gì cho cuộc sống đầy đau khổ và thương tâm của con người hôm qua, hôm nay và mai sau. Trong bối cảnh đó, kinh Vu-lan đã ngấm nhiên chói sáng mãi như vị cứu tinh cho đời sống đạo đức, cho đạo lý hiếu thảo, cho tình người hôm nay và mai sau!

Thích Nhật Từ

***Biển đông còn lúc đầy vơi,
Chớ lòng cha mẹ suốt đời tràn dâng.***

Ca Dao Việt Nam

VU LAN CHO CHA MẸ

Thích Phổ Huân

Ước mỗi năm Vu Lan về lòng người con Phật lại rộn ràng, xao xuyến. Vu Lan là ngày kỷ niệm lớn nhắc về tình Mẹ qua tích chuyện xưa có thật của Ngài Mục Kiền Liên. Người con đại từ, đại hiếu đó đã cứu Mẹ ra khỏi ách khổ trầm luân trong địa ngục A Tỳ.

Lòng hiếu thảo của Ngài đã được nhắc nhở, truyền tụng cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm, mà bây giờ vẫn còn mãi, và có lẽ sẽ mãi mãi mà thôi. Bối hình ảnh hiếu hạnh cao đẹp như vậy, nên người Phật tử nào cũng đều ít nhiều nghĩ về Vu Lan trong mùa tháng bảy. Và hẳn nghĩ về Vu Lan hẳn phải nghĩ về Mẹ. Nghĩ về Mẹ để được uống lại mật ngọt tình thương; nghĩ về Mẹ để được no đầy dòng sữa thương cảm.

Em bé, trẻ nhỏ thương Mẹ, yêu Mẹ đã đành, mà người lớn, trưởng thành cũng thương Mẹ không kém em bé. Em nhỏ thương Mẹ để được gần Mẹ đòi quà, đòi bánh. Người lớn thương Mẹ, gần Mẹ để được ngắm, được nhìn. Tình thương của em nhỏ bộc lộ rõ ràng. Tình thương của người lớn đối với Mẹ thì âm thầm, sâu kín. Em nhỏ giận Mẹ thì khóc.

Người lớn giận Mẹ bỏ đi. Nhưng em nhỏ sẽ không khóc mãi và người lớn cũng phải quay về thăm Mẹ.

Tình Mẹ là một thứ tình thương thật bình thường, mộc mạc không khó hiểu, sâu xa, khúc mắc. Vì tất cả mọi người ai cũng có Mẹ. Ai cũng thấy Mẹ mỗi ngày có gì đâu là lạ. Nhưng có một điều không phải bình thường dễ hiểu là mỗi người chỉ có mỗi một Mẹ mà thôi! Nếu chẳng may có gì xảy ra với Mẹ, thì không ai có thể thay thế cho Mẹ được, cho dù có đi hết cả vòng trái đất để tìm.

Do vậy tình thương Mẹ nghe thật đơn sơ nhưng không đơn sơ, nghe thật bình thường nhưng không bình thường, mà phải nói tình thương về Mẹ là huyền diệu, cao cả nhất trên thế gian này.

Trong Kinh Tương Ưng Bộ, đức Phật có nhắc nhở, dạy cho các vị Tỳ Kheo về công lao to lớn của Mẹ, ví qua những hình ảnh không thể nghĩ bàn: "Này các Tỳ Kheo, sữa mẹ mà các thầy đã uống trong suốt quá trình cuộc sống luân hồi nhiều hơn nước trong đại dương".(1)

Nghe qua lời dạy của đức Phật, có thể nói không bút mực nào tả được hết tình Mẹ.

Đã biết về Mẹ, nhưng còn tình Cha thì sao! Tình Cha cũng lại vô cùng. Có ai mất Cha mà đã không buồn khóc chẳng? Có ai đã dần được xúc động khi bất chợt thoáng nhìn nét

nhấn lo lắng hằn trên mặt của Cha vì buồn lo cho vợ con chẳng? và có ai lại không sung sướng khi được Cha xoa đầu thương nựng chẳng?

*Công Cha như núi thái Sơn
Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

Vậy thì tình Mẹ càng sâu thì tình Cha càng rộng. Nhắc đến hai đấng sanh thành đức Phật lại dạy thêm, theo Kinh Tăng Chi:

"Này các Tỳ Kheo, Như Lai nói có hai hạng người khó thể trả ơn được là Mẹ và Cha. Này các Tỳ Kheo nếu để Cha Mẹ trên đôi vai suốt cả năm, đấm bóp, thoa xức, tắm rửa và dù Cha Mẹ có phóng uế trên người cũng không nhờm gớm, làm như vậy cũng chưa gọi là đền ơn tròn đủ..."(2)
Thế thì còn hạnh phúc nào hơn khi được cả Cha Mẹ còn sống trên cõi đời!

Vu Lan trong ý nghĩa hiếu hạnh trọn vẹn không riêng nhắc về Mẹ, mà còn có Cha bên cạnh nữa. Cầu chúc tất cả mọi người may mắn còn Cha Mẹ, cũng như những ai sớm vắng Cha Mẹ sẽ luôn luôn nhận hưởng dòng suối tình thương ngọt dịu trong ngày Đại Lễ Vu Lan.

(1) Trích lại từ sách Tình Mẹ của Hòa Thượng Hộ Giác, Học viện buddhadharma xb trang 82

(2) Tình Mẹ của HT Hộ Giác Học xb tr 83

THĂM MẸ

Thích Thiện Hữu

Ngày về quê thăm Mẹ
Nghẹn lòng con hỏi Mẹ đâu rồi
Mẹ có biết đêm ngày con trẻ
Cầu mẹ hiền nhẹ bước tọa đài sen.
Ngày về quỳ bên mộ Mẹ
Đốt nén nhang lòng lặng lẽ nhìn Người
Hương thơm lan khắp đất trời
Tình Người phủ kín cả đời con đi
Nhớ Mẹ lúc sinh tiền lam lũ
Tân tảo sớm hôm vất vả vì con
Mẹ khuyên con "tu học vẹn tròn
Độ bá tánh nhân sinh lạc lối!"
Con còn nhớ hôm nào Mẹ dạy:
"Lập chí tu thân giữ vững đời trai"

Mẹ mong con có một ngày mai
 Tươi sáng đạo rạng danh nòi giống!
 Đời của Mẹ đã thành bài học sống
 Đức hy sinh tự sông nước khơi nguồn
 Bao nỗi đắng cay Mẹ chẳng chút u buồn
 Lắm lời sỉ vả Mẹ chưa từng ta oán.
 Mẹ trầm lặng quên bao điều ngao ngán
 Khó nhọc trùng muôn Mẹ vẫn an nhiên
 Đau buốt ngặt, lúc cảm sốt thương hàn
 Mẹ đều dấu, mỉm cười khi con hỏi!
 Con có lỗi, mẹ ơi xin tạ tội
 Xin Mẹ hiền hiển hiện chứng minh
 Cúi đầu lạy Mẹ chúng sinh
 Con đi trọn kiếp, trọn tình đạo hoa!!



VU LAN NHỚ MẸ

Thích Nguyên Tạng

Kính dâng Mẹ

Mùa thu hiền dịu và thân thương lại trở về với muôn loài cỏ cây vạn vật, mùa thu hắt hiu gọi cho hồn thi nhân nguồn cảm hứng dạt dào bởi những chiếc lá úa vàng rơi, mặt nước hồ thu trong veo, yên bình để phản chiếu một bầu trời ảm đạm. Nhưng đối với người con Phật, thì mùa thu là mùa Vu Lan, là mùa báo hiếu.

Kính lạy mẹ,

Nhìn khói hương trầm quyện tỏa giữa ngôi bảo điện trang nghiêm, lòng chúng con thành kính hướng về mẹ, người yêu thương nhất không thể thiếu của đời con.

Mẹ ơi! tiếng gọi mà từ khi bập bẹ cho đến lúc trưởng thành con vẫn chưa biết hết, hiểu hết ý nghĩa. Mẹ là sự sống, là tình yêu, là bùi, là ngọt, là thơm, là ngon, là vốn liếng yêu thương cho cuộc đời. Đúng như vậy, Mẹ là tất cả những gì thiêng liêng nhất và cao quý nhất của đời con:

*Mẹ là cả một trời thương
Mẹ là cả một thiên đường trần gian
Tiếng ru mẹ ấm vô vàn
Nuôi con trong tiếng tơ đàn văn chương.*

Khi con khát, giồng sữa mẹ ngọt ngào thấm vào lòng con như vị ngọt ngào của nước cam lồ. Khi con biết ăn, mẹ là người đầu tiên mớm cho con từng miếng cháo, muỗng cơm, mẹ ấp yêu, nâng niu, chiều chuộng. Tất cả những gì ngon nhất, vui nhất và tốt đẹp nhất mẹ đều dành cho con:

*Mẹ cho con tất cả
Hết quãng đời tuổi xanh
Cả thương yêu dịu ngọt
Rộng hơn biển trời thanh
Mẹ là gió mát tinh anh
Là cây tiên dịu, là cành thùy dương
Mẹ là hoa, mẹ là hương
Mẹ là nguồn cội tình thương nhiệm màu...
Mẹ đã ru cho con ngủ bằng tiếng hát dịu hiền êm ả:
Gió mùa thu mẹ ru con ngủ,
Năm canh chầy mẹ thức đủ vừa năm.*

Tất cả mẹ đều dành cho con, bên ướm mẹ nằm, bên rảo con lăn. Mẹ đã trần trọc năm canh dài cũng vì sự ấm no, lớn khôn và hạnh phúc cho đời con. Bầu trời trong mắt con ngày một trong xanh hơn với những ước vọng vào đời, là khi tóc mẹ ngày thêm một sợi bạc:

*Ôi! Chiếc lưng của mẹ
Đã còm bởi thương đau
Ôi! cuộc đời của mẹ
Trăm năm nổi chuyện sầu.*

Vì con, niềm lo âu của mẹ trở thành hiển nhiên như mặt đất truyền sức sống cho cỏ cây vạn vật. Mẹ chưa đủ sống trăm năm nhưng đã cho con đầy đủ tình thương và hạnh phúc, sung sướng biết bao.

*Một đời vốn liếng mẹ trao
Mẹ cho tất cả, mẹ nào giữ riêng
Mẹ hiền như một bà tiên
Mẹ theo con suốt hành trình con đi.*

Mẹ! Mẹ là nguồn thấp sáng cho đời con bằng máu và con tim của chính mẹ, mẹ là bóng mát trên cao, là ánh sáng trắng sao, là ánh đuốc trong đêm khi lạc lối. Nếu đời là một bể khổ mênh mông, với muôn ngàn đợt sóng dồn dập, thì mẹ là chiếc bè đưa con đến bến bờ hạnh phúc. Còn mẹ là còn tất cả, mất mẹ là mất hết tất cả.

Mẹ! Mẹ vất vả mà chẳng nề gian khổ, mẹ trăm tuổi còn thương con tám mươi. Hình ảnh người mẹ hiền tần tảo một nắng hai sương lam lũ. Mẹ đã đánh đổi một thời son sắt, tươi vui chỉ vì tương lai của con.

*Ôi con sức khỏe hao mòn,
Ôi con mẹ chẳng phấn son bao giờ.*

Mẹ mong mỗi cho con khôn lớn, lập nên sự nghiệp với đời,
trở thành người hữu ích cho xã hội:

*Đànhi cực nhọc vẫn nuôi con đại,
Gạt ưi tư dầu dãi thu đông,
Mắng se nám má xuân hồng,
Gót son tố nữ bùn phong kín rồi.*

Ồi! Bút mực ngôn từ nào có thể diễn tả được công ơn bao
la trời biển của mẹ:

*Ngôn ngữ trần gian khờ dại quá,
Định sao đây hai tiếng Mẹ ời!*

Mẹ! Làm sao có thể hình dung được tình mẹ thiêng liêng,
làm sao tính kể hết được công ơn sanh thành dưỡng dục.
Tình thương của mẹ mênh mông như trời biển, mát ngọt
như nguồn suối vi diệu. Tình thương và công ơn của mẹ đã
thấm vào lòng con, từ khi mới cất tiếng khóc chào đời và
con chỉ nhận biết khi ý thức được bốn phận làm người.

Ồ nhĩ! Sao có những người không giữ tròn hiếu hạnh. Trong khế
kinh Phật từng dạy rằng " Không có cha mẹ ta, thì sẽ không có
hình hài của ta. Cha mẹ đã tạo cho ta cái thân thể này"

*Có ông bà mới có ta
Ông bà là gốc, mẹ cha là cành
Thân ta như thể lá xanh
Nhờ gốc vun bón, nhờ cành chở che.*

SONG THÂN PHỤ MẪU

**Của hai vị Chánh Phó Trụ Trì Tu Viện
Quảng Đức, Melbourne, Úc Châu**



Đạo Hữu Ngô Thị Đắc

Pháp: Tâm Thái

Cụ bà đang tịnh dưỡng tại TP Nha Trang



Tướng Niệm Cố Đạo Hữu
Võ Thống, pháp danh: Tâm Thắng
(1930 – 1972)

Trong đời cũng có lúc nào đó, con đã làm buồn lòng mẹ. Giờ đây, chúng con mới biết, trên đôi vai gầy guộc của mẹ, trĩu nặng nỗi nhọc nhằn và lo toan trong cuộc sống, lòng mẹ lại buồn phiền vì con trái nghịch. Con có biết đâu thời gian, nỗi nhọc nhằn, và phiền muộn ấy đã, đang và sẽ cướp mất kho tàng quý báu của đời con. Người mẹ hiền yêu dấu của chúng con, buồn thay đến một ngày nào đó trong đời:

*Nhìn vào đêm tối mông lung,
Khát khao tìm lại hình dung mẹ hiền,
Một trời thương nhớ xây thành,
Mây buồn tóa rối giữa vành tang thương
Cánh chim bàng bạc kêu sương,
Đóa hồng rủ cánh lòng vương vấn sầu.*

Mẹ! Giờ đây con muốn trở về bên mẹ, để nhìn sâu vào mắt mẹ, con sẽ nhìn thật lâu, thật kỹ, để trông thấy mẹ, để biết rằng mẹ đang sống và đang ngồi bên con, con sẽ hôn lên gò má nhăn nheo của mẹ, áp mặt vào đôi bàn tay gầy guộc của mẹ đã hằng dệt yêu thương, để tỏ lòng tri ân và nhận sự trìu mến ân cần, chở che của mẹ. Mẹ và con sung sướng, sẽ được sống trong ý thức tình thương bất diệt.

Nếu nghĩa mẹ ví như giòng suối dịu mát, ngọt ngào, thì công cha cao lớn hơn, bền chắc vĩnh cửu hơn như trái núi Thái Sơn, lời ca dao ví von cũng là lời tự tình của người con đối với cha mẹ ngày xưa và mãi mãi cho đến ngàn sau:

*Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ Mẹ kính Cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Ngày nay chúng ta có được duyên lành gần gũi với Phật Pháp, gương hiếu hạnh của Ngài Mục Kiền Liên đã soi tỏ lời vàng của Chư Phật, con sẽ nguyện giữ mãi trong lòng, "sinh ra thời không có Phật, thờ kính Cha Mẹ là thờ kính Phật vậy".

*Công ơn cha mẹ tựa biển trời
Làm sao báo hiếu hỡi người ơi?
Nếu chưa báo hiếu đừng bắt hiếu
Bắt hiếu làm ta khổ muôn đời.*

Cha Mẹ ơi,

Dòng cảm niệm sẽ trôi theo thời gian, nhưng ý thức hiếu hạnh sẽ còn mãi mãi với lòng người, mai này con có lớn khôn, rời khỏi vòng tay của người mẹ hiền, thì mãi mãi vẫn là bóng cây che mát cho đời con. Sung sướng biết bao khi chúng ta xếp lại mối lo âu toan tính, để lại thú vui của cuộc đời, quay về bên mẹ, sống với mẹ để nghe nói những lời yêu thương dịu ngọt, được bàn tay mẹ vỗ về, trau dồi, con sung sướng gục đầu vào lòng mẹ, để tìm lại hơi ấm của ngày xưa, để được thấy mình trở thành trẻ thơ bé bỏng bên mẹ.

Cha Mẹ ơi! Đây là tấm lòng của chúng con, đóa hoa hồng tươi thắm và món quà hiếu hạnh, chúng con thành kính dâng lên Cha Mẹ, bằng tất cả những con tim và bằng tất cả những tấm lòng của chúng con nhân mùa Vu Lan Báo Hiếu.

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiền Liên Bồ Tát

**Đức Phật bảo các ông trưởng giả Diêu Đức,
Dũng Mãnh, Thiện Pháp ở trong thành
Vương Xá rằng: Nay các trưởng giả!
Ta sắp nói pháp mầu nhiệm, vì muốn
lợi ích cho những ai chưa biết ƠN ĐỨC
trong đời vị lai. Ở trong thế gian
và xuất thế gian có 4 thứ:
Ở Cha Mẹ; Ở chúng sanh;
Ở quốc vương; Ở Tam bảo.**

Kinh Tâm Địa Quán (HT Trí Nghiêm dịch)

TỪ TRÁI TIM CỦA MẸ

Ven. Weragoda Sarada Thero

Thích Nguyên Tạng (dịch)

Trái tim biết nói của mẹ:

Trong xã hội loài người, không có mối quan hệ nào thiêng liêng hơn mối quan hệ giữa Mẹ và con. Tuy nhiên, có những trường hợp cá biệt mà mối liên hệ thiêng liêng này đã bị phá vỡ một cách đau đớn, man rợ và tàn nhẫn bởi những đứa con ngu muội và ác độc. Câu chuyện *Trái Tim Của Mẹ*, được trích dẫn từ truyện cổ Ý (Italia) sau đây kể về một đứa con đã cố tình dẫm nát mối thâm tình khiến cho bao nhiêu người, kể cả những kẻ thô bạo và cứng rắn nhất đều phải rơi lệ.

Tại một làng nọ, có một đôi vợ chồng trẻ sống cùng với người mẹ chồng. Người mẹ rất thương yêu con trai của mình và người con trai cũng rất thương kính Mẹ. Tuy nhiên người vợ trẻ không thích chồng mình bày tỏ sự yêu mến sâu đậm như thế với mẹ chồng và cô ả muốn chiếm hữu trọn vẹn tình yêu thương của chồng dành riêng cho mình.

Một ngày nọ, y thị nghĩ ra một độc kế và quyết định hành động. Trong nhiều ngày thị nằm trên giường kêu rên ầm ĩ và lăn lộn giả vờ bệnh. Người chồng ngày thơ rất lo lắng và hỏi vợ bị bệnh gì. Người chồng hỏi đi hỏi lại nhiều lần, thị vẫn im lặng. Nhưng cuối cùng y thị cũng đã nói ra điều bí mật: *"Em đau khổ lắm, bởi vì em có một ham muốn mà đến bây giờ vẫn chưa đạt được"* - *"Ham muốn cái gì vậy hả em?"*, người chồng lo lắng hỏi. Thị đáp: *"Em rất ái ngại khi nói với anh điều này, người chồng yêu quý của em"* - *"Không, em cứ nói đi. Em biết là anh yêu em biết đường nào, anh có thể làm mọi việc vì em kia mà"*, người chồng nói. Y thị chỉ chờ có bao nhiêu đó và nói này: *"Anh yêu của em, em khổ sở chỉ vì muốn được ăn trái tim của mẹ anh mà thôi. Nếu ước ao này mà không được thỏa mãn, chắc chắn em sẽ chết mất"*.

Người chồng như chết điếng khi nghe vợ mình bày tỏ như thế. Anh ta cố gắng van xin vợ nên thay đổi ý định và ham muốn cái gì khác không phải là trái tim của mẹ. Nhưng tất cả những lời cầu xin kia đã không được đếm xỉa tới. Y thị vẫn không thay đổi ý định của mình.

Cuối cùng người chồng trẻ quyết định rằng mình có thể sống thiếu mẹ nhưng không thể sống thiếu vợ, và thế là hắn đã bắt đầu manh tâm vạch ra kế hoạch hại mẹ mình để làm thỏa mãn lòng ham muốn điên cuồng của người vợ.

Vì luyến ái vợ đến độ điên loạn mà hấn đã mất hết nhân tính, hấn chỉ nghĩ đến cách làm sao giết được mẹ. Hấn nốc rượu vào và men rượu kích động tâm hồn hấn, làm cho hấn trở nên lạnh lùng và tàn bạo. Hấn lôi người mẹ vào rừng, đâm chết rồi móc trái tim của mẹ đem về cho vợ.

Trên đường về nhà, khi trèo qua một dốc núi, vì say rượu hấn đã bị trượt chân và té nhào xuống đất, trái tim trong tay cũng bị văng ra. Bỗng nhiên, trái tim của người mẹ phát ra tiếng nói: *"Con yêu của mẹ, con té có bị đau không hả con?"*

Người mẹ từ chối kéo con

Vào một ngày nọ, có một người mẹ trẻ bế đứa con thơ của mình ra ao để tắm. Tắm cho con xong, bà đặt đứa bé nằm trên bờ một mình rồi xuống ao tắm.

Lúc đó có một người đàn bà khác đi ngang qua, người đàn bà này nhìn thấy đứa bé trên bờ ao, bà ta dừng lại và trìu mến nhìn đứa bé. Bà ta rất vui thích và bị cuốn hút bởi đứa bé. Thế là bà ta sanh tâm muốn chiếm đoạt đứa bé.

Nhìn thấy người mẹ đang tắm dưới ao, người đàn bà ngỏ lời: *"Tôi thích đứa trẻ này lắm, chị có phiền gì không nếu tôi ẵm nó một chút?"*. Người mẹ không phản ứng gì cả. Người đàn bà hỏi tiếp: *"Tôi có thể cho đứa bé bú được không?"*. Người mẹ đồng ý.

Người đàn bà ẵm đứa bé lên cho bú, được một lát y thị len lén bồng đứa bé bỏ chạy. Nhìn thấy người đàn bà ẵm con mình đi, người mẹ vội vã lên bờ và rượt theo người đàn bà lạ mặt. Người mẹ đuổi kịp người đàn bà và đòi lại đứa con. Nhưng người đàn bà kia không những không chịu trả lại đứa bé, mà thị còn tố cáo người mẹ thật là cố tình vu khống thị, y thị nói rằng đó là đứa con ruột của thị.

Hai người đàn bà tiếp tục tranh cãi, và cuối cùng họ đã kéo nhau đến công đường. Sau khi lắng nghe câu chuyện của họ, vị quan bắt đầu phán xử.

Vị quan vẽ một đường thẳng giữa công đường, ông yêu cầu hai người đàn bà, mỗi người đứng một bên. Rồi ông bảo người đàn bà độc ác đứng nắm một chân đứa bé bên này và người mẹ bên kia cũng được yêu cầu làm như vậy. Vị quan nói: *"Bây giờ hai vị hãy kéo đứa trẻ, nếu đứa trẻ được kéo qua khỏi lằn ranh bên nào thì đứa trẻ sẽ thuộc về người đó"*.

Hai người đàn bà nắm hai chân đứa bé và bắt đầu kéo, đứa trẻ cũng bắt đầu la khóc vì bị đau. Lập tức, người mẹ thả chân đứa con ra không kéo nữa và bà ta cũng khóc. Vị quan quay qua hỏi mọi người đang tụ tập trước công đường: *"Đó, có phải là trái tim của người mẹ hướng đến con hay trái tim của người đàn bà khác?"*. Mọi người đều nói: *"Đó chính là trái tim của người mẹ dành cho con"*. Vị quan hỏi tiếp: *"Vậy ai là người mẹ thật sự, người đàn bà từ chối kéo con hay người đàn bà đang kéo mạnh tay?"* - *"Tất nhiên,*

người mẹ thật sự là người đàn bà đã từ chối kéo con vì bà không muốn con mình bị tổn hại", mọi người đáp.

Cuối cùng người mẹ được phép nhận lại đứa con và tạ ơn vị quan đã phân xử một cách khôn ngoan đem lại công bằng cho bà.

Câu chuyện trên đã làm nổi bật lên chân lý ngàn đời của tình mẫu tử. Người mẹ không bao giờ muốn làm tổn thương đến con cái của mình dù chỉ trong chốc lát. Ở đây, người mẹ đã không muốn làm đau đớn con ngay cả trong giờ phút xem như đứa con thuộc về người đàn bà khác. Người mẹ đã hy sinh tất cả chỉ vì bảo vệ cho con mình, tất cả chúng ta hiểu được sự hy sinh đó hay không?

Lỗi lầm của Mẹ

Ngày xưa có một góa phụ sống với một đứa con trai duy nhất của mình. Bà yêu thương đứa con vô cùng, cũng vì thế mà đứa con được tự do muốn làm gì thì mặc tình, muốn đi đâu thì mặc ý. Người mẹ biết nhưng không ngăn cản, cứ để cho đứa con tự do tung hoành.

Thời gian trôi qua, cậu bé này đã trở thành một thanh niên khỏe mạnh nhưng lại là một đứa hư hỏng. Hắn có thói quen đi chơi hoang thâu đêm suốt sáng và bắt đầu sự nghiệp của mình bằng con đường trộm cắp. Mới đầu, hắn hả hê với nghề ăn cắp vặt. Khi hắn mang "chiến lợi phẩm" ăn cắp được về nhà, người mẹ không những tiếp nhận nó một cách

vui sướng mà bà còn khuyến khích hấn tiếp tục đi theo con đường tội lỗi này.

Cuối cùng, việc gì phải đến đã đến, hấn đã trở thành một tên cướp khét tiếng và đã bị quân lính bắt giam, hấn không chút sợ hãi và đã thú nhận mọi tội ác của mình trước đức vua. Đức vua đã phán tội chết cho hấn.

Trước ngày hành quyết, hấn xin phép quân lính được gặp mẹ lần cuối. Lời cầu xin này đã được chấp thuận và người mẹ được đưa đến gặp hấn. Tên cướp đã ôm chặt lấy mẹ và cắn vào lỗ tai của bà một cái thật mạnh.

Sự việc kỳ lạ này đến tai đức vua và tên cướp đã được đưa đến gặp ngài. Đức vua hỏi: *"Tại sao người lại cắn vào tai của mẹ mình?"*. Tên cướp giải thích: *"Tâu Bệ hạ, thảo dân là một đứa con duy nhất của bà. Lẽ ra bà phải có trách nhiệm giáo dục thảo dân trở thành một người tốt. Thay vì bà làm điều tốt đẹp đó thì bà lại khuyến khích thảo dân đi vào con đường tội lỗi, bà chưa bao giờ khuyên bảo hoặc ngăn cản những việc làm xấu xa của thảo dân"*. Tên cướp trình bày tiếp - *"Nếu bà cảnh cáo thảo dân về hành vi vô đạo đức của mình thì từ lâu thảo dân đã trở thành một công dân lương thiện. Nhưng bà không làm được điều đó; vì thế thảo dân đã đánh mất cuộc đời của mình trong con đường tội lỗi này. Thảo dân suy nghĩ, trong giờ phút cuối cùng này, thảo dân phải nhắc nhở mẹ thảo dân như một bài học để thức tỉnh những bà mẹ khác, ít ra qua sự kiện này sẽ*

giúp cho họ quan tâm đến con cái và giáo dục con cái của họ trở thành những người tốt trong xã hội. Đó là lời giải thích của thảo dân, tâu Bệ hạ, và đó cũng là lý do tại sao thảo dân đã cắn vào tai của bà".

Câu chuyện đã không ghi lại phản ứng của đức vua ra sao sau khi nghe lời thú tội này của tên cướp. Tuy nhiên tính đạo đức của câu chuyện là một lời cảnh cáo mạnh mẽ đối với tất cả các bậc cha mẹ. Bất cứ khi nào cha mẹ phát hiện ra những hành vi bất thường của con mình thì phải lập tức khuyên can ngay và dạy con dừng bao giờ sa chân vào con đường vô đạo đức ấy. Nếu không thực hiện điều này thì những lỗi lầm nhỏ nhất ban đầu của đứa trẻ sẽ có điều kiện phát triển nhanh và trở thành là mầm mống để dẫn sâu vào con đường tội lỗi, sự phá sản cuộc đời của đứa con cũng bắt đầu từ đây và trong đó có cả sự tiếp tay của cha mẹ.

Trong xã hội ngày nay, có nhiều gia đình dường như không còn tồn tại mối quan hệ thân thiết, gần gũi, liên lạc hằng ngày giữa cha mẹ và con cái. Hậu quả là con cái của họ bị sa bước vào con đường suy đồi và tội lỗi. Do vậy, sự khuyên răn, thảo luận thân mật, chịu khó lắng nghe giữa cha mẹ và con cái là điều tối cần thiết trong mỗi gia đình và điều đó ảnh hưởng rất nhiều đến sự trưởng thành nhân cách của con cái chúng ta.

(Trích dịch từ tài liệu: Parents & children, Key to Happiness, Xuất bản tại Singapore, 1994)

CHA MẸ, CON CÁI VÀ PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG

Ven. Weragoda Sarada Thero
Thích Nguyên Tạng dịch

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, nếu cho rằng đạo đức và hành vi xã hội của trẻ em ngày nay chỉ được quyết định bởi cha mẹ và thầy cô, thì đó là một kết luận quá đơn giản.

Trẻ em ngày nay sinh hoạt trong một cuộc sống đầy những phức tạp. Cuộc sống hỗn nhiên đã bị can thiệp và định hình bởi các phương tiện truyền thông đại chúng. Phương tiện này đang tấn công người đọc, người xem và người nghe, một cách hết sức khéo léo, bằng những kỹ thuật truyền thông tiên tiến đến ngay cả người lớn cũng thấy khó có thể cưỡng lại được sức quyến rũ của chúng. Sự hấp dẫn của truyền thông hiện đại đang chinh phục người tiêu thụ, bóp nghẹt họ trong sự khuất phục vô vọng.

Truyền thông hiện đại, đặc biệt là các phương tiện điện tử, đã thu hút khán thính giả thanh thiếu niên trên khắp thế giới vào một thế hệ của truyền hình. Họ đã trưởng thành với loại

truyền thông này. Phần lớn quan điểm sống của họ được đúc kết từ hành vi của những anh hùng trên màn ảnh nhỏ.

Thời trước, trẻ em được giới thiệu về truyền thống của cộng đồng hay về một xã hội nào đó bởi cha mẹ, anh chị và thầy cô, còn bây giờ việc giáo dục những lễ nghi, phong tục truyền thống đó được chuyển giao cho truyền thông điện tử.

Do tầm ảnh hưởng quá khủng khiếp của truyền hình trong quá trình trưởng thành của thanh thiếu niên thời đại chúng ta, một số nhà xã hội học gọi truyền hình là "phụ huynh thứ ba". Theo cách nghĩ này, thế hệ trẻ thời nay là thế hệ đầu tiên trong lịch sử loài người, có ba đấng sinh thành dưỡng dục thay vì hai như trước kia. Với nhiều thanh thiếu niên trong thời hiện đại, màn ảnh nhỏ là cha mẹ, tôn sư, bạn bè, người kể chuyện, giáo sĩ, và người hướng đạo tất cả y đều trộn lẫn thành một.

Đến đây thật là thích hợp để chúng ta thử thăm dò loại truyền thông điện tử này đã làm gì đến thế hệ thanh thiếu niên ngày nay.

Truyền hình:

Một số nhà xã hội học, giáo dục học, và đạo đức học dường như tin rằng phương tiện truyền hình đã đưa thiếu niên ngày nay đi lạc đường. Trong những trường hợp thiếu niên trong thời đại của chúng ta có khuynh hướng bất

thường hướng về hành vi tiêu cực, các nhà lãnh đạo có những ý kiến trên thường lên án truyền hình như là một kẻ phạm tội.

Thái độ này có lý do của nó, vì nhiều nơi trên thế giới hiện nay, trẻ em xem truyền hình có vẻ như tiếp nhận một hình ảnh méo mó của thực tại.

Thời trước, trẻ em được vỗ lòng về cuộc sống bằng những câu chuyện từ những người lớn tuổi.

Trong quá khứ, khi hầu hết mọi người sống chủ yếu bằng nghề nông thì cha mẹ và ông bà là những người kể chuyện cho trẻ. Trẻ em tiếp nhận điều hay lẽ phải qua loại hình giáo dục dân gian không chính quy đó.

Nhưng ngày nay, hình thức nhập môn xã hội ấy dường như được thay thế một cách phổ quát bởi màn ảnh nhỏ. Trong một vài trường hợp, sự ảnh hưởng đầy hấp lực của truyền hình có thể lấn át cả sức mạnh và tiềm năng của nền giáo dục chính thức. Một cuộc khảo sát mới đây của Hoa Kỳ đã cho biết số giờ của một đứa trẻ xem truyền hình là 12 tiếng đồng hồ, gấp ba lần số giờ em có mặt ở trường.

Phần lớn các chương trình truyền hình mà trẻ em tiếp nhận gồm những cảnh chết chóc, bạo lực, giết người, ám ảnh và tàn sát. Điều này luôn làm cho quan điểm sống của trẻ bị lệch lạc. Chúng có khuynh hướng cho rằng đa số những vấn

đề trong cuộc sống phải được giải quyết ngay bằng phương thức bạo động.

Một câu chuyện thường được giới nghiên cứu về sự ảnh hưởng của bạo lực trên truyền hình nhắc đến: Một người cha nói cho đứa con tám tuổi của mình biết là ông nội của nó, 86 tuổi đã qua đời. Câu đầu tiên mà cậu bé tám tuổi đã hỏi là: "Ai đã bắn ông?". Trong thực tế đứa trẻ đã tiếp nhận liên tục những phim bạo động trên ti-vi, các nhân vật bị thanh toán phần lớn bằng súng. Vì vậy, nếu có người chết, người ấy chắc chắn là bị bắn.

Ảnh hưởng và Thảm kịch:

Các chương trình truyền hình với những hình ảnh bạo lực làm lệch lạc quan điểm của cuộc sống thậm chí thỉnh thoảng còn xuất hiện trong các phim hoạt hình. Hai đứa trẻ - một trai một gái ở lứa tuổi 8 và 9 ngồi trước chiếc ti vi đang trình chiếu cảnh một đôi nam nữ đang say sưa hôn nhau. Con bé gái đang xem ti vi nói với bé trai: "Đừng bỏ đi, một chút nữa họ sẽ giết nhau mà".

Dù là phim hoạt hình, các chương trình này cũng thiên về bạo động. Trong các chương trình thiếu nhi, xu hướng bạo lực dường như là hiện tượng phổ biến.

Điều đáng nói ở đây là hầu như trẻ em thích bắt chước các cảnh bạo động trên các phim mà chúng đã xem. Chúng trở nên thích chơi các trò chơi có súng đạn.

Tình trạng này bắt đầu làm cho các bậc làm cha mẹ, các nhà giáo dục và các nhà lãnh đạo xã hội phải lo ngại. Có những trường hợp trẻ em đã làm tổn hại cho chính mình và cho người khác khi chúng bắt đầu nhại theo các hành động trên truyền hình.

Thỉnh thoảng những vụ việc liên quan như thế vẫn được thông tin trên truyền thông.

Thảm kịch về một bé gái Na-Uy 5 tuổi trở thành nạn nhân cho sự bạo động của ba đứa bạn cùng lứa, hai bé trai 6 tuổi và một bé gái 5 tuổi. Vụ này tường thuật trên tờ Straits Time, phát hành ngày 20 tháng 10/1994 đã làm chấn động mạnh mẽ cho tất cả các nước Bắc Âu, khiến họ thức tỉnh về nạn bạo động trên truyền hình đối với mạng sống của thiếu nhi.

Các quốc gia này đã nhanh chóng phản ứng kịch liệt tình trạng này và họ đã lập tức loại bỏ một số chương trình truyền hình bạo động có ảnh hưởng tai hại đến tâm trí non nớt của trẻ em. Điều này đã trở thành một vấn đề của quốc gia chứ không phải là chuyện cá nhân hay riêng tư nữa.

Cuộc tranh luận về vấn nạn hiện tại: "Làm thế nào để đối phó với chương trình truyền hình bạo lực để không gây tác hại cho giới trẻ" đã trở thành vấn đề nóng bỏng khắp nơi. Trong vấn đề này, hoặc chính phủ hoặc các phụ huynh có trách nhiệm bảo đảm và ngăn chặn những chương trình có thể làm tổn hại đến trẻ em.

Nếu loài người không thể dùng phương tiện có tiềm năng lớn cho lợi ích của mình, thì quả là một sự thật đáng buồn! Khi truyền hình sử dụng không tốt, nó sẽ ảnh hưởng xấu đến khán giả người lớn.

Các phương tiện truyền thông có thể có hậu quả xấu đối với người lớn và cả trẻ em là một vấn đề có tầm quan trọng của quốc gia và cả thế giới.

Sách báo kích động:

Một dạng truyền thông khác có hại cho giới trẻ, đó là sách báo kích động. Quyền tự do phát biểu bởi sách báo ở một số quốc gia đã được sử dụng để lôi kéo độc giả. Loại báo chí này có khuynh hướng thực hiện quyền tự do phát biểu mà không có ý thức trách nhiệm nào cả.

Ở Anh quốc, việc đuổi theo chuyện giật gân đã đi đến chỗ thái quá đáng nghi ngờ. Sự tấn công không e dè vào đời tư của các nhân vật cấp cao nhất đã thuộc về các loại chuyện tai tiếng, có tính cách quấy nhiễu. Lề thói báo chí kiểu đó

chắc chắn sẽ đem lại sự suy đồi đạo đức cho độc giả, đặc biệt là giới trẻ.

Sự bối rối đời tư không nương tay của một số tờ báo như đã nói, có thể dễ bị thanh thiếu niên hiểu lầm đó là việc làm hợp lý và bình thường.

Một loại sách khác có thể nắm được độc giả thiếu nhi một cách cụ thể là truyện tranh. Loại truyện tranh này có nội dung bạo động, giết người, đánh lộn và các hành vi độc ác khác, các loại tình tiết này chiếm phần lớn của nội dung truyện.

Một lần nữa, điều đáng buồn là các truyện tranh có thể dùng rất tốt cho việc giáo dục, xây dựng nhân cách và nâng cao đạo đức của giới trẻ, thì chính nó cũng bị lợi dụng và trục lợi.

Truyện tranh

Loại truyện tranh có thể dùng một cách có hiệu quả tốt để trình bày cho thiếu nhi ngày nay, nên cho in lại những chuyện vĩ đại nhất của loài người như: Ramayana và Mahabharata (anh hùng ca của Ấn Độ) hoặc truyện tiền thân của Đức Phật (Jataka) được trình bày qua thể loại truyện tranh sẽ hấp dẫn và có ích cho giới độc giả trẻ tuổi ngày nay.

Hãy bảo vệ con cái chúng ta:

Phụ huynh, thầy cô và các nhà lãnh đạo tinh thần nên đặt các sản phẩm truyền thông này dưới sự giám sát nghiêm ngặt. Một tổ chức có trách nhiệm ở cấp cộng đồng hoặc ở cấp quốc gia đảm nhận việc đánh giá định kỳ về sự kích động của truyền thông trên thiếu nhi.

Ngành truyền thông nên được yêu cầu chấp nhận một số biện pháp tự kiểm soát để loại bỏ những sản phẩm có thể tác động xấu đến trẻ em.

Trong một xã hội mà ngành truyền thông đi vào đời sống của thiếu nhi một cách đáng ngạc nhiên, các bậc cha mẹ các nhà lãnh đạo xã hội dường như không có biện pháp hữu hiệu nào để ngăn chặn ảnh hưởng đáng nghi ngại của ngành này. Và cha mẹ chỉ biết thức tỉnh khi tác động xấu của truyền thông vào tận trong nhà của họ.

Mục đích chính của bài viết này là đề nghị biên soạn một hiến chương cho ngành truyền thông, để hướng dẫn những người có trách nhiệm trong ngành này chấp nhận một số hướng đi đúng đắn đạo đức và chuyên môn, đặc biệt là đối với những sản phẩm có thể ảnh hưởng xấu đến hành vi của trẻ em.

Đó là một nhu cầu thực sự bức thiết cho thế giới vào lúc này khi mà trẻ em khắp nơi đang gặp khủng hoảng. Các

phương tiện truyền thông toàn cầu có một vai trò chủ đạo để thi hành, nếu chúng ta muốn thấy thế hệ hiện tại của trẻ em thế giới bước sang thế kỷ 21 an toàn và không thương tổn về đạo đức.

(Trích dịch từ tài liệu: Parents & children, Key to Happiness, Xuất bản tại Singapore, 1994)



MỘT BÔNG HỒNG CHO CHA

Võ Hồng

Trong thời hồng hoang của lịch sử, con người chỉ biết có mẹ. Khởi cần tìm hiểu đâu xa, cứ nhìn các con vật thì biết: gân gỏi và hiền lành là con chó, con gà, xa xôi và hung bạo là con beo, con cọp. Sinh ra và lớn lên chỉ biết có mẹ, lúc thúc quanh mẹ. Bởi một lẽ đơn giản: khi biết mình mang thai, con cái thường sống cách ly con đực không cho lại gần.

Con người sau này thì không. Cha săn sóc mẹ khi mẹ mang thai, cha đỡ đẻ mẹ, cha giúp tay mẹ pha bình sữa, giặt giũ tã lót khi cha mẹ còn nghèo. Khi cùng đầy tháng, cha châm hương đốt đèn thành kính cầu xin Mẹ Bà và tham lam cầu khắp thần linh phù hộ cho con mau ăn, chóng lớn. Có lẽ đó là lần đầu tiên, lần trọng đại nhất trong đời mà cha trọn lòng nghĩ đến những vị thần linh. Vì con mà tin, mà khẩn, mà cầu... cho dầu mang tiếng mê tín cũng xin sẵn sàng vui nhận.

Con lên hai tháng, ba tháng, nằm ngửa hươu chân, hươu tay, mở to đôi mắt ngơ ngác, xoay đầu nhìn vu vơ sang trái, sang phải. Rồi con biết hé miệng cười, cái cười vô nghĩa nhưng đủ cho cả nhà mừng rỡ reo vui. Rõ ràng là nụ cười

của con làm nở những nụ cười xung quanh, làm rạng rỡ những khuôn mặt, xóa mờ những nếp nhăn nơi trán: lần lượt biết lật, biết bò... rồi con ngồi vững, rồi vịn tay đứng được, rồi bước những bước rụt rè. Tiếng reo vui, tiếng khuyến khích vang lên rộn ràng làm ấm ấm, trong đó có lẫn tiếng của cha.

Cha được phân công ngồi bên cho con những miếng cơm đầu tiên, cha phải la: "Ừi ừi! Coi kìa con chuột. Ăn mau chớ nó ăn hết", rồi thừa lúc con ngơ ngác đưa mắt tìm, cha đút nhanh muỗng cơm vô miệng. Hỡi ơi, từ ngày có con, cha trở thành nhảm nhí đáng thương. Con mới mở miệng ngáp, đôi mắt mới khép hờ mà cha đã vội vàng ru, ru cái kiểu nửa ngâm nửa hát vụng về mà chọn những câu nhảm nhí phù hợp với trạng thái tâm hồn của cha lúc đó:

À ơi, con gà cựa tác lá chanh...

Có thể cha giỏi nhạc, cha hát hay nhưng cha ngượng không dám nghiêm trang cất giọng, sợ người khác nghe biết cha đang tràn trề niềm vui, no nê hạnh phúc. Vả chăng mặt con ngây ngô thế đó thì cha biểu diễn nghệ thuật để chi? Cha phải ngây ngô theo, còn duỗi chân thì cha nói: "Chà! Bộ định về thăm ngoại hả?". Rờ cái đít nung núc thịt, cha bế chạy vừa nói nựng: "À, con heo ú đây. Ai ra mua!". Quả là những giây phút hân hoan cực độ. Nhưng phải chột dừng lại. Sợ người khác nghe. Phải che giấu hạnh phúc để tỏ rằng mình không tầm thường. Khi có học, cha thường phải

tạo vẻ mặt nghiêm trang. Dưới thời Nho giáo, cha được gọi là nghiêm đường. Hai mươi tuổi đậu cử nhân, đậu tiến sĩ thì phải mang bộ mặt lạnh lùng của một quan hoạn. Chỉ có người cha quê mùa mới thông dong cũng con bốn năm tuổi đi chơi nghêu ngao khắp xóm, bứt lá chuối quăn kèn. Lớn lên, cha con cùng làm lụng cạnh nhau trên sân lúa, giữa rẫy khoai. Xã hội hôm nay trí thức hơn, văn minh hơn, trong cuộc sống cha một nghề, con một nghề, ai lo phần nấy, rồi cuộc tình thương cha con trở nên lợt lạt. Tình quăn quít cha con chỉ thể hiện khi con còn nhỏ; quá bậc tiểu học, con bắt đầu lớn, bắt đầu chọn bạn là bắt đầu xa cha. Từ đó cha thường chỉ đóng vai người cung cấp tiền cho con ăn học, may sắm, nguồn kinh nghiệm khôn dại để đưa lời chỉ bảo khuyên răn. Tất cả đều chỉ là lý trí lạnh lùng.

Chứ mẹ thì không. Nghĩ đến mẹ là một chuỗi hình ảnh êm ái hiện ra: mẹ mang nặng đẻ đau, mẹ vạch vú cho bú, mẹ bồng ru ngủ, mẹ ôm hôn nựng, mẹ tập đứng, tập đi. Khỏi cần lý luận khỏi nhìn đâu xa, cứ nghĩ đến mẹ là như thấy rõ hồi nhỏ mình nằm như thế nào trong vòng tay mẹ, ỉa đái tự do trên mình mẹ và mẹ lo giặt, lo thay, quen thuộc với mùi khai, mùi thối. Với cha thì phải suy nghĩ mới thấy, bởi mọi sự thương yêu chỉ hiện rõ khi mình còn nhỏ. Bây giờ nếu may mà biết được là nhờ ngẫu nhiên thấy một người cha nào đó đang thương yêu săn sóc đứa con nhỏ của họ.

Tìm trong văn chương thì thường chỉ gặp loại:

Công cha như núi Thái Sơn

Núi này nhất định là phải lớn lắm và công cha cũng lớn như vậy. Không thấy ghi lại một nét cảm động về người cha mà chỉ phác qua một hình ảnh uy nghi, nhưng xa cách, gợi sự tôn sùng. Mọi người đều thuộc, đều đọc lâu lâu, nhưng mà thản nhiên như đọc khẩu hiệu.

Người cha quen thuộc, cha của Mẫn Từ Khiên, thì được vẽ ra là một người biết làm bốn phận: bốn phận cưới kẻ thiếp khi vợ cả chết và bốn phận đuổi kẻ thiếp đi vì Mẫn Từ Khiên bị ngược đãi. Mà cũng ngẫu nhiên mới biết được con khổ khi thấy con mặc áo rách run rẩy đẩy xe cho mình.

Người cha trong cuốn Luân Lý giáo khoa thư dễ thương hơn.

Truyện kể: Mẹ đi chợ mua về cho con trái cam. Con nghĩ đến cha làm lưng nắn nôi, liền cầm trái cam ra đồng đưa tặng cha. Cha nghĩ đến mẹ đầu tắt mặt tối ở nhà, liền cầm trái cam đem về tặng mẹ. Trái cam đi về một vòng, dài và rộng hơn sợi dây tình cảm con thương cha, rộng khắp ba lần vì thêm tình mẹ thương con, tình chồng thương vợ.

Cổ văn thường nặng nghĩa lớn, nhẹ tình riêng. Phạm Trọng Yêm, tể tướng đời Tống, sai con là Thuần Nhân chở năm trăm thùng thóc về quê. Đến Đan Dương, nhân gặp Thạch

Man Khanh là bạn cũ của cha đang bị khốn quẫn vì bị ba cái tang dồn dập. Nhân tặng hết năm trăm thùng thóc. Lại nghe hai cô con gái của Thạch Man Khanh đến tuổi mà đang ế chồng, liền tặng luôn cái thuyền. Về kể lại chuyện cha nghe. Nghe tới chỗ hai cô gái của bạn ế chồng, Phạm Hiền ngắt lời hỏi:

- Sao con không cho luôn cái thuyền?

Cuộc sống bắt cha hướng mắt ra ngoài đời, nhìn đời, lẫn lộn với đời. Mẹ thì nhìn vào trong nhà, nhìn vuông sân chái bếp, con gà, con chó, cây ổi, cây xoài và bầy con của mẹ. Con gần mẹ hơn cha là vậy. Cha lặng lẽ đi làm kiếm tiền, con đâu biết bao nhiêu gian lao cực nhọc, lo toan đối phó làm mệt mỗi gân cốt và trí óc cha. Về đến nhà tìm sự yên tĩnh, nhiều khi mang cái bức bối, cái cáu gắt từ ngoài xã hội mang về theo. Con phải len lén bỏ ra nhà sau, im lặng, càng xa càng tốt, gần như muốn xóa bỏ cái hiện hữu của mình. Sự cách xa giữa cha con thường bắt đầu nhẹ nhàng như vậy. Càng thêm xa cách bởi sao cạnh mẹ con thấy êm đềm. Ai làm ra tiền không cần biết, chỉ biết muốn nhai viên kẹo, muốn cắn trái ổi là chỉ cần tỏ vẻ với mẹ. Mua cây viết mới, sắm đôi dép mới... thấy thấy mẹ đóng vai bà tiên. Tội thân cha, cạnh bà tiên hiền, cha thành Thiên Lô; bà tiên càng hiền, cha càng thành La Sát.

Không, cha không muốn vậy. Cha thương con nhưng cuộc sống phân công, mỗi người mỗi việc. Mẹ như cọng mảnh, nhánh thấp càng gần để trái non xúm xít bầu quanh. Cha

như thân vững chắc, bám rễ thật chặt, hút nhựa nuôi hoa, nuôi trái.

Thân chia những cành lớn đâm ngang, thân vươn lên những nhánh cao phủ trên đầu che mưa che nắng. Cha cân nhắc lời nói, chỉ nói khi cần, con lớn mẹ thì càng phải nghiêm. Mẹ là tình cảm, cha là lý trí, mẹ lạc lòng cha phải giữ kỷ cương. Mẹ chín bỏ làm mười, cha phải cầm cân nảy mực. Đi vào bước trưởng thành từ mười ba, mười bốn tuổi, con càng ngày càng ngại cha, tránh cha rồi xa cha là vậy.

Nhưng đừng đơn giản, bất công, quên cái thời ta lên năm, lên mười, kéo trở thành bội bạc. Hãy nhìn những đứa ba tuổi làm nũng với cha. Bắt cha bế chạy nhong nhong. Bắt phải dắt ra cổng đứng nhìn xe cộ. Bắt phải có cha nằm cạnh quạt cho mới chịu ngủ. Lên tám, lên chín thì hay chạy tới nơi cha làm việc để đón cha cùng về. Trên đường đi phải nắm tay cha, thỉnh thoảng nhìn lên mặt cha, dấu là khuôn mặt tâm thường hay xấu xí.

Tuổi già chiếc bóng, mẹ dễ sống theo con, dâu, rể. Lúc thức sớm hôm, chăm chút tỉ mỉ, mẹ uốn mình theo nếp sống, mềm mỏng ung dung như nước. Thường cha thì không, cha ít cam khuất phục rể, dâu. Chịu sống hắt hiu, thiếu thốn, cốt tránh trước cái giả bộ nặng tai của dâu, cái im lặng cố ý của rể. Mẹ biết ý nên khi phải nhắm mắt vĩnh biệt, mẹ thường thổn thức dặn dò: "Anh ở lại nuôi con.

Gắng kiếm một người hiền lành giúp đỡ. Chớ đàn ông không chịu khổ được lâu".

Phải, tuổi càng cao, khổ càng chồng chất, đâu, rể không ăn hiếp thì có con nuôi, con kiến ăn hiếp thay. Cứ cắn, cứ chích, nạn nhân nghe đau đâu đập đó, chứ mắt mờ đâu còn thấy rõ. Nhìn lên bầu trời đâu còn thấy chòm Bắc đẩu mà mới ngày nào lững thững dắt con đi trong sân cha chỉ cho con nhìn.

Con nay đang tuổi trung niên, bận theo quyền lực, vui với vợ con, bè bạn, việc báo hiếu cho cha thường tỏ ra bủn xỉn. Nếu có ai trách hững hờ, chềnh mảng thì thiếu chi lý lẽ dẫn ra: "Được vậy còn đòi gì nữa?.... Trời ơi, thì giờ đâu! ".

Phải, thì giờ đâu? Người xưa hay nhắc phận con kíp báo hiếu bởi từ đục dưỡng nhi thân bất dãi, con muốn nuôi mà cha mẹ không chờ.

Khi con ở tuổi trung niên thì cha vào giai đoạn già yếu. Bên ngoài, ngó đâu phương cương nhưng nội tạng thường đang rệu rã. Dễ hiểu thôi mà, một đồ vật dùng đã sáu chục năm rồi thì dầu có lạc quan đến đây cũng chỉ có thể tạm nói: "Cũng còn khá". Cha thỉnh thoảng cảm thấy hơi đau nơi này, chợt nghe có cái nhéo nơi kia. Đôi hồi bỗng một vô cớ. Nhưng cha thường im lặng không nói. Những câu nói không còn cần thiết, êm ái cho con nữa khi con còn nhỏ.

Bây giờ, những câu nói đầy quấy rầy con. Đành âm thầm nghĩ đến câu vạ vật vô thường.

Sách xưa dạy: Hôn định thần tĩnh, ta dịch: "Tối viếng sớm thăm", lạt lẽo nghèo nàn nếu không có người giăng cụ thể bằng cha mẹ già thường cần đôi mắt và bàn tay con, trước và sau giấc ngủ. Đã nằm trong mùng thì lười đứng dậy để khép bớt cánh cửa, để lấy cái mền, để tìm lọ dầu. Ngủ một đêm sáng dậy, trong mình có gì thay đổi. Đó là lúc con cần hỏi han mẹ cha mới dám giải bày. Gần như mọi người con, cuối cùng đều âm thầm tự trách, lặng lẽ xót xa. Cha biết trước tâm trạng đó, phòng xa ngày nào mình từ trần con mới chợt ân hận muộn màng, nên trong mỗi bức thư gửi con, cha đều kết thúc bằng sự bằng lòng, rằng con đã học hành thành đạt và cha mãn nguyện, cha vui. Lòng vị tha, lòng hy sinh cho con kéo dài mãi sau khi nhắm mắt.

Báo hiếu đâu chỉ món quà, mà có thể đôi tháng gửi một bức thư. Nội dung đâu đòi hỏi cao siêu, chỉ cần mười dòng lược kể chuyện đã nghe, một điều vừa thấy. Thì cũng như bạn bè bạn gặp nhau, chào nhau một câu rất nhảm mà vẫn rất cần: "Đi đâu đó? Mạnh giỏi? ". Sinh nhật cha, tặng một cành hoa. Nếu ở thành phố xa, hai ba đứa gởi về hai, ba bức điện chúc mừng, tốn không bao nhiêu mà tạo được sự rộn ràng tới tấp. Niềm vui tinh thần đâu thua bữa tiệc cao lương?

Ngày Vu Lan, nhiều chùa tổ chức lễ hội bông hồng cài áo. Hoa hồng tượng trưng cho mẹ. Để tỏ lòng thương nghĩ tới

cha, nhiều nơi buộc thêm dải nơ tượng trưng cho cha. Cha còn: nơ xanh. Cha mất: nơ trắng. Lễ đường xếp thành bốn dãy, dãy cha mẹ song toàn, hoa hồng, nơ xanh. Mẹ còn, cha mất: hoa hồng nơ trắng. Mẹ mất, cha còn: hoa trắng, nơ xanh. Mẹ cha đều mất: hoa trắng, nơ trắng. Người dự lễ đứng theo hoàn cảnh của mình. Có lần, một em nhỏ tuổi chừng lên tám đứng trong hàng hoa trắng nơ trắng. Em nhìn quanh, tủi thân khóc òa và cả lễ đường cùng khóc òa theo. Cha cũng như mẹ, rồi sẽ một ngày:

Đinh hoa biểu từ khơi bóng hạc (1)

nên mỗi người con đều phải vội vàng. Trả hiếu không bao giờ đủ, không được coi là dư bởi tình cha thương con là cho chứ không phải cho vay để có thể gọi là trả đủ.

Võ Hồng



(1) Cha mẹ mất phần (Nhị thập tứ hiếu)

MỘT CÁCH BÁO HIẾU

Võ Hồng

Tuộc sống ngày một dễ thở, hôm nay nhiều gia đình đã có phương tiện tổ chức lễ mừng sinh nhật cha, sinh nhật mẹ. Ngoài những diển từ chúc tụng, chụp ảnh lưu niệm, tiệc tùng... tôi thấy nên thêm một hình thức này vào trường hợp cha mẹ đã có tuổi (đã có cháu nội ngoại): đó là mỗi người con viết lại những kỷ niệm sinh hoạt của cha, của mẹ, những kỷ niệm mà mình nhớ ơn hết, đáng nhớ ơn hết. Nhắc lại chừng vài ba chục mẫu sinh hoạt nhỏ, viết đầy cỡ vài mươi trang, nhưng có ba bốn người con là đã trở thành một cuốn vở dày rồi.

Đừng nghĩ rằng những kỷ niệm về cha mẹ thì mọi người con đều biết đầy đủ như nhau. Mà có đứa con học giỏi phải đi học trọ xa nhà, và sau đó đi làm việc nơi xa. Con gái thì tới tuổi phải xuất giá đi lấy chồng. Con trai có đứa ở theo vợ. Vậy phải mỗi người tự ghi lại những kỷ niệm thì mười phần hy vọng nhớ được bốn, năm. Những kỷ niệm được nhắc đến sẽ chung sức vẽ lại rõ ràng khuôn mặt, cá tính, những nếp sinh hoạt thường nhật của cha mẹ (và của người thân) khiến mọi người thêm gần gũi yêu thương nhau, con

muốn dốc lòng báo hiếu, cha mẹ thì thầm vui như hưởng thêm được tuổi trời.

Những kỷ niệm sinh hoạt đó, thường cha mẹ đã quên. Với các người con thì trí nhớ của người này bổ sung cho trí nhớ của người kia và những dịp sinh nhật sau sẽ cùng bổ khuyết thêm những điều trước đó chưa viết.

Thường người ta giữ kỷ niệm bằng cách chỉ cất giữ những tấm ảnh, trong khi những mẫu chuyện nhỏ như vậy mới thấm thiết, mới vẽ được đời sống toàn diện khiến cha mẹ gần gũi với ta hơn. Mà phương tiện thực hiện thì rất đơn giản, không tốn kém, không đòi hỏi kỹ thuật máy móc. Chỉ cần cây viết và mười tờ giấy. Đừng viết văn chương dài dòng, ngôn ngữ hoa mỹ. Chỉ cần nhắc gọn lại sự việc là mọi người đủ nhớ ra.

Khi tôi nhận thức ra được điều này, muốn thực hiện thì đã chậm rồi: cha mẹ tôi đều đã từ trần. Cho nên tôi mong các bạn may mắn hơn tôi hãy để tâm thực hiện liền kéo muộn. Trong những trang hồi ký kể về thời thơ ấu, có những đoạn tôi nhắc tới cha tôi. Như:

Một thể hiện tính hài hước của tính ham vui nơi cha tôi: đó là tuổi đã lớn, đã đóng vai ông nội, ông ngoại nghiêm trang, vậy mà còn chặt nạng cây ổi làm ná cao su để bắn chim. Chim là bọn kết bay ồn ào cả bầu đáp xuống cây khế lớn trong vườn. Vừa đi uốn lượn lảng vảng vừa đập cánh tíu

tít, vừa nhần những trái khế nhỏ rơi lộp độp vừa kéc kéc cái miệng rinh rả.... Cảnh đó giống một màn trình diễn trên sân khấu nhỏ. Lòng kết xanh, lá khế xanh, mỏ kết đỏ... và gió thổi từ bên sông đưa cái mát nhẹ nhàng bay lên.

Tôi chưa hề thấy cha bắn rớt một con kết, thui nướng một con kết mà chỉ nghe bay vụt bay trốn ồn ào, tiếng vỗ cánh rần rật, ném lui những tiếng kéc kéc chế diễu. Có lẽ cha thấy ngứa mắt, cha thích quậy phá như một đứa nhỏ phá đám một lũ đang vui chơi. Chưa hề nghe ai khen thịt kết thịt cò. Riêng cha thì không tiếc lời ngợi khen thịt cuốc, thịt công, cu gầm ghi, cu cườm, cu lửa....

Nếu cha tôi được đọc những dòng tôi viết! Cái cảnh vội vã đi kiếm cái ná cao su rồi vừa chạy vừa luồn lách núp mình giữa những tàu lá chuối để tới gần bầy kết, nhắm bắn và bắn trật, cái cảnh đó chắc là cha tôi đã quên khi số tuổi chồng chất và các em tôi cũng đứa nhớ đứa quên. Nếu được đọc, được nhớ lại thì cha sẽ xúc động đến dường nào. Lúc tôi tuổi đã hơn bốn mươi, một hôm nghe em gái tôi kể lại là tôi đã ghi chép: - Hồi đó cậu sáu (mẹ tôi thứ tư) cờ bạc nợ nần, ngày ông ngoại mất, các chủ nợ ùn ùn tới xiết nhà, xiết cửa. Di năm lấy chồng ở chợ Đèo, bữa đó dựng năm từ chợ Đèo xuống lò Gòm rủ cha xuống nhà ngoại để giành phần. Cha không đi, nói với mẹ:

- Xuống coi có kiếm được cái gì thì kiếm. Nếu không thì lượm về hòn đá cầm để làm kỷ niệm (hòn đá nhỏ cầm nơi tay để đập bấp).

Có thể cha tôi cũng đã quên chuyện này. Mà nếu sinh thời được đọc lại, được nhớ lại do các con mình ghi lại thì xúc động biết bao....

Trong cuộc sống, thường khi biết nên làm gì thì đã quá chậm. Nhưng chậm còn hơn là chẳng bao giờ. Vậy ta cứ viết, mỗi người con đều viết những gì mình nhớ, và ngày kỵ giỗ cha mẹ tập trung về cùng đọc cùng nghe, cùng xúc động, hồi tưởng công ơn. Các con cháu sẽ có dịp sống trong không khí đại gia đình, con nhớ thương cha mẹ, cháu gần gũi và quý trọng ông bà, một cách gián tiếp tô bồi nền móng gia tộc. Những người không quen chịu khó nhọc công ngồi viết thì cứ nói thẳng vào máy ghi âm, nói tự nhiên như khi nói chuyện, rồi thuê người chép lại.

Chớ chẳng lẽ ngày giỗ mà cũng chỉ thịt rượu ăn uống say sưa, vừa ồn ào nói chuyện thời thế chung chung, vắn nhac inh ỏi và chiếu phim để khoe sang khoe giàu? Trong khi cha mẹ đã vĩnh viễn biến thành hư vô - và trong tương lai ta cũng sẽ như vậy - thì hy vọng còn sót lại những cuốn vở. Còn chẳng dấu vết là nơi những cuốn vở ghi chép kỷ niệm này.

Võ Hồng

LỜI SÁM HỐI CỦA CHA

Võ Hồng

Đã đến lúc cha viết những lời sám hối chân thành gửi đến con. Chắc con rất ngạc nhiên. Con đang xót xa vì cha cô đơn, ân hận vì không được gần cha để săn sóc tuổi già, cũng có thể tưởng tượng cha đang nhẹ nhàng trách con... Vậy mà làm sao nghe có sự ngược đời. Con hãy nghe cha nói.

Là con gái lớn của một gia đình mất mẹ, con đã chịu bao nỗi thiệt thòi. Mẹ mất khi con mới lên chín và gia đình chỉ gồm một người cha và ba đứa con dại. Đâu có còn ai để trông cậy nhờ vả? Thường thì một người nghèo khó nhất cũng có ông hay bà, chú bác hay cô dì cậu mợ, không họ gần thì họ xa, ở kề cận láng giềng. Đàng này gia đình ta vừa định cư ở thành phố mới được một năm, chỗ láng giềng qua lại không hơn ba nhà lân cận.

Cha đi dạy học ở trường tư, lương tính trả theo giờ, nghỉ dạy giờ nào miễn trả giờ ấy. Đã vậy mà chỗ dạy đâu có gì bảo đảm. Ai cũng có thể thay thế cha được bất cứ lúc nào. Nhà trường là một cơ sở của hội Phật giáo mà má con và phía ngoại con lại là người Thiên Chúa giáo. Rồi thằng em của

con, mãi lên tám mới được chính thức đi học và phải cho học ở một trường tư thục gần nhà. Lại nhằm một trường của Thiên Chúa giáo. Cha biết có bao nhiêu khó khăn rồi rắm cứ tuần tự dệt thành tấm lưới bủa vây cha. Cứ mỗi cuối năm học là chuẩn bị nhận một bức thư "cám ơn" của Ban quản trị nhà trường. Cứ đầu năm học là hồi hộp đợi coi niên khóa này mình được phân phối cho dạy bao nhiêu giờ một tuần. Có những lần phiền muộn, cha lặng lẽ ra ngồi ở cuối sân, lần nhỏ những bụi cỏ dại. Cho quên đi, cho lắng xuống, cho tan loãng... Cha tránh không dám gặp các con ngay lúc đó, sợ đang cơn bực bội phiền muộn, nếu lỡ gặp điều trái ý mà không giữ được bình tĩnh.

Vậy mà cái "lỡ" đã xảy ra. Hôm đó cha vừa về, vừa bỏ mũ, vừa tháo nịt thì con chạy lên méc cha nghe cái gì đó. Đang uất ức vì việc ở trường, con lại gây thêm điều rắc rối nên sẵn cái nịt trên tay cha vụt con một cái. Cha vội vàng dừng lại. Nhìn con mở to mắt, mặt nhăn đau đớn... Con ơi, hình ảnh đó cứ theo mãi cha, ám ảnh cha suốt hơn ba mươi năm nay.

Có thể con đã quên, chắc chắn là con không giận, nhưng mà cha thì cha cứ nhớ. Con có lỗi, bắt nằm xuống năm roi ba roi, cách phạt đó ngó vậy mà vẫn thanh nhã vì đánh có kèm theo lời dạy, có nảy sinh lời hứa. Cái roi bẻ từ một cành cây còn dính đôi lá xanh non vẫn được nhìn như một người bạn chơi của đứa nhỏ phạm lỗi. Chớ cái nịt! -Nó được chế tạo ra hàng loạt để cột, để siết, để bó... Nó lạnh lùng, nó vô tri, nó mang dáng vẻ một dụng cụ giáo hình.

Sao cha nữ có hành động tàn bạo như vậy với con? Mới lên chín, con đã nhận trách nhiệm lo lắng cho gia đình. Con tính tiền chợ, con trả tiền điện, con đưa tiền rác, con ngó chừng em, nhắc chị Hai tắm em, tự tay bôi thuốc vào mụn lở của em. Rồi cái nhìn đi xa hơn một chút: dọn dẹp cái này cho gọn gàng, xếp đặt cái kia cho tươm tất.

Con đâu có hưởng nhiều êm đềm tuổi thơ với cha? Lúc nhỏ thì con lúc thúc bên gối ông bà. Có lẽ đó là những ngày ngọt ngào nhất của con bởi ông bà thương vô vập, đòi cái gì cũng có, muốn cái gì cũng cho. Sáu tuổi theo cha mẹ về Đà Lạt con phải một mình coi chừng em giúp mẹ. Rồi mẹ con bệnh, gia đình bị xé nát, con lại theo ông bà về quê, cha đưa mẹ xuống Sài Gòn chữa bệnh. Ba năm sau mẹ con mất, con biến thành người quản lý của gia đình.

Chín, mười tuổi là cái tuổi nhớ trước quên sau, cái tuổi miệng hay ăn vặt và hát nghêu ngao, là dần bày đồ chơi ra rồi bỏ vãi đó không đẹp, là tuổi đi chơi phố có mẹ cầm tay. Con thì không. Con phải đứng vững như một thân cây che hai cây nhỏ đứng kề. Không có mẹ nhẹ nhàng vuốt ve và nói lời dịu ngọt, không có kinh nghiệm về cái không khí yêu thương, con phải tự tìm lấy. Đi chợ qua hàng trứng vịt lộn, thấy có cái trứng quá già bị nứt phát ra tiếng kêu chíp chíp từ bên trong, con nài nỉ mua về gỡ con vịt bé xíu ra nuôi. Ngày hè năm đó cha có việc phải đi Quảng Ngãi nửa tháng, nhà vắng cha, con ghé chợ mua về một con heo nhỏ

để nuôi cho vui nhà. Săn sóc chơi đùa với heo để quên niềm cô quạnh.

Sao nữ giận con, trách con mà tàn bạo với con? Đâu có dễ để xử sự minh bạch, giải quyết rạch ròi ở đời? Thì ngay chính cha: chị Hai cầm cũng số tiền đó đi chợ mà có bữa ăn được, có bữa chẳng ra chi, nhưng cha biết nói sao? Con thúc cha nói nhưng cha cứ ngại ngùng. Sợ lỡ chị giận, chị bỏ đi nơi khác. Từ khi mẹ con mất, cha thêm rứt rề cam phận. Đã có quá nhiều âu lo và bồn phận dành cho cha rồi mà. Thằng em của con mới vừa bị sốt. Cha vẫn phải đi dạy cho hết buổi rồi đạp xe hấp tấp về nhà, kêu xích lô chở nó đi bác sĩ. Đầu năm, con Út bị chó nhà bạn cắn nơi đùi. Vậy là cha suốt đêm nằm lo lắng, mãi đến khi trở mình mới hay nước mắt đã chảy đầm đìa.

Cha có cảm tưởng là chưa bao giờ con nhận được một sự dịu dàng nào từ cha. Một người đàn ông nghiêm trang thật khó biết nên dịu dàng như thế nào. Không thể pha chế giọng nói, "biên tập" câu nói, hoa hòe điều nói. Cha chân tình thường chỉ lo nghĩ đến bồn phận nên nhiều khi quên mất sự dịu dàng. Thương yêu tha thiết trong lòng nhưng khó tìm cách nào để biểu hiện cho tinh tế, tránh xa công thức. Thành ra cha con ta sống âm thầm, cha gắng lo sao cho các con không thiếu thốn về vật chất, được đầy đủ về học vấn. Nhưng còn về tình cảm thì, mất đi người mẹ là tối sầm hết một nửa bầu trời. Cha cố gắng giữ cho nửa còn lại được sáng bằng cách ở vậy nuôi con. Nếu tục huyền, sợ chỉ

còn một phần tư còn sáng. Nhưng giữ cho được một nửa cũng không dễ, bởi bao nhiêu thiếu sót, bao nhiêu khuyết điểm phần cha! Chỉ cần một nét mặt trầm ngâm, một cái nhíu mày u uất là đủ làm tắt đi nụ cười nơi mắt các con. Chỉ lỡ dùng một tiếng la rầy hơi nặng là tiếng đó cứ đè nặng dài ngày trên tâm hồn các con.

Bức thư ân hận của nhà văn Livingstone Larnod đã làm xúc động những người cha. Người cha trong truyện đã rầy con vì cách con lau mặt, mắng con vì giày không đánh bóng, la con vì trong bữa ăn sáng đã làm đổ sữa, ngồi tù tay lên bàn, nhai không kỹ càng. Khi con chào đi học, cha lại rầy "đi thẳng lưng". Trên đường ở trường về con lại bị rầy vì chơi bi dọc đường để làm rách bít tất. Buổi tối con bước vào phòng, giọng cha còn bất bình hỏi "cái gì?", và bất ngờ con chạy lại ôm chặt cổ cha, đầy tình thương yêu rồi bỏ chạy lên gác. Người cha bất giác thấy cái tâm đại lượng của con, thấy cái hẹp hòi của mình, -con còn con nít mà cha bắt làm người lớn, cha ngồi bên giường nhìn con ngủ mà lòng đầy ân hận.

Con ơi, những cái lỗi dồn dập trong một ngày của người cha Larnod vẫn quá nhẹ so với chỉ một cái vệt dây nịt của cha. Và nhã nhặn quá, đẹp quá, cái hôn của đứa nhỏ so với cái nhăn mặt đau đớn của con. Cuộc sống của họ sung túc nên dấu khuyết điểm mà chúng vẫn thuộc loại sang, chúng như được son phấn điểm trang, như được bọc trong nhung lụa: giày đánh bóng, ngồi bàn ăn làm đổ sữa. Như nàng

công chúa đầm đìa nước mắt khóc vì một cảnh hoa héo. Phần cha con ta thì niềm đau lớn hơn, bởi cuộc sống thường ngày của một đứa nhỏ chín tuổi mồ côi mẹ đã phải mang chằng chịt những vết roi vô hình.

Mẹ con chết, cha ở vậy nuôi con, người ta khen cha và mừng cho các con. Thì cũng có đúng, nhưng mấy ai tìm hiểu sâu để thấy cho bao nhiêu cái khó khăn. Dẫu không làm ra đồng tiền đi nữa, không đẹp như á hậu, không giỏi như bà Curie, dẫu ốm đau không giúp ích được gì cho chồng cho con nhưng sự có mặt của mẹ tựa viên đường làm cho chén nước mắm thêm ngon, như ngọn gió làm cho căn phòng thêm mát. Những đêm mưa sụt sùi, những đêm gió ào ào, mưa từng trận vã rào rào trên lá cây ngoài hiên, tiếng gió rít qua khe cửa, ba đứa con chắc thềm mong có được mẹ ngồi giữa, ba đứa bu quanh, hơi ấm từ mẹ tỏa ra, bàn tay mẹ vuốt ve, tiếng nói mẹ êm nhẹ... Tất cả những cảnh đó, mỗi đứa con có thể đang nằm trong chăn mà tưởng tượng, hai đứa lớn dễ tưởng tượng hơn vì có thời gian sống cạnh mẹ, tội cho con Út, chỉ biết mặt mẹ qua tấm hình. Thiếu thốn nhiều lắm. Mùa hè ngọt ngào với đủ thứ trái cây chín bày đầy chợ: xoài, thơm, cam, mít, vú sữa... Nhưng ai nhớ cho, ai lưu ý mua giùm cho các con ăn? Cha thì chỉ lo được cái bao quát, làm được cái đại khái. Đặt vào thực tế, nhiều khi thật thà lúng túng như con rùa bị lật ngửa. Ai lại đi tin lời bà bán hàng, như mua pyjama con trai đem về cho con gái bạn. Hoặc vô tâm tới mức đi chợ Tết,

cứ tuột quần thẳng con lên bảy, mặc thử cái quần mới để trả mua.

Nhưng rồi năm tháng lặng lẽ trôi, các con lớn lên và cha già đi. Kỷ niệm gần nhất là kỳ cha bị bệnh, con chạy lo hết mọi mặt để đưa cha vào bệnh viện. Cha được thông thả không ngờ, chỉ cần làm theo lời con, đưa tay lên, hả miệng ra, co chân lại, đứng thẳng dậy, bước chầm chậm. Khỏi lo, khỏi nghĩ, khỏi cân nhắc tính toán, khỏi trù liệu trước sau. Trời ơi, sao mà dễ chịu vậy! Khỏi phải tìm đến Niết Bàn, Thiên Đường, cứ được thế này là đã hạnh phúc quá rồi. Con đang đóng vai người mẹ và cha trở thành đứa nhỏ lên bốn lên năm.

Sau một tháng lành bệnh trở về, cha nhìn những đứa nhỏ gặp trên đường với con mắt khác. Dầu nó ốm o ghẻ lở, mẹ nó vừa ốm vừa phát vô đít, dầu nó đi lững chững cha nó vừa dắt vừa la, dầu nó nằm ngo ngoe trong nôi vừa khóc ằng ặc... thì cha cũng cứ tưởng tượng vài chục năm sau đứa nhỏ đó sẽ lớn khôn, sẽ dìu trở lại người cha hôm nay, sẽ bế trở lại người mẹ hôm nay đi bệnh viện; lo lắng bữa cơm, chạy mua hộp thuốc. Chắc không đứa con nào giận cái phát vào đít, cái trót ngang lưng.

Gần đây, một cô hàng xóm có tổ chức mừng sinh nhật, bù ngùi nhớ lại mới ngày nào. Cô nói: "Mới ngày nào... hồi em lên 12 tuổi... má em tắm cho em... Da em không được trắng, "bả" cứ tưởng còn đất, "bả" cứ kỳ hoài..." Mười hai

tuổi mà còn được mẹ tắm? Lòng cha xúc động cơ hồ nước mắt muốn rơi. Vì cha nghĩ đến con, đến đứa nhỏ mới lên chín đã phải oằn vai trách nhiệm. Và đã nhận sự bất công tàn bạo của người cha, đầu chỉ một lần.

Này con, mỗi cơn mưa, nước cuốn đi chỉ bỏ sót lại một viên sỏi, nhưng sau ba mươi năm đủ thành một đồng sỏi lớn rồi. Hãy thứ lỗi cho người cha cô đơn tự xét thấy mình đầy khuyết điểm.

Võ Hồng

***Trứng rồng lại nở ra rồng
Hạt thông lại nở cây thông rườm rà
Có cha sinh mới ra ta
Làm nên thì bởi mẹ cha vun trồng
Khôn ngoan nhờ ấm cha ông
Làm nên phải doái tổ tông phụng thờ
Đạo làm con chớ có hững hờ
Phải đem hiếu kính mà thờ từ nghiêm.***

Ca Dao Việt Nam

NGHĨ VỀ MẸ

Võ Hồng

*Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ
Sân Lai cách mấy nắng mưa
Có khi gặc tử đã vờ người ôm*
(Truyện Kiều)

Tựa cửa hôm mai là lời của mẹ Vương Tôn Giả. Mẹ bảo Vương "Nhữ triêu xuất nhi văn lai" mày sáng đi mà chiều về, "tắc ngộ ỷ môn nhi vọng" thì ta tựa cổng làng mà ngóng. Hai câu mô tả lòng mẹ thương con khi con đã lớn. Trích dẫn nguyên bản để đọc lên ta xúc cảm rằng bà mẹ đó có thật.

Truyện dân gian mô tả lòng mẹ thương con thì rất nhiều. Thử lấy một. Người mẹ bị rắn độc cắn, biết mình sắp chết bỏ con, vội vã chạy về nhà, đổ lúa vào cối mà xay, đổ thóc vô cối mà giã, gấp gấp để cho có gạo để lại con ăn sau khi mình chết. Không ngờ huyền diệu đã xảy ra: dồn cả sức lực, bắp thịt đến rã rời, truyện kể rằng chất độc toát ra theo mồ hôi, thoát ra theo hơi thở... và người mẹ được cứu sống.

Còn nhớ truyện vua Salomon xử kiện? Hai người đàn bà tranh nhau một đứa nhỏ, ai cũng nói mình là mẹ của nó. Dùng đủ mọi lý lẽ mà không giải quyết yên, cuối cùng vua phán: "Đem đứa nhỏ ra xẻ hai, mỗi người lãnh một nửa". Một người đàn bà nói: "Dạ, thà như vậy cho công bằng". Người đàn bà kia: "Thôi, tôi xin nhường". Đó là lời của mẹ bạn đó, hồi bạn nhỏ đang lắng nghe tôi. Mẹ bạn cũng sẽ xử sự như vậy nếu bị đặt vào hoàn cảnh nêu trên.

Trường hợp này thì còn đáng phục hơn: Chàng Côđắc hỏi tiên nữ Ôcxana rằng đến khi nào nàng mới yêu chàng? Nàng trả lời rằng nàng sẽ yêu người nào đem tặng trái tim người mẹ... Chàng Côđắc im lặng, lòng đượm buồn và chẳng thiết gì ăn uống nữa. Nhưng rồi cuối cùng chàng cũng mang đến cho Ôcxana trái tim của mẹ mình.

*Đường dài chân mỗi mắt hoa
Vừa lên thêm cửa, chân sa ngã nhào
Tìm mẹ đập, ứa máu đào
Mà còn hỏi nhỏ "Nơi nào đau, con?"*

Hỡi ơi, chỉ có trái tim người mẹ mới vị tha tới mức vẫn cứ thương đứa con bội bạc dường kia!

Tưởng cũng nên nhìn qua vài gương mẹ hiền, dạy con nên người, xả thân vì nghĩa. Mẹ Mạnh Tử chọn lán giềng tốt, cắt đứt tấm vải đang dệt trên khung để làm bài học dạy cho

con. Mẹ Vương Lăng (1) với bài thơ tiền sử giả, mẹ Từ Thứ (2), mẹ...

Lòng mẹ đối với con như vậy, còn lòng con dành cho mẹ thì sao? Trong bốn câu thơ Đoạn trường tân thanh nêu trên, một câu đầu nói nỗi lòng người mẹ thì hai câu sau là nỗi lòng của con. Câu trước dành cho đứa con nhỏ tuổi là Hoàng Hưng, câu sau chọn tả nhân vật hiếu tử già nhất lịch sử: Lão Lai. Suốt cuốn Nhị thập tứ hiếu là 24 gương con hiếu. Nhiều gương ngang tầm với người thường, người thường làm được. Truyện Quách Cự chôn con, được chum vàng. Trời chu đáo chôn sẵn để thưởng Quách Cự, hơi khó tin đối với chúng ta hôm nay. Có vẻ như do một thi sĩ của cung đình sắp đặt dựng lên nhằm ca tụng vương khí của triều đại, thần linh và con người giao cảm tương thân. Riêng truyện Vương Thôi có khí vị đặc biệt. Mẹ Vương Thôi sợ sấm. Ngày thường Thôi ra đồng làm việc, mà hễ trời nổi cơn sấm sét là lật đật chạy về nhà cho mẹ hết sợ. Khi mẹ chết rồi, mỗi lần sấm sét là Thôi lại vội vàng chạy ra ôm mộ mẹ mà nói: "Có con đây, mẹ đừng sợ". Tâm hồn Vương Thôi có cái gì chất phác đơn giản của một người nông thôn quê mùa, khiến ta tin là hoàn toàn có thật. Và không cần cố gắng, khỏi phải lý giải, hễ đọc lên là lòng mỗi chúng ta đều xúc động rưng rưng.

Trong kho truyện cổ của ta có chuyện *Bát canh hẹ*. Một tù nhân một hôm nhìn vào mâm cơm thấy có bát canh hẹ liền khóc òa bảo người cai ngục: "Tôi biết là mẹ tôi vừa tới

thăm tôi, nhờ ông chuyển cho bát canh hẹ này. Vì hồi ở nhà mẹ tôi thường nấu canh hẹ cho tôi ăn".

Truyện kể một vị hiền giả nọ (3), một hôm phạm lỗi bị mẹ đánh. Ông khóc tức tưởi nhiều hơn mọi lần. Mẹ hỏi: "Lần này mẹ đánh ít, sao con khóc nhiều?" Thưa: "Những lần trước mẹ đánh nhiều, ngọn roi mạnh, con khóc vì đau. Lần này mẹ đánh ít, ngọn roi nhẹ, con thấy ít đau, nhưng con biết sức mẹ đã yếu, mẹ đã già, nghĩ vậy mà con khóc". Sách vở ghi biết bao nhiêu gương hiếu.

Mà nào phải lục tìm trong cổ văn mới thấy gương mẹ hiền biết cách thương con. Mẹ của người bạn cùng quê với tôi, anh Phạm Ngọc Ân, vốn không biết chữ Quốc ngữ như mọi bà mẹ thời đó. Khi Ân học vỡ lòng, anh lẫn lộn M với N, P với Q... rồi sang vẫn ngược thì càng tha hồ lẫn lộn. Cha giận, vừa nạt, nộ, vừa vụt roi. Mẹ thương con, lén đứng dòm, lẩm nhẩm nhớ để rồi bày cho con. Kết quả là bà đọc được Quốc ngữ và sau đó Ân học hành giỏi, làm tới chức thanh tra giáo dục. Ân nay đã đông vầy con cháu và mẹ già đã nằm yên dưới ngôi mộ bên sườn núi Ngân Sơn.

Chỉ không lưu ý đó thôi chớ hình ảnh mẹ con diễn ra quanh ta đầy dẫy, vạn trạng thiên hình kể sao cho xiết! Mẹ ấm con đi chợ, mẹ bồng con đi nhà thương, mẹ dắt con đi tới trường... Trên sân: gà mẹ dẫn gà con bươi rác. Trên đồng cỏ: Trâu mẹ đứng yên cho trâu con sục mồm vào bầu vú, mắt nhìn hiền từ, thỉnh thoảng liếm vai liếm lưng. Con cò

luộm thuộm vụng về, cái cổ dài ngoẵng, cặp chân lêu khêu vậy mà từ lưng chừng trời xếp đôi cánh đáp xuống nhẹ nhàng cạnh bấy con, dùng cái mỏ nhọn hoắt để sủ mồi, để rửa lông âu yếm... Tình mẹ con quả là thứ tình cảm thiêng liêng khó giải khi ta nhìn cặp mắt vàng lợt đó như thiếu vắng sự thông minh, cái cổ quá mảnh quá dài làm khó khăn biết bao cho sự dẫn truyền tình cảm.

Cho chí thảo mộc vô tình cũng gợi xúc cảm mẹ con. Cây chuối mẹ và bấy chuối con xúm xít. Cây ổi mẹ và lũ ổi con ngơ ngác vây quanh. Lũ cây con rất cần mẫn nhìn mẹ mà bắt chước, mà nhại theo hình dáng mẹ, cố gắng sao cho giống mẹ.

Trên đời không ai yêu thương ta bằng mẹ. Người tình đầu thủy chung, cũng chỉ yêu ta với điều kiện. Hoặc là ta đẹp. Hoặc là ta có tài. Mẹ thì không, xấu xí cũng thương, xấu xí càng thương như nhằm bù lại những thiệt thòi cho con, như ngầm nhận sự xấu xí là do lỗi mẹ.

Không đến nỗi quá lời nếu nói rằng với mẹ, con là tất cả. Khi có con, mẹ bình dân vạch vú cho bú, áo xống xốc xếch, quần xắn quá đùi cũng không còn thấy ngượng. Có con là như đã có đủ rồi. Không như những bạn lấy chồng năm mười năm mà chưa có con, vẫn cứ thẹn, thùng kín đáo.

Đúng, đã có đủ rồi. Vì có con, mẹ mới yên tâm, mẹ vừa hãnh diện. Con là tác phẩm tuyệt hảo của mẹ, là báu vật

thiên lương mà mẹ vẫn không hiểu làm sao mà mình có đủ khả năng tạo thành. Cái sinh vật nhỏ đó lần lần lớn lên, có trí thông minh, thân thể phát triển vẹn toàn để có thể sẽ trở thành danh nhân, trở thành vĩ nhân. Càng thêm hãnh diện, càng được đền bù bởi mẹ mang thân phận đàn bà, từ mới sinh ra đã chịu mọi thiệt thòi. Làm con gái đâu được cha mẹ chiều bằng con trai. Lớn lên phải phụ tay trong bếp, dọn dẹp trong nhà. Sự thiệt thòi đeo đẳng suốt đời chỉ vì là thân phụ nữ. Luân lý thời xưa khắc nghiệt bắt người đàn bà không được bước đi bước nữa, phải ở vậy thờ chồng nuôi con. Trãi bao cuộc chiến tranh, bao nhiêu góa phụ chôn vùi tuổi thanh xuân, đến khi nhắm mắt xuôi tay là coi như xóa sạch cuộc đời, vĩnh viễn không còn dấu vết. Cho dầu có được sắc chỉ "Tiết hạnh khả phong" hoặc dây vòng hoa và bài ai điếu.

Rốt cuộc dường như niềm vui lớn nhất trên đời là khi sinh được đứa con. Tình yêu chồng dần dần sót qua con và nếu gặp trường hợp đờn đau phải hy sinh đời mình để cho con sống thì hầu như mọi người mẹ đều nuốt nước mắt nhận cái chết về mình, ít cần lưỡng lự.

Nước ta có hai bậc quần thoa xuất chúng. Bà Trưng và bà Triệu, được ca ngợi là cân quốc anh hùng, hào quang xuyên suốt lịch sử. Nhưng không thấy sử ghi là hai bà có được đứa con. Khiến có hôm xúc cảm nhìn cảnh mẹ con vui vầy của những bà mẹ, "mẹ của Quỳnh Chi, Thanh Hải, Nhật Thành... Tôi chợt ngậm ngùi nghĩ đến hai bà:

*Tôi chợt nhớ về Bà Trưng, Bà Triệu
Chưa một lần được nói tiếng "con ơi!"
Ồi nghĩa lớn, xả thân mình lo liệu
Phần ấm êm: xin nhường hết cho người.*

Phần ấm êm là đứa con, là tình mẹ con, dấu rằng thế tục tầm thường nhưng không phải dễ mà có được.

Tôi, thuở ấu thơ không được sống gần mẹ, đã vậy mới mười một tuổi mẹ đã từ trần. Theo cha đến chùa một lần là nhân lễ mãn tang mẹ. Lớn lên mới biết là lễ Vu Lan báo hiếu nên cứ mỗi lần xé tờ lịch nhìn thấy ghi tháng Bảy âm lịch là lòng u hoài nghĩ đến mẹ. Có một thói thúc nhẹ nhàng, một háo hức tiềm ẩn muốn được làm một cử chỉ báo ân. Nhưng mẹ đâu còn? Đành tìm trong chỗ bạn quen thân có ba người còn mẹ già, ngày Vu Lan tự tay đem một tặng vật nhỏ, gọi là góp lời cầu nguyện cùng bạn. Rồi âm thầm nghĩ đến tích Mục Liên Thanh Đề, nhớ đến quê hương xa cách, ngôi chùa làng vắng vẻ tịch liêu. Đến ngôi mộ của mẹ tôi, của bác tôi, của ông bà tôi nằm rải rác quanh hiu nơi sườn núi cuối thôn. Đến những vị xuất gia đã cắt ái từ thân, giờ này đang trì chú hộ niệm. Nhưng cắt ái từ thân đâu có nghĩa là không nghĩ đến mẹ? Đại Đức ơi, thầy nghĩ đến mẹ tha thiết như thế nào? Hòa thượng ơi, ngài nghĩ đến mẹ bồi hồi như thế nào?

Hiện rõ mái đầu bạc phơ của Hòa thượng, chân mày sợi dài trắng xóa, dáng đứng như chỏm núi cao. Như đỉnh Hy mã

Lạp Sơn tuyết phủ. Đỉnh núi tuyết uy nghi có biết báo ân mẹ không? Những bụi sim quây quần dưới chân núi rì rào nhớ mẹ. Mẹ là hột sim do con chim bay qua thả rơi xuống đất. Cây bồ đề cổ thụ thân lớn mấy người ôm, tàn lớn phủ sườn núi cũng xào xạc nhớ mẹ. Mẹ là hột bồ đề rất nhỏ ngẫu nhiên ngọn gió bay mang tới. Nhưng hùng vĩ như Hy Mã Lạp Sơn thì mẹ là ai? Tôi đành âm thầm lắc đầu vừa tưởng như nghe âm âm những chuyển động tạo sơn quần quai dựng nên dãy núi. Thành ra núi cô đơn.

Ở nhiều nước văn minh trên thế giới, người ta thỏa thuận lấy một ngày trong năm (4) đặt là Ngày lễ Mẹ (Mother's day). Vào ngày đó, các con dẫu ở xa cũng gắng tụ hội về quanh mẹ, dâng hoa tặng quà, đọc lời chúc tụng và vui vầy tiệc tùng. Trên ngực áo mỗi người con rực rỡ một đóa cẩm chướng màu đỏ. Những người con nào mà mẹ đã qua đời thì lạnh lẽo nơi ngực áo một đóa cẩm chướng màu trắng. Ở ta, từ thập niên 50 nhiều địa phương nhân ngày lễ Vu Lan đã tổ chức nghi thức bông hồng cài áo: ai còn mẹ thì được gắn một hoa hồng đỏ, ai mất mẹ, thì một đóa hồng trắng. Một cách để nhớ mẹ, để tôn vinh mẹ, để mừng mẹ còn tại thế, để xót xa nghĩ đến mẹ đã qua đời.

Bản thân người mẹ Việt Nam không đòi hỏi được tôn vinh. Vào thế hệ tôi, người mẹ gần như chỉ lúc thức ở nhà dưới, nhà ngang, lắng xặng suốt ngày và hạnh phúc với muối dưa, với con cháu. Cha già được thông dong ngồi hút thuốc, được thưởng thức tách trà sớm, được nhấm nháp ly rượu

buổi hoàng hôn, chớ mẹ thì gần như không biết hưởng thụ là gì. Cả ngay khi số tuổi chồng chất, đóng vai bà nội, bà ngoại. Có một thời gian, láng giềng tôi là một gia đình giàu. Khi người vợ sinh đứa con lên bốn tháng, người ta nhấc về quê nhờ bà kế mẫu già, nghèo, tới coi sóc giùm nhà. Một hôm qua khung cửa tôi thấy bà ngồi vá quần cho đứa nhỏ. Tôi ngạc nhiên bởi hồi đứng nhìn. Trẻ con dưới một tuổi lớn mau, quần áo vải mới, mặc không vừa nữa thì bỏ một chỗ, quần áo vải cũ, rách thì ném làm giẻ lau, ai hơi đâu neho mắt ngồi vá? Thôi, hiểu rồi, tâm lý người mẹ, người mẹ nhà quê, người mẹ nghèo, tần tảo, quên mình, người mẹ của thế hệ tôi đó. Thời nay có khá hơn, có biết vị kỷ hơn, nhưng có được bao nhiêu người con, đâu đã thành đạt, nhớ đến Ngày lễ Mẹ? Nhiều bà mẹ tổ chức lễ kỷ niệm sinh nhật cho con hằng năm, có chụp hình... Nhưng này các con, sao sinh nhật mẹ, các con không gom một bó hoa - ngắt hoa dại trong vườn ngoài rào cũng được - sáng sớm trao tay mẹ? Nếu mắc cỡ không nói được thì có thể viết trên mảnh giấy nhỏ: "Con mừng sinh nhật Mẹ" chẳng hạn. Đó, vì đa số các con vô tâm mà phải mượn lễ Vu Lan để cài một đóa hồng.

Nhưng rằm tháng Bảy không phải chỉ là ngày nhớ mẹ, báo ân không chỉ có báo ân mẹ. Còn phần hiếu thảo dành cho cha. Rộng hơn, dân tộc ta còn nhận ngày này là ngày xá tội vong nhân, chú nguyện cho thập loại chúng sinh vừa mở rộng lòng bố thí cho người nghèo khó nơi dương thế. Lòng

nhân ái tựa biển, tràn khắp bao la trong tiếng chuông ngân vang ngày lễ.

Hãy thương yêu mẹ hết lòng, săn sóc ân cần, hầu hạ triu mến, nhất là khi mẹ già yếu bệnh hoạn xấu xí bần thủ. Hãy nhớ lại thuở mình còn nhỏ, mặt mũi chưa được trơn láng như hiện giờ, ỉa đái ngay trên mình mẹ, và khi lên năm lên mười mẹ phải chịu nhịn phần mẹ để mua món ăn ngon, sắm cái áo đẹp cho mình. Hãy xúc động sùi sùi mà cầm tay mẹ, nhìn mặt mẹ, theo dõi bước đi dáng ngồi của mẹ. Không như tấm lịch đẹp treo tường, tấm năm sau sẽ thay tấm năm trước, không phải như cái bàn gỗ mộc sẽ cứ đứng mãi đó nếu ta không tự ý phế bỏ. Mẹ thì không, dầu ngó vững chắc nhưng sự sống vốn dễ rung rinh, chẳng chóng thì chầy, rồi cũng tới một ngày - thậm chí có thể chỉ trong thoáng chốc - ta sẽ chỉ còn thấy được mẹ trong trí nhớ

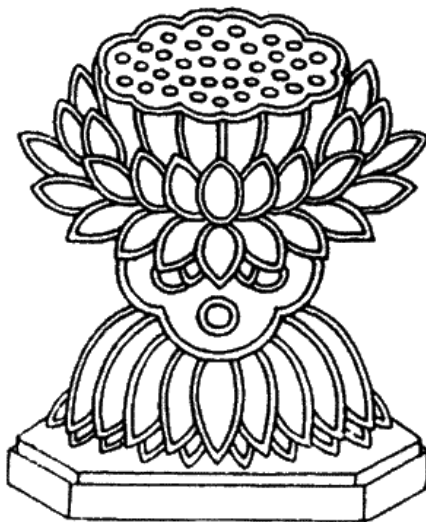
Võ Hồng

(1) Vương Lăng, người đất Bái là hào trưởng trong huyện, Hán Cao Tổ lúc còn hàn vi quý Vương Lăng như anh. Khi Cao Tổ khởi binh, Vương Lăng đem quân phụ trợ. Hạng Vũ buộc mẹ Lăng phải dụ Lăng về với mình. Mẹ Lăng tiến sớ giả, khóc nói: "Nhờ ngài nhần giùm Lăng một câu: Hãy cứ hết lòng theo phò Hán Vương, đừng vì ta mà sinh nhị tâm". Nói xong cầm gương tự đâm chết (Hán sử).

(2) Từ Thứ quê ở Dĩnh Châu là bậc kỳ tài theo phò Lưu Bị. Tào Tháo mời mẹ Từ Thứ đến Hứa Đô tiếp đãi trọng hậu và khuyên bà viết thư gọi Từ Thứ về giúp Tào. Bà lớn tiếng mắng Tào là phản tặc rồi ném nghiêng mực vào mặt Tháo. Tào Tháo muốn giết nhưng tả hữu can. Sau đó mưu sĩ của Tháo đã giả nét bút của bà viết thư cho Từ báo tin mình bị giam cầm và gọi Từ Thứ về hàng Tào. Vì hiếu, Từ Thứ về Hứa Đô gặp mẹ. Biết cả mẹ con cùng bị lừa, bà đã uất hận mắng Từ là ngu phu không biết phân biệt giả chân rồi quay khuất sau bình phong treo cổ tự ái.

3) Hàn Bá Du.

4) Ngày chủ nhật thứ nhì của tháng năm



ĐỔI CẢ THIÊN THU TIẾNG MẸ CƯỜI

Trần Trung Đạo

*Nhấc chiếc phone lên bỗng lặng người
Tiếng ai như tiếng lá thu rơi
Mười năm mẹ nhỉ, mười năm lẻ
Chỉ biết âm thầm thương nhớ thôi*

*Buổi ấy con đi chẳng hẹn thề
Ngựa rừng xưa lạc dấu sơn khê
Mười năm tóc mẹ màu tang trắng
Trắng cả lòng con lúc nghĩ về*

*Mẹ vẫn ngồi đan một nỗi buồn
Bên đời gió tạt với mưa tuôn
Con đi góp lá nghìn phương lại
Đốt lửa cho đời tan khói sương*

Tiếng mẹ nghe như tiếng ghen ngào
Tiếng Người hay chỉ tiếng chiêm bao
Mẹ xa xôi quá làm sao với
Biết đến bao giờ trông thấy nhau

Đừng khóc mẹ ơi hãy ráng chờ
Ngậm ngùi con sẽ dấu trong thơ
Đau thương con viết vào trong lá
Hơi ấm con tìm trong giấc mơ

Nhấc chiếc phone lên bỗng lặng người
Giọng buồn hơn cả tiếng mưa rơi
Vì mà tôi đổi thời gian được
Đổi cả thiên thu tiếng mẹ cười.



MẸ TÔI

Võ Đại Sinh

Ba tôi qua đời cách đây 4 năm. Mẹ tôi mất cách đây đúng 4 tháng. Cả hai đều ra đi sau một thời gian khá dài cầm cự với cơn bệnh, ở tuổi 89. Mối ngày nào đây, khi chùa Quảng Đức dời về trụ sở mới ở Fawkner, nhân ngày báo hiếu Vu Lan, thầy Tâm Phương còn trao cho tôi đóa hoa hồng, lòng tôi vừa vui mừng vừa lo. Mẹ tôi đã ra vào bệnh viện khá nhiều lần trong 2 năm qua. Ngày Ba tôi mất, điện thoại từ Việt Nam báo tin vào lúc nửa đêm. Từ đó cứ mỗi lần điện thoại reo vào nửa khuya là tim tôi hồi hộp lạ thường. Tôi đang lo một điều khó tránh thoát được, mẹ tôi càng ngày càng yếu đi và có thể ra đi bất cứ lúc nào...

Một đêm, sau tiệc cưới, về nhà, tôi được điện thoại từ Việt Nam sang báo tin mẹ mất. Ngày được tin Ba mất, nước mắt tôi chảy dài. Hôm nay, mẹ mất, nước mắt tôi không rơi, nhưng sao lòng tôi như đang chết lặng, tim tôi như ngừng đập. Ba mất, một mất mát quá lớn. Mẹ mất, một mất mát hình như to tát hơn. Không hiểu đó có phải là tâm trạng chung của mọi người, hay của chỉ riêng tôi, vì tư chất và hoàn cảnh quá đặc biệt của mẹ tôi.

Hình như mẹ tôi cũng có được sống qua một thời gian ngắn đầy đủ, sung túc. Nhưng đó chỉ là chuyện tôi nghe kể lại, lúc tôi chưa chào đời, và khoảng thời gian đó quá ngắn, không để lại một dấu tích, một ấn tượng nào trong tiềm thức tôi. Bây giờ, mẹ mất, cố nghĩ, cố đào sâu ký ức... tôi thật không nhớ được mẹ tôi có ngày nào được sung sướng.

Không biết các anh chị em tôi như thế nào, chớ riêng phần tôi, bất cứ một thành công nào trong cuộc đời tôi, dù lớn, dù nhỏ đều được trả giá bằng sự hy sinh của mẹ tôi. Một người đàn bà mù chữ, nghèo khó, trong hoàn cảnh của mẹ tôi, làm được việc gì để giúp cho sự khôn lớn, thành công của 8 đứa con, ngoài chấp nhận cuộc sống làm thuê, ở mướn. Tôi học trung học ở Gò Công, mẹ tôi ở mướn ở Gò Công. Tôi lên Sài Gòn học đại học, mẹ tôi lên theo tiếp tục nghề ở mướn ở Sài Gòn. Nhục nhằn mẹ tôi gánh chịu trong thời gian ở mướn ở Gò Công tôi không được biết. Những chịu đựng của mẹ tôi trong thời gian ở mướn ở Sài Gòn tôi trực tiếp chứng kiến, cùng chia xẻ, chịu đựng với mẹ tôi. Vui buồn của mẹ con tôi trong thời gian nhục nhằn đó tùy thuộc trọn vẹn vào buồn vui của 3 ông chủ con. Con nhà giàu, từ Gò Công, lên Sài Gòn học, tiền bạc dư thừa, 3 cậu tha hồ làm mưa làm gió. Và mưa gió đó đã vùi dập cuộc sống của mẹ con tôi.

Tôi ra trường năm hai mươi ba tuổi. Mẹ tôi chấm dứt cuộc sống hai mươi ba năm ở mướn, thì hình như đã quá trễ. Nghèo khó đeo đẳng quá lâu... đã khiến mẹ tôi luôn sợ nghèo, sợ khổ, không quen sống cuộc sống đầy đủ tiện

nghi. Ở mướn thời gian quá dài đã khiến mẹ tôi quen thuộc với chịu đựng, gọi dạ, bảo vâng... đến không dám nhờ vả, sai khiến bất cứ ai, dù rằng anh chị em tôi lúc đó đã có đủ khả năng lo cho Ba Mẹ tôi đủ ăn đủ mặc, dù rằng lúc đó, quanh mẹ tôi có hàng chục con cháu sẵn sàng lo lắng, phục vụ! Ngay cả trong lúc bạo bệnh, thời gian ngắn chị em tôi túc trực nằm vây quanh giường bệnh, mẹ tôi cũng ngại ngùng chẳng dám làm phiền con, dâu, nửa đêm, nhẹ nhàng lén đi tiểu, tiểu một mình...

Năm 1974, tôi cưới vợ. Với địa vị xã hội và sự quen biết của tôi ở thời điểm đó, đám cưới tôi được tổ chức lớn lắm, lớn nhưt quận Hòa Đồng, theo như nhiều người kể lại. Ba mẹ tôi lo lắng thật nhiều, nhưng khổ nhất là mẹ tôi, vì thương con, cũng vì thương con, đã bỏ ra hàng tuần để tập đồ đi đồ lại tên mình, chuẩn bị ký tên vào tờ hôn thú cho vợ chồng tôi trong ngày trọng đại đó. Khổ cho người mẹ mù chữ, thương con của tôi. Mẹ tôi ngại cho tôi, nhưng tôi thì không. Tôi luôn hãnh diện vì mẹ tôi, vì sự mù chữ của mẹ tôi! Đức Đạt Lai Lạt Ma ca tụng người mẹ vĩ đại của Ngài vì những hy sinh chẳng đáng gì đâu, nếu so với sự hy sinh của mẹ tôi! Tôi không biết diễn đạt thế nào cho đầy đủ về sự hy sinh của mẹ tôi, cho xứng đáng với sự hy sinh của mẹ tôi. Điều chắc chắn là, với tôi, mẹ tôi vĩ đại hơn mẹ của Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Ngày mẹ tôi mất, tôi được tin quá trễ, vào lúc nửa đêm thứ Bảy. Ngày Chủ Nhật không làm được việc gì. Sáng thứ Hai

tôi phải bay vội về Việt Nam qua một đêm chờ đợi ở phi trường Singapore. Trên phi cơ tôi đã vội vàng chuẩn bị bài diếu văn khóc mẹ. Đường bị kẹt ở cầu Long An khá lâu, về đến nhà vào ngày thứ Ba, chỉ còn 5 phút nữa đến giờ động quan. 5 phút ngắn ngủi chỉ đủ cho tôi vấp vấp mẹ trước quan tài. Diếu văn khóc mẹ do vậy đã không được đọc, dù rằng tôi thêm được khóc với mẹ tôi lần tiễn biệt cuối cùng. Tôi thêm nói cho mẹ tôi biết cảnh tang tóc của tiểu gia đình tôi ở nơi tha hương khi được hung tin. Tôi thêm nói cho mẹ tôi biết về sự đau buồn, thâm lương của 3 đứa con tôi, Đoan Trang, Việt Nam, Khoa Nam, khi được tin Bà Nội mất.

Chiều chiều, từ ngày trở lại Úc sau đám tang mẹ, trên căn gác lửng nhà tôi, nhìn chim bay từng đàn, tôi thật sự không biết chúng đang bay từ đâu, định đến hướng nào, nhưng tôi chắc chắn là chúng đang trên đường về với mẹ, về quê mẹ. Khi mẹ tôi còn sống, tôi về Việt Nam mỗi năm đôi, ba lần. Từ khi mẹ tôi mất, quê hương Việt Nam vẫn còn đó, nhưng lòng tôi không còn nao nức muốn về thăm nữa. Hình như khi mất mẹ, sự gắn bó với quê hương cũng mất theo với mẹ. Thầy Nhất Hạnh trong quyển bông hồng cài áo khi nói về Mẹ đã viết "*Tôi thấy tôi mất Mẹ, mất cả một bầu trời*". Còn tôi, từ ngày mất mẹ, tôi mất cả quê hương, mất luôn cả đường về!

Võ Đại Sinh

Ý NIỆM VỀ MẸ NHÂN NGÀY VU LAN BÁO HIẾU

Tiến sĩ Lâm Như Tạng

Trong người ai cũng có đấng sinh thành là CHA MẸ. Đặc biệt nhân mùa Vu Lan báo hiếu này tôi xin được nói về Mẹ như một bó hoa tưởng niệm Mẹ tôi vừa mới qua đời tại Việt Nam ngày 01/03/1996.

Khi đề cập đến Mẹ trong ngôn từ tiếng Việt ta thử so sánh với nhiều ngôn ngữ khác nhau gọi Mẹ như thế nào và thử tìm xem có từ nào mà toàn thể các dân tộc trên thế giới này có tiếng gọi chung về Mẹ hay không?

Mẹ trong văn hóa và tập tục của Đông Phương và Tây Phương như thế nào? Mẹ trong kinh điển Phật Giáo, và phương pháp báo hiếu ra sao?

I. Danh từ MẸ

Trong tiếng Việt gọi MẸ là người đàn bà đã sinh ra ta. Trong đó bao gồm ý nghĩa mười tháng cưu mang chịu không biết bao nhiêu điều cực nhọc cho đến ngày khai hoa nở nhụy và nuôi nấng dạy dỗ con đến khi khôn lớn nên

người. Những thâm ân đó chỉ khi nào chúng ta nuôi con mới biết được công ơn của Cha Mẹ. Như đức Khổng Tử đã nói: "dưỡng tử phương chi phụ mẫu ân" (khi nuôi con mới biết được công ơn của cha mẹ).

Danh từ MẸ ấy tiếng Tây Ban Nha gọi là Madre, tiếng Ý cũng gọi là Madre. Tiếng La tinh là Mater. Tiếng Anh là Mother. Tiếng Đức là Mutter. Tiếng Pháp là La Mère. Tiếng Hy Lạp là Mitera. Tiếng Nga là Mat. Tiếng Iran là Modar. Tiếng Trung Hoa là Mouchan.

Tiếng Ấn Độ là Mata. Tiếng Nhật là Okaasan. Tiếng Ả Rập là Waldetak.

Kể cả tiếng Việt tất cả mười bốn ngôn ngữ vừa nêu trên hầu như là đại đa số các dân tộc trên thế giới ngày nay đang dùng những ngôn từ đó. Trừ tiếng Nhật và tiếng Ả rập có âm vận riêng còn mười hai ngôn ngữ còn lại âm vận na ná giống nhau và đều bắt đầu bằng mẫu tự "M".

Có điều tôi muốn nhấn mạnh ở đây là tất cả các nước trên thế giới đều có ngôn ngữ riêng, thế nhưng khi nói danh từ MAMA tất cả đều biết đó là MẸ. Làm sao tôi có thể cả quyết điều đó. Bởi vì chính tôi đã tiếp xúc trực tiếp với mấy chục người nói những ngôn ngữ hoàn toàn khác nhau nhưng khi hỏi danh từ MẸ trong ngôn ngữ họ tất cả đều gọi là MAMA. Tôi chưa thỏa mãn. Vì tôi biết từ đó không phải là ngôn ngữ chính gốc của họ nên lần lượt họ mới cho tôi

biết từ chính gốc trong ngôn ngữ riêng biệt của mỗi dân tộc. Thế nhưng tại sao lại có một từ phổ thông như thế. Theo tôi nghĩ là tiếng nói bập bẹ đầu tiên của một đứa bé vừa tập nói mà ra rồi thành ra tiếng nói phổ thông bất thành văn trong dân gian của mỗi dân tộc mà thành. Trừ danh từ MAMA là MẸ vừa nói ngoài ra không có một từ nào có tính phổ thông như thế cả. Như vậy đủ chứng tỏ MẸ là thiêng liêng cao cả không có người nào hoặc vật gì khác có thể sánh bằng MẸ. Khi nghĩ về công sanh thành dưỡng dục đứa con mà nói, ngay cả CHA cũng không bằng MẸ. Vì chỉ có thân thể người MẸ mới có thể thai nghén và sinh con ra được mà thôi.

II. MẸ trong xã hội Đông Phương

(trường hợp điển hình của Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản)

A/ Tại Việt Nam

Mẹ là người mười tháng cưu mang, ba năm bồng bế, sau đó là giáo dục cho con nên người hữu ích trong xã hội như trong Chinh Phụ Ngâm đã nói:

*Mẹot búi thiệp đã hiếu nam
Dạy con đèn sách thiệp làm phụ thân*

Hai câu thơ trên còn nói lên bốn phận, công lao của người mẹ đối với con với chồng trong gia đình Việt Nam.

Cha mẹ là chỗ dựa tinh thần và là cây cổ thụ để con nương nhờ về vật chất:

*Gió đưa cây cửi lý hương
Con xa cha mẹ thất thường bữa ăn
(không rõ tác giả)*

Hoặc là:
*Có cha có mẹ thù hơn
Không cha không mẹ như đèn đút dây
(Ca dao)*

Hay là những câu thơ sau đây đã nói lên được một phần công ơn của người mẹ.

Trong thời kỳ đầu của sự thai nghén người mẹ phải chịu:

*... Sự buồn nôn của thời kỳ đầu thai nghén
Mặt mày xanh choáng váng lúc chiều về
Mắt tối sầm dù nắng đẹp trưa hè
Những thú vui không màng mơ tưởng đến
(thơ Như Tạng)*

Khi bào thai trong thời kỳ phát triển trong cơ thể người mẹ:

*... Mỗi ngày con mỗi lớn
Đa càng theo ngày tháng bước nặng dần
Cử kiêng từng hành động lần thức ăn
Đêm trần trọc dáng nằm ngời khó nhọc
(thơ Như Tạng)*

Nỗi lo lắng và đau đớn của người mẹ trong lúc sinh nở:

*... Nỗi lo của người gần sinh nở
 Những cơn đau quặn quại vỡ người
 Kịp đến khi nghe con khỏe chào đời
 Hồn nhẹ nhõm cơn đau dường dừng lại
 (thơ Như Tạng)*

Công lao của người MẸ nuôi con và lo giáo dục, lo tương lai cho con mình:

*Và con sẽ lớn lên người dạy bảo
 Nuôi nấng, nâng niu, ấp ủ, đổ dành
 Vì tương lai MẸ lo lắng tảo tần
 (thơ Như Tạng)*

Biết bao nhiêu là thơ, nhạc, văn chương nói về MẸ. Nào là ví lòng MẸ như biển rộng bao la, như trời cao không cùng tột... Bài nào nói về MẸ cũng hay, cũng réo rắt, cảm động dễ đi vào lòng người. Bởi vì nói về MẸ là nói về tình thương, mà tình thương thì bắt nguồn từ cõi lòng chân thật và sâu lắng nhất của tâm hồn mình. Do đó nói về MẸ là nói về những gì mình có kinh nghiệm sống thực, những xúc động chân thành những suối nguồn êm dịu trong lành mát mẻ nhất. Vì thế cho nên những bài thơ, nhạc... viết về MẸ đều hay và cảm động.

Vì ân trọng đối với MẸ như thế nên ngày xưa trong xã hội Việt Nam không được làm đám cưới hoặc người vợ không được có thai trong lúc thọ tang CHA MẸ.

Trong sách "Hải Dương Phong Vật Chí" của Trần Đạm Trai có ghi: "Cổ thời trọng đạo hiếu đến nỗi luật pháp cấm vợ có thai trong khi tang chế, đến thời Lê Thánh Tông mới bỏ lệ ấy, nhân vì có người tỉnh Hải Dương, huyện Đường An, xã Thời Cử tên là Nguyễn Kim An, thuở nhỏ hàn vi, thời Hồng Đức (1470-1497) làm lính chầu trong cung. Vua thấy có tài cho về đi học, 22 tuổi đỗ Hương cống, rồi thi hội thi đình đỗ Bảng nhãn (học vị của người thi đỗ thứ hai, sau Trạng nguyên trong khoa thi đình). Được bổ làm quan, ít lâu, về cư tang, giữ trọn ba năm đạo hiếu thì mất, không có con trai, vua cảm thương, từ đó bỏ lệ kia".

"Các triều vua thường khuyến miễn thuần phong mỹ tục vẫn nhắc nhở đạo hiếu, như lệnh vua Lê Huyền Tông ra ngày 11 năm Cảnh Trị thứ ba (1665) cho tỉnh biển những người có hiếu hạnh, trong biển ghi tên tuổi quán chỉ người được khen thưởng và nói rõ duyên do có hiếu hạnh như thế nào) (Lê Triều Chiếu Lệnh Thiện Chính). Lệnh vua Hàm Nghi năm đầu (1884) ban thưởng biển son khắc bốn chữ vàng HIẾU HẠNH KHẢ PHONG cho những người có tiếng hiếu hạnh (Đại Nam Điều Lệ)". (theo sách Đất Lề Quê Thói của Nhất Thanh, 1992).

Những gương hiếu thảo ngày xưa nhiều khi đã phải hy sinh thân mình để cứu mạng cha mẹ. Trong sách "Việt Nam Văn học Toàn thư" của Hoàng Trọng Miên có ghi trường hợp: "Lãnh Tào người làng Tuần Lễ tỉnh Nghệ An, chống đối triều Minh Mạng. Lê Văn Duyệt được cử làm Tổng trấn Nghệ an để dẹp Lãnh Tào, bị Tào lừa, ngang nhiên đem quân lính tới dinh trấn giả làm đi thanh tra; Lê Văn Duyệt dụ hàng, tâu vua cho làm quan, Tào không chịu, chỉ ứng thuận vàng bạc rồi đi. Sau đó Lê Văn Duyệt sai lính bắt giữ mẹ và vợ của Tào. Vì thương mẹ mà Tào phải ra hàng...".

Năm 1962 thầy Nhất Hạnh cho ra đời tác phẩm *Bông Hồng Cài Áo* rất nổi tiếng và rất thành công trong mục đích cổ vũ cho Ngày Mẹ nhằm ngày Vu Lan rằm tháng Bảy âm lịch. Hiện nay ngày rằm tháng Bảy đã hiển nhiên trở thành ngày Mẹ của người Việt Nam. Trong ngày ấy hoa hồng được cài cho người có diễm phúc còn mẹ và hoa trắng cho những người mà mẹ đã qua đời.

Theo truyền thống Đông Phương thì hiếu đứng đầu trăm hạnh lành như trong Nhị Thập Tứ Hiếu Diễn Âm của Lý Văn Phức có câu:

Chữ hiếu hạnh niệm tròn một tiết

Thời suy ra trăm nét điều nên

Người bất hiếu nghĩa là đối xử không tốt với đấng sinh thành của mình thì khi ra đời không còn ai tin tưởng người

ấy nữa. Do đó mà trăm sự trăm việc sẽ đổ vỡ, không thể thành công trên đường đời dù là việc nhỏ hay việc lớn.

B/ Tại Trung Quốc

Trường hợp Trung Quốc ngày xưa có nhiều điểm giống Việt Nam trong những câu chuyện về hiếu đạo. Còn cha mẹ tại thế để được phụng dưỡng là một niềm vinh hạnh và là nỗi vui sướng trong đời:

Nhất nhật đại dưỡng bất di Tam Công hoán

(Còn được nuôi cha mẹ ngày nào thì dầu cho đổi lấy chức Tam Công cũng không màng. Tam Công là ba chức quan lớn nhất của chế độ quân chủ ngày xưa: Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo).

Nhiều người khi mẹ mất làm nhà bên cạnh mộ mẹ ở để nhang khói cho đến lúc mãn tang.

Quan niệm của nhà Nho rất nghiêm khắc về hiếu hạnh. Đạo làm con lúc còn nhỏ phải kính cẩn vâng lời cha mẹ dạy bảo, hầu hạ cha mẹ. Khi lớn khôn ra đời thì lo phụng dưỡng ngọt bùi ấm lạnh cho cha mẹ.

Trong truyện Kiều Nguyễn Du cũng đã nhắc đến phong tục báo hiếu của người Trung Hoa qua điển tích Lão Lai, người đã bảy mươi tuổi vẫn mặc đồ hoa hòe sắc sỡ ra sân múa hát cốt làm cho cha mẹ được vui lúc tuổi già bóng xế:

*Sân Lai cách mấy nắng mưa
Có khi gốc tử cũng vừa người ôm
(Kiều)*

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh phẩm Hành Do có nói đến hiếu hạnh của Lục Tổ Huệ Năng. Trước khi ngài đi tu, cha mất sớm, mẹ góa con cô, hằng ngày ngài phải gánh củi ra chợ bán để kiếm tiền phụng dưỡng mẹ.

C/ Tại Nhật Bản

Trường hợp Nhật Bản trong truyện cổ tích có câu truyện của người con hiếu thảo như sau: ngày xưa trên đảo Kita có anh chuyên làm nghề chài lưới tên là Taro ngày ngày lo đánh cá nuôi mẹ. Mẹ anh đã tám mươi tuổi, anh cũng đã lớn tuổi mà không chịu lấy vợ sinh con để nối dõi tông đường theo như phong tục người Nhật. Mẹ thường hay bảo anh hãy lấy vợ sinh con nhưng anh nhất định không, vì sợ lấy vợ phải lo cho vợ con không có thì giờ hầu hạ mẹ. Taro nói rằng:

*Con dù xác thịt thai phàm
Cũng lo phụng dưỡng xin an tắc lòng...*

Trường hợp Nhật bản ngày nay họ cũng áp dụng Ngày Mẹ như các nước Tây Phương chọn ngày Chủ Nhật thứ hai của tháng Năm để kỷ niệm. Họ gửi thiệp, tặng hoa và tặng quà cho Mẹ để tỏ lòng hiếu kính và yêu thương Mẹ.

III. Mẹ trong truyền thống xã hội Tây Phương

(trường hợp của Hoa Kỳ và các nước Tây phương khác)

Mother's Day (Ngày Mẹ) là ngày Chủ Nhật thứ hai của tháng Năm mỗi năm. Mỗi năm đến Ngày Mẹ dù người lớn bao nhiêu tuổi mà có điểm phúc còn mẹ đều rất sung sướng về thăm Mẹ, tặng Mẹ một thiệp chúc mừng Ngày Mẹ, một món quà và một món hoa tươi để mừng Mẹ được sống lâu. Tục lệ này hầu hết các nước Phương Tây đều áp dụng như Hoa Kỳ, Anh, Úc Đại Lợi, Thụy Điển, Đan Mạch v.v... Người Tây Phương giải thích rằng họ làm như vậy là để biểu lộ tình thương và lòng hiếu kính đối với Mẹ.

Khởi nguyên của ngày này là do bà Julia Ward Howe khởi xướng năm 1872 tại Hoa Kỳ. Vài năm sau tại Boston, tiểu bang Massachusetts, bà đã kêu gọi và đã thành công trong buổi tập hợp kỷ niệm Ngày Mẹ hàng năm.

Bà Julia Ward Howe là một học giả, giảng sư Đại học rất nổi tiếng đương thời của Hoa Kỳ.

Mãi đến năm 1914 quốc hội Hoa Kỳ mới chấp nhận Ngày Mẹ nói trên như một ngày lễ quốc gia bằng một đạo luật do quốc hội thông qua.

Kể từ đó các nước theo văn hóa Tây phương hoặc ảnh hưởng của nền văn hóa của họ đều theo phong tục kể trên để biểu lộ lòng hiếu kính và yêu thương đối với mẹ. (theo sách "The World Book Encyclopedia" xuất bản tại Hoa Kỳ, 1992).

IV. Mẹ trong kinh điển Phật giáo

A. Tám gương hiếu hạnh của Đức Phật

Trong bài kinh BÀ MẸ HỒI CÁC ĐỜI TRƯỚC (trong sách "Một trăm bài Kinh Phật" của Đoàn Trung Còn, không ghi năm xuất bản) có ghi tám gương hiếu hạnh của Đức Phật như sau:

Lúc ấy Phật ngự với Giáo Đoàn chư đại tỳ kheo tại xứ Ca-căn-ga-la (kacangala). Trong cảnh rừng ở đó, có bà già tên là Ca-căn-Ga-Lác (Kâcangalâ), bà xách một cái bình đến giếng mà múc nước.

Lúc ấy Đức Thế Tôn gọi A-Nan và bảo rằng: "Này A-Nan hãy đi nói với bà ấy rằng, Đức thế Tôn khát nước, bà cho ngài uống với".

A-Nan nói với bà mấy lời ấy, bà đáp rằng: "Để tôi đem đến cho Ngài".

Bà đổ nước đầy bình mang đến trước mặt Phật. Bà thấy Phật rất trang nghiêm với 32 tướng chánh, 80 tướng phụ, một vòng hào quang sáng ngời.

Bà vừa thấy Phật, cái tình mẹ thương con nẩy sinh trong lòng bà, bà vội đưa tay lên ôm hôn Đức Phật vừa nói rằng: "Con tôi! Con tôi". Mấy vị tỳ kheo muốn cản bà lại nhưng Đức Phật liền phán rằng: Này chư tỳ kheo! Chớ cản bà ấy.

Tại sao vậy? Bởi vì trong năm trăm đời liên tiếp bà đã là ME ta:

*Oi tình mẫu tử sâu xa
Nên bà chạy đến ôm ta hôn nhau
Ai mà ngăn cản đón đầu
Thì bà giận tức máu hần tuôn ra*

*Ta đây nhờ Mẹ buổi qua
Cảm ơn nghĩa nặng vì ta bao đời
Từ bi, thương xót lấy người
Nên ta chịu để ôm vùi mà hôn*

Liên sau đó Đức Thế Tôn thuyết pháp Tứ diệu Đế để độ bà. Bà liền chứng quả Tu-Đà-Hườn và đọc bài kệ như sau:

*Làm con mà biết báo đền
Tác thành việc khó, đáp tình mẫu thân
Thế Tôn giữ trọn hiếu phần
Giúp ta đổi tánh thoát trần dứt mê*

*Độ ta ra khỏi bến mê
Đường tiên đường Phật đưa về đúng nơi
Con ta chuyển sức ra tài
Đặng làm việc tốt, đáng đời kính khen.*

Sau đó bà xin phép xuất gia và nhập vào hàng tỳ kheo ni. Bà tinh tấn tu hành và chứng quả A-La-Hán.

B. Kinh Tâm Địa Quán

Kinh Tâm Địa Quán, phẩm báo ân, Đức Phật nhân tán thán 500 vị trưởng giả thành Vương Xá, nước Ma Kiệt Đà đến cúng dường Phật và đại chúng. Đức Phật giảng cho họ nghe về công ơn sanh thành của mẹ như sau:

"... Mẹ hiền thương con, thật không lấy vật gì để so sánh cho cân xứng vậy. Từ khi vào thai trải qua 10 tháng, những lúc mẹ đi, đứng ngồi nằm chịu trăm điều khổ não mà miệng mẹ không thể nói ra. Muốn những đồ uống ăn hay áo mặc, dù có được cũng chẳng mừng, vì lòng lo lắng không hề dứt, chỉ lo nghĩ đứa con sắp sanh sao cho hoàn hảo là hơn thôi. Nếu khi đẻ khó thì như trăm ngàn mũi dao đồng thời đâm cắt toàn thân. Nếu khi sanh đẻ được an lành, ba mẹ cùng các người thân thuộc cùng chung vui sướng y như kẻ nghèo được châu báu. Sự đau khổ của mẹ trong mười tháng do một tiếng khóc đầu tiên của con khi mới lọt lòng mà nỗi khổ ấy mẹ liền quên mất và vui sướng như nghe âm nhạc. Con lấy nơi bụng ngực của mẹ làm chỗ ngủ, lấy hai cổ vế làm chỗ dạo chơi, và do nước giếng cam lồ nơi ngực mẹ chảy ra mà nuôi lớn. Ôi, ơn đức của mẹ, núi cao biển sâu cũng chẳng sánh kịp. Nếu đứa con nào biết tùy thuận nghe theo những lời dạy bảo của từ mẫu mà không trái nghịch thì được chư thiên hộ niệm, phước đức vô cùng...". (Kinh Tâm Địa Quán, H.T.T Tâm Châu dịch). (tham khảo sách Cho Trọn Hiếu Ân của T.T.T. Bảo Lạc, 1991).

C. Kinh Đại Báo Phụ Mẫu Trọng Ân

Nhân khi Đức Phật dẫn đại chúng đi hành đạo hướng về phương Nam. Giữa đường Đức Phật đến lạy trước một đồng xương khô đã lâu đời chất to như quả núi. Đại chúng thấy vậy không rõ nguyên do, A Nan liền bạch Phật xin dạy cho biết tại sao Đức Thế Tôn lại làm như thế. Phật chỉ rõ rằng đồng xương đã chồng chất đó rất lâu đời về trước nên biết đâu trong đó có xương của cha, mẹ, vợ, con, anh, em ta nhiều đời trước. Vì lòng hiếu kính nên ta lạy đồng xương như vậy. Đức Phật đã dạy bảo đại chúng rất nhiều về công ơn sinh thành của cha mẹ, đặc biệt mười điều chúng ta nên ghi nhớ như sau:

Thế Tôn lại bảo A Nan

Ởn cha nghĩa mẹ mười phần phải tin

Điều thứ nhất giữ gìn thai giáo

Mười tháng trường châu đáu mọi bề

Thứ hai sinh đẻ gồm ghê

Chịu đau chịu khổ mỗi mẹ trăm phần

Điều thứ ba thâm ân nuôi dưỡng

Ợc đến đâu bền vững chẳng lay

Thứ tư ăn uống nuốt cay

Để dành bù ngọt đủ đầy cho con

*Điều thứ năm lại còn khi ngủ
Uớt mẹ nằm khô ráo phần con*

*Thứ sáu sú nước nhai cơm
Miễn con no ấm chẳng nhờm chẳng ghê*

*Điều thứ bảy không chê ô uế
Giặt đồ dơ của trẻ không phiền*

*Thứ tám chẳng nỡ chia riêng
Nếu con đi vắng cha phiền mẹ lo*

*Điều thứ chín miễn con sung sướng
Dầu phải mang nghiệp chương cũng cam
Tính sao có lợi thì làm
Chẳng màng tội lỗi bị giam bị cầm*

*Điều thứ mười chẳng ham trau chuốt
Dành cho con các cuộc thanh nhàn
Thương con như ngọc như vàng...*

("Kinh Đại báo Phụ Mẫu Trọng Ân", không rõ dịch giả)

Ngoài mười điều ân trọng ghi trên toàn bài kinh Đức Phật còn chỉ rất rành rẽ từng ly từng tí một về công sinh thành nuôi nấng và dạy dỗ cho con nên người. Đọc toàn bài kinh được chuyển ngữ thành thể thơ song thất lục bát khiến tôi bùi ngùi xúc động đến rơi nước mắt nhiều lần khi nghĩ đến

người mẹ vừa mới qua đời. Tôi thấy mình bất hạnh vì đã xa cha mẹ rất lâu năm, và bây giờ nhìn đóa hoa trắng trên áo tôi mới thấm dần, thấm dần và hiểu nghĩa rất sâu sắc của tâm trạng kẻ mồ côi mẹ.

Đây bầu trời đen tối đã phủ kín tâm hồn tôi! Tôi trở thành kẻ mồ côi mẹ, đau đớn quá! Cho dù tôi đã bao nhiêu tuổi trên đời...

V. Phương pháp báo hiếu

Tôi nghĩ ai có khát nước đến cùng cực khi gặp nước mới thấy nước quý giá vô vàn. Vấn đề báo hiếu cũng vậy. Ai đã mất cha mẹ mới thấy phương pháp báo hiếu của Đức Phật dạy là quý báu.

Lấy kinh nghiệm của bản thân mà nói, khi mẹ tôi còn tại thế tôi vẫn thường xem kinh sách, vẫn tin lời Đức Phật dạy, vẫn cầu nguyện cho cha mẹ trong bảy đời đã qua trong quá khứ siêu sanh về miền Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà, như trong kinh Vu Lan đã dạy. Vẫn luôn luôn học về gương hiếu hạnh của đức đại hiếu Mục Kiền Liên. Vẫn biết về ngày Mother's Day của các nước Tây Phương, và truyền thống báo hiếu của Đông Phương. Thế nhưng những việc làm đã qua của tôi là do lý trí chủ đạo. Còn việc báo hiếu của tôi nhân mùa Vu Lan năm nay được thúc bách bởi một sự mất mát to lớn nhất trong đời tôi. Đồng thời nó bắt nguồn từ lòng thương mẹ mà ra. Tôi muốn tìm một cái gì

đó, một hành động nào đó để may ra lấp bớt được một khoảng trống tâm hồn.

Ngược dòng thời gian về thời điểm trước khi mẹ tôi qua đời, tôi thường tìm hiểu xem những người không phải là Phật tử họ nghĩ gì về tôn giáo của mình, để có thêm kiến thức. Tôi cũng tìm hiểu được những giáo lý của đức Phật dạy được các học giả khác tôn giáo với mình và các nhà khoa học, triết gia Tây Phương có những nhận xét gì về Phật giáo để củng cố thêm niềm tin của mình về phương pháp báo hiếu của đức Phật đã dạy.

Trong đó có Giáo Hoàng John Paul II đã công nhận là rất nhiều tín đồ thiên Chúa Giáo có cả các vị Linh mục đã áp dụng phương pháp thiền quán để tu tập, trau dồi thân tâm của họ.

Một học giả đạo Hồi đã nói: "Đức Phật là của cả nhân loại. (Buddha is for whole mankind. The Buddha is not property of Buddhists only. He is the property of whole mankind. His teaching is common to everybody. Every religion, which came into existence after the Buddha, has borrowed many good ideas from Buddha).

Triết gia Bertrant Russel ca ngợi Phật Giáo có triết lý hành động vĩ đại nhất và lâu đời nhất...

Có thể nói khoa học gia nổi tiếng nhất của thế kỷ, Albert Einstein, đã nói là "Phật giáo đương đầu với khoa học"

(Buddhism copes with Science), (If there is any religion that would cope with modern scientific needs it would be Buddhism).

Theo tôi không phải Phật giáo đương đầu với khoa học mà Đức Phật đã hướng dẫn cho khoa học tự nhiên tiến lên về mọi mặt mới đúng. Tôi không muốn dài dòng trích dẫn lời Đức Phật để chứng minh ở đây vì bài đã quá dài. Xin mời bạn đọc đọc Duy Thức Học ta sẽ thấy Đức Phật đã giải thích về nguồn gốc của con người và vũ trụ rất tinh tế, rất khoa học khiến các nhà khoa học, các triết gia phải tìm tòi học hỏi.

Giáo sư Rhys Davids nói rằng: "Không có tôn giáo nào vượt trội hơn Phật giáo" (Nothing to surpass Buddhism. Buddhist or not buddhist, I have examined everyone of the great religious systems of the world, and in none of them I have found anything to surpass, in beauty and comprehensiveness, the Noble Eightfold Path and the Four Noble truths of the Buddha. I am content to shape my life according to that path). (Tham khảo sách "BUDDHISM in the EYES of INTELLECTUALS" của K. Sri Dhammananda).

Trở lại lời Phật dạy về phương pháp báo hiếu Kinh Đại Báo Phụ Mẫu Trọng Ân và Kinh Vu Lan: Phật đã dạy rằng vì công ơn của cha mẹ bao la như biển cả và cao vời vợi như trời xanh vô hạn. Vì thế chúng ta không thể nào đền đáp công ơn ấy bằng phương diện vật chất hữu hạn được.

Hơn nữa trong cõi luân hồi kể từ vô thủy đến nay chúng ta có không biết bao nhiêu là cha mẹ thì làm sao chỉ dùng những phương tiện vật chất để phụng dưỡng cha mẹ hiện tiền mà có thể đền đáp thâm trọng ân ấy. Phật đã cho thí dụ là:

*Òi có người gặp cơn đói rét
Nuôi song thân dùng hết thân này
Xương nghiền thịt nát phân thây
Trải trăm ngàn kiếp ân đây chưa đồng...*
(Kinh báo Ân)

Như vậy phải làm thế nào để báo đáp được hiếu ân đó. Đức Phật đã dạy rất nhiều phương pháp trong rất nhiều kinh điển như bố thí Ba La Mật, thân cận Ba La Mật, chân thật Ba La Mật... Nhưng hôm nay xin theo các bộ kinh đã dẫn và đặc biệt về sự giới hạn của bài này nên chúng tôi xin tóm lược thành hai phương pháp đơn giản: TỰ LỰC và THA LỰC.

Thứ nhất là: TỰ LỰC

Phát Tâm Vô Thượng Bồ Đề, cầu Phật Đạo giải thoát, tiến tu, thật học để đem khả năng của mình giảng giải cho mọi người chung quanh chúng ta cùng phát tâm ấy, hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, và cuối cùng là cầu nhất thừa Phật Đạo.

Giai đoạn đầu là chúng ta phải học hỏi và hiểu thấu đáo về thâm ân sinh thành của cha mẹ. Ăn năn hối cải những lỗi

lầm, nếu có, từ trước đã làm hại mình hại người và lây tiếng xấu đến song thân. Giai đoạn kế tiếp là phải siêng năng không ngừng nghỉ để đạt được những thành công lớn trong đời, khiến cha mẹ vui lòng toại nguyện, an tâm vì con... Và làm thế nào để cho cha mẹ cảm nhận được lòng hiếu kính, yêu thương của mình đối với cha mẹ. Đồng thời phải có tâm niệm sung sướng không gì bằng khi mình còn được cha mẹ trên đời. Bởi vì nếu cha mẹ biết được điều đó cha mẹ cũng sung sướng vô vàn. Những điều vừa kể rất đơn giản nhưng không kém phần khó khăn khi thực hiện được nó. Giai đoạn cuối cùng như trên đã nói là cầu Nhất Thừa Phật Đạo để giải thoát cho mình, và phổ độ giải thoát cho cha mẹ nhiều đời đã qua và hiện tiền cha mẹ sống lâu và tránh khỏi những ách nạn trong đời.

Thứ hai là: *THA LỰC*

Như Đức Phật đã dạy trong kinh Vu Lan, cho dù đã chứng được quả vị Bồ Tát và đã được thần thông quảng đại như ngài Mục Kiền Liên, cộng với tiếng tăm vang lừng cả trời người đều nể phục đi chăng nữa một mình ngài không thể cứu được mẹ ngài trong địa ngục và càng không thể cầu siêu độ cho cha mẹ bảy đời trước đó nữa. Như vậy chỉ có một cách là cầu *THA LỰC*. Hay nói đúng hơn là cầu cộng lực của chư Tăng trong mười phương tụ hội về nhân ngày rằm tháng bảy.

Trong hàng chư Tăng đó gồm có phàm Tăng, thánh Tăng, và những hàng Bồ tát mười phương vì nguyện lực độ sinh nên các ngài đã hiện hình làm phàm Tăng thân cận chúng ta.

Nhân ngày ấy nhờ thần lực chư Tăng chú nguyện cho sở cầu báo hiếu của chúng ta được viên thành.

Tiến sĩ Lâm Như Tạng

Sydney, Australia



NHỮNG ĐOẠN KHÚC DÂNG MẸ VÀ DÂNG CHỊ

Thiên Hương

Thông biết tôi đã đọc Bông hồng Cài áo của thầy Nhất Hạnh bao nhiêu lần. Từ những ngày còn thơ ấu sống trong vòng tay mẹ, cho đến ngày hôm nay, khi nắm mồ của mẹ đã xanh ươm cỏ, bài viết luôn làm tâm hồn tôi chùng xuống trong những yêu thương dịu dàng nhất.

Dù mẹ là một hiện thực dấu yêu cho đến một hoài niệm ngậm ngùi, hình ảnh mẹ luôn choáng ngợp trong tâm trí. Có những đêm dài thức giấc, nhìn ánh trăng lạnh ngoài khung cửa, khát khao đến cháy lòng được mẹ trở về trong vài sát na ngắn ngủi. Dù vẫn cầu nguyện rằng, trong thế giới bên kia, mẹ đang thênh thang bước trong cõi Vô minh, cõi bỏ hết muôn phiền quỵ bên chân Phật.

*Mẹ ơi, con đã đọc nhiều bài thơ cổ,
Con cũng từng xem nhiều áng văn hay,
Con đã nhiều đêm ngắm ánh trăng lên
Ngậm lơ lửng một vầng mây bạc*

*Con cũng nhiều ngày đi dưới những hàng cây
Trong những con phố cổ, nghe mùa thu đổ lá,
Ngắm mùa hạ tuôn đổ nắng vàng
Và mùa đông ngập trời sương trắng*

*Nhưng mẹ ơi,
vẫn không có gì tuyệt vời bằng trái tim của mẹ,
Không có gì dịu dàng hơn ánh mắt và tiếng nói của mẹ*

Vậy đó, vậy mà giờ tôi đã mất mẹ. Dù bao nhiêu tuổi, mất mẹ vẫn làm con người hụt hẫng. Ngày trước, khi còn mẹ, các anh em ở những nơi xa xôi vẫn xoay tròn trong quỹ đạo với mẹ là tâm điểm. Tâm điểm đã tan, những đứa con chỉ còn là những điểm sao lạc lõng bơ vơ giữa bầu trời đêm.

Mùa Vu-lan lại tới, giỗ đầu mẹ chưa đến, ngập ngừng cài bông hồng trắng lên ngực áo để kiêu hãnh rằng mình đã một thời có mẹ, nhưng cũng để xót xa rằng mẹ đã ngàn đời cất bước ra đi. Không bao giờ còn được ôm lấy mẹ, nói rằng: Mẹ ơi, mẹ có biết là con thương mẹ lắm không. Không bao giờ còn mua được một cái áo, một đôi giày cho mẹ, để nhìn mẹ trong bộ quần áo mới, nở nụ cười hiền hậu. Không bao giờ còn được áp má vào má mẹ, ngửi mùi trầu không nồng nàn quen thuộc.

Vào những năm gần mất, trí óc mẹ đã trở nên lú lẫn. Mẹ như một đứa bé nói những lời ngô nghê thật dễ thương, nhưng mẹ đã làm chúng tôi rơi nước mắt mỗi khi dứt thức

ăn cho mẹ. "*Thôi, tôi không ăn đâu, nhà còn cả đám người kia kia, đem vào cho lũ trẻ nó ăn.*" Trong tâm thức, mẹ vẫn nghĩ đang sống những ngày cơ cực xưa cũ, nhịn miếng ăn miếng mặc cho chồng con. Hoặc đôi khi "*Thôi, các cô ở chơi nhé, tôi xin phép tôi về lo cơm cho ông ấy.*" Ôi, những người mẹ Việt Nam, dù lúc nào, dù ở đâu, cũng quên mình mà nghĩ đến gia đình. Rồi những tháng nằm trên giường bệnh, dù đã mê man, nhưng lúc nào hỏi mẹ có khỏe không là "*Dạ, cảm ơn, ông nhà tôi vẫn khỏe.*" Mẹ ơi, có lúc nào trong cuộc đời, mẹ nghĩ và lo đến mẹ không? Lắm lúc, tôi xót xa nghĩ đến mẹ, nghĩ là mẹ khổ vì chỉ nghĩ đến chồng con, anh em. Lúc nào cũng dạy con "*Người ăn thì còn, mình ăn thì mất, con ạ.*", nên lúc nào cũng nhịn ăn nhịn mặc. Nhưng thật ra sống như vậy, mẹ có khổ không nhỉ. Chỉ thấy chồng con vui, là mẹ vui; chồng con an nhàn là mẹ thư thái dù mẹ có vất vả đến mấy đi chăng nữa. Cái tâm tịnh là đủ có phải không mẹ. Vậy đó, vậy mà mẹ tôi đã trần trở biết bao ngày trên giường bệnh trước khi nhắm mắt...

*Trong da thịt chúng con,
vẫn là một phần máu xương của mẹ
Và trong những bằng cấp, tiền tài chúng con hiện có
Vẫn đắm uớt những ước mơ và hi vọng
của đấng sinh thành
Vẫn nhuần nhuỷ những cơ cực mẹ cha

Oday mà giờ đây chúng con làm gì được,
Khi mẹ trong cơn đau đớn từng ngày*

*Khi bố không còn nói tiếng yêu thương
Khi những nghĩa ân không bao giờ đền đáp*

*Mẹ ơi,
Con chỉ biết thấp nén nhang thơm
Trong những lúc trăng lên mà âm thầm cầu nguyện
Mong mẹ sớm thoát khỏi những đớn đau của kiếp người
Để bố mẹ mỉm cười đầu đố
Và để chúng con
Gắng cười trong nước mắt tuôn rơi.*

Và như thế, chúng tôi đã bao ngày cầu nguyện trong nước mắt cầu cho mẹ được giải thoát. Mẹ đã ra đi trong một ngày vía Phật. Mẹ đã ra đi, để chúng tôi vẫn cảm thấy mình còn dại khờ biết bao nhiêu khi thiếu những lời bảo ban của mẹ, để chúng tôi cảm thấy mình bơ vơ khi thiếu cái bóng dáng nhỏ bé xinh xinh của mẹ.

Khi vành tang mẹ chít vừa đầy năm tháng, tiếng điện thoại một buổi trưa thứ bảy bất ngờ đem đến những đau đớn ngậm ngùi. Tin người chị thứ năm đột ngột qua đời từ bên kia đại dương làm buổi trưa chợt tối sầm ánh nắng. Một người mẹ tuyệt vời đã ra đi, rồi một người chị tuyệt vời cũng lại ra đi.

Trong gia đình, chị là một bản sao hoàn chỉnh nhất của mẹ và một tấm gương phản chiếu sự linh động của bố. Tình yêu của bố và mẹ đã tạo nên người chị dấu yêu mà cả nhà

cùng kiêu hãnh. Chị đã cho chúng tôi những bài học hoàn hảo nhất về lòng nhân đức, về lòng thương yêu, về sự nhẫn nại, về lòng hi sinh, về sự siêng năng làm việc không ngừng nghỉ. Với bố mẹ, chị luôn là một người con chí hiếu. Với các anh chị em, chị luôn thuận thảo yêu thương hết lòng. Với chồng con, chị luôn tận tụy quên mình, tảo tần nuôi chồng đi học tập, nuôi con khôn lớn, vun quén gia đình. Với họ hàng, bạn bè, và ngay cả người không quen biết chị luôn đối đãi hết mực chân tình. Một đời cực khổ nhưng nụ cười tươi tắn luôn nở trên môi. Dù công việc vất vả đến đâu, nhưng lúc nào cũng nói cười niềm nở, và hát lảnh lót như chim. Chị đi đến đâu là cũng mang theo một trời đầy thương yêu và sức sống. Trong đời sống gần gũi của mình, chị chỉ cho đi mà không bao giờ nghĩ gì đến nhận. Trong tâm tất cả những người đã biết chị, mỗi khi nghĩ đến chị, ai ai cũng thấy lòng ấm áp và trù mến. Vậy mà... chị đã nhẹ nhàng rời khỏi cuộc đời, như một đám mây tách khỏi vầng trăng, như một làn sương sớm mỏng manh nhẹ tan khi vạt nắng đầu ngày đi lên.

Chỉ mới bước chân đến Mỹ vừa tròn một tháng, những cơ cực của ngày tháng cũ chưa kịp tan dấu trên đôi vai muộn phiền; những ước mơ, những hăng say bước vào một đời sống mới còn lóng lánh trên đôi mắt đen nâu hạt dẻ, nụ cười vẫn nồng ấm với hai lúm đồng tiền trên khuôn mặt tròn phúc hậu, chị đã vội vàng lìa xa cuộc sống vô thường để bước vào cõi khác...

*Hàng cây cao ngợp xanh bóng lá
Mặt nước hồ êm ả trong xanh
Giữa không gian tĩnh lặng buổi trưa hè
Chị đã mất, đã ra đi miền viễn*

*Mộ hoa xanh vẫn còn đây ngơ ngẩn
Lá rũ mềm hiu hắt những ưu tư
Mây mệnh mang chùng thấp xót xa buồn
Chị nay đã muôn đời xa cách mãi*

*Trời Ca li mệnh mang nắng hạ
Ôm hộp tro tàn, lệ ứa tràn mi
Thấp nén nhang thơm khấn nguyện chị rằng
Thời chị nhé từ nay đừng ray rứt
Hãy quay đi, bước về nơi chốn lạ
Bỏ cõi vô thường để niệm Phật tâm an...*

Dù rằng hình ảnh chị không bao giờ phai nhòa trong tâm trí, dù rằng lúc nào cũng cầu nguyện cho chị mau siêu thoát, nhưng nước mắt làm thế nào kèm giữ khi nghĩ tới nụ cười ấm áp dễ thương của chị.

*Lên đỉnh núi cao
Thấy trời lồng lộng
Nắng đơn côi và gió núi cũng đơn côi*

*Xuống biển cát vàng
Sóng nhảy nhấp nhô
Thấy cuộc đời mong manh như sương khói
Thấy con người bé nhỏ đến hư không*

*Sắc cũng thành không, không cũng thành sắc
Chút tâm lành mong thấu đến trời xanh
Chút xác thân ai đốt cháy lại tàn
Đời ngơ ngác, chìm muông cùng ngơ ngác*

*Một đám mây vương,
Một cội Phật về
Cầu cho chị nghỉ yên giữa ngàn trăm hương khói
Một trang sách đời đã qua đi, thôi thì....*

*Chị ơi xin hãy ngủ yên
Quên đi trần thế, về miền an vui*

Hôm nay, khi tiếng chuông chùa ngân vang báo mùa Vu-lan tới, khi tiếng mõ đều đều lại bắt đầu những lời kinh cầu siêu cho những người đã khuất, nước mắt vẫn rưng rưng khi đọc lời kinh cầu nguyện cho mẹ và chị mau siêu thoát.

Mẹ ơi, dù mẹ ở đâu, chúng con vẫn luôn là con của mẹ. Chị ơi, dù chị ở đâu chúng em vẫn luôn là em của chị. Dù sống kiếp nào đi nữa, chúng con vẫn mong luôn được là

con của mẹ, chúng em vẫn sẽ là em của chị. Mẹ và chị vẫn luôn là những hình ảnh để chúng tôi tự hào, để chúng tôi tôn thờ và để chúng tôi ngàn đời yêu quý. Chắp tay cúi đầu, xin cầu nguyện đức Phật từ bi đem mẹ và chị vãng sanh Cực lạc quốc.

*Hai tay buông xuôi
Hàng mi khép lại
Cuộc đời giờ chỉ còn những hư không*

*Thênh thang cõi lạ
Giã chốn vô thường,
Nhìn quanh quẩn chỉ còn toàn sương khói*

*Mơ trần gian rũ sạch
Phiền não cũng tiêu tan,
Nuối tiếc chỉ những mong manh trần thế*

*Dứt nợ hồng trần
Thoát cõi trần ai
Về cõi Phật thông dong đôi chân bước....*

Thiên Hương

Mùa Vu Lan

Nam Mô A-di-đà Phật

Nam Mô Đại từ Đại Bi

Tiếp Dẫn Đạo sư A-di-đà Phật

Niệm Phật pháp thâm diệu, tạo công đức vô biên,

Đệ tử xin hồi hướng cho hương linh

Nguyễn thị Lịch, pháp danh Nguyên Tấn

và hương linh

Bùi Châu Thiên Kim, pháp danh Nguyên Nhẫn

cho chúng sanh mọi miền

Pháp môn xin nguyện học

Ân nghĩa xin nguyện đền

Phiền não xin nguyện đoạn

Quả Phật xin chứng nên

Nếu có ai hỏi rằng: ai là người biết ơn và có thể đã trả ơn? Nên đáp ngay với họ rằng:

Đức Phật là người biết ơn và đã trả ơn vậy.

Vì sao thế? Vì tất cả trong thế gian người biết ơn và đã trả ơn, không ai hơn Phật vậy.

Kinh Bát Nhã (HT Trí Nghiêm dịch)

MẸ TÔI

Thiên Hương

*Kính dâng hương hồn chị Bùi Châu Thiên Kim
Thương tặng hai cháu Thành và Thắng*

Từ một lúc nào đó tôi đã lớn lên, mẹ vẫn quần quanh đầu đó, nhẹ nhàng và gần như trong suốt vì lúc đó chúng tôi chỉ biết đón nhận những chăm lo săn sóc và yêu thương của mẹ như những tự nhiên của đời sống mà không biết đó là những ân huệ, phước lộc, và bảo vật Trời Phật đã ban cho.

Mỗi buổi sáng, trời còn tối đen, hơi lạnh còn ẩm ướt, khung cửa còn mù sương, tôi đã nghe tiếng chân mẹ nhẹ nhàng bên ngoài cửa. Tiếng bát đĩa, nồi niêu soong chảo khua lọc cọc ngoài sân hay tiếng chẻ củi. Bố tôi có tính tần tiện, không cho mẹ dùng bếp gaz, không cho mẹ xài nước máy, dù nhà ngay thành phố và thu nhập của mẹ khá cao. Tôi đã nhiều lần ngậm ngùi nhìn đôi bàn tay mẹ với những kẽ móng tay nhuộm đen vì bụi than củi. Nhưng lúc nào mẹ cũng cười. Dọn dẹp nhà cửa, sửa soạn bữa sáng xong, mẹ bước vào phòng, mở cánh cửa chớp, ánh nắng nhẹ buổi

sáng lùa hắt qua khung kính mờ sương. Nhìn thẳng con còn ngái ngủ trên giường, tiếng mẹ trong trẻo reo vui: "*Con giai tôi ngủ từ giờ Thìn đến cuối giờ Dậu*". Tôi chưa kịp nói gì mẹ đã lại hấp tấp rời phòng để lo những công việc khác. Khi tôi trở dậy, mẹ đã đi đâu đó, hoặc lại nhà thăm bệnh nhân, hoặc chạy ra chợ, hoặc làm việc trong khu mẹ xây để làm phòng bảo sanh ở phần đất sau nhà. Cũng có những đêm, tôi tỉnh giấc, ánh đèn bên ngoài vẫn sáng, vẫn tiếng chân mẹ bước đi vội vã, nhìn qua cửa, chiếc bóng bé nhỏ của mẹ thoăn thoắt lên xuống, dù mưa hay gió, gương mặt vẫn tươi vui không lộ một nét gì mệt mỏi. Sao những ngày ấy, chẳng bao giờ tôi thắc mắc giờ nào mẹ ngủ, và giờ nào là giờ ăn của mẹ.

Thu nhập chính trong gia đình từ hai bàn tay thu vén của mẹ. Nhưng những chi tiêu trong gia đình lại dành hết cho bố con tôi, hình như mẹ chẳng tiêu một đồng nào cho mẹ. Những món tiền lớn đưa cho Bố để Bố mua những máy móc khảo cứu hay giải trí. Một số lớn khác cho chúng tôi ăn học, và còn rất nhiều những món tiền nhỏ rải rác để cứu giúp những người nghèo khổ. Lúc nào cũng cái này để cho bà này, tội nghiệp bà ở có một mình, cái kia để cho chị kia, tội nghiệp chị ấy dễ thương lắm, cái nọ để cho con bé kia, tội nghiệp nó đói lắm. Những bữa ăn thường chia làm ba thực đơn. Một thực đơn để cho những bệnh nhân nằm phòng cao tiền và bố con tôi. Một để cho bệnh nhân nằm phòng loại trung và các người giúp việc. Và một là của mẹ, một chút cơm trên đĩa, một chút nước thịt và rau dưa, vậy

thôi, đơn giản đến nao lòng. Trong lúc tất cả mọi người ăn, thì mẹ vẫn hấp tấp chạy lên chạy xuống. Hình như chưa bao giờ tôi thấy mẹ ngồi vào bàn ăn uống thư thả. Lúc nào cũng vừa ăn vừa chạy. Sao những ngày ấy chúng tôi vô tình đến thế, không nói được một lời bảo mẹ ngồi xuống ăn uống thanh thoi. Không đỡ đần mẹ được một chút gì để mẹ được vài tiếng nghỉ ngơi. Có phải khi có những người đã quên mình để sống cho người khác, thì những người xung quanh cũng chấp nhận điều đó thật tự nhiên, thản nhiên nhận những chăm sóc thừa mứa, thản nhiên sống thanh thản trên những nhọc nhằn. Hay tại vì nụ cười của mẹ quá ấm áp và mẹ không bao giờ tự nhận mình quá vất vả và tươi vui chấp nhận những khó khăn, gương mặt lúc nào cũng tươi cười rực rỡ nên chẳng ai nhận thấy những nhọc nhằn đã làm trĩu nặng đôi vai gầy của mẹ. Hay tại vì mẹ chỉ thấy hạnh phúc khi làm việc tốt cho người, khi xả thân vì công việc nên ôm đồm tất cả.

Anh em tôi về Sài Gòn học, mẹ vẫn ở nhà với những quán xuyên lo toan. Mỗi tháng mẹ về Sài Gòn một hay hai lần để thăm bà ngoại và chúng tôi và cũng để mua thêm thuốc men cho phòng bảo sanh. Thường mẹ đi chuyến xe đêm rời Đà Lạt, sáng sớm tới Sài Gòn, buổi sáng đi mua thuốc men, và chiều tối đi thăm các bác, các chú và cô của tôi. Để sáng sớm hôm sau lại vội vã trở về, kéo đi lâu không ai coi bệnh nhân, không ai chăm sóc nhà bảo sanh, không ai lo cho bố.

Một lần tôi lại nhà người bạn sửa hộ chiếc TV, mới để chiếc xe, quay ra đã biến dù đã khóa cẩn thận. Tôi lo lắng, mới nhẩn về nhà, mẹ đã bỏ về ngay Sài gòn mua cho chiếc mới. Mẹ nói nhẹ nhàng: "*Cái số má nó vậy con ạ, tiền làm ra lại mất, không giữ được đâu*", rồi mẹ cười thản nhiên như không, cứ như chuyện thường tình vậy, không cả một tiếng thở dài hay chếp miệng. Mà phải đâu mẹ tiêu xài phung phí, một dây cây ổi trong sân, mẹ không kêu người lại bán, vì họ hay trả rẻ, hoặc mẹ cho bạn bè, hàng xóm, hoặc mẹ đem ra gửi ở quán, và cũng có hôm nào nhà bảo sanh vắng khách, mẹ bùng ra ngồi ở cầu thang chợ, bán lẻ từng quả một.

Khi tôi đi du học, một tay mẹ chạy lên chạy xuống Sài gòn, lo giấy tờ tiền bạc. Mẹ không kêu than một lời về tiền máy bay, học phí, tiêu pha dù số tiền ấy rất lớn. Ôi ngày ấy, sao tôi lại có thản nhiên đến thế để nhận lấy những cừ mang. Cách đây mấy năm, tôi về thăm nhà, thấy mẹ già và gầy đi nhiều. Mẹ cười nói: "*Nhà thì rộng, bố ở nhà trước, má ở nhà sau chẳng ai nói với ai câu nào*", và rồi vuốt nhẹ má tôi, mẹ nựng: "*Con giai tôi, con giai tôi đi hoài bỏ tôi vò vơ một mình*". Lúc ấy, tôi mới thấm thía nỗi cô đơn của mẹ, thấm thía những nhọc nhằn không người chia sẻ, sống bên cạnh một người chồng trái tính, hai đứa con lại ở xa. Hôm tôi rời Đà Lạt, mẹ bị ho và sốt. Tôi đi chuyến xe sớm về Sài gòn để hôm sau bay về Mỹ. Người lái xe ở gần nhà tôi, xe chuyển bánh lúc hai giờ sáng. Lúc xe chạy qua nhà để lấy chỗ quay đầu, trời mưa tầm tã. Tôi nhìn thấy mẹ đứng

trước cổng, dưới chiếc dù đen. Tôi không ngờ mẹ đứng đấy, xe chạy qua một quãng, tôi quay đầu nhìn lại vẫn còn thấy bóng chiếc dù nhỏ dưới làn mưa, chao đảo vì những làn gió xoáy. Tôi nghĩ lần sau có dịp về, mình sẽ ở hẳn nhà với mẹ vài ngày để đưa mẹ đi chỗ nọ chỗ kia. Không ngờ đấy là hình ảnh cuối cùng của mẹ, và chẳng bao giờ tôi còn được dịp săn sóc mẹ.

Khi về Mỹ, tôi gọi điện thoại về nhà, lúc ấy đã gần năm giờ chiều Việt nam, cô bé phụ việc nói mẹ đang ngủ. Tôi giật mình, vì ngay cả đêm mẹ cũng có bao giờ ngủ, bây giờ lại ngủ vào giờ đó. Chắc mẹ bệnh, thế mà lúc nói chuyện với mẹ, mẹ cũng chỉ nói: "*Không má có sao đâu, nằm một tí ấy mà*". Đến lúc hỏi về thời tiết, mẹ bảo năm nay Đà Lạt lạnh lắm. Tôi nghĩ mình sẽ để dành tiền mua một áo ấm gửi về cho mẹ. Chỉ có một mơ ước ấy, mà tôi có dịp làm được đâu.

Khi mẹ quyết định bỏ hết công việc qua Mỹ chơi, tôi mừng khắp khởi. Nghĩ đã đến lúc đền bù cho mẹ. Ngày mẹ qua, tôi đang bận học thi ra trường. Các chú giữ mẹ ở Cali vài tuần. Buổi chiều hôm ấy, đúng một tháng khi mẹ bước chân đến Mỹ, chú tôi cầm chiếc vé máy bay về cho mẹ để mẹ lên Virginia thăm tôi, thì mẹ tôi đã ngủ yên trong chiếc hồ bơi. Trên bàn còn dở dang những lá thư viết cho bạn bè, cuốn vở viết các từ ngữ tiếng Anh mẹ đang tự học. Có những chuyện tưởng như không thể nào xảy ra lại đã xảy ra. Tôi bàng hoàng cùng các cô chú bay qua Cali. Những

tưởng ngày gặp mẹ là những nụ cười dòn tan tanh tách, ai ngờ đâu chỉ là mẹ nằm thiêm thiếp dưới chiếc khăn trắng, trong căn phòng lạnh lẽo của nhà quàn xác. Những tưởng ngày gặp nhau được vòng tay ôm mẹ, được dắt mẹ đi chỗ nọ chỗ kia để thấy đôi mắt rực sáng và mẹ cười vui như con trẻ. Ngờ đâu là lúc gặp nhau, mẹ đã nằm ngủ yên trong chiếc áo quan màu nâu gụ. Cô tôi nhìn mẹ và nói: *"Chưa bao giờ em thấy chị được ngủ một giấc say sưa như thế này"*, và cô ứa hai hàng nước mắt. Mọi người xung quanh cũng bật khóc theo. Đám tang mẹ, không ngờ lại đông đến thế. Từ những người bạn học Nữ hộ sinh xưa xa xưa, tới những người cùng làm chung trong bệnh viện, đã không gặp mấy chục năm nay. Có những gia đình nguyên cả nhà là bệnh nhân của mẹ, họ tới viếng với những dòng nước mắt. Rồi thư từ, điện thoại ở khắp nơi bủa về, đâu đâu cũng là những nhớ thương và những tiếng khóc. Lúc ấy, tôi mới hiểu trong đời sống của mẹ, mẹ đã làm được những điều mà ít ai làm được. Đó là gây dựng được lòng thương yêu chân thật từ tất cả những người thân quen. Tất cả mọi người, hình như đã gặp mẹ một lần là đã trở nên thật thân thiết và nhập vào quỹ đạo ngân ngất yêu thương của mẹ. Tôi chợt nhận thức được mẹ đã sống với hết một tấm lòng, đem toàn tâm toàn ý lo cho tất cả mọi người, nên mẹ được nhiều thương quý đến thế.

Tại sao, tại sao một con người sống tốt như thế lại chẳng được hưởng chút hạnh phúc an nhàn, tại sao mẹ lại ra đi chóng vánh như thế để không ai kịp đền bồi nhân nghĩa.

Tại sao mẹ lại dứt áo ra đi khi anh em tôi chưa kịp báo đền hiếu đễ. Tại sao và tại sao. Có phải vì đời sống là gồm những nghiệp và duyên. Nghiệp của mẹ nặng quá nên kiếp này mẹ trả. Hay tại vì mẹ quá tốt nên Phật đưa mẹ về cõi phước sớm.

Mẹ ơi, hôm nay tháng bảy, các chùa đã bắt đầu rộn rịp chào đón Vu-lan. Con thấp nén nhang lòng, rưng rưng hai hàng nước mắt. Giá ngày xưa, chúng con đừng quá vô tình, chia xẻ bớt với mẹ những nhọc nhằn, quanh quẩn bên cạnh mẹ để mẹ được chút ít thanh thoi. Mẹ ơi, Vu-lan bây giờ, cài lên ngực áo chiếc bông hồng trắng mà thêm chết được đó là mầu đỏ thương yêu. Mẹ ơi, nhìn xung quanh thấy bạn bè đang còn mẹ mà con tủi thân muốn khóc. Mẹ ơi, chúng con cầu xin nơi cõi Phật mẹ được thư thái an nhàn. Mẹ ơi, chúng con đã may mắn được làm con của mẹ, dù thời gian ấy thật quá là ngắn ngủi. Chẳng bao giờ con được hát câu "*Mẹ già tóc bạc như sương*", chẳng bao giờ chúng con được chăm lo tuổi già cho mẹ.

Hỡi các bạn đang còn mẹ, các bạn là những người sung sướng nhất. Bất cứ lúc nào, nếu có dịp hãy tỏ hết những yêu thương dành cho mẹ. Đừng bao giờ đón nhận những yêu thương ấy với tấm lòng hồ hững, bởi vì sẽ đến một lúc nào, mẹ bạn cũng sẽ ra đi. Lúc đó có muốn đền ơn nghĩa gì cũng đã là quá muộn. Khi người mẹ đã ra đi, chúng ta mới nhận thức được rằng, trên đời này không ai yêu mình bằng mẹ mình. Không ai có thể cùng chia xẻ với mình mọi niềm vui

và nỗi buồn một cách toàn vẹn đến thế. Không ai có thể cho mình một nơi trú ẩn tuyệt vời đến thế. Mẹ, cái tiếng gọi ngọt ngào thương yêu ấy vẫn vang mãi trong lòng tôi, để đêm đêm tôi gọi và ngỡ mẹ trở về đưa bàn tay khô ráp xoa nhẹ hai bên má. Mẹ, bây giờ tôi mới hiểu thế nào là "*Tôi biết tôi mất mẹ, là mất cả bầu trời*" như câu thơ của thầy Nhất Hạnh. Mẹ, chẳng bao giờ tôi còn được ôm mẹ, chẳng bao giờ tôi còn được chốc cho mẹ cười hay ăn những món ăn của mẹ. Mẹ, tôi muốn gọi mẹ hoài, gọi mẹ mãi dù vẫn đọc kinh cầu cho mẹ mau siêu thoát. Các bạn ơi, nếu các bạn còn mẹ hãy ôm lấy mẹ các bạn đi, và hãy cầu nguyện để mẹ các bạn sống lâu, sống hoài với các bạn. Hãy cài lên áo một bông hồng đỏ, hãy nhìn vào những cặp mắt u buồn của những người đang cài những bông hồng trắng để nhận biết rằng các bạn được may mắn biết bao nhiêu.

Còn tôi ư...

*Mước mắt ngậm ngùi, lang thang trên con đường vắng
 Vài chiếc lá úa vàng hùi hắt rớt bên chân
 Đường hắt hùi không mẹ đón bên nhà
 Mênh mang nhớ, mẹ ơi giờ xa lắm...*

Kính lạy Phật tổ xin Ngài giúp cho hương hồn mẹ con mau siêu thoát.

Thiên Hương

*Viết theo tâm sự cháu tôi ***

Vu Lan 2002

MẸ MẠNH TỬ DẠY CON

Trần Ngọc Thảo

Thuở nhỏ gia đình Mạnh nghèo khó, hai mẹ con lầy lắt sống ở những ngôi nhà mồ của nghĩa địa. Thấy người ta đào, chôn, lẩn, khóc... Mạnh cũng bắt chước làm theo. Mẹ Mạnh thấy thế rất lo ngại, bà trầm nghĩ:

- "Chỗ này không phải là chỗ cho con ta ở".

Rồi lập tức bà dọn đồ đạc ra chợ ở. Mạnh thấy người cân bán mậu dịch đổi chác, cũng bắt chước làm theo. Mẹ thấy vậy càng lo ngại hơn nhiều, bà lại nghĩ:

- "Chỗ này cũng không phải là chỗ cho con ta ở".

Rồi tiếp tục bà dọn đồ đạc đến cạnh trường học ở. Lần này bà rất hài lòng vì từ khi về đấy Mạnh bắt chước học hành chăm chỉ. Bà vui vẻ nghĩ:

- "Đây mới là chỗ đáng cho con ta ở vậy!"

Một hôm thấy nhà hàng xóm giết lợn, Mạnh hỏi mẹ:

- Thưa mẹ, người ta giết lợn làm gì thế?

- Để cho con ăn đấy. Bà lỡ miệng nói đùa.

Nói xong bà chợt nhớ là mình đã lỡ lời. Bà nghĩ: "Con ta thơ ấu, tri thức mới mở mang mà ta nói dối nó, thì chẳng ra ta dạy nó nói dối hay sao?". Đoạn bà đi mua thịt lợn mà cho con ăn thật.

Lại một hôm khác, trong lúc bà đang dệt củi, xa trông thấy con trốn học về nhà, bà buồn giận kêu Mạnh đến gần, lập tức cầm dao chặt đứt tấm vải đang dệt rồi mắng:

- Con đang đi học mà bỏ học thì cũng như mẹ đang dệt vải mà chặt đứt vải vậy.

Mạnh nghe mẹ dạy, cảm động sa nước mắt, và kể từ hôm ấy Mạnh học tập chuyên cần hơn trước gấp bội, nhờ đó Mạnh luôn là học sinh xuất sắc của lớp và về sau Mạnh trở thành bậc đại hiền minh triết.

(Liệt Nữ truyện)

LỜI BÀN:

Các bạn thân mến!

Giáo dục con theo kiểu của Mẹ Mạnh Tử thì Mạnh Tử không trở thành bậc hiền triết sao được. Thấy chỗ ở không thích hợp, lập tức dời đến nơi khác, đến nơi khác vẫn chưa thích hợp lại dời đến nơi khác nữa. Đến khi dời nhà cạnh trường bà mới thật sự hài lòng, vì sống ở đấy, Mạnh Tử sẽ bắt chước chúng bạn năng nổ chăm chỉ học hành mà trở thành người hữu dụng.

Cách giáo dục đó chúng ta thấy nổi bật ba ưu điểm:

1. Chọn môi trường sống thích hợp với trẻ mà Đức Phật đã dạy là: "*Phải ở những nơi đáng ở*", cốt để tránh những ảnh hưởng xấu từ môi trường, từ ngoại tại đem lại, bởi vì "*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*".
2. Gieo vào tiềm thức trẻ những đức tánh không phỉn phờ, chân thật để tạo cho trẻ một nếp sống đạo đức sau này.
3. Ám thị vào trí não trẻ tinh thần cần cù, chăm chỉ, siêng năng, không biếng nhác để giúp trẻ có một thái độ kiên trì nhẫn nại, khắc phục khó khăn gian khổ.

Nói chung, cha mẹ phải dạy con từ thuở nhỏ "*Dạy con từ thuở còn thơ*" để con cái quen dần với những thói quen tốt mà trở thành những người đức hạnh sau này.

Trần Ngọc Thảo



NHỮNG MÀ BỐ...

Lucy Wade

Nhị Tường (dịch)

"**D**i mà Bố... Bố cho con đi nhé". Tôi đứng khoanh tay ngay trước chiếc ti vi cố thuyết phục Bố rằng tôi là người duy nhất ở trường không tham dự buổi dạ hội. Thật không may, Bố chẳng dễ dàng bị thuyết phục thay đổi quan niệm mà hai tuần trước đây ông đã nói rằng tôi còn chưa trưởng thành. Sau hai tiếng đồng hồ nài nỉ, tôi vẫn không thể đạt được mục đích. Chẳng mấy chốc, cuộc tranh luận lại trở thành một trận khẩu chiến khi tôi cứ tiếp tục lý sự bằng bất cứ lời biện minh nào vừa chợt nghĩ ra.

Bố chẳng mấy may xúc động trước những lời nài nỉ của tôi, ông vẫn chăm chú nhìn vào chiếc ti vi với chương trình Những Tuyệt Tác Thế Giới và Arnold Palmer đang nhắm vào gôn. Đây là cách bố biểu lộ cho tôi biết rằng tôi sẽ chẳng bao giờ giành được kết quả, rằng chuyện của tôi đang bị bỏ qua. Tôi chẳng thích bị bỏ qua chút nào, tự nhiên, tôi cứ ngoan cố, và thế là tôi đã đẩy mọi việc đi quá trớn. "Vậy thì còn ra cái thể thống gì nữa chứ?" Tôi nói với một cái giọng câu kính ngoài ý muốn.

Trong giây lát, Bố rời mắt khỏi trận gôn quay lại nhìn tôi. Tôi ngồi xuống chiếc đi-văng, vắt chéo chân, cố tạo ra vẻ bình tĩnh, chờ đợi câu trả lời của Bố. Nhưng Bố lại hướng mục tiêu trở lại phía anh chàng đang đánh gôn vào lỗ, đầu gậy gù theo cú đánh, rồi mới hướng ánh mắt lạnh lùng như thép về phía tôi.

"Bố đã bảo không rồi mà, không nói chuyện này nữa"
Giọng của bố vang rền trong phòng khách.

Trong cơn giận dữ vì bị xúc phạm, tôi lồng lên khi những lời cuối cùng của Bố cửa vào niềm kiêu hãnh đã bị tổn thương hoàn toàn của tôi:

"...này cô gái, nếu bố còn nghe một lời nào nữa về việc này thì con sẽ bị giam lỏng thêm tuần nữa đấy."

Tôi nhìn ông với tất cả hận thù được dồn nén của một đứa trẻ mười lăm, vừa lao về phòng vừa hét lên: "Con ghét bố! ước gì bố chết cho rồi".

Em gái tôi, Jody, đưa cho tôi tấm khăn giấy để tôi lau giòng nước mắt đang chảy tràn trên má khi tôi kể lại câu chuyện đã xảy ra cách đây hơn 20 năm.

"Cheryl, chị không bao giờ khước từ một cơ hội tranh cãi nào cả", nó nói. Nhận thức của nó về thời thơ ấu của tôi càng dày vò tôi hơn khi nó tiếp tục nói cho tôi biết rằng câu chuyện mà tôi vừa nhớ lại, không phải là lần duy nhất

Bố và tôi cãi nhau, về lũ con trai, về sự trưởng thành và về cuộc sống nói chung.

"Chị trông giống Bố, cách nói cũng giống Bố và hành động cũng y hệt như Bố, đặc biệt là khi muốn làm theo ý mình. Đó là lý do mà Mẹ vẫn thường gọi chị và Bố là những người Đức cứng đầu cứng cổ".

"Ừ, thì cũng bởi vì Bố chẳng bao giờ thừa nhận là Bố sai cả." Tôi cãi, vẫn còn cố biện minh cho bản chất hay lý sự của mình.

"Còn chị thì chẳng bao giờ thừa nhận là Bố đúng", Mike, em trai tôi này giờ đang đứng dựa vào tường lắng nghe, nói xen vào. "Có lần, quá đau khổ vì một trận cãi cọ, Bố đã bảo rằng một ngày nào đó chị sẽ trở về với bố và thừa nhận rằng Bố đã đúng nhưng em cá là chị không bao giờ làm điều đó".

Tôi nhìn xuống Bố đang nằm bất động trên chiếc giường bệnh viện. Bỗng dưng tôi cảm thấy một nỗi xót xa ân hận vì tôi chưa bao giờ xin lỗi Bố, vì tôi nhận ra rằng giờ đây đã quá muộn màng. Chẳng những không bao giờ tôi nói "Bố đúng rồi, Bố ơi," mà tôi còn chưa bao giờ nói rằng "Con yêu Bố". Tại sao tôi lại đợi đến ngày hôm nay tôi mới cảm thấy ân hận dường này? Jody, đang đứng phía bên kia giường bệnh của Bố, lặng lẽ nhìn tôi như thể em hiểu hết những gì tôi đang nghĩ. Nó là đứa em gái duy nhất, thế

mà tôi chẳng bao giờ nói với nó một câu "Chị thương em" cả. Động từ "yêu thương" không phải là từ phổ biến trong gia đình tôi. Điều đó không có nghĩa là chúng tôi không yêu thương nhau, mà chỉ vì chúng tôi không bao giờ diễn đạt bằng lời. Vả lại, sự bộc phát của các tính khí và những ý kiến đối nghịch nhau là những chuyện hoàn toàn khác.

Theo Jody, tâm trạng tôi đang ở trong trạng thái tồi tệ nhất, vì vậy nó ngần ngại không muốn nói ra điều đó khi chúng tôi tiếp tục kể những câu chuyện về thời thơ ấu.

"Chị là người không bao giờ chịu sửa sai", nó nói với một nét cười trong giọng nói.

"Chị đã phải tranh đấu để có thể được làm bất cứ điều gì", tôi mỉm cười bác bỏ lời trêu chọc của nó.

Thật không dễ dàng gì khi phải làm một người chị cả, mặc dù Michael và tôi chỉ cách nhau có 11 tháng. Jody cách Michael 2 năm. Kế đến là Gus, tên thật của nó là Warren, nhưng biệt hiệu Gus đã gắn với nó kể từ khi nó lấp bắp những trọng âm đầu tiên: "Gu-Gu".

"Nhớ cái hồi mà mẹ mở cửa sau để gọi bốn đứa mình từ nhà hàng xóm về, mẹ gọi y như gọi một cái tên thật dài" Tôi nói.

Mike bụm tay lên miệng cười khúc khích và kêu lên y như mẹ thường kêu: "Cheryl-michael-jo-gus".

Chúng tôi ngả nghiêng cười khi nghe lại những âm thanh quen thuộc.

Cheryl, Michael, Jo và Gus. Bốn đứa chúng tôi tuổi gần kề nhau nên Mẹ thường gọi chúng tôi là những bậc thang; chúng tôi đã là những bậc thang trong mười ba năm, cho đến khi Chuck ra đời.

Bỗng dưng tôi thấy tiếc cho Chuck, em trai út của tôi, nó đang ngồi trong góc lắng nghe chúng tôi nói chuyện với nhau. Nó đã không có mặt trong những câu chuyện "người lớn" của chúng tôi. Những bậc thang đã trưởng thành và ra đời lập thân trong khi nó vẫn còn nhỏ. Nhưng tôi biết nó rất thích nghe những câu chuyện của chúng tôi. Nó cười khi nghe chuyện hồi đó Bố mẹ mua cho bốn đứa chúng tôi những chiếc xe đạp nhân dịp Lễ Phục Sinh; thế rồi đến cuối mùa hè, chỉ còn một chiếc sử dụng được vì Mike đã tháo trộm từng phần từ những chiếc xe của chúng tôi để lắp chiếc xe cho nó. Nó lắng nghe chúng tôi thuật lại chuyện chúng tôi gặt Jody đặt mua kem Tootie-Fruitie, chỉ khi chúng tôi phải giải thích rằng cái thời ấy xảy ra khá lâu trước khi kem Baskin Robbin 32 mùi trở nên khá bình dân như bây giờ, nó mới có thể cười theo.

Những chuyện ấy đã được kể không biết bao nhiêu lần khi chúng tôi sum họp cùng nhau. Nhiều năm trôi qua, những

câu chuyện càng thêm phần chi tiết; nhưng không phải tất cả mọi chuyện đều tiếc hận như chuyện của tôi. E rằng chuyện của mình sẽ làm cho bầu không khí vốn ảm đạm lại thêm phần sầu não tôi cố đổi đề tài.

"Chị hy vọng Gus sẽ đến đây sớm" Tôi nói và liếc nhìn đồng hồ. "Nó đã rời Cincinnati hơn 4 tiếng đồng hồ rồi".

"Chị kể chuyện cái ngày đầu tiên anh Gus lên đời đi học mẫu giáo đi chị". Chuck nói khi băng ngang qua phòng để đến bên cạnh tôi.

"Chúng ta hãy đợi Gus đến đây đã". Tôi nói và cười khúc khích, "Nó ghét nghe chuyện này lắm".

Một luồng không khí bỗng tràn vào phòng khi cô y tá đẩy cửa nhẹ nhàng bước vào và tiến về phía cuối giường bố nằm. Cô cầm tấm biểu đồ lên, liếc nhìn chiếc máy nối với cơ thể Bố, ghi một vài chữ. Thế rồi, cô khẽ mỉm cười với chúng tôi như thể cô có cảm giác chúng tôi không dễ chịu cho lắm với sự hiện diện của cô. Khi cô y tá rời phòng, Mike cầm tấm biểu đồ lên và nhìn như thể nó đang đọc một bản chỉ dẫn bằng tiếng nước ngoài.

"Ở trong đó viết gì vậy?" Jody hỏi.

Mike nhún vai đặt tấm bản vào chỗ cũ rồi nhìn Bố. Tôi nhìn theo ánh mắt của Mike, Bố với cơn bệnh tim đang thổ

một cách bất thường qua máy giúp thở mà bác sĩ đã gắn vào người bố cách đây bốn ngày. Phút chốc, chúng tôi lại chìm vào những suy nghĩ riêng tư. Tôi nhìn ngực Bố, dưới tấm khăn màu trắng, đang nhô lên hạ xuống một cách khó khăn. Thậm chí khi bơm oxy vào người, Bố thở cũng rất khó nhọc. Thỉnh thoảng Bố lại khò khè như thể Bố đang giành lấy không khí, giành lấy sự sống.

Trên khuôn mặt vốn nhăn nhui của bố đã xuất hiện những đám râu lởm chởm trắng như tuyết. Màu trắng của râu cùng với mái tóc rối bời đã tạo cho bố vẻ bề ngoài già hơn nhiều so với tuổi 62. Tôi thầm nghĩ, lẽ ra Bố không phải ở đây. Lẽ ra Bố phải đang có mặt tại một trận gôn nào đó hoặc đang ở nhà tranh cãi với tôi. Lẽ ra Bố phải ở bất cứ một nơi nào đó, trừ nơi đây.

Bốn chúng tôi ở cạnh Bố gần một tiếng rưỡi. Chúng tôi thay phiên nhau nắm lấy tay Bố và trông chừng Bố. Đó là cách duy nhất chúng tôi giúp mẹ nghỉ ngơi. Bác sĩ nói rằng chỉ còn trong khoảnh khắc là tim Bố ngừng đập. Bốn ngày trước đây Bố bị đau nhói trong ngực, Bố bị lên cơn đau tim kịch phát lần thứ ba. Bây giờ thì Bố đang hôn mê.

Bác sĩ nói với chúng tôi tình trạng của Bố lần này không có hy vọng mấy, từ lúc 90% các mạch máu trong người bố bị nghẽn. Nhưng Mẹ không muốn Bố cảm thấy cô đơn khi thức dậy. Dù không ai nói ra, nhưng tất cả chúng tôi đều biết Bố không bao giờ thức dậy nữa. Bố sắp ra đi vĩnh viễn, nhưng chúng tôi

không muốn thừa nhận điều đó, vì vậy chúng tôi đứng cạnh giường Bố và kể cho nhau nghe những chuyện thời thơ ấu. Có ai đó nói rằng những người trong trạng thái hôn mê, cũng có thể nhận thức được xung quanh họ. Mặc dù không ai trong chúng tôi thật sự chắc chắn về điều đó nhưng chúng tôi vẫn cứ nói và kể chuyện nọ chuyện kia, cho đến khi từ chiếc máy dò tìm phát ra âm thanh báo hiệu nỗi kinh hoàng của chúng tôi -- tìm ngừng đập. Rất nhanh ngay sau đó căn phòng nhỏ bé bỗng chật ních các bác sĩ và y tá.

Một toán nhân viên bệnh viện bảo chúng tôi ra ngoài và đóng cửa lại. Vài phút trôi mà quá dài như hàng giờ, chúng tôi đứng xúm lại, chờ đợi, bần khoản, cố nín giữ chút hy vọng cuối cùng.

Mẹ là người đầu tiên được các bác sĩ mời vào phòng sau khi họ tháo những chiếc ống dây cuối cùng ra khỏi người Bố. Thế rồi, từng người một, các anh, các chị và tôi bước vào phòng để nói lời vĩnh biệt. Tôi nán lại bên thi hài của Bố. Căn phòng yên tĩnh quá. Không còn một âm thanh nào của các thiết bị cấp cứu hay những tiếng rì rầm của các cô y tá. Không còn tiếng cười đùa và cũng không còn chuyện gì để kể nữa. Tôi nghiêng người đặt chiếc hôn lên má Bố và thì thầm: "Con xin lỗi Bố. Con không bao giờ muốn Bố chết cả".

Khuya đêm ấy, chúng tôi ngồi quây quần trong phòng Mẹ và bàn định về tang lễ. Nước mắt lăn dài trên má, tôi kể với mẹ về giây phút cuối cùng tôi vĩnh biệt bố.

"Cheryl, con" Mẹ nói, "Bố con chưa bao giờ có dịp để nói cho các con biết Bố đã tự hào về các con như thế nào. Nhưng những ngày gần đây, trước khi Bố bị bệnh, Bố đã ngồi trên chiếc ghế Bố hằng ưa thích và không nói chuyện gì khác ngoài chuyện các con của Bố. Các con là tất cả tài sản duy nhất mà bố có được trên đời này. Bố của con chưa bao giờ nói điều đó với các con, nhưng Bố rất yêu thương các con, yêu thương từng đứa một, theo mỗi cách đặc biệt riêng. Mẹ chắc rằng niềm ân hận duy nhất của Bố là Bố chưa bao giờ kể với các con điều đó".

Chúng tôi an táng Bố vào ngày Chủ Nhật thứ hai của tháng Sáu - Ngày Lễ Cha.

Vài ngày sau đám tang, đứa con trai 7 tuổi đến bên tôi nài nỉ được đi cắm trại với bạn bè. Sau khi tôi lặp lại lời từ chối, cậu bé nổi khùng lên, dậm chân thành thịch trở về phòng và đóng sầm cửa lại. Nhưng trước khi tôi nghe được tiếng la: "Con ghét mẹ, con trông mẹ chết đi" thoát ra khỏi buồng phổi của cậu bé thì trong đầu tôi đã vang lên những lời nói của Mẹ "Mẹ chắc rằng niềm ân hận duy nhất của Bố là Bố chưa bao giờ kể với các con điều đó". Tôi nhẹ nhàng gõ cửa phòng ngủ của con, và thì thầm: "Mẹ rất yêu con, con trai ạ".



NỤ CƯỜI CHO CẢ MỘT ĐỜI

Dennis Smith
Nhị Tường (dịch)

Hẹ tôi đã tặng một món quà khi tôi còn trẻ. Đó không phải là một thứ gì có thể cầm nắm được, nhưng nó đã khắc sâu trong ký ức của tôi.

Ngày đó tôi mới lên sáu. Đó là một sáng thứ bảy nóng ngạt năm 1946, mẹ tôi cho anh trai Billy và tôi hay rằng chúng tôi sắp được đi đến bãi biển ở đảo Coney một ngày. Những bức tường của căn hộ chúng tôi ở Nữ Ước này hút nhiệt giống những lò nung gạch, nên tôi vô cùng phấn khởi với tin mừng đó.

Đó là một chuyến đi dài một tiếng đồng hồ trên tàu điện ngầm đến bãi cát trắng mịn như nhung. Bãi biển thật đông người – hơn một trăm ngàn người khăn gói tụ tập cùng nhau trên bãi cát.

Chúng tôi tiến gần mép nước và trải tấm bạt mang theo. "Không hoàn hảo lắm, nhưng cũng được", mẹ nói. Chúng tôi cởi bỏ áo ngoài chỉ còn lại áo tắm. Anh tôi nhào xuống

nước. Một người bán kem đi qua với một chiếc thùng thật to trên vai: "Kem đây", người bán kem rao.

Kem, tôi nghĩ, ngay tại đây trên bãi biển! Nhưng giá bao nhiêu nhỉ? Với mẹ, tốt hơn hết là phải biết giá cả trước khi hỏi xin.

Người bán kem đã đi được nửa đường từ dưới bãi lên trên lối đi. Tôi chạy theo sau, len lỏi chạy vòng và chen qua đám đông, hất cả cát. Cuối cùng tôi đã đuổi kịp người bán kem và kéo ống tay áo của ông. "Bao nhiêu một chiếc hủ ông". "Kem đặc biệt cho cháu là mười xu". "Mười xu! Trên phố chỉ có 5 xu thôi". "Nhưng đây đâu phải là trên phố, đây là bãi biển mà cháu".

Mẹ chẳng bao giờ tiêu 10 xu cho một que kem. Thất vọng, tôi cúi đầu và bước đi về chỗ tắm bọt của mình. Từng người và từng tấm bọt trên bãi cát đều khác nhau, tuy nhiên mọi người và mọi thứ dường như giống nhau. Có hàng ngàn người đi bộ, chạy, đứng, ngồi, ném những quả bóng. Tôi cố nhìn xuyên qua những khoảng trống giữa họ nhưng tôi không thể nhìn thấy anh tôi và mẹ.

"Nếu con bị lạc," mẹ đã bảo tôi "hãy đi đến chỗ lần cuối cùng chúng ta ngồi với nhau và đợi ở đó".

Chỗ cuối cùng đó là tắm bọt của chúng tôi. Nhưng nó ở đâu? Có ai thấy không? Tôi có thể hỏi người lạ không khi mẹ bảo không bao giờ được làm như thế? Tôi hãi hùng khi

ngĩ đến một tình huống thật tồi tệ: Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi không bao giờ gặp lại mẹ lần nữa? Tôi bắt đầu run rẩy. Tôi nhìn thấy chiếc cầu thang gỗ phía bên trái, có lẽ chúng tôi đã theo lối đó đi xuống bãi biển. Thế nhưng rồi tôi lại thấy vô khối các cầu thang nằm theo mọi hướng.

Tôi chạy từ tấm bạt này đến tấm bạt khác nước mắt chảy ròng ròng trên má. Đôi chân tôi cháy bỏng vì cát nóng.

Bỗng nhiên tôi thấy mình đang ở trên những bậc thang, tôi quyết định dừng lại. Nhưng những bậc thang cũng nóng như cát vì vậy tôi chạy xuống bóng mát ở bên dưới lối đi bằng gỗ.

Khi tôi đứng ngây như phỗng ở đó, tôi nhớ lại tất cả mọi điều tôi đã từng làm với mẹ, những lần đi lễ nhà thờ, tản bộ trong công viên hoặc lắng nghe radio. Ý nghĩ không bao giờ nhìn thấy mẹ lần nữa đã làm nhói tim tôi. Khi khóc, tôi nghĩ: *Mẹ ơi, con hứa sẽ ngoan nếu như mẹ trở về với con.*

Thế rồi, tôi thấy mẹ. Mẹ đang nắm tay Billi, mặt cau có và mắt bùng bùng. "Mẹ!" tôi hét vang.

Mẹ dừng lại, vẻ nghiêm nghị, ánh mắt nghiêm khắc bắt đầu dịu đi. Mẹ đã nhìn thấy tôi khi tôi chạy trong nắng nóng, và tôi nhìn thấy nụ cười nở dần trên khuôn mặt mẹ mà tôi không bao giờ quên được – một nụ cười thuần hậu của sự độ lượng bao dung và mừng rỡ. Tôi ôm chầm lấy mẹ. Nụ cười dường như muốn nói. "Cuối cùng mẹ đã tìm

thấy con". Mẹ như ngập trong hạnh phúc khi dang vòng tay đón lấy tôi đang chạy đến mẹ. Thật xúc động biết bao - thậm chí ngay lúc này, khi nhớ lại nụ cười của mẹ, dù đã quá nhiều năm trôi qua sau đó.

Thế nhưng, từ đó về sau, càng lúc càng hiếm lý do để mẹ cười bởi vì cuộc sống của mẹ không còn tươi sáng khi chúng tôi lớn hơn. Và tôi là một trong những gánh nặng chính mà mẹ phải mang.

Gia đình tôi phải chịu một cú đòn chí mạng. Cha tôi, một tài xế xe tải, từng là một người đàn ông khỏe mạnh, cho đến một ngày, không thể hiểu nổi, cuộc đời cha tôi đã thay đổi. Mẹ trở về nhà và nhìn thấy cha đang ngồi trên ghế, cứng đờ như thể được đúc trong thạch cao. Cha không thể nói hay cử động được. Cha tôi bị mắc chứng bệnh rối loạn tâm lý nặng, và cha đã được đưa vào viện tâm thần, nơi cha đã sống những ngày còn lại của cuộc đời.

Mẹ tôi gây dựng cho tôi và Billy bằng mọi cách tốt nhất mà bà có thể làm, tìm những công việc lặt vặt để kiếm thêm tiền. Vậy mà không có ngày nào tôi không cầu nguyện cho bố tôi hết bệnh trở về. Không có một người cha để nói cho tôi biết tôi là ai, chỉ bảo tôi phải hành động như thế nào và đang kỳ vọng điều gì nơi tôi. Tôi cảm thấy bơ vơ, giống như ngày bị lạc trên bãi biển. Tuy nhiên, lần này, tôi đã lạc lõng nhiều năm trời.

Tôi tìm kiếm hình dáng một người cha và dễ dàng lạc vào trong đám du côn ở khu đông Nữ Ước. Người ta sợ chúng. Chúng có thể đánh nhau vì một lời vô tình hay một cái liếc mắt bóng gió. Chúng ăn cắp những gì chúng muốn. Tôi muốn giống chúng, thế là tôi được chúng thích và chấp nhận.

Một ngày nọ, tôi tốt lên một chiếc xe ăn cắp cùng với một gã tên Jimmy, ngày khác tôi đánh lộn với thằng Vinny vì nó không thích tôi "đá lông nheo" với con bồ của nó. Tiếp theo đó, tôi đã hút một điếu cần sa dài chuẩn choáng với một thằng tên Frankie.

Trong khi đó, ở trường, tôi luôn làm giáo viên bức tức. Tôi nói chuyện huyền thuyên. Tôi vẽ lung tung trong lớp. Khi tôi 14 tuổi, một cô giáo đến nhà gặp mẹ tôi: "Em nó không đi học hơn 2 tháng nay rồi".

Mẹ nhìn tôi, nhận ra rằng tôi đã nói dối mẹ mỗi buổi sáng suốt ngần ấy thời gian. Tôi thấy một giọt lệ lớn dần nơi khóe mắt mẹ, nhưng tôi biết mẹ sẽ không khóc. Không thể khóc ở đó, trước mặt một người lạ.

Một ngày không lâu sau đó, tôi đứng trước thêm cửa với mẹ, thấy hai viên cảnh sát chạy vào khu nhà bên cạnh và dẫn ra một thằng bé tên Pinhead. Nó chỉ mới 16 tuổi nhưng đã tham gia vào vụ cướp. Mẹ nó bước lầm lũi theo sau.

Mẹ gần như rơi lệ khi nhìn người phụ nữ vô phúc ấy. Rồi mẹ thở dài, ngược lên trời và nói như nói với chính mình: "Thượng đế đã quá khắt khe với các bà mẹ, khi ban phát và mang đi những đứa trẻ".

Trong khi tôi là nguyên nhân những đau khổ của mẹ thế mà mẹ chẳng nhận được ở tôi một lời nào xin lỗi. Tôi cũng không chịu rời bỏ con đường của mình. Cuối cùng vì trốn học thường xuyên nên tôi đã nghỉ học ở tuổi mười lăm.

Chẳng bao lâu tôi đã góp cho gia đình số tiền ít ỏi nhận được từ công việc phân phối hoa cho một nhà trồng hoa và tân trang đồ đạc cho một người bán đồ cũ.

Vậy mà, nhiều đêm tôi đã không trở về nhà. Tôi thường xuyên bê trễ công việc. Vài lần tôi say rượu và phá phách nhà cửa. Một người hàng xóm nói với mẹ là tôi dùng heroin. Nhiều lần, những hành động của tôi làm cho mẹ lo lắng và khổ sở. Vậy mà mẹ luôn ở bên cạnh tôi. "Con hiểu mọi việc hơn mẹ, con có thể làm được tốt hơn". Mẹ nói.

Thế rồi một ngày khi tôi 16 tuổi, tôi đánh lộn và bị bắt. Mẹ đã van nài một người hàng xóm là luật sư can thiệp mà không tốn tiền. Luật sư nói với thẩm phán rằng tôi muốn đăng lính và viên thẩm phán cho qua mọi việc.

Đó là một dịp may cho tôi, vì tôi đã xa rời được môi trường đầy cạm bẫy và bước vào một thế giới của kỷ luật và trách

nhiệm hẩn hời. Suốt ba năm trong quân ngũ, tôi đã có thời gian kiểm điểm lại đời mình, những ý nghĩ của tôi luôn hướng về mẹ.

Cuối cùng, bình minh cũng soi sáng đời tôi, sau khi tôi đã gây ra cho mẹ biết bao nhiêu lần nhói tim_ và quá ít ỏi lần tôi cảm thông với hoàn cảnh thống khổ và sự chịu đựng của mẹ. Những thử thách tàn nhẫn mà mẹ đã đương đầu lại tái hiện trong tôi.

Khi cha tôi rời nhà, hơn cả tôi, mẹ đã phải chịu nỗi cô đơn cùng cực. Không có một vật dụng, tài sản nào trong nhà mà không ghi dấu của cuộc hôn nhân đầy hứa hẹn, chứa đựng những hồi ức của thời son trẻ. Và khi phải lao động cật lực, mẹ vẫn ngẩng cao đầu và truyền đạt cho tôi một nhân sinh quan _ một trăm tia sáng nhỏ đã dẫn lối đi xuyên suốt con đường đời. Mỗi tuần mẹ mang một đồng sách từ thư viện về và đọc cho chúng tôi nghe. Mẹ dạy cho chúng tôi những bài học bà đã học được khi trưởng thành trong Thế chiến thứ nhất. Những bài học của mẹ chỉ là những câu nói đơn giản nhưng đầy sâu sắc. "Hãy trung thực, và hãy mặc chiếc áo sạch", mẹ thường nói thế bất cứ khi nào có sự bất đồng nảy sinh. "Sự trung thực sẽ được ghi vào trong cuốn sổ cuối cùng và giá trị nhất trước cửa thiên đàng đấy".

"Và nhớ là" mẹ thêm vào, "họ sẽ luôn luôn nghĩ tốt hơn về con khi con mặc chiếc áo sạch sẽ."

Mẹ không mong muốn gì hơn là tôi và anh tôi trở thành những người đàn ông đang hoàng và trách nhiệm. Nhưng tôi đã nổi loạn và coi thường những ước mơ của mẹ. Cuối cùng, gần như quá muộn, tôi đã biết xấu hổ.

Nhiều năm trôi qua, tôi lại trở về căn hộ ở Nữ Ước. Tôi biết mình sẽ không sa ngã với những người xấu, dù vậy tôi cũng không dám chắc mình sẽ tiến đến đâu. Mẹ rất lo lắng cho tôi.

Một ngày nọ khi thấy bản thông báo tuyển người của Sở Cứu Hỏa. thành phố Nữ Ước, tôi đã nộp đơn. Nơi tôi ở, việc trở thành một viên chức cảnh sát hay là lính cứu hỏa được ghi dấu như một thành tựu rực rỡ và đầy ý nghĩa của xã hội. Đối với tôi, đó là một cơ hội thực sự bắt đầu trong đời. Tôi tự hỏi không biết mình có đạt được hay không nhưng tôi biết rằng đây là lúc phải cố gắng.

"Chúc con may mắn", mẹ nói, đó là điều mẹ thường nói bất cứ khi nào tôi ra ngoài. Nhưng lần này mẹ thêm vào "Hãy nỗ lực, con nhé".

Tôi đã nỗ lực. Không lâu sau đó tôi được thấy mình trong hội trường của một toà nhà, là một trong nhóm gồm 200 người, chúng tôi giơ tay cao tuyên thệ. Mẹ đang ngồi dưới những dãy ghế phía sau, thỉnh thoảng tôi lại quay ra sau để nháy mắt với mẹ. Mỗi người chúng tôi được bước lên phía trước và nhận phù hiệu.

Khi về chỗ, tôi giờ phù hiệu của mình cho mẹ thấy. Thật là kỳ diệu, nụ cười hạnh phúc mà tôi đã không bao giờ thấy lại từ cái ngày trên bờ biển, giờ đây lại xuất hiện. Nụ cười rạng rỡ đã bao trùm lấy mẹ, xóa tan đi nỗi buồn đau, và lần này nó nói rằng "Cuối cùng, con đã tìm thấy được chính mình". Vào cái giây phút ấy trông mẹ như thể chưa hề biết đến thất vọng trong đời.

Từ đó về sau còn có thật nhiều ngày hạnh phúc cho mẹ, đó là ngày anh tôi tốt nghiệp đại học, tôi nhận bằng tốt nghiệp, sự ra đời của những đứa cháu. Nhưng tôi vẫn không bao giờ thấy được nụ cười đó nữa, tôi nghĩ rằng mình biết lý do tại sao.

Khi mẹ ngồi ở hàng ghế khán giả vào ngày tôi được bổ nhiệm vào đội cứu hỏa, mẹ biết rằng, cuối cùng tôi đã bước hẳn vào đời, với những bước đi vững chắc. Đó là một nụ cười dành cho cả cuộc đời, nụ cười đó đã nói: "Sứ mệnh của mẹ cuối cùng đã hoàn thành".



MÙA THU VIẾT CHO MẸ

Diễm Tuyết

Ước mỗi mùa thu đến, lá vàng rụng đầy trên sân, trên lòng đường, dù ở bất cứ nơi nào lòng con luôn nghĩ về mẹ. "Mẹ là lợn mía ngọt ngào, mẹ là nải chuối buồng cau". Một nhà sư từng viết như thế khi nói về người mẹ. Với con, mẹ là không chỉ là lợn mía, nải chuối buồng cau, mẹ là Tiên, Là Phật, Là Đấng Tối Cao duy nhất của đời con.

Còn nhớ, khi con còn nhỏ, con quặt quẹo đau ốm luôn, mẹ luôn là người ngồi bên cạnh con để bóp tay, xoa lưng cho con ngủ. Con không thể nào chịu nổi khi thức dậy khi vắng mẹ. Con không chịu thức dậy nếu không nghe tiếng gọi ân cần của mẹ. Dù mẹ có bận trăm công nghìn việc gì, bao giờ mẹ cũng phải có mặt vào lúc con trở mình thức giấc đêm khuya. Do lúc ban ngày con chơi đùa quá sức, những đêm con trần trọc không ngủ, mộng mị thấy những hình bóng ông ba bị, con khóc thét lên, và chỉ khi nghe tiếng nói dịu êm: "mẹ đây, mẹ đây con" là con an lòng rúc vào lòng mẹ, say một giấc ngủ thần tiên.

Khi mẹ bị tai nạn xe tông. Trong cái chết chập chờn trong gang tấc, người mẹ nghĩ ngay đến là con. Mẹ kêu van Trời Phật, hãy cho mẹ sống để được nuôi con đến ngày khôn lớn. Mẹ lo cho con khát sữa, ai có thể cho con bú mớm thay mẹ. Nếu chẳng may mẹ mất đi, thì ai sẽ dắt dìu con thành người đây. Trời Phật đã nghe lời van xin của mẹ, mẹ đã sống sau cơn hoạn nạn đó. Mẹ chẳng bao giờ có lấy một giây phút nghĩ đến bản thân, mà chỉ lo lắng cho con cho cái, ngay cả trong lúc hoạn nạn đón đau.

Khi con chập chững vào mẫu giáo, cũng là ngày mẹ dắt tay con đến trường. Giao con cho một cô giáo lạ hoắc lạ huơ. Con sợ hãi nhưng mẹ bảo con đừng khóc, vì cô rồi sẽ yêu thương con như mẹ thôi. Thế rồi sợ cô, con không dám khóc, nhìn mẹ quay ra bước ra cổng hình như trái tim non nớt của con đã cảm thấy cô đơn bơ vơ lạ lùng. Con khóc thét lên, nhưng rồi con cũng phải nín lặng vì không ai dỗ dành. Đến chiều về, con hờn giận mẹ, con nghe mẹ nói mẹ đã đứng rất lâu trước cổng trường, tiếng khóc của con dội vào tim mẹ. Mẹ phải đợi đến khi không nghe tiếng con khóc nữa, mẹ mới ra về. Lần đầu tiên trong đời con nhận thức rằng, sống trên đời này sẽ có lúc mình phải lìa xa những người mình yêu thương nhất. Khi con lên mười, đất nước gặp lúc lầm than, mẹ tần tảo nuôi con hôm sớm. Những bữa cơm chỉ dọn toàn là khoai sắn. Ngày nào con cũng thấy mẹ dùng đũa vuốt những hạt cơm dính trong củ khoai, dồn lại thành một chén cơm đầy cho riêng con. Mẹ nhìn con ăn những củ khoai trước cho chặt ruột rồi sau đó

mới hau háu ăn chén cơm, mẹ quay đi mà nước mắt lưng tròng. Con biết mẹ đã dành hết mọi điều ngon ngọt nhất đời cho con.

Cứ đến mùa thu thì con nhớ đến mẹ, không chỉ vì mùa thu là mùa Vu-lan báo hiếu, mà còn vì con cứ nhớ mãi hình ảnh mẹ quét những chiếc lá khô trên sân vườn. Mỗi buổi chiều tan học, mẹ với cây chổi quét xào xạc trước nhà chờ đợi con đi học về. Mẹ hay than phiền cây trứng cá này rụng lá, nhưng vẫn không chịu chặt đi để trồng cây khác, vì biết con thích ăn trái trứng cá. Bạn bè con đến chơi lấy cây trứng cá làm vui, vì tên của các bạn con nhỏ Phượng, nhỏ Hoa, nhỏ Mai khắc đầy trên đó. Đến bây giờ con vẫn nhớ như in hình bóng mẹ và tiếng xào xạc chiếc chổi tre. Cũng chiếc chổi tre đó mẹ quát con đau điếng, khi con ham chơi đi học không chịu về nhà. Những lúc đó con hờn mẹ biết bao nhiêu thì giờ đây con lại biết ơn mẹ bấy nhiêu. Nếu mẹ không đánh đòn, chắc con không chịu chăm lo học hành để có được ngày nay.

Những kỷ niệm về mẹ thì biết kể làm sao cho xiết, con nhớ những ngày tết con học trường xa không có tiền về xe, mẹ gửi cho con 2 đòn bánh tét cho một người bạn cùng quê mang lên cho con. Xe đồ đi dọc đường bị hư, 2 chiếc bánh tét đến tay con chỉ còn một cái, nhưng khi mở ra thì đã mốc hết rồi, tuy nhiên vẫn còn mùi hương và hình bóng bàn tay ân cần của mẹ. Giờ đây mắt mẹ mờ rồi không thấy đường gói bánh và bánh ngoài chợ thì bán đầy nhưng con vẫn

không tìm được chiếc bánh tét ngày xưa. Đêm giao thừa nằm co ro trên chiếc giường trong ký túc xá, đầu con cứ hiển hiện bóng dáng mẹ thắp hương bàn thờ, trước ngõ vào lúc pháo nổ giao thừa.

Khi con bắt đầu biết mộng mơ, mẹ đã nói với con, hãy chọn lấy một người xứng đáng để mà yêu. Con hỏi mẹ người như thế nào là xứng đáng. Mẹ bảo rằng hãy chọn người có nghị lực và có lương tâm, đừng vì hào nhoáng bên ngoài. Con hỏi tại sao, mẹ bảo rằng: người có nghị lực sẽ vượt qua được những cơn sóng gió của cuộc đời; người có lương tâm sẽ không ruồng bỏ mình trong cơn hoạn nạn. Thế nhưng con không nghe lời mẹ, con chọn lấy một người với vẻ hào nhoáng bên ngoài. Để rồi tình yêu đặt nhảm chỗ, người ta đã rời bỏ con mà đi dù không hề có sóng gió hoặc cơn hoạn nạn nào, mà chỉ vì tài sản duy nhất con có chỉ là một tấm lòng. Mẹ là người đầu tiên an ủi cho con trong giây phút tuyệt vọng đó. Trời Phật lúc đó cũng không làm cho con hết đau khổ, nhưng tình yêu của mẹ, bù đắp hết tất cả những mất mát, trống trải trong lòng con. Mẹ là Đấng tối cao của con. Sau này con mới biết, khi con đau khổ một thì mẹ đã đau khổ gấp mười lần con...

Biết ơn mẹ là như thế, nhưng con cũng là một đứa bé bạc bẽo vô cùng. Ngay khi còn nhỏ tính con đã hồ hững vô tình. Một ngày nọ, mẹ tiễn con và bố đi xa, vì quá thích chiếc xe hơi mới bóng, con giằng tay mẹ bước lên xe theo bố mà chẳng hề quay lại, đã vậy miệng còn nói: "mẹ đi về đi, mẹ

đi về đi". Xe chạy rồi bố mới bảo rằng con đã làm mẹ đau lòng khi chẳng hề ngoái lại, chẳng hề vẫy tay. Có phải số phận của người mẹ là như thế khi con cái mình bắt đầu lớn khôn, là chẳng hề phút giây nào quan tâm đến mẹ cha? Những lúc con hẹn hò bạn bè, đi sớm về khuya, bao giờ trở về nhà cũng thấy mẹ đợi cửa. Một mâm cơm nguội lạnh vẫn còn nguyên vẹn đó. Nhà đại thi hào Tagore có ví những đứa con như dòng sông mà cha mẹ như núi: "...Sông chảy xiết reo ca, phá hết đập hết bờ, nhưng núi đứng lại, và nhớ và dõi theo sông với cả khối tình nồng".

Khi con bắt đầu viết văn làm thơ, than ôi, dường như con chẳng viết một bài thơ hay câu ca nào về mẹ cả. Tất cả những bài thơ con viết đều dành cho những "người dưng", cho những mối tình vụn vặt trôi qua nhanh chóng trong cuộc đời. Thế nhưng những bài thơ, bài văn của con được đăng trên báo. Mẹ nhặt nhanh lại từng chút, đọc say sưa, để dõi theo tâm hồn con gái mình mà chẳng chút ghen tị hay buồn lòng. Đôi khi con lại phàn nàn mẹ, đọc làm chi, có liên quan gì đến mẹ đâu... Con còn trách móc mẹ làm thất lạc những tờ báo, những "kỷ vật tình yêu" của con. Bây giờ đây, khi con viết những dòng này, cho mẹ, (hay cho lòng sám hối của chính con?), thì mắt mẹ đã mờ và không hề đọc được nữa. Những chồng báo vẫn nằm yên ngay ngắn và mới cứng chẳng hề có ai đọc cùng con.

Còn một điều mà con lo sợ khi nhắc đến mùa thu, đó là mùa của tiết trời thất thường, mẹ hay bị những cơn đau

nhức mỗi mình. Đó là mùa không chỉ có lá vàng rơi rụng, còn là mùa những người già như trái mít chín cây, rụng lúc nào không biết. Giờ đây đối với con - một đứa trẻ đã gần 40 tuổi - mới chợt hiểu mùa thu không còn là mùa để làm thơ và ngồi hát tình ca, mà là một mùa để lo âu, vì không biết chiếc lá vàng là mẹ sẽ còn nán lại trên cây bao nhiêu thời gian...

Con không thể nhớ nổi từ bao giờ con đã không hề nói lời yêu thương mẹ. Trong khi đó, con đã dễ dàng nói những lời yêu thương ngọt ngào cho một người nào đó mà con yêu, để rồi có lúc người ta vẫn phụ rẫy mình. Có phải vì con biết rằng muôn đời mẹ vẫn yêu con nên không cần nói lời yêu thương để ràng buộc thắt chặt tình thân yêu chăng. Đó là lỗi lầm to lớn nhất của đời con vì không biết nói lời yêu mẹ. Ngày hôm nay, khi viết xong những dòng này, không, không cần phải đợi viết xong nữa, viết bao nhiêu cũng không đủ tạ tội. Chưa kịp đi đến với mẹ bây giờ, thì con sẽ gọi điện ngay, sẽ nói lời: "con yêu mẹ vô cùng". Tạ ơn Trời Phật vì cho dù đôi mắt đã mờ, tai mẹ cũng còn nghe được những lời nói của con, khi vẫn còn chưa muộn...

Muôn đời vẫn thế, mẹ vẫn là Tiên là Phật, vẫn tha thứ và an ủi xoa dịu cho lòng con.

Nha Trang, mùa Thu, 2005



ĐÒNG CHỮ CỦA BA

Diễm Tuyết

Tó một thời mua một cuốn sách là cả một vấn đề vì hai lý do: thứ nhất là túi tiền eo hẹp; thứ hai là sách phân phối hạn chế. Còn bây giờ thì sách in bày bán ê hề trên giấy trắng tinh; một thời gian sau ố vàng hơn một chút bày bán nơi quầy “đại hạ giá”.

Ngày ấy, ở huyện tôi sống chỉ có một hiệu sách duy nhất. Lần đó sách được phân phối về chỉ có 2 cuốn Tự điển Anh Việt [1], dày 2000 trang giá 26 đồng. Tôi thổ lộ ao ước có được cuốn sách này với Ba mặc dù biết đó cũng là số tiền lớn so với tháng lương của Ba. Thương con gái, Ba cũng xoay được số tiền để tôi khệ nệ mang cuốn sách về. Hai cha con ngắm nghía nâng niu trầm trồ cuốn sách. Ba nói sẽ viết lời đề tặng cho tôi.

Ôi, lúc đó tôi đã làm một việc ngốc nghếch nhất trên đời, tôi nói: “Đừng Ba, quyển sách như thế này mà mình ghi vào thì nó sẽ mất giá trị...” Trong đầu một đứa con gái mười bốn tuổi như tôi nào biết rằng có ngày mình sẽ mất đi người cha mãi mãi, còn sách thì còn có cơ hội mua biết bao nhiêu cuốn nữa trên đời này. Tôi đã buộc Ba chỉ được ghi

lời đề tặng ở phía sau cuốn sách, nơi chẳng ai nhìn thấy. Chiu lòng con, Ba cũng ghi cho tôi ở phía sau với một nét buồn ánh lên trong mắt. Cũng còn một chút an ủi là tôi kịp nhìn thấy ánh mắt ấy và kịp thời sửa sai. Buổi tối, tôi ôm cuốn sách đến bên cạnh Ba và lần nữa đề nghị Ba ghi lại lời đề tặng vào phía trước. Trong tôi lúc đó chưa bao giờ nghĩ rằng những dòng chữ xiên xiên của Ba sẽ in đậm suốt đời mình. Sau này, mỗi khi tra cứu, những dòng chữ của Ba luôn làm cho tôi thấy gợn lên trong lòng nỗi ăn năn, đồng thời cũng thấy ấm lòng như có Ba bên cạnh.

Một điều trớ trêu nữa là bây giờ đứa con gái nhỏ của tôi mới biết được vài chữ a, b, c, đã thừa lúc tôi sơ ý cầm bút vẽ nguệch ngoạc vào cuốn tự điển ngày xưa tôi từng trân quý; thế mà vì yêu con, tôi cũng không mắng mỗ hoặc trừng phạt nó; thế mới biết lòng cha mẹ bao giờ cũng yêu thương con vô điều kiện.

Bạn ơi, nếu còn có cha mẹ trên đời, xin nhớ đừng bao giờ phạm phải một sai lầm như tôi: có lần yêu quý đồ vật hơn cả tình cha mẹ để rồi có lần phải rơi nước mắt hối hận như tôi khi viết những dòng này.

Tháng 8-2003

[1] Tự điển Anh Việt, NXB Khoa Học Xã Hội xuất bản năm 1975

MẸ VÀ TÔI

Trịnh Công Sơn

Có một người đàn bà yêu thương tôi và tin tưởng ở tôi nhất trên đời này, người ấy có thể vì tôi mà hy sinh cả tính mạng. Đó là Mẹ tôi.

Có một người bạn trung thành với tôi nhất trên đời này, người ấy có thể vì tôi mà từ bỏ hết mọi của cải, mọi thứ ân sủng quý giá nhất. Đó là Mẹ tôi.

Nếu có ai bảo với tôi rằng ở một nơi nào đó có một người xem con mình vừa là mục đích đầu tiên vừa là mục đích cuối cùng của đời mình thì tôi tin chắc rằng người đó không ai khác hơn là Mẹ tôi.

~ Trịnh Công Sơn ~

Khi một người mất mẹ ở tuổi năm mươi, điều ấy có nghĩa là không còn gì có thể dàn xếp được. Cái sa mạc để lại trong lòng bạn cứ thế mỗi ngày mỗi lan rộng ra và cõi lòng bạn thì tan nát như một cánh đồng xanh tươi vừa trải qua một cơn bão lớn.

Bạn tự nhủ lòng rồi ngày mai sẽ khá hơn nhưng điều ấy không bao giờ có được.

Khi một người mồ côi mẹ ở tuổi năm mươi, thì điều ấy có nghĩa là cái chỗ trống trên giường mẹ nằm sẽ mãi mãi là một khoảng không hiu quạnh những sáng, trưa, chiều, tối. Bạn sẽ đứng nhìn cái gối mẹ thường nằm mỗi ngày và bật khóc. Bạn ngồi lại bên mép giường của mẹ và hiểu rằng từ đây bạn sẽ không còn được mẹ trách móc một điều gì nữa. Khi một người đã năm mươi tuổi mà vẫn sống một mình và mẹ cũng một mình (vì ba mất sớm), thì mẹ và người ấy là hai người bạn.

Hai người bạn đã cùng nhau chia xẻ những buồn vui trong cuộc đời nhưng mẹ bao giờ cũng là người thiệt thòi nhất vì mẹ bao giờ cũng thấy con mình là một đứa trẻ và do đó mẹ đã chăm sóc con trên từng giấc ngủ, trong từng bữa ăn.

Và cũng chính mẹ sẽ rời bỏ mọi cuộc vui để không rời bạn khi đau ốm. Không có bài hát nào nói đủ về mẹ. Mất mẹ là mất đi một tài sản lớn nhất trong toàn bộ sự giàu có của một đời người.

Khi cúi xuống hôn vầng trán lạnh lẽo của mẹ, tôi biết rằng từ nay sự lạnh lẽo ấy sẽ dần dần tràn ngập trái tim tôi. Sự lạnh lẽo ấy là một nhắc nhở cần thiết như một giòng kinh sám hối đòi hỏi mỗi người phải gieo cấy lại những hạt mầm đức hạnh trong tâm hồn mình trước cuộc đời. Mỗi người tình có thể ác độc với bạn nhưng trong lòng người mẹ thì chỉ có từ tâm.

Sự ác độc mang đến giá băng trong lòng bạn và chỉ có hủy diệt chứ không thể nào làm sinh nở một điều gì tốt lành.

Chỉ có ở người mẹ, bạn mới có thể tìm được lòng chung thủy tuyệt đối.

Khi mẹ mất rồi thì bạn hãy tin chắc rằng không thể ở nơi nào có một lòng chung thủy tương tự như vậy nữa, bởi vì đối với mẹ, bạn là mục đích đầu tiên và sau cùng.

Khi một người tình cho bạn một tình yêu thì trong trái ngọt đã có thêm mùi vị của cay đắng.

Tình yêu của mẹ là không vụ lợi. Ở trái tim người mẹ chỉ có sự tràn đầy, không có bớt đi hoặc thêm vào gì nữa. Nếu thân xác đi mà linh hồn vẫn còn lại thì bạn hãy tin rằng, mẹ sẽ là người đau khổ nhất chứ không phải là bạn. Ở nơi linh hồn đó, mẹ biết rằng từ nay không còn ai đủ tình yêu để chăm sóc và an ủi bạn trong những phiền muộn chập chùng của cuộc đời.

Một người năm mươi tuổi mất mẹ, thì đau khổ hơn trẻ lên năm, bởi vì người ấy không còn hy vọng gì ở tương lai nữa. Mất mẹ là mất một phần lớn của cuộc vui muốn được đền đáp, chia sẻ.

Trịnh Công Sơn

VOI CHÚA HIẾU DƯỠNG MẸ

Nguyên Tâm Trần Phương Lan

Dịch theo bản tiếng Anh của Hội Pali Text Society London

♪âu chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ Viên) về một Tỳ kheo còn mẹ phải cấp dưỡng. Nhân dịp này, bậc Đạo Sư nói chuyện với Tăng chúng, Ngài bảo: "Này các Tỳ kheo, chớ giận người này; ngày xưa bậc hiền trí ngay khi còn ở kiếp súc sanh mà bị xa lìa mẹ, cũng không chịu ăn uống gì, cho nên cứ héo mòn dần cho đến lúc gặp lại mẹ". Nói vậy xong, Ngài liền kể lại một câu chuyện quá khứ.

Một thưở nọ, khi vua Brahmadatta trị vì tại Benares (Ba La Nại), Bồ-tát thọ sanh làm Đại Tượng ở vùng Tuyết Sơn (Himalaya). Toàn thân voi màu trắng thật tuyệt mỹ, Ngài là chúa đầu đàn của tám mươi ngàn con voi vây quanh Ngài; song mẹ Ngài bị mù. Ngài thường đưa cho bảy voi những quả rừng thật ngon ngọt, để đem về dâng mẹ. Tuy nhiên chúng chẳng cho voi mẹ chút nào mà chúng ăn hết cả. Khi Ngài hỏi thăm và biết được chuyện ấy, Ngài bảo: "Ta muốn rời đàn để nuôi dưỡng mẹ ta". Thế là vào một đêm thuận lợi, các voi kia không biết, Ngài đem mẹ cùng

đi đến núi Candora; tại đó Ngài để mẹ trong một hang dưới đồi, gần một hồ nước và chăm sóc mẹ thật chu đáo.

Lúc bấy giờ một người thợ rừng ở Ba-la-nại đi lạc đường, không thể nào kiếm lối ra được, nên bắt đầu than khóc âm ỉ. Nghe tiếng ồn này, Bồ-tát nghĩ thầm: "Có một người đang cơn hoạn nạn, khi ta đang ở đây mà người ấy gặp tai họa thật không hợp lý". Vì thế, Ngài đến gần gã, song gã vội chạy trốn vì kinh hãi. Thấy vậy, voi chúa bảo gã: "Này người kia, người không cần sợ ta. Đừng chạy trốn, mà hãy nói tại sao người cứ đi quanh mà khóc lóc?" - "Tâu chúa tể, tiểu tử lạc đường đã bảy ngày qua".

Chúa voi bảo: "Này người đừng sợ, vì ta sẽ đưa người ra đường cái của dân chúng". Sau đó Ngài bảo người ấy ngồi lên lưng Ngài, và mang gã ra khỏi rừng, xong trở về.

Song con người độc ác này lại quyết vào thành báo cho vua biết. Vì thế gã đánh dấu các cây cối, các ngọn đồi, rồi tiến về Ba-la-nại. Lúc ấy vương tượng của nhà vua vừa qua đời. Nhà vua cho truyền lệnh bằng một châu trống: "Nếu kẻ nào thấy ở nơi đâu có con voi xứng đáng cho Hoàng Thượng ngự lên thì hãy báo ngay!". Thế là người này xin triều kiến nhà vua và nói: "Muôn tâu chúa thượng, hạ thần đã thấy một con voi tuyệt mỹ, một bạch tượng tối thắng, xứng đáng để Chúa thượng ngự. Hạ thần xin chỉ đường, song xin đưa các người quản tượng cùng đi với hạ thần và

bắt voi". Nhà vua chấp thuận, cho một người thợ rừng cùng đi với gã và một đoàn tùy tùng đông đảo.

Người cùng đi với gã ấy bắt gặp Bồ-tát đang ăn uống trong hồ nước. Khi Bồ-tát thấy người thợ rừng kia, Ngài suy nghĩ: "Mối hiểm họa này chắc chắn chẳng phát xuất từ ai khác ngoài gã kia. Song ta rất mạnh, ta có thể đánh tan tành cả ngàn con voi, trong cơn thịnh nộ, ta lại có khả năng tiêu diệt hết đoàn voi cầm quân của một vương quốc. Tuy thế, nếu ta bị lòng phần hận lôi cuốn thì công đức của ta sẽ bị tổn hại. Vì vậy, hôm nay ta sẽ không nổi giận, cho dù bị gươm giáo đâm vào mình". Với quyết định này, Ngài đứng bất động, đầu cúi xuống.

Người thợ rừng bước xuống hồ sen, khi thấy vẻ mỹ lệ của các chóp ngà voi, gã bảo: "Này con, hãy đến đây!". Rồi vừa nắm lấy vòi voi giống như nắm lấy một sợi dây thừng bằng bạc, gã vừa dẫn voi đến thành Ba-la-nại trong vòng bảy ngày.

Khi mẹ Bồ-tát thấy con mình không trở về, bà nghĩ chắc hẳn đã bị quan quân nhà vua bắt rồi. Bà than khóc: "Giờ đây cây cối vẫn mọc lần, song con ta đã đi xa rồi". Và bà ngâm hai đoạn kệ:

*Dù cho voi ấy phải đi xa,
Được thảo thiện lành vẫn mọc ra,
Lúa, cỏ, trút đào cùng huệ trắng,
Kèn xanh chỗ khuất vẫn ra hoa*

*Tượng vương hẩn đến tận nơi cao
 Sung túc nhờ bao kẻ quý cao.
 Trang điểm ngọc vàng vua chúa cõi
 Dũng thắng thù nhân mặt giáp bào.*

Bấy giờ người luyện voi, trong lúc còn đang đi đường, đã gửi về một tờ sớ dâng vua. Nhà vua bèn ra lệnh trang hoàng kinh thành thật đẹp. Người luyện voi dẫn Bồ-tát vào cái chuồng đã được tô điểm bằng đủ loại dây tua cùng các vòng hoa, rồi vây quanh chúa voi một bức màn màu sắc rực rỡ, xong tâu trình nhà vua. Nhà vua đem đến các món cao lương mỹ vị và bảo đưa cho Bồ-tát. Song Ngài không ăn một chút nào: "Nếu không có mẹ ta, ta không muốn ăn gì cả", Ngài bảo. Nhà vua vừa van nài Ngài ăn, vừa ngâm kệ thứ ba:

*Ăn đi một miếng hỡi voi này,
 Đừng để tàn phai với úa gầy.
 Phụng sự nhà vua còn lắm việc
 Mà voi đảm trách một mai đây*

Nghe thế Bồ-tát liền ngâm kệ thứ tư:

*Không, bên ngọn núi Chiên-đồ-la
 Khốn khổ bà kia, mắt tối lòà,
 Nơi gốc cây rừng, chân dậm xuống,
 Oì không voi chúa, ầy con bà.*

Nhà vua ngâm kệ thứ năm để hỏi ý nghĩa lời Ngài:

*Ai bên kia núi Chiên-đồ-la,
Khốn khổ là ai, mắt tối lòe,
Nơi gốc cây kia, chân dậm xuống
Òi không voi chúa, ấy con bà?*

Voi chúa đáp lời qua kệ thứ sáu:

*Mẹ tôi bên núi Chiên-đồ-la,
Khốn khổ, mù lòe, thật xót xa,
Nơi gốc cây kia chân dậm xuống
Òi tôi vắng bóng, ấy con bà.*

Khi nghe vậy, nhà vua liền cho Ngài được tự do, và ngâm kệ thứ bảy:

*Voi hùng phụng dưỡng mẫu thân mình,
Nên thả tự do, để mẹ tình,
Thôi để voi đi về với mẹ,
Và cùng sum họp cả gia đình.*

Đoạn kệ thứ tám và thứ chín là kệ của đức Phật phát xuất từ lối thẳng trí của Ngài:

*Khỏi cảnh giam cầm, được thoát thân,
Tự do, voi đứt mọi dây ràng.*

*Thốt lời khuyên nhủ cùng vua nợ,
Voi lại trở về chốn núi hoang.*

*Hồ nước là đây, mắt trong ngần,
Nơi voi vẫn đến đã bao lần,
Dùng vòi hút nước rồi quay lại
Phun vẩy khắp mình đáng mẫu thân.*

Song mẹ Bồ-tát tưởng là trời bắt đầu mưa, nên bà ngâm kệ thứ mười để trách móc cơn mưa:

*Ai đó đem mưa thật phi thời,
Thần nào độc ác quá, trời ơi!
Òi nay con trẻ đã đi vắng,
Con trẻ xưa thường phụng dưỡng tôi.*

Lúc ấy Bồ-tát mới ngâm kệ thứ mười một để trấn an mẹ già:

*"Sao mãi nằm kia, dậy mẹ ôi!
Này con của mẹ đã về rồi!
Chúa Ca-thi, ngài Thông Tuệ,
Cho trẻ bình an, được tái hồi.*

Và bà mẹ đáp lời cảm tạ nhà vua qua đoạn kệ cuối cùng:

*Vạn tuế trường tồn bậc Đại vương
Cầu Ngài đem lại nước vinh cường.*

***Tự do Ngài trả cho con đó,
Với mẹ, con tròn vẹn kính thương!***

Nhà vua rất hoan hỷ vì đức độ của Bồ-tát nên nhà vua truyền xây một thị trấn không xa hồ ấy và thường xuyên đến phụng sự Bồ-tát cùng mẹ Ngài. Sau đó, khi mẹ Ngài từ trần và Bồ-tát đã cử hành tang lễ mẹ trọng thể, Ngài đi thật xa đến một tịnh xá tên là Karankaka. Nơi đây, năm trăm bậc trí giả đã đến an trú, và nhà vua cũng cúng dường chư vị như trước. Nhà vua lại truyền tạc một bức tượng bằng đá có hình Bồ-tát và bày tỏ lòng tôn sùng chiêm bái nơi thờ hình tượng Ngài. Tại đó dân chúng khắp cõi Thiên Trúc dần dần tụ tập lại hằng năm cùng nhau cử hành đại lễ hội gọi là hội voi.

Khi bậc Đạo Sư đã chấm dứt pháp thoại, Ngài tuyên thuyết Tứ Đế và nhận diện Bốn sanh (bấy giờ, lúc kết thúc Tứ Đế, vị Tỳ kheo phụng dưỡng mẹ đã được an trú vào Sơ quả Dự lưu): "Vào thời ấy, Ananda là nhà vua, mẫu hậu Mahamayà là mẹ voi và Ta chính là chúa voi đã phụng dưỡng mẹ mình vậy. ".

Nguyên Tâm Trần Phương Lan

Dịch theo bản tiếng Anh



NGUỒN SÚI

Quảng Từ Vân

Mẹ là bài trường ca không đoạn kết
Mẹ là thiên thần không ở trên cao
Mẹ cho ta từng hơi thở ngọt ngào
Mẹ sưởi ấm tim hồng khi giá lạnh

Dù ngôn ngữ có trăm phương ngàn lối
Dù âm điệu có khác biệt đông tây
Nhưng tiếng Mẹ vẫn được gọi lên
từ muôn ngàn nẻo sống

Mẹ là suối nguồn
Là vùng đất bình yên
Mẹ là quê hương cho cả hai miền
Tâm và vật đều khởi đi từ lòng Mẹ

Mẹ dạy con tiếng nói làm người
Trao cho con một niềm tin để sống
Mẹ là ngọn hải đăng trong đêm tối ba mươi
Mẹ là giọt mưa rào khi nắng hạ

Là chất men trong dung dịch yêu thương
Mẹ rộng lớn như hư không
Mẹ thâm sâu như đáy biển
Mẹ hiền hòa như Phật ở bên ta

Thế mà con đã vụng về đánh mất đi
niềm tin muôn thưở
Tự tách rời ra khỏi từ trường của
mạch sống thần tiên
Con mãi mê đi tìm bóng mát cuộc đời
Nhưng đâu biết Mẹ là tàng cây đa cổ thụ
Là bông hồng, là ánh sáng quang minh
Mẹ là đất lành để yêu thương thấm thấu
Là vùng trời mở rộng, vỗ cánh chim bay

Sung sướng quá! Khi ta mơ về Mẹ
Mạch sống căng đầy trong từng bước chân con

Một thoáng hiện về
Ngàn năm âm hưởng
Mẹ trong cuộc đời như nhịp đập con tim

Ồi đẹp quá!
Ngôn ngữ loài người có bao giờ nói hết
Mẹ là suối nguồn tươi mát đất yêu thương.

57. CÔNG CHA NGHĨA MẸ

Tặng dân Oanh Vũ GĐPT Thiện Hoa 6

Jan 19/03 - July 11/05

NHẠC : VÕ TÁ HÂN

THƠ : TUỆ KIÊN

Nhịp nhàng

Hàng ngày nhớ ơn Mẹ Cha Ai

cho ta đời ấm yên Ai tạo cho ta hình

hài Ai người sớm hôm chờ che

Hàng ngày nhớ ơn Mẹ Cha Ai

người lo dựng tương lai Công Cha - nghĩa Mẹ - sâu

dày Nên con còn có ngày nay

42. ĐỀN TRẢ TỨ ÂN

Sept 28/03 - July 11/05

NHẠC : VÔ TÁ HÂN

THƠ : TUỆ KIÊN

Nhẹ nhàng

1 Em ngủ dậy chưa? Nắng đã lên rồi

5 Chim ca muôn hướng Điệu nhạc du dương

9 Khi em còn ngủ, Cha đã lên đường

13 Khi sương còn đọng Mẹ đến chợ đông

17 Cha mẹ ngược xuôi, vất vả âm thầm

21 Mong con khôn lớn vẹn toàn thân tâm

25 Em thức dậy đi, tuổi thơ sức sống

29 Học tập chuyên cần đền trả tứ ân

PHỤ LỤC

THE BUDDHA SPEAKS THE ULLAMBANA SUTRA

Nomo homage to the Ullambana Assembly of Buddhas and Bodhisattvas. Thus I have heard, at one time, the Buddha dwelt at Shravarsti in the Garden of the Benefactor of Orphans and the Solitary.

Mahamaudgalyayana had just obtained the six penetrations and wished to cross over his father and mother to repay their kindness for raising him.

Thus, using his way eye, he regarded the world and saw that his deceased mother had been born among the hungry ghosts, having neither food nor drink, she was but skin and bones. Mahaudgalayana felt deep pity and sadness, filled a bowl with food and went to provide for his mother. She got the bowl, screened it with her left hand, and with her right hand made a fist of food. But, before it entered her mouth, it turned into burning coals which could not be eaten.

Mahamaudgalyayana called out and wept sorrowfully, and hastened to return to the Buddha to set forth all of this.

The Buddha said, "your mother's offenses are deep and firmly rooted. You alone do not have enough power. Although your filial sounds move heaven and earth, the heaven spirits, the earth spirits, twisted demons, and those outside the way, Brahmans, and the four heavenly king gods, are also without sufficient strength. The awesome spiritual power of the assembled Sangha of the ten directions is necessary for the liberation to be attained.

I shall now speak a dharma of rescue, which causes all those in difficulty to leave worry and suffering, and to eradicate obstacles from offenses.

The Buddha told Maudgalyayana: "The fifteenth day of the seventh month is the Pravaraṇa day for the assembled Sangha of the ten directions. For the sake of fathers and mothers of seven generations past, as well as for fathers and mothers of the present who are in distress, you should prepare an offering of clean basins full of hundreds of flavors and the five fruits, and other offerings of incense, oil, lamps, candles, beds, and bedding, all the best of the world, to the greatly virtuous assembled Sangha of the ten directions. On that day, all the holy assembly, whether in the mountains practicing dhyana samadhi, or obtaining the four fruits of the way, or walking beneath trees, or using the independence of the six

penetrations, to teach and transform sound hearers and those enlightened to conditions. Or provisionally manifesting as bhikshus when in fact they are great Bodhisattvas on the tenth ground--all complete in pure precepts and oceanlike virtue of the holy way--should gather in a great assembly and all of like mind receive the pravara food.

If one thus makes offerings to these Provarana Sangha, one's present father and mother, parents of seven generations, as well as the six kinds of close relatives, will escape from the three paths of sufferings. And at that time attain release. Their clothing and food will spontaneously appear. If the parents are still alive, they will have wealth and blessings for a hundred years. Parents of seven generations will be born in the heavens. Transformationally born, they will independently enter the celestial flower light, and experience limitless bliss.

At that time the Buddha commanded the assembled Sangha of the ten directions to recite mantras and vows for the sake of the donor's family, for parents of seven generations.

After practicing dhyana concentration, they then may accept the food. When first receiving the basin, place it before the Buddha in the stupa. When the assembled sangha has finished the mantras and vows, then they may accept it.

At that time the bhikshu Maudgalyayana and the assembly of great Bodhisattvas were all extremely delighted and the sorrowful sound of Maudgalyayana's crying ceased.

At that time Maudgalyayana's mother obtained liberation from one kalpa of suffering as a hungry ghost.

Maudgalyayana addressed the Buddha and said, "this disciple's parents have received the power of the merit and virtue of the triple jewel, because of the awesome spiritual power of the assembled Sangha.

If in the future the Buddha's disciples practice filiality by offering up the Ullambana basins, will they be able to cross over their present fathers and mothers as well as those of seven generations past?"

The Buddha replied "good indeed, I am happy you asked that question. I just wanted to speak about that and now you have also asked about it.

Good man, if bhikshus, bhikshunis, kings, crown princes, great ministers, great officials, cabinet members, the hundreds of officers, and the tens of thousands of citizens wish to practice compassionate filial conduct, for the sake of the parents who bore them, as well as for the sake of fathers and mothers of seven lives past, on the fifteenth day of the seventh month, the day of the buddhas' delight, the day of the

Sangha's Pravarana, they all should place hundreds of flavors of foods in the Ullambana basins, and offer them to the Pravarana Sangha of the ten directions.

They should vow to cause the length of life of the present father and mother to reach a hundred years without illness, without sufferings, afflictions, or worries, and also vow to cause seven generations of fathers and mothers to leave the sufferings of the hungry ghosts, to be born among men and gods, and to have blessings and bliss without limit.

The Buddha told all the good men and good women, "those disciples of the Buddha who cultivate filial conduct should in thought after thought, constantly recall their present fathers and mothers when making offerings, as well as the fathers and mothers of seven lives past. Every year, on the fifteenth day of the seventh month, they should always, out of filial compassion, recall their parents who bore them and those of seven lives past, and for their sakes perform the offering of the Ullambana basin to the Buddha and the Sangha and thus repay the loving kindness of the parents who raised and nourished them. All Buddhas' disciples should respectfully receive this dharma."

At that time the bhikshu Maudgalyayana and the four-fold assembly of disciples, hearing what the Buddha said, practiced it with delight.

End of the Buddha speaks of Ullambana Sutra
True words for repaying parents' kindness.
Na mwo mi li dwo dwo pe ye swo he.



A ROSE FOR YOUR POCKET

Thich Nhat Hanh

The thought "mother" cannot be separated from that of "love". Love is sweet, tender, and delicious. Without love, a child cannot flower, an adult cannot mature. Without love, we weaken, wither.

The day my mother died, I made this entry in my journal: "the greatest misfortune of my life has come!". Even an old person, when he loses his mother, doesn't feel ready. He too has the impression that he is not yet ripe, that he is suddenly alone. He feels as abandoned and unhappy as a young orphan.

All songs and poems praising motherhood are beautiful, effortlessly beautiful. Even songwriters and poets without much talent seem to pour their hearts into these works, and when they are recited or sung, the performers also seem deeply moved, unless they have lost their mothers too early even to know what love for mother is. Writings extolling the virtues of motherhood have existed since the beginning of time throughout the world.

When I was a child I heard a simple poem about losing your mother, and it is still very important for me. If your mother is still alive, you may feel tenderness for her each time you read this, fearing this distant yet inevitable event.

*That year, although I was still very young
my mother left me,
and I realised that I was an orphan,
everyone around me was crying,
I suffered in silence...
Allowing the tears to flow,
I felt my pain soften.
Evening enveloped
Mother's tomb,
the pagoda bell rang sweetly.
I realised that to lose your mother
is to lose the whole universe.*

We swim in a world of tender love for many years, and, without even knowing it, we are quite happy there. Only after it is too late do we become aware of it.

People in the countryside do not understand the complicated language of city people. When people from the city say that mother is "a treasure of love", that is already too complex for them. Country people in Vietnam compare their mothers to the finest varieties of bananas or to honey, sweet rice, or sugar cane. They express their love

in these simple and direct ways. For me, a mother is like a "ba hương" banana of the highest quality, like the best "nếp một" sweet rice, the most delicious "mía lau" sugar cane!

There are moments after a fever when you have a bitter, flat taste in your mouth, and nothing tastes good. Only when your mother comes and tucks you in, gently pulls the covers over your chin, puts her hand on your burning forehead (Is it really a hand, or is it the silk of heaven?), and gently whispers, "My poor darling!" do you feel restored, surrounded with the sweetness of maternal love. Her love is so fragrant, like a banana, like sweet rice, like sugar cane.

Father's work is enormous, as huge as a mountain. Mother's devotion is overflowing, like water from a mountain spring. Maternal love is our first taste of love, the origin of all feelings of love. Our mother is the teacher who first teaches us love, the most important subject in life. Without my mother I could never have known how to love. Thanks to her I can love my neighbours. Thanks to her I can love all living beings. Through her I acquired my first notions of understanding and compassion.

Mother is the foundation of all love, and many religious traditions recognise this and pay deep honour to a maternal figure, the Virgin Mary, the goddess Kwan Yin. Hardly an infant has opened her mouth to cry without her mother already running to the cradle. Mother is a gentle and sweet

spirit who makes unhappiness and worries disappear. When the word "mother" is uttered, already we feel our hearts overflowing with love. From love, the distance to belief and action is very short.

In the West, we celebrate Mother's Day in May. I am from the countryside of Vietnam, and I had never heard of this tradition. One day, I was visiting the Ginza district of Tokyo with the monk Thien An, and we were met outside a bookstore by several Japanese students who were friends of his. One discretely asked him a question, and then took a white carnation from her bag and pinned it on my robe. I was surprised and a little embarrassed. I had no idea what this gesture meant, and I didn't dare ask. I tried to act natural, thinking this must be some local custom. When they were finished talking (I don't speak Japanese), Thien An and I went into the bookstore, and he told me that today was what is called Mother's Day. In Japan, if your mother is still alive, you wear a red flower on your pocket or your lapel, proud that you still have your mother. If she is no longer alive, you wear a white flower.

I looked at the white flower on my robe and suddenly I felt so unhappy. I was as much an orphan as any other unhappy orphan; we could no longer proudly wear red flowers in our buttonholes. Those who wear white flowers suffer, and their thoughts cannot avoid returning to their mothers. They cannot forget that she is no longer there. Those who wear

red flowers are so happy, knowing their mothers are still alive. They can try to please her before she is gone and it is too late. I find this a beautiful custom. I propose that we do the same thing in Vietnam, and in the West as well.

Mother is a boundless source of love, an inexhaustible treasure. But unfortunately, we sometimes forget. A mother is the most beautiful gift life offers us. Those of you who still have your mother near, please don't wait for her death to say, "My God, I have lived beside my mother all these years without ever looking closely at her." Just brief glances, a few words exchanged-asking for a little pocket money or one thing or another. You cuddle up to her to get warm, you sulk, you get angry with her. You only complicate her life, causing her to worry, undermining her health, making her go to sleep late and get up early. Many mothers die young because of their children. Throughout her life we expect her to cook, wash, and clean up after us, while we think only about our grades and our careers. Our mothers no longer have time to look deeply at us, and we are too busy to look closely at her. Only when she is no longer there do we realise that we have never been conscious of having a mother.

This evening, when you return from school or work or, if you live far away, the next time you visit your mother, you may wish to go into her room and, with a calm and silent smile, sit down beside her. Without saying anything, make

her stop working. Then, look at her for a long time, look at her deeply. Do this in order to see her, to realise that she is there, she is alive, beside you. Take her hand and ask her one short question to capture her attention, "Mother, do you know something?" She will be a little surprised and will probably smile when she asks you, "What, dear?" Keep looking into her eyes, smiling serenely, and say, "Do you know that I love you?" Ask this question without waiting for an answer. Even if you are thirty or forty years old, or older, ask her as the child of your mother. Your mother and you will be happy, conscious of living in eternal love. Then tomorrow, when she leaves you, you will have no regrets.

In Vietnam, on the holiday of Ullambana, we listen to stories and legends about the bodhisattva Maudgalyayana, and about filial love, the work of the father, the devotion of the mother, and the duty of the child. Everyone prays for the longevity of his or her parents, or if they are dead, for their rebirth in the heavenly Pure Land. We believe that a child without filial devotion is just artificial. But filial devotion also arises from love itself. Without love, filial devotion is just artificial. When love is present, that is enough, and there is no need to talk of obligation. To love your mother is enough. It is not a duty, it is completely natural, like drinking when you are thirsty. Every child must have a mother and it is totally natural to love her. The mother loves her child, and the child loves his mother. The child needs his mother, and the mother needs her child. If

the mother doesn't need her child, nor the child his mother, then this is not a mother, and this is not a child. It is a misuse of the words "mother" and "child".

When I was young, one of my teachers asked me, "What do you have to do when you love your mother?" I told him, "I must obey her, help her, take care of her when she is old, and pray for her, keeping the ancestral altar when she has disappeared forever behind the mountain." Now I know that the word "What" in his question was superfluous. If you love your mother, you don't have to do anything. You love her; that is enough.

To love your mother is not a question of morality or virtue. Please do not think I have written this to give a lesson in morality. Loving your mother is a question of profit. A mother is like a spring of pure water, like the very finest sugar cane or honey, the best quality sweet rice. If you do not know how to profit from this, it is unfortunate for you. I simply want to bring this to your attention, to help you avoid one day complaining that there is nothing left in life for you. If a gift such as the presence of your own mother doesn't satisfy you, even if you are president of a large corporation or king of the universe, you probably will not be satisfied. I know that the Creator is not happy, for the Creator arises spontaneously and does not have the good fortune to have a mother.

I would like to tell a story. Please don't think that I am thoughtless. It could have been that my sister didn't marry, and I didn't become a monk. In any case, we both left our mother -- one to lead a new life beside the man she loved, and the other to follow an ideal of life that he adored. The night my sister married, my mother worried about a thousand and one things, and didn't even seem sad. But when we sat down at the table for some light refreshments, while waiting for our in-laws to come for my sister, I saw that my mother hadn't eaten a bite. She said, "For eighteen years she has eaten with us and today is her last meal here before going to another family's home to take her meals." My sister cried, her head bowing barely above her plate, and she said, "Mama, I won't get married." But she married nonetheless. As for me, I left my mother to become a monk. To congratulate those who are firmly resolved to leave their families to become monks, one says that they are following the way of understanding, but I am not proud of it. I love my mother, but I also have an ideal, and to serve it I had to leave her -- so much the worse for me.

In life, it is often necessary to make difficult choices. We cannot catch two fish at the same time: one in each hand. It is difficult, because if we accept growing up, we must accept suffering. I don't regret leaving my mother to become a monk, but I am sorry I had to make such a choice. I didn't have the chance to profit fully from this precious treasure.

Each night I pray for my mother, but it is no longer possible for me to savour the excellent "ba hương" banana, the best quality "nếp một" sweet rice, and the delicious "mía lau" sugar cane.

Please don't think that I am suggesting that you not follow your career and remain home at your mother's side.

I have already said I do not want to give advice or lessons in continuing to look into her eyes with a serene smile, tell her, "Do you know that I love you?" Ask her this question without waiting for an answer.

Even if you are thirty, forty years old, or older, ask her simply, because you are the child of your mother. Your mother and you will both be happy, conscious of living in eternal love.

And tomorrow when she leaves you, you will not have any regrets.

This is the refrain I give you to sing today. Brothers and sisters, please chant it, please sing it, so that you won't live in indifference or forgetfulness. This red rose, I have already placed it on your lapel. Please be happy.



A TRIBUTE TO MOTHER ON ULLAMBANA DAY

Venerable Thich Nguyen Tang

English Translation & Adaptation: Tam Lac (Jessica Tran)

10 March 2005

The season of beloved autumn has once again returned to bless the forests, fields and all living creatures great and small with her beautiful presence. Autumn has again brought with her a familiar air of gentle melancholy, calling upon a deep passion within the heart and souls of poetic minds with each of her graceful golden leaves falling gently down during the season. Autumn has brought back the stillness of lovely clear pools, capturing the vastness of a solemn autumn sky, reflecting off a season of peaceful sleeping waters.

However, to the children of the Buddha, autumn has become a lot more than that, it has become the season of Ullambana[1]; the season of repaying the deep kindness of our parents: filial devotion and virtuosity.

Thus dearest Mother,

Today as I watch the gentle fragrance of lit incense drift silently amongst this serene Buddha altar, my heart can not help but lead back home to you, the most wonderful person of my life, which I cannot have missing in the world.

"Oh mother" - such words I have babbled since a baby until today, yet still, I fail to capacitate and understand entirely the great profoundness of its depth.

Mother, you are the very source of life, the very essence of true love, you are the sweetest palatable fragrance that nature could have offered.

Mother, you are a child's only true wealth upon the long journey of life... and exactly that mother, you are truly everything most precious and sacred in my life:

*Mothers are the entire beloved sky,
A heaven on earth, a gift from up high
Precious warmth is the lullaby of hers
Which imprinted history, and world cultures...*

As a baby, when I was thirsty, your breast milk fed into my heart like the taste of love's sweet nectar...

Once I knew how to eat, you were the first person who helped me with each and every spoonful of food, you

gently held me close in your arms and treasured me like I was a delicate gem that you tendered. All the best of things which you possessed, from the most loveliest to happiest in the world, you entirely saved for me instead of enjoying them for yourself.

*Oh mother, you sacrificed everything for me,
 From your entire years of youth,
 To your love pure as the sea
 Mother, you are an essential cool breeze
 The branch of weeping willows,
 The shade of celestial trees,
 Mother, you are perfume, you are flowers
 The growing tree from love's roots
 And the source of miracles and powers
 You have sung beautifully to me with
 kind gentle melodies...*

*In the evening breeze of Autumn I sleep
 Lulled by your voice throughout the nights keep
 As many hours in which the night contains,
 Are just the many hours your wake remains*

Your concerns for me kept you awake at night as you tossed and turned with worries for my wellbeing and happiness throughout the long years.

And with each passing day that the sky became more and more beautiful in my eyes, were days that another white hair grew upon your aging mane.

Oh, your aging back has stiffened and arched with sorrow and hurt throughout time. Because of me, matter and worries became natural to you as it showed clearly on the aging lines of your face. Your sacrifices were just as natural as great mother earth giving off life and vitality to trees, plants and all the innumerable living creatures great and small on the face of this earth.

Mother, even though you have not reached one hundred years of life, you have had the amazing capability of providing your children with all the love and happiness there is in the world.

*Mother, you are like a kind angel guardian,
Protecting every step of life since time began
You gifted me with all the world's treasures,
Not keeping any sacrifice limits or measures*

Oh mother, your huge heart is a source of light which brightens up my life using your very own sweat, blood and tears. You are just as a cool breeze from above, like the twinkling glow of the moon and stars, like the forever burning torch within the lost darkness of nights.

If life was like an ocean of suffering and pain filled with boundless crushing waves of heartbreak far as the eye could see, then you would definitely be the compassionate boat rescuing me back to the shore of happiness.

Dearest mother, because there is you alive on earth, I feel as though I still have everything in the world, and if life was to be without you, there is nothing left but poverty to a child.

You have toiled laboriously in your hard life and have never minded the hardship and difficulties that you faced. Even a one hundred year old mother loves her eighty year old child; thus you have sacrificed a period of glamour and blossoming youth to swap for days of work from dawn to dusk just for my future goals and dreams.

*Because of me, your health has declined,
Because of me you left your beauty behind*

As years went by, all of your hopes and dreams lived on to raise me healthy and strong and to walk steadily in life. All that you merely wished for was for your child to become a contribution to society as a good person...

*Rather a life of toil to nurture her little ones
Brushing off hardship, exposed to yearly seasons
Slowly the sun kissed her cheeks of once a blooming rose
Pure beauty has faded as the wind of time blows*

Oh! What language, what definition may truly describe the depths of a mother's kindness?

*"So naive is the mundane language of man,
So incompetent to capacitate the simple word "mother"'"*

Mother, how could I describe the shape of your shape of your heart? How could I possibly calculate the entity of your tender loving care?

Oh mother, I have now finally understood, as I now awaken to my duty as a human being, the vastness of your love, equal to the depths of the ocean and vast as the heaven skies. I have realised that the sweetest fragrance which runs evermore from the streams of your heart has touched me since the very moment I came into being, entering this world crying.

And so alas, I have wondered why there are people out there who refuse to uphold the conduct of filiation, or have never yearned to repay the deep kindness of their parents. As clearly written in the Buddha scriptural sutras: "Without our parents there would not be our form, our mother and father has gifted us the precious body that we have today".

*Only with my ancestors that I exist,
My grandparents the roots, my parents the branches
My form is as the delicate green shoots*

*My Life with thanks to the fertilizing of the roots
My being with help from the protection of the branches*

Over the years, there have been times when I have made you sad, and dearest mother, today I have finally realised that upon your frail shoulders, which have carried heavy burden throughout life, there have also been weights that came down to you from my rebellious mischief and misbehaviors as a kid. I never knew that slowly with time, those cruel burdens were in the process and will eventually steal away the most precious and valuable treasure of my life. Oh sweet kind mother! Such sadness would be the days when....

*Searching through hazy nights in darkness,
Craving to recover the sweet image of a mother
The heavy sky of longing has accumulated merely so:
Depressed clouds overhead the shadow of a grave
The song of spring season birds so blurry afar
A new blooming rose now sit watching me weep*

Oh mother, at this very moment I long so desperately to return back by your side and to look into your eyes. I will look deeply, lengthily and I will see each detail of your kind eyes... to know that you are alive at that very second, to know that you are sitting there by my side. I will kiss gently upon your creased cheek and slowly rest my face into your frail loving hands, the hands that have collected love and

happiness for me all through my life. I want to return to you, to once again feel your warmth and protection around me, I want to show my appreciation with all my heart and to know the feeling of what true undying love really is again as the moments go by sitting there by you.

If a mother's love is like an endless stream, then without doubt a fathers care and hard work raising his child is greater, stronger, and more everlasting than the Himalayans Mountains.

As the ancient proverb of gratitude remains evermore:

*A father's care as equal to the great Himalayan Mountains
A mother's love as equal to sweet undying stream waters
A life devoted to one's mother and pious to one's father,
Fulfilling the meaning of filial piety and virtuality,
Only as so is the genuine meaning of being a child.*

Today, we are fortunate enough to be in reach of the Buddha Dharma. The wonderful example of The Great Filiation Maha Maudgalayana Bodhisattva[2] has proven correct the golden teachings of the Buddhas of the 10 directions. Thus I vow to keep and uphold this in heart: "Being born into a time without Buddha, devotion to ones mother and reverence to ones father is equal to devotion and reverence to the Buddha Himself".

*Similar to the oceans and heavens is the kindness of a parent,
Oh my friend, what amount of repay may possibly content?
If you have not repaid your debt, refrain from unfiliality,
A life of misery and pain is caused by ones foolish impiety!*

Oh my beloved parents,

My gratitude and appreciation will forever endure time and the acknowledgment of filial piety shall forever remain within the hearts of human kind. If tomorrow, I am to grow up to fend for myself away from your loving arms, you will always remain in my heart as cool trees shading my life.

How blissful it would be once we set aside all our matters of worry, renounce such mundane worldly pleasures and simply return back by our mother's side; to be with her, to listen to her gentle loving words and have her comforting hand soothing and reassuring us? I will close my eyes overjoyed and contented as I'll rest my head into her arms, to find that familiar warmth of yesteryear and suddenly remember the joy of a little kid playing around his mummy's feet so happy and carefree.

Oh dearest father, mother,

This is our sincerest dedication to you, our written tribute to you as a fresh red rose on this day of filiation. We sincerely

offer this gift of homage up to you father and mother, with our entire hearts on the season of Ullambana.

Namo Great Filiation Maudgalyayana Bodhisattva.



CHỮ HƯƠNG LINH THỜ PHỤNG TẠI LINH ĐƯỜNG TƯ VIỆN QUẢNG ĐỨC

(Xem *Họ* được xếp theo vần ABC)

- | | |
|--|---------------------------------------|
| 1. Ân thị Thảo | 23. Hồ thị Sáu |
| 2. Ann Palmer | 24. Hoàng thị Kít |
| 3. Annie Taylor | 25. Hoàng Thục Quý,
PD: Liễu Vinh |
| 4. Âu Vân | 26. Huỳnh Công Ân,
PD: Nguyễn Bích |
| 5. Bùi Châu Thiên Kim,
PD: Nguyễn Nhẫn | 27. Huỳnh Công Đô |
| 6. Bùi Đức Huy | 28. Huỳnh Công Đức |
| 7. Bùi thị Tuyết Quỳnh,
PD: Nguyễn Hạnh | 29. Huỳnh Duy |
| 8. Bùi văn Bạch | 30. Huỳnh Ngọc Thọ |
| 9. Bùi Văn Châu,
PD: Nguyễn Đức | 31. Huỳnh Nguyệt Lan |
| 10. Chee Ching Ching | 32. Huỳnh thị Bền Em,
PD: Diệu Chí |
| 11. Chu thị Sáu | 33. Huỳnh thị Cẩm,
PD: Tâm Điều |
| 12. Chung Nhiên | 34. Huỳnh văn Nhân |
| 13. Doãn thị Vệt, PD: Diệu Kim | 35. Huỳnh văn Viết,
PD: Minh Chánh |
| 14. Du Thanh Thiên | 36. Huỳnh Võ |
| 15. Dương Bạch Tân | 37. La thị |
| 16. Dương Da Lương | 38. La thị Lắm, PD: Diệu Pháp |
| 17. Dương Lưu Dân | 39. Lai văn Hóa |
| 18. Dương Ngọc Báu,
PD: Như Châu | 40. Lâm Nhược Thành |
| 19. Dương văn Thảo,
PD: Liễu Kiệt | 41. Lầu văn Nghi |
| 20. Hà thị Hường | 42. Lê Hương Nhu,
PD: Liễu Thuận |
| 21. Hàng Tú Anh | 43. Lê Khiêm |
| 22. Hồ thị Kim Huyền,
PD: Tâm Kính | 44. Lê Linda, PD: Linh An |

45. Lê Ngọc Trúc
46. Lê thị Cát, PD: Diệu Phát
47. Lê thị Hương
48. Lê thị Liên
49. Lê thị Mai
50. Lê thị Mỹ Lệ
51. Lê thị Đáo
52. Lê thị Ngữ, PD: Diệu Thiện
53. Lê thị Nho
54. Lê thị Quyến
55. Lê thị Sến
56. Lê thị Sáng, PD: Liễu Đạo
57. Lê thị Thái, PD: Quảng Bình
58. Lê thị Thống
59. Lê thị Tuổi
60. Lê thị Xuân Lan
61. Lê Thống
62. Lê văn Hội, PD: Minh Đức
63. Lê văn Ngộ, PD: Liễu Ân
64. Lê văn Tây, PD: Hoàng Lạc
65. Lê văn Thanh,
PD: Nguyên Tâm
66. Lễ Văn Đình, PD: Liễu Văn
67. Lê văn Thi
68. Lenlie Wihma Dunk
69. Lloyd Kevin Da Costa
70. Lý Liên Phương
71. Lý Phôn
72. Lý thị Chuốc
73. Lý thị Lãnh
74. Lý thị Ảnh
75. Lý thị Đường
76. Lý thị Phận
77. Lý thị Tám
78. Lương thị Bốn
79. Lương thị Khiêm
80. Lưu Chi, PD: Diệu Chơn
81. Lưu Ngọc Thụ
82. Lưu Tú Hoa, PD: Liễu Khai
83. Mervin, Henry Harden
84. Michael Cheng
85. Đặng Hoàng Đăng,
PD: Minh Tâm
86. Đặng Diệp Diễm
87. Đặng thị Ánh Hồng,
PD: Ngọc An
88. Đặng thị Búp,
PD: Diệu Toàn
89. Đặng thị Bê, PD: Tâm Hưng
90. Đặng văn Khánh
91. Đỗ Duy Thuyết
92. Đỗ Quang Bình, PD: Tịnh An
93. Đỗ Thái, PD: Vạn Độ
94. Đỗ thị Dạy
95. Đỗ thị Hoàng Anh,
PD: Diệu Đạo
96. Đỗ thị Quới
97. Đỗ thị Thông
98. Đản văn Từ
99. Nghiêm Xuân Lý,
PD: Tâm Chánh
100. Ngô Thấu, PD: Tâm Bích
101. Ngô thị Đó, PD: Không Tâm
102. Ngô văn Bao
103. Ngô Vinh Quang
104. Nguyễn Hồng Châu
105. Nguyễn Mót
106. Nguyễn Đại Bột,
PD: Như Dũng
107. Nguyễn Ngọc Lan,
PD: Liễu Tịnh
108. Nguyễn Đình Sang
109. Nguyễn Phước Dư,
PD: Thiện Đức
110. Nguyễn Quang Duyên
111. Nguyễn Quang Nguyên

112. Nguyễn Quý Bảy
113. Nguyễn Tâm Như (Amy)
114. Nguyễn Thế Viêm,
PD: Tuệ Giác
115. Nguyễn Thái, PD: Liễu Đạt
116. Nguyễn Thành Lê
117. Nguyễn Thành Long
118. Nguyễn Thanh Thân
119. Nguyễn thị Ba,
PD: Phước Ngọc
120. Nguyễn thị Dĩnh
121. Nguyễn thị Dừa
122. Nguyễn thị Ngọc Anh,
pd: Liễu Phương
123. Nguyễn thị Hạnh,
PD: Vạn Minh
124. Nguyễn thị Hiệp,
PD: Diệu Thành
125. Nguyễn thị Hoàng Ánh,
PD: Lệ Nguyệt
126. Nguyễn thị Kim Hoa
127. Nguyễn thị Kim Ngân
128. Nguyễn thị Lôi
129. Nguyễn thị Lịch,
PD: Nguyên Tấn
130. Nguyễn thị Liên,
PD: Diệu Thịnh
131. Nguyễn thị Liên, PD: Diệu Tín
132. Nguyễn thị Minh
133. Nguyễn thị Mót,
PD: Đồng Mộc
134. Nguyễn thị Mười
135. Nguyễn thị Mùi,
PD: Liễu Cảnh
136. Nguyễn thị Đạn
137. Nguyễn thị Điệp
138. Nguyễn thị Được
139. Nguyễn thị Phụng
140. Nguyễn thị Phúc,
PD: Diệu Hạnh
141. Nguyễn thị Ráng
142. Nguyễn thị Sum,
PD: Liễu Nghiệp
143. Nguyễn thị Thơ,
PD: Nguyên Ngộ
144. Nguyễn thị Thông
145. Nguyễn thị Thu,
PD: Nguyên Hằng
146. Nguyễn thị Trường
147. Nguyễn Thu Giang,
PD: An Hòa
148. Nguyễn Tiến Thọ
149. Nguyễn Trang Tỷ,
PD: Liễu Minh
150. Nguyễn Tường Ân,
PD: Nguyên Thiện Nghĩa
151. Nguyễn Út Đông,
PD: Chúc Hải
152. Nguyễn văn Chánh
153. Nguyễn văn Hắng
154. Nguyễn văn Hoài
155. Nguyễn văn Lăng
156. Nguyễn văn Nhà
157. Nguyễn văn Nhi
158. Nguyễn văn Đó
159. Nguyễn văn Đông
160. Nguyễn văn Phấn,
PD: Thiện Tấn
161. Nguyễn văn Sửu
162. Nguyễn văn Thành
163. Nguyễn văn Thịnh,
PD: Quảng Từ
164. Nguyễn văn Thuận
165. Nguyễn văn Tường,
PD: Liễu Quang
166. Nguyễn văn Túc

167. Nguyễn văn Tươi,
PD: Thiện Liên
168. Nguyễn văn Út
169. Nguyễn văn Xuân,
PD: Phúc Quang
170. Nguyễn Vô Danh 1
171. Nguyễn Vô Danh 2
172. Nguyễn Xuân Lăng
173. Nguyễn Thị Viết
174. Đinh Nguyệt Thu,
PD: Diệu Xuân
175. Đinh thị Cường
176. Đoàn Anh Tuấn
177. Đoàn văn Lợi
178. Đồng văn Kiệt
179. Ông thị Tích, PD: Diệu
Chánh
180. Owen Hawthorne
181. Phạm Hoàng Minh,
PD: Trí Huệ
182. Phạm Lịch
183. Phạm Ngọc Ẩn,
PD: Thiện Giác
184. Phạm Đối
185. Phạm Đức Huy
186. Phạm thị Biếu
187. Phạm thị Bốn,
PD: Diệu Nghiêm
188. Phạm thị Chững,
PD: Tâm Đức
189. Phạm thị Dự
190. Phạm thị Niệm,
PD: Diệu Nguyên
191. Phạm thị Điệp,
PD: Diệu Hiền
192. Phạm văn Vị
193. Phan Lý Nhơn,
PD: Minh Nghĩa
194. Phan thị Thiết
195. Phún thị Sầu
196. Quách Bửu Nguyên
197. Quách Kỳ Tiên
198. Quách Ngọc Ẩn
199. Quách thị Huệ,
PD: Diệu Hỷ
200. Robert Wilkins
201. Seng Đào Hương,
PD: Thiện Thành
202. Sin Sui Khung
203. Thái thị Hồng
204. Thiều Minh Hùng
205. Thiều văn Năm
206. Tô văn Thêm
207. Tôn thị Kim Xu,
PD: Liễu Ngộ
208. Trần Ích Khánh
209. Trần Bửu Tường
210. Trần Cát Khánh
211. Trần Hữu Lộc
212. Trần Hữu Thuận,
PD: Liễu Thường
213. Trần Huyền, PD: Liễu
Thiện
214. Trần Phú Quảng,
PD: Hằng Trụ
215. Trần Tâm
216. Trần Thanh
217. Trần thị Hiến,
PD: Tâm Thượng

- | | |
|---|---|
| 218. Trần thị Hồi, PD: Diệu Tâm | 239. Trương thị Diệu Cảnh |
| 219. Trần thị Hương,
PD: Nguyễn Đàm | 240. Trương thị Hoán |
| 220. Trần thị Huyền Diệu,
PD: Liễu Tri | 241. Trương thị Hoàng |
| 221. Trần thị Mai | 242. Trương thị Xin,
PD: Chơn Nguyễn |
| 222. Trần thị Muôn,
PD: Đồng Phước | 243. Trương văn Mười |
| 223. Trần thị Ngọc,
PD: Diệu Bảo | 244. Trương Vô Danh |
| 224. Trần thị Ảnh | 245. Văn Xuân An,
PD: Phúc Bình |
| 225. Trần thị Thang | 246. Võ Chống |
| 226. Trần thị Thanh,
PD: Tịnh Hạnh | 247. Võ Gậy,
PD: Nguyên Trường |
| 227. Trần thị Vàng | 248. Võ Ngọc Sa |
| 228. Trần Tiêu | 249. Võ thị Rang |
| 229. Trần Trung | 250. Võ thị Xí |
| 230. Trần Tú Lai | 251. Võ Thống,
PD: Tâm Thắng |
| 231. Trần văn Hạo,
PD: Thiện Quang | 252. Võ Trường Doanh |
| 232. Trần văn Khả | 253. Võ Tư |
| 233. Trần văn Liên | 254. Võ văn Chệt,
PD: Nguyễn Giải |
| 234. Trần văn Nghị,
PD: Liễu Quang | 255. Võ văn Lăn |
| 235. Trần văn Phường,
PD: Ngọc Đức | 256. Võ văn Lé |
| 236. Trịnh Chí Thanh (Eric) | 257. Võ Văn Đường |
| 237. Triều Đình Huy | 258. Võ văn Rê |
| 238. Trương Hoàng Be | 259. Võ văn Thúc |
| | 260. Võ văn Tiến |
| | 261. Vũ Anh Đức |
| | 262. Vương thị Luyện |

CÚNG DƯỜNG PHÁP LÀ TỐI THƯỢNG NHẤT

The gift of Truth surpasses all other gifts

Sabbadanam Dhammadanam jinati

PHƯƠNG DANH ẨM TỔNG SÁCH ÂN NGHĨA SINH THÀNH

List of Virtuous Sponsors

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------------------|
| 1. Sư cô Trí Kim | 27. Nguyên Từ (<i>Hồi hướng cho</i> |
| 2. Sư cô Trí Hằng | <i>Hương linh Huỳnh Công Ân,</i> |
| 3. Đức Ngọc | <i>pd: Nguyên Bích & Hương</i> |
| 4. Bạch Vân | <i>linh Lương Thị Bốn,</i> |
| 5. Diệu Huấn | <i>pd: Quảng Hương)</i> |
| 6. Trần Thị Kim Trâm (<i>hồi</i> | 28. Nguyên Nhật Viên |
| <i>hướng cho Nguyễn Thế Viêm,</i> | 29. Nguyễn Nhật Hỷ |
| <i>pd: Tuệ Giác)</i> | 30. Quảng Đạt |
| 7. Nguyễn Phương Anh | 31. Quảng Dũng |
| 8. Nguyễn Thảo – Nguyễn Tân | 32. Quang Phú |
| 9. Hương Ngọc Lý Thị Nga | 33. Quảng Hương (Giang) |
| 10. Steve Nguyễn Thiện Bảo | 34. Quảng Tịnh (Phương) |
| 11. Tuyết Nguyễn Thiện Hạnh | 35. Quảng Thi (Giàu) |
| 12. Ngọc Hoa | 36. Quảng Hạnh (Thanh) |
| 13. Thiện Hưng Đặng Đạo | 37. Quảng Chơn Thiên Hương |
| 14. Mỹ Hạnh Nguyễn | 38. Quảng Định Alexandra |
| Nhật Khánh | 39. Quảng Kiến Kim Reid |
| 15. Tú Hoài – Đình Hải | 40. Quảng Phước – Thu & Nghĩa |
| 16. Quảng Tiến – Quảng Bảo | 41. Quảng Như |
| 17. Diệu Chánh | 42. Quảng Niệm |
| 18. Nguyên Như | 43. Quảng Lạc (Dì Mười) |
| 19. Nguyên Châu | 44. Quảng Mẫn - Quảng Giải |
| 20. Quảng Liên-Huệ Thuyền | 45. Quảng Ngộ - Quảng Hỷ |
| 21. Nguyên Hỷ- Nguyên Dũng | 46. Quảng Lục – Chúc Diệu |
| 22. Tịnh Châu Thu Thủy | 47. Quảng Tịnh Thiệu Bình |
| 23. Mai-Phát | 48. Nguyên Đà |
| 24. Thanh Phi | 49. Diệu Toàn |
| 25. Thanh Hạnh – Hoàng Mẫn | 50. Mrs. Hiếu |
| 26. Hải Hạnh – Giác Định | 51. Thiện Kiến-Diệu Hà |
| | 52. Hoàng Thị Linh |

53. Tuấn Liêu
54. Trần Thị Lục (*hồi hương công đức cho Nguyễn Thị Tiên và Trần Văn Thân*)
55. Trần Mộng Hậu
56. Lê Kim Châu
57. Lê Thị Hồng
58. Trương Phi Thanh
59. Trương Phi Khanh
60. Trương Phi Vân
61. Lê Kim Hoàng
62. Trần Lê Thùy Trang
63. Bella
64. Trần Bích Thu
65. Quyên
66. Hải Yến
67. Nhung- Tuấn – Lê
68. Ngọc Linh, Ngọc Châu
69. Bích Vân
70. Diệu Toàn
71. Trương Nhị Hưng
72. Nhật Mỹ Kim Thanh
73. Vạn Bình Nguyễn Văn An
74. Vạn Độ Bùi Thị Tiến
75. Diệu Ánh Ngọc Hiền
76. Diệu Hòa Ngọc Dung
77. Vương Đại Vinh
78. Vương Mai Lee
79. Vương Mai Loan
80. Trương Nhuận Đường
81. Trần Bích Nga
82. Trần Mộng Mậu
83. Bành Tông Muối
84. Vương Xuân Hà
85. Nguyễn Nhật Như Mai
86. Diệu Quang
87. Châu Thị Tươi
88. Chân Mỹ Vân
89. Diệu Lệ
90. Nghiêm Thị Duyên
91. Diệu Hiền – Tâm Quang
92. Nguyên Giác – Thực Hà
93. Như Huyền Bích Thủy
94. Trần Thị Kim Tươi
95. Trần Thị Kim Hồng
96. Nguyễn Thị Mai
97. Lâm Thị Quế Hường
98. Lê Tấn Tài
99. Phạm Thị Nguyệt
100. Đoàn Kỳ
101. Huỳnh Ngọc Chánh
102. Yến Thư
103. Như Hoàng
104. Diệu Hải
105. Diệu Hội
106. Trần Châu
107. Tám Chà
108. Nguyễn Thị Thủy
109. Thanh Cambốt
110. Trịnh Tô Hà
111. Nguyễn Thị Lệ
112. Văn Quốc Cơ
113. Nguyễn Thị Thủy
114. Trần Thị Năm
115. Thu Uyên
116. Hoàng Thực Trinh
117. Ngô Trấn Ngọc
118. Lê Thị Kim Cúc
119. Chiếu Xuân
120. Diệu Ngọc
121. Ngô Thị My
122. Trầm Phụng Châu
123. Tô Tử Hùng
124. Trần Kim Dung,
pd: Thường Lạc
125. Lê Trần Kim Phượng,
pd: Tâm Quang
126. Diệu Khánh

127. Giác Thùy
128. Giác Hóa
129. Nguyên Chơn
130. Sư cô Phước Chơn
131. Hội hướng Hương linh Ngô Văn Thục
132. Tâm Trúc
133. Anh Tỵ
134. Tâm Hoàng, Tâm Nguyên
135. Chơn Trí
136. Diệu Đức, Phước Ngọc
137. Bùi Hải Sơn
138. Như Nghinh
139. Thanh Tâm, Ngọc Mỹ
140. Diệu Hòa
141. Nguyễn Kim Long
142. Mai Nguyễn Tony
143. Nguyễn Hương Châu Ngọc
144. Phượng Nguyễn (Canada)
145. Nguyễn Thị Hiền (Canada)
146. Nguyễn Khánh Hưng (Canada)
147. Nguyễn Minh Lượng (Canada)
148. Nguyễn Thắng Phương (Canada)
149. Nguyễn Tường Huy (Canada)
150. Tôn Nữ Thùy Minh (Canada)
151. Diệu Nga & Thùy Châu (Canada)
152. Nguyễn Thùy Khanh Jennifer (Canada)
153. Nguyễn Phúc (USA)
154. Chúc Nhuận – Quảng Chánh (USA)
155. Nguyễn Thị Sí (USA)
156. Cao Thị Ánh (USA)
157. Kathy Đặng & Tố Vy (USA)
158. Jamie Đặng & David Đặng (USA)
159. Chánh Thông & Thanh Tâm (USA)
160. Bác Sĩ Thanh Long (USA)
161. Mai Trần (USA)
162. Thiện Dũng (USA)
163. Hiệp Võ (USA)
164. Đông Phương – Quảng Hiệp (USA)
165. Liên Võ (USA)
166. Nguyệt Nguyễn (USA)
167. Khánh Như (USA)
168. Triết Nguyễn (USA)
169. Diệu Quế (Nhật Bản)
170. Chúc Phước Phạm Thị Hải (Nhật Bản)
171. La Thị Hạnh Nguyên (Nhật Bản)
172. Chúc Hòa Phạm Thị Hiệp (Nhật Bản)
173. Quảng Thảo Phạm Thị Hiếu (Nhật Bản)
174. Quảng Thu Phạm Phú Hoàng (Nhật Bản)



HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

*Nguyện đem công đức này
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu khổ ba đường
Nếu có người thấy nghe
Đều phát lòng Bồ Đề
Hết một báo thân này
Sanh qua cõi Cực Lạc
Nam Mô A Di Đà*

DELICATION OF MERIT

*May the merit and virtue
Accrued from this work
Adorn the Buddha's Pure Land
Repay the four great kindnesses above
And relieve the suffering of
Those on the three paths below
May those who see or hear of these efforts
Generate Bodhi-Mind
Spend their lives devoted to the Buddha Dharma
The Pure of Ultimate Bliss.
Homage to Amita Buddha*

***Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật Đạo.***